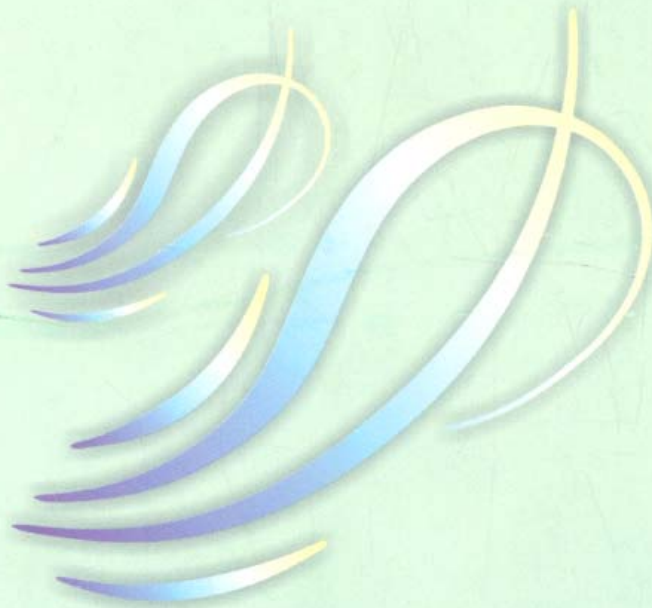




TỦ SÁCH TÁC GIẢ, TÁC PHẨM TRONG NHÀ TRƯỜNG

CHẾ LAN VIÊN

TÁC PHẨM CHỌN LỌC



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

CHẾ LAN VIÊN

Tác phẩm chọn lọc

TỦ SÁCH TÁC GIẢ, TÁC PHẨM TRONG NHÀ TRƯỜNG

CHẾ LAN VIÊN
TÁC PHẨM CHỌN LỌC

VŨ TUẤN ANH

Giới thiệu và tuyển chọn

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

**Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội –
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam giữ quyền công bố tác phẩm.**

90 – 2009/CXB/98 – 82/GD

Mã số: 8V724H9 - CPH

LỜI GIỚI THIỆU

Trong những năm vừa qua, Viện Văn học và Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã phối hợp tổ chức biên soạn và cho ra mắt bạn đọc bộ sách **Về tác gia và tác phẩm** giới thiệu 40 nhà văn tiêu biểu của văn học Việt Nam đồng thời cũng là những tác gia quan trọng được dạy học trong trường phổ thông : Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến, Hồ Chí Minh, Tố Hữu, Nam Cao, Nguyễn Tuân, Xuân Diệu, v.v. Qua bài **Tổng quan** và phần tuyển chọn những công trình nghiên cứu, những tư liệu được sưu tầm công phu,... bộ sách tạo điều kiện thuận lợi cho việc khái quát vị trí lịch sử, xác định đóng góp của mỗi tác giả trong tiến trình văn học dân tộc, gợi mở những khả năng, những cách thức tiếp cận đối với sáng tác của họ.

Từ khi bộ sách **Về tác gia và tác phẩm** được xuất bản, dư luận bạn đọc, đặc biệt là những người trực tiếp học tập, nghiên cứu ở trong nhà trường, các viện nghiên cứu hết sức hoan nghênh và đánh giá cao. Nhận thấy nhu cầu của độc giả, từ năm 2008, Viện Văn học và Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tiếp tục phối hợp biên soạn – xuất bản **Tủ sách tác giả, tác phẩm trong nhà trường** nhằm tuyển chọn tác phẩm của các nhà văn, nhà thơ để không chỉ đáp ứng nhu cầu tra cứu, tham khảo văn bản mà còn đáp ứng nhu cầu tiếp xúc trực tiếp với tác phẩm nghệ thuật trong quá trình giảng dạy, học tập của giáo viên và học sinh.

Trong một thời gian không xa, khi việc biên soạn – xuất bản bộ sách hoàn tất, bạn đọc sẽ có dịp ghi nhận thành quả trọn vẹn và nhiều ý nghĩa của kế hoạch hợp tác giữa Viện Văn học và Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Chế Lan Viên – Tác phẩm chọn lọc thuộc Tủ sách tác giả, tác phẩm trong nhà trường do PGS. TS Vũ Tuấn Anh giới thiệu và tuyển chọn. Với nửa thế kỷ cầm bút, Chế Lan Viên đã để lại một khối lượng tác phẩm đồ sộ. Ông có mặt trong lịch sử văn học như một cá tính sáng tạo mạnh mẽ và độc đáo. Trong cuốn sách này, tác phẩm Chế Lan Viên được tuyển chọn và sắp xếp theo thể loại : thơ, văn xuôi – tiểu luận.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2008

Viện trưởng Viện Văn học

PGS. TS. PHAN TRỌNG THƯỜNG

CHẾ LAN VIÊN

(1920 - 1989)

Chế Lan Viên tên khai sinh là Phan Ngọc Hoan, quê gốc ở huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị. Trước Cách mạng tháng Tám 1945, Chế Lan Viên sống ở Quy Nhơn. Năm 1937, ông đã có thơ, truyện đăng trên một số báo. Sau đó ông ra học ở Hà Nội, rồi vào Sài Gòn làm báo, về Huế dạy học. Chế Lan Viên tham gia Cách mạng tháng Tám tại Quy Nhơn. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ông hoạt động văn nghệ và báo chí ở Liên khu IV và chiến trường Bình Trị Thiên. Sau năm 1954, ông về sống ở Hà Nội, tiếp tục hoạt động văn học, nhiều năm ở trong Ban Chấp hành Hội Nhà văn. Ông cũng là đại biểu Quốc hội các khoá IV, V, VI, VII. Năm 1975, ông vào Thành phố Hồ Chí Minh sống và tiếp tục sáng tác cho đến khi qua đời.

Các giải thưởng chính :

- Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam 1994 (*Di cảo thơ*, tập I, II)
- Giải A Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam năm 1995 (tập thơ *Hoa trên đá*)
- Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học và nghệ thuật (1996)

Các tác phẩm đã xuất bản :

Thơ

- *Điều tàn* (Thái Dương xuất bản, Hà Nội, 1937)
- *Gửi các anh* (NXB Hội Nhà văn, H., 1955)
- *Ánh sáng và phù sa* (NXB Văn học, H., 1960)
- *Hoa ngày thường - Chim báo bão* (NXB Văn học, H., 1967)
- *Những bài thơ đánh giặc* (NXB Thanh niên, H., 1972)

- *Đổi thời mới* (NXB Văn học, H., 1973)
- *Ngày vĩ đại* (NXB Văn nghệ giải phóng, H., 1976)
- *Hoa trước lăng Người* (NXB Thanh niên, H., 1976)
- *Hái theo mùa* (NXB Tác phẩm mới, H., 1977)
- *Hoa trên đá* (NXB Văn học, H., 1984)
- *Tuyển tập thơ Chế Lan Viên, tập I, II* (NXB Văn học, H., 1985 và 1990)
- *Ta gửi cho mình* (NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1986)
- *Di cảo thơ, tập I, II và III* (NXB Thuận Hoá, 1992, 1993 và 1996)

Văn xuôi

- *Vàng sao* (NXB Tân Việt, H., 1942)
- *Thăm Trung Quốc* (bút ký, NXB Văn học, H., 1963)
- *Những ngày nổi giận* (bút ký, NXB Văn học, H., 1966)
- *Bay theo đường dân tộc đang bay* (NXB Văn nghệ giải phóng, 1976)
- *Giờ của số thành* (bút ký, NXB Lao động, H., 1977)
- *Nàng tiên trên mặt đất* (NXB Kim Đồng, H., 1985)

Tiểu luận – phê bình

- *Kinh nghiệm tổ chức sáng tác* (NXB Thép Mới, H., 1952)
- *Nói chuyện thơ văn* (Chàng Văn) (NXB Văn học, H., 1960)
- *Vào nghề* (Chàng Văn) (NXB Văn học, H., 1962)
- *Phê bình văn học* (NXB Văn học, H., 1962)
- *Suy nghĩ và bình luận* (NXB Văn học, H., 1971)
- *Nghĩ cạnh dòng thơ* (NXB Văn học, H., 1981)
- *Từ gác Khuê Văn đến quán Trung Tân* (NXB Tác phẩm mới, H., 1981)
- *Ngoại vi thơ* (NXB Thuận Hoá, 1987)

CHẾ LAN VIÊN – NHÀ THƠ CỦA NHỮNG ĐỈNH CAO SÁNG TẠO

Chế Lan Viên là một nhà thơ tài năng, một nhà văn hoá đã có những đóng góp to lớn cho nền thơ Việt Nam và văn hoá Việt Nam. Sáng tác của ông gồm hơn một chục tập thơ, hàng nghìn trang văn bút ký, phê bình, tiểu luận. Sau khi ông mất, những bài thơ, "mảnh thơ" tản mạn được sưu tầm và gom lại thành ba tập *Di cảo thơ* – một sự nghiệp sáng tác như thế, chỉ nói về số lượng đã khiến người ta khâm phục.

Tập thơ *Điều tàn* ra đời năm 1937, khi Chế Lan Viên mới 17 tuổi và đang là học sinh năm thứ ba Trường Trung học Quy Nhơn. Giữa bình nguyên nhiều màu sắc của thơ mới hồi ấy, *Điều tàn* "đột ngột xuất hiện như một niêm kinh dị", "một Tháp Chàm lẻ loi và bí mật" (Hoài Thanh). Bút danh Chế Lan Viên gắn với tập thơ đầu tay này rồi sẽ còn có ảnh hưởng rộng dài trong thơ Việt Nam suốt thế kỷ. Tập *Điều tàn* là sự kết hợp và thăng hoa cùng một lúc nhiều yếu tố : những ám ảnh tuổi thơ với những Tháp Chàm cô đơn sừng sững trong hoàng hôn, nỗi cô đơn và bế tắc của một thanh niên vừa lớn lên đã thấm thía nỗi buồn thời đại, và sau nữa, là một tâm hồn thi sĩ thiên phú. Năm 1942, Chế Lan Viên cho ra đời tập *Vàng sao*, một tập bút ký văn chương – triết luận. Hai tác phẩm – một thơ, một văn xuôi – như một cặp song sinh tinh thần của một giai đoạn sáng tạo cùng nhằm về một hướng, tụ lại một điểm : hành trình đầy hứng khởi mà cũng đầy đau đớn vào một thế giới thần bí và siêu hình.

Điều tàn quả là một cội riêng và đằng sau nó là cả một quan niệm thẩm mỹ mới. Bởi thế, *Điều tàn* nằm trong bối cảnh chung của thơ mới mà vẫn khác lạ. Thơ mới sinh thành ra nó mà vẫn ngỡ khi nó chào đời. Nó được đón nhận một cách dè dặt tuy vẫn không ít những lời khen tặng. Hoài Thanh đã rất sâu sắc khi dùng hai chữ "lẻ loi" và "bí mật" để nói về *Điều tàn*. "Lẻ loi" giữa không khí chung của thơ mới. "Bí mật" vì nó là một thế giới đầy bóng tối, siêu hình, khép kín, có lúc làm rợn ngợp và hoang mang người đọc. *Điều tàn* là một *độc sáng* của thơ Chế Lan Viên – cái ánh sáng ma quái và hấp dẫn chỉ loé lên một lần trong đời thơ ông, một cuộc đời sáng tạo còn kéo dài cho đến nửa thế kỷ sau với những sắc màu đối nghịch.

Cùng với – và trực tiếp hơn – những nhà thơ của "Trường thơ Loạn", cả trong tuyên ngôn cũng như trong thực tiễn sáng tạo, *Điều tàn* khởi sự một mỹ học mới trong sáng tạo thi ca. Nó đã đưa ra một quan niệm khác lạ về thơ và làm hiển hiện một kiểu chủ thể trữ tình mới. Chế Lan Viên viết Tựa *Điều tàn* : "Làm thơ là làm sự phi thường. Thi sĩ không phải là Người. Nó là Người Mơ, Người Say, Người Điên. Nó thoát Hiện tại. Nó xối trộn Dĩ vãng. Nó ôm trùm Tương lai. Người ta không hiểu được nó vì nó nói những cái vô nghĩa, tuy rằng những cái vô nghĩa hợp lý. Nhưng thường thường nó không nói : Nó gào, nó thét, nó khóc, nó cười. Cái gì của nó cũng tột cùng. Nó gào vỡ sọ, nó thét đứt hầu, nó khóc trào máu mắt, nó cười tràn cả tuỷ là tuỷ...". Người ta nhận ra sự phóng thoát tuyệt đối khỏi quan niệm quen thuộc của thơ trữ tình. Nó làm một bước ngoặt, vạch một con đường, tự hoàn thiện một khai mở đồng thời cũng là một kết thúc : cuối con đường ấy, sừng sững mọc lên một ngọn tháp thơ bí ẩn. Đó chính là dấu ấn độc đáo của

tư duy sáng tạo, được hình thành như một đột khởi, một loé sáng xuất thân. Trong thế giới thơ mới, *Điều tàn* tạo lập một cõi riêng với ý nghĩa ấy.

Với Chế Lan Viên, sáng tạo thi ca là một cuộc phân ly kinh dị giữa xác và hồn, là sự nghiệm sinh cái chết của Hữu thể để sống phần Tâm linh, Vô thức. Sáng tạo là khởi sự một hành trình, một sự xuất thân, thực hiện một cuộc phiêu du của linh hồn. "Mơ rồi ! Mơ rồi ! Ta mơ rồi !" là những câu chữ lặp lại trong mê sáng. Có lúc hồn phiêu du bay vào không gian vờ vờ xa thẳm của một đêm trăng tràn trẻ để *vo lụa trắng, vo cả dải Ngân Hà*,... – những hình ảnh có những nét tương đồng gần gũi với thơ Hàn Mặc Tử trong *Chơi giữa mùa trăng*, "Ta vo tiếc mền như vo lụa",... Cũng có khi "Hồn ta bay trong một làn khói toả - Chẳng biết rồi lưu lạc đến nơi đâu...".

Thoát khỏi cái Ta quen thuộc của đời sống con người để vươn tới một Cõi Ta rộng lớn – Cõi Ta ấy bao gồm cả Âm giới lẫn Vũ trụ bao la. Nếu "thoát ly" của thơ mới là một trạng thái tâm lý – xã hội, thì "thoát ly" ở *Điều tàn* mang một chiều kích khác, một bản chất khác. Đó là khát vọng khám phá cái thế giới không cùng của Bản thể, xoá đi cái hữu hạn của nhận thức và lý trí. *Ta* và *Cõi Ta* – tên hai bài thơ – cũng là hai phạm trù tinh thần, hai khái niệm siêu hình cơ bản của *Điều tàn*, mở ra vô tận không gian và thời gian nghệ thuật của *Điều tàn*. Đó là cõi riêng mà trí tưởng tượng của nhà thơ sở hữu. Trong thế giới ấy, với sự dẫn dắt của tưởng tượng, nhà thơ có thể sống lại những cảnh tượng thanh bình, huy hoàng hay trầm mặc của vương quốc Chiêm Thành xưa, để rồi : "Và từ đây lòng ta luôn tràn ngập - Nỗi buồn thương nhớ tiếc giống dân Hời".

Đó cũng là thế giới tràn ngập những "máu xương", "xương vỡ máu trào". Cảm giác điên cuồng đến khoái thú bệnh hoạn thể hiện trong nhiều bài thơ. Ở đây, thi sĩ muốn để hồn lặn vào huyết mộ, hơn nữa, muốn tìm một nấm mộ hoang, chôn mình vào đấy để rồi "Ta sẽ uống máu lan cùng tuý chảy - Ta sẽ nhai thịt nát với xương khô - Lấy hơi ma nuôi sống tấm hồn mơ".

Nhưng cuộc hành trình trở về quá khứ ấy ngày một phức tạp hơn, đau đớn hơn. Nỗi đau Chiêm Thành nhường bước dần, hay nói đúng hơn, tụ lại trong một chủ đề khác, khái quát hơn và ghê rợn hơn : Đau thương và Cái chết. Không cần một bám víu hiện thực nào khác, chỉ với những chất liệu được tạo ra bằng trực giác và tưởng tượng, thơ Chế Lan Viên chuyển hẳn sang địa hạt thơ siêu thực. Ở đây, cái thực đã hoà trộn cái mê sáng, những cảm giác được thay bằng ảo giác và cuộc sống trần thế nhường chỗ cho cõi tinh thần và tâm linh, những trải nghiệm ngoại giới quay ngược lại thành những nghiệm sinh nội tâm. Cứ như thế, tưởng tượng và trực giác mở ra cho *Điều tàn* một thế giới rộng rinh vô bờ bến.

Chối bỏ thực tại, *Điều tàn* trình bày cuộc hành trình thống khổ và ghê rợn của *cái tôi* nhà thơ đi tìm bản ngã và cuộc sống đích thực của nó trong miền hoang tưởng. Khép cánh cửa ngoại giới, mở to mắt nhìn vào nội tâm, *Điều tàn* đã thể hiện một đời sống tâm linh sôi sục, vọt trào rộng rãi nhiều khi đến điên loạn trên những trang thơ.

Có những phút thi nhân vật vã trong chính cuộc phân thân ấy khi thấy chính mình cảm thấy rợn ngợp, không cưỡng lại nổi cái thế giới xa lạ kinh hoàng của hoang tưởng đang cuốn mình vào vô định : "Ôi biết làm sao cho ta thoát khỏi - Ngoài Cõi Ta ngập chìm

bóng tối ?". Sự chối bỏ cuộc sống hiện hữu để tìm đến một thế giới tâm linh, khát vọng sáng tạo tuyệt đối của người nghệ sĩ thể hiện một bi kịch tinh thần của nhà thơ đã kết thúc bằng một bi kịch khác, còn lớn hơn nữa : nỗi hoang mang tuyệt vọng khi con người tự đánh mất mình : "Ai bảo giùm : Ta có, có Ta không ?". Hơn ở bất cứ nhà thơ nào, Chế Lan Viên đã diễn đạt một cách thành thật và đau đớn không phải chỉ là nỗi cô đơn mà là nỗi cô đơn tự huỷ.

Tự trung lại, *Điều tàn* thể hiện một sự bi quan tuyệt vọng đến tận cùng. Nỗi sầu ấy trùm lấp không gian và cũng hoà trong dòng thời gian vô tận : "Cả Dĩ vãng là chuỗi mô vô tận - Cả Tương lai là chuỗi huyết chưa thành - Và Hiện tại, biết cùng chăng hồi bạn - Cũng đang chôn lặng lẽ chuỗi ngày xanh".

Điều tàn là một tập thơ phức hợp nhiều dòng cảm xúc đối nghịch, vọt trào, là dòng vận động không ngừng của tư tưởng. Và đây đó, như không thể khác, thơ Chế Lan Viên sau những tưởng tượng điên cuồng và siêu hình vẫn lần về bám víu vào những cảnh thực, đời thực để tìm ở đấy những khoảng sáng trong lành. *Xuân về, Thu, Trưa đơn giản* là sự sống thiên nhiên, con người được hoàn nguyên trở lại, thơ như được reo lên niềm hân hoan trong sáng của Phục sinh với những câu thơ vào loại đẹp nhất của *Điều tàn*, và của thơ mới : "Hàng dừa cao say sưa ôm bóng ngủ - Vài quả xanh khảm bạc hớ hênh phố" ; "Trưa lên trời. Và xanh thăm bầu trời - Bỗng mê ly nhìn thấy trắng mây trôi" ; "Trưa gọi kêu, nâng ngực gió lên trời - Bên vú trái tròn, lá bỗng run môi",...

Trong bi kịch tinh thần của nhà thơ, có bi kịch của dân tộc, có nỗi buồn của thời đại. Bởi vì, như nhà thơ nói trong *Tựa Điều tàn* : "*Điều tàn* có riêng gì cho nước Chiêm Thành yêu dấu của tôi đâu ? Kia kia nó đang đục sọ dứa anh. Tiếng xương rạn vỡ dội thấu đáy

hồn tôi...". Tiếng dội ấy, dù ít dù nhiều, người đương thời vẫn phải lắng nghe, nhất là khi nó vang dội thông qua những vần thơ đầy sức ám ảnh. Nó đồng vọng cùng thời đại và lòng người trong cảnh nô lệ, mất còn của dân tộc. Đó là ý nghĩa xã hội tích cực, chút cảm khái thời đại, là tiếng gọi của hồn nước xa xôi trong *Đieu tàn*. Đồng điệu và hoà điệu với cõi thơ *Đieu tàn* là tập văn xuôi *Vàng sao* xuất hiện sau đó ít lâu (1942). Trong *Vàng sao*, có sự đan dệt của triết học và thi ca, không gian vô tận và thời gian vô cùng, tự nhiên và con người, cái khoảnh khắc và cái vĩnh cửu,... Chế Lan Viên hướng về vũ trụ bao la, thần bí, nhìn ngắm những đêm sao bằng con mắt trí tuệ để suy nghĩ triết lý về sự vận động vô cùng vô tận của thế giới. Hơn một lần, lại thấy tiếng nói khẳng định Bản ngã và sức sáng tạo của người nghệ sĩ trong sự vận động lớn lao và bất diệt của Tự nhiên : "Cát bụi cũng riêng giá trị. Ta lấy lại hình thể của ta một điểm không gian. Và hạt vàng hiện giữa đêm vàng, ta cũng sẽ chói sáng lên như một miền châu ngọc".

Xét đến cùng, đó cũng là một cách khẳng định giá trị của con người, của mỗi cá nhân, một tiếng nói của tinh thần nhân văn.

Nhưng sau tất cả những suy tư thần bí, phóng trực giác xuyên qua những miền tâm linh huyền bí, vẫn còn đây cõi người và cuộc đời. "Thôi đốt vài nhành gai, nhen lên ngọn lửa, chúng ta thành tâm gọi khêu lên hình bóng của cuộc đời". Dù cũng chỉ là một ngọn lửa nhỏ mới được nhen lên, cũng có thể coi đó là chút ánh sáng được tìm thấy cuối chặng hành trình nhọc nhằn và đau đớn của tư tưởng sáng tạo Chế Lan Viên trong *Đieu tàn* và *Vàng sao*.

*

* *

Gửi các anh in năm 1955 là vụ gặt đầu của thơ Chế Lan Viên sau mười năm gắn mình vào cuộc kháng chiến. Hồn thơ Chế Lan Viên đã hoàn toàn đổi khác. Trước kia ông nhìn vào trong để biểu hiện mình thì nay, ông nhìn ra xung quanh để thể hiện cuộc sống kháng chiến của một Bình Trị Thiên đánh giặc và cảm nhận cái Đẹp, cái Anh hùng.

"Từ thung lũng đau thương ra cánh đồng vui" là cảm hứng chủ đạo của tập thơ *Ánh sáng và phù sa* (1960). Tập thơ phản ánh, ngợi ca cuộc sống mới đang lớn dậy từng ngày và đồng thời, xuyên suốt tập thơ là sự giằng xé trong tâm hồn nhà thơ, đẩy lùi nỗi đau cũ để tiến đến niềm vui mới : "Cho đến được... lúa vàng đất mặt - Phải trên lòng bao trận gió mưa qua". Khép lại cuộc đấu tranh ấy, Chế Lan Viên đã "từ chân trời của một người đến chân trời của mọi người" (Paul Éluard). Tập thơ đánh dấu một sự thăng hoa mới của hồn thơ Chế Lan Viên từ cõi lãng mạn siêu hình thời *Điều tàn* trở thành nhà thơ hát ca về sự đổi thay của cuộc sống tự do và xây dựng.

Cuộc sống mới tràn vào *Ánh sáng và phù sa* với rộn rã âm thanh, dồi dào hương sắc. "Cả lòng tôi là một dải sông Hồng" – tâm hồn nhà thơ mở rộng, đón lấy vẻ đẹp của đất nước, cuộc đời : "Tâm hồn tôi khi Tổ quốc soi vào - Thấy ngàn núi trăm sông diễm lệ", "Khi Tổ quốc bốn bề lên tiếng hát - Tâm hồn ta là Tây Bắc chứ còn đâu". Chế Lan Viên say người đi và cũng làm người đọc say trong những vần thơ về tiếng thoi, tiếng cối nhện nhịp ngoại ô, về con sông Hồng "Phù sa óng ả - Đồi bờ đỏ má", cho ta cảm nghe "Giữa Tết trồng cây" những rạo rức sinh nở của một mùa hoa trái tương lai. Và cho đến một con tàu lao mình lên Tây Bắc cũng là hình ảnh của mộng mơ : "Lấy cả những cơn mơ ! Ai bảo con tàu

không mộng tưởng ? - Mỗi đêm khuya không uống một vầng trăng". Văn xuôi về một vùng thơ với những *Cành phong lan bẻ*, *Tàu đến*, *Tàu đi* đã thực sự nở một chùm hoa lạ, rực rỡ sắc màu với những câu thơ đẹp, lãng mạn, tiêu biểu nhất cho phong cách Chế Lan Viên thời kỳ này : "Tôi muốn đến chỗ nước trời lẫn sắc - Nơi bốn mùa đã hoá thành thu - Nơi đáy bể những rừng san hô vờ thức ngủ - Những rừng rong tóc xoã, lược trắng cài",...

Sao chiến thắng, một bài thơ "thời sự" hào hùng mà sâu lắng viết ngay sau ngày 5 - 8 - 1964, ngày đế quốc Mỹ bắt đầu mở rộng chiến tranh ra miền Bắc, đánh dấu một thời kỳ sáng tạo mới, một bước phát triển mới của Chế Lan Viên. *Hoa ngày thường - chim báo bão* (1967), *Những bài thơ đánh giặc* (1972), *Đối thoại mới* (1973) - những tập thơ ra đời trong những năm chống Mỹ cứu nước là những đóng góp đáng chú ý vào thành tựu của cả nền thơ.

Từ giọng trữ tình - lãng mạn của *Ánh sáng và phù sa*, giọng thơ Chế Lan Viên thời kỳ này chuyển sang trữ tình - chính luận. Tiếng nói của *cái Tôi* trữ tình nhà thơ đã trở thành tiếng nói của *cái Ta* dân tộc và thời đại khiến cho các bài thơ Chế Lan Viên trở thành "Tuyên bố của mỗi lòng người - khẩu súng, nhành hoa". Chất chính luận nổi lên đậm nét như một đặc điểm phong cách. Nhảy bén và năng động, Chế Lan Viên bám sát vào những diễn biến, những vấn đề đặt ra trong thực tiễn chiến tranh để kịp thời góp tiếng nói của thơ vào cuộc chiến đấu. Trong những bài thơ chống Mỹ, "những bài thơ đánh giặc", Chế Lan Viên có dịp phát huy hết sở trường trong năng lực nghệ thuật - trí tuệ sắc sảo, tư duy phân tích, tổng hợp, ý thức phát hiện và đào sâu các vấn đề của hiện thực để viết nên những bài thơ có tâm vóc anh hùng ca : *Sao chiến thắng* ; *Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng ?* ; *Con mắt Bạch Đằng - con mắt Đống Đa* ; *Thời sự 72, bình luận* ; *Ở đâu ?*

Ở đâu ? Ở đất anh hùng ; Cái hăm chông giản dị ; Tuỳ bút một mùa xuân đánh giặc ,...

Cảm hứng về Tổ quốc, Dân tộc là cảm hứng chủ đạo trong thơ Chế Lan Viên : "Ôi Tổ quốc ta yêu như máu thịt", "Ôi hôm nay ta mới hiểu thêm về Tổ quốc" – thơ Chế Lan Viên luôn thể hiện những khám phá mới về dân tộc, niềm tự hào về Tổ quốc. Một Tổ quốc đau thương trong quá khứ, "Cả dân tộc đói nghèo trong rơm rạ - *Văn chiêu hồn* từng thấm giọt mưa rơi" và một Tổ quốc anh hùng chống Mỹ đứng trên tầm cao mới : "Ta mọc dậy trước mắt nhìn nhân loại - Hai chữ Việt Nam đồng nghĩa với anh hùng". Cảm hứng lịch sử – văn hoá đã tạo ra chiều sâu của thơ Chế Lan Viên về Tổ quốc. Lịch sử như được hồi sinh "Khi Nguyễn Huệ cưỡi voi vào Cửa Bắc - Hưng Đạo diệt quân Nguyên trên sông Bạch Đằng", và văn hoá cũng hiện lên đậm thắm trong những câu thơ tinh tế thấm thía về tâm hồn và đất nước Việt Nam :

Ta đã yêu Việt Nam đẹp, Việt Nam thơ,

bút ngát câu Kiều bờ tre mái rạ

Mái đình cong như bàn tay em gái giữa đêm chèo

Cánh cò Việt Nam trong hơi mát xẩm xoan cò lả

Cái đôn hậu nhân tình trong nét chạm chùa Keo.

Khép lại một giai đoạn thơ Chế Lan Viên, *Ngày chiến thắng* và *Thơ bổ sung* được viết trong những ngày náo nức tháng năm – 1975 là khúc ca khải hoàn, nói lên tiếng nói cuối cùng, sáng khoái và tự hào của dân tộc chiến thắng :

Tổ quốc nghìn thu bên vũng mồi

Tất cả bọn đế quốc đổ vào bờ này

đều như bọt biển rồi tan.

Hình tượng Bác Hồ cũng là một nguồn cảm hứng dồi dào trong thơ Chế Lan Viên. *Hoa trước lăng Người* (1976) với gần 30 bài thơ làm rải rác trong khoảng 20 năm đã nói lên rất rõ tấm lòng nhà thơ với Bác. Về Bác Hồ, Chế Lan Viên đã có một tùy bút văn xuôi đặc sắc : *Sen của loài người*. Hai bài thơ *Người đi tìm hình của Nước* và *Người thay đổi đời tôi, Người thay đổi thơ tôi* là hai bài thơ sâu sắc, cảm động, có sức sống lâu bền trong lòng người.

*

* *

Thơ Chế Lan Viên sau 1975 được in trong hai tập *Hái theo mùa* (1977), *Hoa trên đá* (1984). Những khúc trữ tình không còn trẻ trung, nhưng sâu lắng, tha thiết, thấm tận đáy lòng : "Tuổi năm mươi lòng yêu như lửa đỏ - Mà bên ngoài vẫn cứ trắng như không". Sau khi ông mất, những bài thơ chưa công bố và rất nhiều sáng tác mới chỉ ở dạng phác thảo đã được vợ nhà thơ là nhà văn Vũ Thị Thường tìm tòi, góp nhặt, tuyển chọn và cho ra mắt độc giả dưới cái tên chung là *Di cảo thơ* (tập I, 1992 ; tập II, 1993 ; tập III, 1996).

Ba tập *Di cảo thơ* đồ sộ với khoảng 600 bài thơ, gần 800 trang sách được xuất bản sau khi Chế Lan Viên qua đời tạo nên một tiếng vang lớn trên thi đàn. Có thể coi đây là đỉnh cao sáng tạo mới của Chế Lan Viên ở chặng cuối cuộc đời. Người đọc kinh ngạc về sức lao động nghệ thuật của ông, mà cũng ngỡ ngàng trước bức chân dung tinh thần mới của nhà thơ trước đây còn chưa được biết đến để có một hình dung đầy đủ hơn về nhà thơ. Chế Lan Viên tự bộc bạch về mình :

*Anh là tháp Bayon bốn mặt
Giấu đi ba, còn lại đấy là anh
Chỉ mặt đó mà nghìn trò cười khóc
Làm đau ba mặt kia trong cõi ẩn hình.*

(Tháp Bayon bốn mặt)

Có thể hiểu và thông cảm hơn với ý thơ này của Chế Lan Viên trong tương quan với quá khứ của cả một nền thơ, khi ông viết : "Thơ chỉ sống một phần cho mình còn ba phần cho nhiệm vụ - Nghĩ mà thương !" (*Sử - Di cao thơ*, tập II).

Từ giọng sử thi hào sảng, thơ Chế Lan Viên chuyển sang giọng thế sự - đời tư trầm lắng, day dứt : "Giọng cao bao nhiêu năm giờ anh hát giọng trầm - Tiếng hát lẫn vào im lìm của đất". Những khúc xạ của đời sống xã hội và nhân tình thế thái sau chiến tranh đi vào thơ Chế Lan Viên, tạo nên giọng buồn, chua chát : "Người ta chỉ biết màu sen anh đỏ rực - Còn nổi buồn hoa tím biết cho đâu". Thơ ông ít màu hồng mà nhiều hơn màu tím, màu lau xám và màu hư vô của cõi bên kia, của xứ - không - màu. Nhưng phần chủ yếu của *Di cao* là những bài thơ chiêm nghiệm, suy tưởng, tự vấn, độc thoại về những trần trở vĩnh cửu của đời người : vui buồn, được mất, sống chết. Dù ông tự nhủ mình *Đừng tuyệt vọng* (tên một bài thơ) nhưng thời gian, cái chết, cõi hư vô trước mặt trở thành nỗi ám ảnh thường trực ngày càng đau đớn trong ông, với tư cách một thân phận - người, và day dứt hơn, với tư cách một nghệ sĩ cảm thấy mình bất lực trước chân trời nghệ thuật vẫn còn xa hút : "Tôi tiếp cận trang giấy ngày mười sáu tuổi - Bây giờ sáu ba - Cái Trang mơ ước một đời chưa với tới - Dấn xa"...

Những câu thơ tuyệt vọng, nhưng là nỗi tuyệt vọng cao cả của một nghệ sĩ khát khao sáng tạo đến không cùng...

Di cảo thơ mở ra những chủ đề vĩnh cửu của thơ ca, có vị đắng đót của thứ thơ lặn vào trong, nói với riêng mình. Những suy tưởng về thơ, về nghệ thuật của Chế Lan Viên càng sâu sắc, thấm thía. Giọng thơ triết lý của ông về hư vô, cái chết có sự an nhiên, bình đạm của thơ Thiên, nhưng lắng nghe kỹ vẫn nhận ra những xao xác nao lòng...

Cũng cần nói thêm về một Chế Lan Viên trong văn xuôi. Ông đã viết khá nhiều tùy bút, bút ký đặc sắc : *Vàng sao* (1942), *Thăm Trung Quốc* (1963), *Những ngày nổi giận* (1966), *Giờ của số thành* (1977). *Những ngày nổi giận* được viết sau những chuyến đi vào tuyến lửa, hẳn lên những ấn tượng, suy nghĩ của một nhà thơ cùng nhân dân đi vào cuộc chiến đấu khốc liệt. Nếu như thơ Chế Lan Viên có tầm dài rộng của văn xuôi, thì văn xuôi của ông lại có tính cô đúc và gợi cảm của thơ. Có thể thấy khá rõ sự giao lưu, mở thông sang nhau giữa thơ và văn xuôi Chế Lan Viên trong ý tưởng, trong phong cách. Người ta có thể nhận ra ngay cách nghĩ, lối nói, giọng văn Chế Lan Viên trên mỗi trang văn, chứng tỏ ông là một cây bút văn xuôi có phong cách rõ nét.

*

* *

Thơ Chế Lan Viên vận động, biến đổi qua nhiều giai đoạn nhưng vẫn định hình những nét riêng, thể hiện rõ cá tính sáng tạo. Chất trí tuệ, vẻ đẹp triết lý trong thơ Chế Lan Viên là một nét đặc sắc nhất mà ông đã góp vào nền thơ hiện đại. Chế Lan Viên là nhà thơ biết khai thác triệt để năng lượng trí tuệ trong sáng tạo thơ,

một lĩnh vực gắn với thế giới cảm xúc. Có thể thấy điều này từ những trang văn triết lý trong *Vàng sao* thuở hai mươi tuổi cũng như cho đến sau này, khi đã cao tuổi, ao ước của ông vẫn là "những chiếc lá thơm hái lúc về già - những chiếc lá có hương tư tưởng".

Trong thơ Chế Lan Viên, chất trí tuệ quả là chiếm một vai trò lớn. Ông là một trong số ít nhà thơ mà người ta có thể định danh là *nhà thơ có tư tưởng*. Thơ ông luôn tìm cách "... phát giác sự vật ở bề chưa thấy - Ở cái bề sau - ở cái bề sâu - ở cái bề xa". Ngay đầu đề nhiều bài thơ của Chế Lan Viên cũng đã thể hiện vai trò của tư tưởng : *Nghĩ về thơ, nghĩ về nghệ, nghĩ...* ; *Ý nghĩ mùa xuân* ; *Suy nghĩ 1966* ; *Nghĩ suy 1968* ; *Hai câu hỏi* ; *Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng ?* ; *Ở đâu ? Ở đâu ? Ở đất anh hùng...* Cùng với cảm xúc và nhiều khi đóng vai trò lớn hơn cả cảm xúc, nhất là ở những bài thơ dài, tư duy và trí tuệ hiện diện ở mọi cấp độ thơ : từ cách cấu tứ, triển khai ý thơ, cấu trúc bài thơ cho đến câu chữ.

Sử dụng phép đối lập – tương phản là một thao tác quen thuộc trong thơ Chế Lan Viên. Khai thác các mặt đối lập của hiện thực để xây dựng tứ thơ và hình ảnh thơ, Chế Lan Viên thể hiện một tư duy biện chứng trong cách nhìn nhận và khám phá hiện thực. Ông nhận ra mối liên hệ đối nghịch nhân quả, nối tiếp, sự chuyển hoá từ mặt này sang mặt kia của hiện tượng. Nói cách khác, ông cố nắm bắt và tái hiện bằng thơ những biến ảo kỳ diệu của đời sống – từ *rẻ* đến *hoa*, từ *đất* đến *bình*, từ *tiếng khóc* đến *lời ca* và cứ thế, cả một nguồn thơ dồn dập tuôn chảy bắt vào nhịp đời đang vận động nảy nở không cùng : "Buổi thủy triều vẫy gọi những vắng trắng - Mỗi gié lúa đều muốn thêm nhiều hạt - Gõ trăm cây đều muốn hoá nên trăm"...

Huy động mạnh mẽ năng lực trí tuệ, thơ Chế Lan Viên luôn giàu triết lý. Triết lý trong thơ Chế Lan Viên không phải là trang điểm bề ngoài, mà là một phẩm chất nội tại của tư duy thơ. Có khi cả bài thơ là một tư tưởng, một triết lý : *Phải có thời gian, Từ đất đến bình, Hai câu hỏi, Rễ... hoa, Ngọc...* Có khi nó tồn tại thấp thoáng, ẩn hiện trong mỗi đoạn thơ để rồi hiện ra bất ngờ như sự thăng hoa của tư tưởng, sự phát hiện và đúc kết chân lý đời sống. Những câu thơ như thế luôn tạo nên những loé sáng kỳ thú. Có nhiều câu thơ triết lý của Chế Lan Viên trở thành gân gỏi để có lúc chọt trở về ngân nga trong hồn người : "Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở - Khi ta đi, đất đã hoá tâm hồn" hoặc "Tình yêu làm đất lạ hoá quê hương",... Trong mạch thơ dào dạt, chúng như những thoáng dừng, những nốt nhấn, những hạt bụi vàng đọng lại để rồi sau đó có thể tách ra sống một đời sống độc lập, trở thành những câu thơ *trong trí nhớ*, những câu thơ *cầm tay*.

Một nét đặc sắc trong phong cách thơ Chế Lan Viên là sự phong phú, đa dạng và đầy biến hoá của hình tượng thơ. Cả một thế giới hình tượng xôn xao sinh động trong không gian thơ Chế Lan Viên. Thơ ông vừa đậm đặc ý tưởng vừa chông xếp lan toả lớp lớp hình ảnh. Nhờ sự sắc bén của trí tuệ và năng lực tưởng tượng mạnh, quả là ông thực hiện được công việc khó khăn và kỳ diệu của thơ : "vực sự sống ba chiều, lên trang thơ hai mặt phẳng". Hình ảnh trong thơ Chế Lan Viên mở rộng trường liên tưởng, giàu tính khái quát và tượng trưng. Những hình tượng thơ nối tiếp, hoà trộn, đối chọi, chuyển hoá đầy phong phú và biến ảo tạo ra cảm giác của một hội hoa đăng, "một bữa tiệc pháo hoa thơ" theo cách nói của Xuân Diệu. Cứ thế, hiện thực vào thơ Chế Lan Viên như được chọn lọc qua một tấm kính ngũ sắc, mới lạ hơn và có một vẻ

quyến rũ riêng. Quan sát kỹ, có thể nhận ra những đặc điểm của hình tượng thơ Chế Lan Viên qua các thời kỳ sáng tác, đánh dấu những biến đổi trong tư duy nghệ thuật. Trong *Điều tàn chấp chờn* những hình ảnh mộng mỵ siêu hình, còn *Ánh sáng và phù sa* là sự bùng nổ rực rỡ những hình tượng thơ được xây dựng trên một cảm hứng lãng mạn mới. Thơ Chế Lan Viên những năm chống Mỹ cứu nước, đặc biệt là ở những bài thơ dài mà giọng chính luận là chủ âm, hình tượng thơ thường kỳ vĩ, mang tính biểu tượng cao – chúng như những cột chống vững chãi tương xứng với kiến trúc thơ hoành tráng, những kỳ đài thơ. Hình tượng thơ ở *Di cảo* lại thuộc một dạng khác : thanh đạm, tinh lọc mà đậm triết lý, diễn đạt những rung động được nảy sinh từ cõi sâu tâm thức : "Gió thổi lá sen hồ lật lại phía bên kia - Phía ấy gọi anh về - Về đâu chưa biết nữa ? - Chỉ biết hôn anh lật lại cùng với gió - Ở trong hôn ai đó ném thia lia",...

Chế Lan Viên quan niệm : "Hình thức cũng là vũ khí. Sắc đẹp câu thơ cũng phải đấu tranh cho chân lý". Không bằng lòng với sự ổn định, cũ mòn, Chế Lan Viên luôn tìm tòi, đổi mới hình thức thơ nhằm đạt hiệu quả thẩm mỹ cao nhất trong việc thể hiện nội dung. Trong những năm chống đế quốc Mỹ, Chế Lan Viên tìm một phương thức biểu hiện mới cho thơ : xây dựng những bài thơ dài, những cấu trúc lớn trong thơ tương hợp với hiện thực thời đại đầy biến động hào hùng. *Sao chiến thắng ; Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng ? ; Thời sự hè 72, bình luận ; Trận tuyến này cao hơn cả màu da*,... có đáng đáp những khúc anh hùng ca. Nội dung lớn đòi hỏi hình thức lớn. Chế Lan Viên đã là một mũi tiên phong nhạy cảm trong việc mở rộng tâm vóc và dung lượng thơ để bắt

kip nhịp sống thời đại... Tinh phức điệu, giao hưởng tạo ra một nét phong cách đầy ấn tượng của thơ Chế Lan Viên thời kỳ này.

Chế Lan Viên là người có nhiều thành công trong việc đưa dáng dấp văn xuôi vào cho thơ. Nhiều bài thơ của ông được gọi là thơ văn xuôi. Phá vỡ khuôn khổ nhịp điệu quen thuộc của thơ, đẩy lối thơ tự do đến tận cùng ranh giới, Chế Lan Viên mở rộng câu thơ, tăng độ dài và sức chứa, cho nó cái dáng vẻ bề thế và sự phóng túng ngang dọc. Chùm thơ văn xuôi trong tập *Ánh sáng và phù sa*, và sau này ở những khúc anh hùng ca chống Mỹ, câu thơ văn xuôi đã thể hiện được vẻ đẹp và hiệu quả nghệ thuật một cách thuyết phục, mở ra một hướng hiện đại hoá câu thơ.

Bên cạnh những bài thơ hào hùng chính luận như cánh "Chim báo bão", Chế Lan Viên có một mảng thơ trữ tình đậm thắm - những bông "Hoa ngày thường" ghi lại những xúc cảm tinh tế trước cảnh, trước người và những nỗi niềm riêng. Ở những bài thơ này, ta gặp một bút pháp khác. Không tìm đến cách triển khai rộng rãi tứ thơ, bài thơ như muốn thu lại, nói ít, gợi nhiều, và nhiều bài tìm cách cô đúc trong cái khuôn nhỏ nhất của thể loại - thơ tứ tuyệt. Chế Lan Viên có đến hàng trăm bài tứ tuyệt, trong đó có những bài đã đạt đến độ tinh hoa. "Uốn cả hồn anh thành tứ tuyệt" - thơ tứ tuyệt Chế Lan Viên hàm súc, có cái nồng nàn thanh đạm của thơ cổ điển phương Đông, lại cũng không thiếu những ý thơ bất ngờ và một cách nhìn hiện đại.

Trong ngôn ngữ thơ, Chế Lan Viên là một nghệ sĩ ngôn từ có kỹ thuật tài hoa. Ông là người có ý thức tu luyện và vận dụng kỹ xảo ngôn ngữ trong thơ. Ông huy động vào thơ đủ mọi loại từ ngữ chính trị, tôn giáo, quân sự,... và sử dụng nó một cách đặc địa,

tự nhiên. Ông cũng là nhà thơ biết cách khua động những con chữ, làm sống dậy những từ ngữ quen thuộc. Nhà thơ "Tập qua hàng" : "Chỉ một ngày nữa thôi. Em sẽ - trở về. Năng sáng cũng mong. Cây..." ; ông chơi chữ : "Xưa phù du mà nay đã phù sa", "Thương một đời đầu phải tạm thương", "Phản - diễn ca hay phản - diện ca về học thuyết Níchxon",...

Không phải không có những nhược điểm trong phong cách thơ Chế Lan Viên. Nhiều bài thơ của ông chưa có được sự cân xứng giữa trí tuệ và cảm xúc, nội dung và hình thức, ý và lời. Ông là nhà thơ có phong cách mạnh, lắm khi đến cực đoan. Có lúc ông như một diễn giả say mê chính tiếng nói của mình – giọng thơ trở nên cường điệu, làm mất đi sự đồng cảm của người nghe. Một số bài thơ quá dài, cách diễn đạt cầu kỳ rắc rối làm người đọc khó tiếp nhận.

Phong cách thơ Chế Lan Viên đã có ảnh hưởng khá rõ trong đời sống thơ. Mạnh mẽ, mới lạ và độc đáo – phong cách thơ ấy quả là có sức hấp dẫn, lôi cuốn và kích thích sáng tạo đối với những nhà thơ trẻ. Có thể nói đến phong cách thơ Chế Lan Viên như một trong những phong cách đặc sắc nhất của thơ Việt Nam hiện đại.

*

* *

Đời thơ Chế Lan Viên trải nhiều giai đoạn, nhiều khúc quanh. Ông từng là một *thi sĩ – lãng mạn*, một *thi sĩ – chiến sĩ*, và cuối đời, ông là một *thi sĩ – triết nhân*, khép mình lại, ẩn mình đi, lấy ngay cái bóng của mình mà đối diện đàm tâm về đời, về thơ. Bao quát hơn, ông là một *nhà thơ – con người* suốt đời đi tìm

khuôn mặt mình, bản ngã mình, để rồi cuối cùng, Chế Lan Viên đã đi qua và trụ lại trong lịch sử văn học như một *thi nhân đích thực*.

Chính những điều ấy làm nên chiều sâu và tầm vóc thơ Chế Lan Viên. Ông là một nhà thơ lớn và độc đáo trong những mối tương quan thiết cốt của một thi sĩ : với Đời, với mình, và với Thơ. Ông là người say mê đi tìm cái đẹp của thơ, say mê khám phá cái bí ẩn vô tận của công việc làm thơ. Có lẽ không có nhà thơ nào nói về *nghề thơ* nhiều như ông. Đối với nghề thơ, ông tỳ mỷ như một người thợ, và tài hoa như một nghệ nhân. Thơ như một *phương tiện* thể hiện, nhưng đồng thời, cũng lại là *đối tượng* để ông tìm hiểu chiêm nghiệm và cũng chính qua đây, một lần nữa, bộc lộ tròn đầy bản chất thi sĩ. Nhà thơ soi xét ngẫm nghĩa và phân tích các khía cạnh của thơ và công việc làm thơ : *Nghĩ về thơ (Hoa ngày thường – Chim báo bão)*, *Nghĩ về nghề, nghĩ về thơ, nghĩ...*, *Sổ tay thơ (Đối thoại mới)*, *Thơ bình phương – Đời lập phương (Hoa trên đá)*, *Thơ về thơ (Di cảo thơ, tập I)*. Kết nối chúng lại, ta nhận ra một hệ thống phong phú những tư tưởng và quan niệm về thơ của Chế Lan Viên. Đó là những đóng góp quý báu vào lý luận thơ – không phải bằng ngôn ngữ lý thuyết tư biện, mà bằng một kiểu tư duy hình tượng xanh rờn sự sống và thấm đẫm chất thơ, trong những tương quan văn hoá xa rộng. Bởi thế, "thơ về thơ" của Chế Lan Viên là một cách đặt thơ giữa lòng văn hoá, một cách trau dồi văn hoá thơ.

Nhưng Chế Lan Viên không chỉ đóng góp ở thơ và phương diện văn hoá thơ. Phần tiểu luận, phê bình văn học chiếm một phần khá quan trọng trong trước tác của ông và để lại dấu ấn sâu sắc nhờ sự phong phú của ý tưởng, sự sắc bén của lập luận và một

bút pháp thông minh đầy cá tính. Những tập tiểu luận phê bình như *Phê bình văn học, Suy nghĩ và bình luận* đề cập khá phong phú đến nhiều vấn đề lý luận thơ, phong trào thơ, cùng công việc làm thơ ở mọi góc độ tư tưởng, vốn sống và kỹ thuật sáng tác. Trong phê bình, Chế Lan Viên có cái nhìn rộng để tổng kết, có tư duy phân tích, có sự nhạy cảm của người trong nghề và sự gắn bó sâu sát với mỗi bước đi của cả nền thơ để nêu ra những nhận xét sắc sảo.

Viết về mọi vấn đề, dù là chính trị hay văn chương, Chế Lan Viên luôn thể hiện một bề dày kiến thức và một nhãn quan văn hoá sâu rộng. Văn hoá, trong tâm thức và tư duy Chế Lan Viên, luôn là một hệ quy chiếu, một điểm quy tụ các giá trị đời sống. Tư tưởng về văn hoá của Chế Lan Viên có gốc rễ sâu bên trong văn hoá dân tộc, để rồi nảy nở xanh tươi sinh động, vươn tới những chân trời văn hoá xa xôi khác, như một ý thơ của ông : "Tôi từ nền văn hoá này đến yêu bao nền văn hoá khác - Trời bể vô cùng và ta hoá vô biên". Chế Lan Viên từng là một sứ giả văn hoá Việt Nam trên diễn đàn quốc tế. Kiến thức văn hoá, tầm nhìn văn hoá, hoạt động văn hoá của Chế Lan Viên cho ta hình dung đầy đủ về ông : bên một nhà thơ Chế Lan Viên tài năng, còn có một chân dung nhà văn hoá Chế Lan Viên.

*

* *

Kể từ sự xuất hiện tập thơ *Điều tàn* cho đến lúc từ già cuộc đời, tiếp tục gửi lại cho đời những vần thơ *Di cáo*, Chế Lan Viên đã sống cuộc đời của một nghệ sĩ lớn. Một thi sĩ dâng hiến hết

mình cho thơ ca với một khát vọng cách tân thường trực và bất tận. Khát khao sống hết mình cùng thời đại, cộng với tài năng thiên phú và lao động sáng tạo không ngừng nghỉ trong suốt cuộc đời, Chế Lan Viên đã để lại phía sau con đường nghệ thuật của mình những tác phẩm đỉnh cao, đứng vào những thành tựu hàng đầu của văn học Việt Nam hiện đại – những tác phẩm không chỉ làm giàu cho hiện tại mà còn có ý nghĩa "gieo hạt" cho những mùa sau...

VŨ TUẤN ANH

A - Thơ

ĐIỀU TÀN^(*)

CÁI SỢ NGƯỜI

Này chiếc sợ người kia, mi hỏi
Dưới lằn xương mỏng manh của đầu mi
Mi nhớ gì, tưởng gì trong đêm tối ?
Mi trông mong ao ước những điều chi

Mi nhớ đến cảnh pháp trường ghê rợn
Sợ muôn người lần lượt đuổi nhau rơi ?
Hay mi nhớ những đêm mờ rùng rợn
Hồn mi bay trong đốm lửa ma trời ?

Có tìm chăng, những chiều không tiếng gió,
Của người mi thi thể rữa tan rồi
Có tưởng lại mảnh hồn mi đau khổ
Đang lạc loài trong Cõi Chết xa xôi ?

(*) Thái Dương xuất bản, H., 1937.

Hỡi chiếc sọ, ta vô cùng rồ dại
Muốn riết mi trong sức mạnh tay ta !
Để những giọt máu đào còn đọng lại
Theo hồn ta, tuôn chảy những lời thơ.

Ta muốn cắn mi ra từng mảnh nhỏ !
Muốn điên cuồng nuốt cả khối xương khô !
Để ném lại cả một thời xưa cũ
Cả một dòng năm tháng đã trôi xa !

NHỮNG SỢI TƠ LÒNG

Tôi không muốn đất trời xoay chuyển nữa
Với tháng ngày biến biệt đuổi nhau trôi
Xuân đừng về ! Hè đừng gieo ánh lửa !
Thu thôi sang ! Đông thôi lại nã lòng tôi !

Quả đất chuyển dây lòng tôi rung động
Nỗi sầu tư nhuần thấm cõi Hư Vô !
Tháng ngày qua, gạch Chàm đua nhau rụng
Tháp Chàm đua nhau đổ dưới trăng mờ !

Lửa hè đến ! Nỗi căm hờn vang dậy !
Gió thu sang thấu lạnh cả lòng thơ !
Chiều đông tàn, như mai xuân lộng lẫy
Chỉ nói thêm sâu khổ với ưu tư !

Tạo hoá hỡi ! Hãy trả tôi về Chiêm quốc !
Hãy đem tôi xa lánh cõi trần gian !
Muôn cảnh đời chỉ làm tôi chướng mắt !
Muôn Vui Tươi nhắc mãi về điều tàn !

Hãy cho tôi một tinh cầu giá lạnh,
Một vì sao trọi cuối trời xa
Để nơi ấy tháng ngày tôi lẩn tránh
Những ưu phiền, đau khổ với buồn lo !

NGŨ TRONG SAO

Ta để xiêm lên mây, rồi nhẹ bước
Xướng dòng Ngân lòá chói ánh hào quang
Sao tán loạn đua bơi trên mặt nước,
Tiếng lao xao dội thấu đến cung Hằng.

Rồi trần truồng, ta nằm trên điện ngọc
Hai tay cuồng vờ níu áo muôn tiên
Đầu gối lên hàng Thất tinh vừa mọc
Hồn dạt trôi về đến nước non Chiêm.

Ta gặp Nàng trên một vì sao nhỏ
Ta hôn Nàng trong bóng núi mây cao
Ta ôm Nàng trong những nguồn trăng đỏ
Ta ghì Nàng trong những suối trăng sao

Nàng không nói, không cười, không than thở
Theo ta về sao Đẩu ở chân trời
Trên má ta lệ Nàng đầu bóng nhỏ
Ôm má ta, Nàng sẽ bảo đôi lời.

Nhưng mà trăng ! Nhưng mà sao ! Nhưng mà gió
Ồn ào lên, tán loạn chạy quanh ta
Phút hỗn độn qua rồi. Trời ! Đau khổ !
Bóng Chiêm nương dẫn khuất dưới sương sa.

Đêm hôm nay ngồi đây trên bờ bể
Ta lặng đếm thử bao nhiêu thế kỷ
Đã trôi trong một phút vội vàng qua
Ta lắng nghe những thế giới bao la
Ta họp lại trong lòng muôn hạt cát,
Dòng tư tưởng dân trôi trong Lâm Lạc

Hồn say sưa vào khắp cõi Trời Mơ,
Ai kêu ta trong cùng thẳm Hư Vô ?
Ai réo gọi trong muôn sao, chói với ?

– Nàng, nàng, nàng, thôi chính nàng dương mong đợi.

TA

Sao ở đâu mọc lên trong đáy giếng
Lạnh như hồn u tối vạn yêu ma ?
Hồn của ai trú ẩn ở đâu ta ?
Ý của ai trào lên trong đáy óc,
Để bay đi theo tiếng cười, điệu khóc ?

Biết làm sao giữ mãi được Ta đây ?
Thịt cứ chiều theo thú dục chua cay !
Máu cứ chảy theo nhịp cuồng kể khác !
Mắt theo rồi tỉnh hoa bao màu sắc !
Đau đón thay cho đến cả linh hồn
Cứ bay tìm Chán Nản với U Buồn
Để dính sọ trơ vơ trần ý thịt !
Mà phải đau đã đến ngày tiêu diệt !
Ai bảo giùm : Ta có, có ta không ?

TRÊN ĐƯỜNG VỀ

Một ngày biếc thị thành ta rời bỏ
Quay về xem non nước giống dân Hời

...

... (1)

Đây những Tháp gầy mòn vì mong đợi
Những đèn xưa đổ nát dưới Thời Gian
Những sóng vắng lẻ mình trong bóng tối
Những tượng Chàm lở lói rỉ rên than.

Đây, những cảnh ngàn sâu cây lá ngọn
Muôn ma Hời sờ soạng đất nhau đi
Những rừng thẳm bóng chiều lan hỗn độn
Lùng hương đưa, rộn rã tiếng từ quy !

Đây, chiến địa nơi đôi bên giao trận
Muôn cô hồn tử sĩ thét gấm vang
Máu Chàm cuộn thác ngày niếm oán hận
Xương Chàm tuôn rào rạt nổi căm hờn.

Đây, những cảnh thái bình trong Chiêm quốc
Những cô thôn vàng nhuộm nắng chiều tươi
Những Chiêm nữ nhẹ nhàng quay lại ấp
Áo hồng nâu phủ phát xoã lời vui.

(1) Trống hai dòng này trong bản gốc

Đây, điện các huy hoàng trong ánh nắng
Những đèn đài tuyết mỹ dưới trời xanh
Đây, chiến thuyền nằm mơ trên sông lặng
Bầy voi thiêng trầm mặc dạo bên thành.

Đây, trong ánh ngọc lưu ly mờ ảo
Vua quan Chiêm say đắm thịt da ngà,
Những Chiêm nữ, mơ màng trong tiếng sáo,
Cùng nhịp nhàng, uyển chuyển uốn mình hoa.

Những cảnh ấy Trên Đường Về ta đã gặp
Tháng ngày qua ám ảnh mãi không thôi
Và từ đáy lòng ta luôn tràn ngập
Nỗi buồn thương nhớ tiếc giống dân Hời.

CHIẾN TƯỢNG

Chim cầm tiếng, nắng chiều không dám động,
Lá vàng kia sợ hãi cũng thôi rơi
Làn sương trắng nghẹn lời trong ngàn rộng
Bên hàng cây kinh khủng bật hơi cười.

Trên thảm lá máu chim muông loang lổ,
Tiếng ai đi rung động cả ngàn sâu ?
Hay im lặng chuyển mình trên máu đỏ ?
Hay rừng xanh lẫn nhẹ khối U Sầu ?

Giữa ngàn rậm, muôn cây chen lá thắm
Voi Chàm đi lẳng lặng, dáng uy linh
Cùng rung chuyển, dưới chân ngài, rừng núi thắm
Dưới chân ngài rên rỉ lá vàng, xanh.

Ngài lẳng đi mắt mờ sau màn lệ
Nỗi lo sầu mong nhớ quán theo chân,
Trên lưng già, chiếc bành không vắng vẻ,
Phò tàn xanh tua đỏ ánh châu trong.

Bên sông vắng voi Chàm thôi cất bước
Để hồn trôi theo sóng đến trời xa
Đến trời xa, nơi gió vàng tha thướt
Bên lâu đài lẳng ngủ dưới sương mờ.

Đến trời xa, nơi chiều kia, chiến tượng
Nặng nề đi theo tiếng trống thu không.
Lúc trong tối, cờ đào dần lẳng rụng
Lúc sông chiều, phơn phớt ánh sương hồng !

Nơi, một sáng Đồ Bàn vang tiếng hát
Muôn binh Chàm thẳng trận giờ quân về
Đàn chiến tượng, trong hương trầm man mác
Cùng oai hùng, lẳng lẽ, nặng nề đi.

Nơi, một tối, máu gào vang chiến địa
Nơi, loa vang, ngựa hí, với đầu rơi
Bảy voi Chàm hung hăng như sóng bể
Hung hăng theo ánh lửa của dân Hời.

Nơi, ôi những nơi, từ xưa kia, rục rĩ
Những lâu đài thành quách, với cung đền !
Nơi ngựa hí xương rên vang trong gió
Nơi vang lòng tiếng hát vạn dân Chiêm !

Những cảnh ấy thoáng về bên chiến tượng
Khiến voi Chàm hồi hộp lặng nhìn ngây
Tiếng sông réo vang lòng trong nắng rưng
Mà tưởng như Dĩ Vãng đến gần đây.

Ngài vội bước trong dòng sâu đón lấy
Những ngày xưa theo nước cuộn trôi về
Nhưng nước chảy, mơ tan, Ngài bỗng thấy
Cả không gian nhuần đượm vẻ sầu bi !

Chiến tượng bỗng gấm vang trong gió rét
Để dư âm rung chuyển cả ngàn xanh.
Trong không trung tưởng vừa vang tiếng sét
Và muôn tinh cầu toan vỡ dưới trời thanh.

TẠO LẬP

Trời hơi hơi ! Hôm nay ta chán hết
Những sắc màu hình ảnh của Trần Gian !
Thịt bại rồi, nhân quan đà là mệt
Thú điên cuồng ao ước vẫn khôn ngần !

Ta nhắm mắt mặc yên cho Hiện Tại
Biến dần ra Dĩ Vãng ở trên mi
Thay đổi rồi vẫn còn thay đổi mãi
Không gian kia còn lúc chuyển thiên di !

Nhắm mắt lại cho cả bầu bóng tối
Mệnh mang lên, bát ngát tựa đêm sâu
Cho hồn phách say sưa trong giả dối
Về cõi âm chờ đợi những bao lâu

Cho từng sóng quý ma dân hiển hiện
Cho lời kêu, tiếng rú bật vang tai
Cho lăn lóc, hòn mê trong Áo Huyền
Lãng quên đi giây phút cảnh trần ai !

Cho hồn ta vụt bay lên vời vọi,
Trong bóng đêm u ám của hàng mi,
Kiêu ngạo rằng : "Đây là bầu thế giới,
Tạo lập ra trong một phút sáu bi"

NHỮNG NĂM MƠ

Hãy chôn sâu nụ cười trên môi thắm
Hãy giết đi lời hát đáy hầu người
Đừng tìm nữa, của hoa tươi, sắc thắm
Của muôn chim, tiếng ngọc bạn lòng ơi !

Vì mỗi phút vui tuổi thêm nhắc tới,
Nhưng điên cuồng chôn tận đáy hôn mơ
Nhưng sầu muộn trong thành tim u tối
Trong mắt buồn, hình ảnh buổi ngày thơ

Cả Dĩ Vãng là chuỗi mồ vô tận,
Cả Tương Lai là chuỗi huyết chưa thành.
Cả Hiện Tại, biết cùng chẳng hỏi bạn,
Cũng đương chôn lặng lẽ chuỗi ngày xanh !

Trong nắng hè lá tươi đà đổi sắc
Đệt mùa thu sắp đến. Tựa đời ta
Chuỗi ngày xanh, hòa theo nhau phai nhạt,
Đệt tấm màn quàng liệm tấm hôn ta !

BÓNG TỐI

Cả cảnh vật trần gian cùng mờ xoá
Trong màn đêm huyền bí. Ta bảo lòng
"Ngày mai đây muôn loài rồi tan rã
Vũ trụ kia rồi biến ra Hư Không !"

Nhưng ai bảo đêm trần là cõi Chết ?
Này, muôn cây chấp nối điệu than dài
Này nghe chẳng trong trời sâu mờ mịt
Tiếng muôn trùng rên rĩ giọng bi ai ?

Trong làng xa, tiếng trẻ thơ kêu khóc
Đàn chó già nguyên rủa bóng đêm lan,
Và mõ làng nã nùng reo lóc cóc,
Tựa đầu lâu reo dưới khớp xương tàn.

Cũng như thế, nơi xa xăm trong cõi Chết
Bao cô hồn vẫn sống thánng ngày qua,
Nước non Chàm chẳng bao giờ tiêu diệt,
Thánng ngày qua vẫn sống với đêm mờ.

Ta hãy nghe, trong mồ sáu lạnh lẻo,
Tiếng thịt người nẩy nở tiếng xương rên,
Ta hãy nghe, mơ màng trong cỏ héo,
Tiếng cô hồn lặng thờ khí trời đêm !

Ta hãy nghe, trong lòng bao đỉnh Tháp
Tiếng thờ than, lời oán trách cơ trời,
Ta hãy nghe, trong gạch Chàm rơi lác đác,
Tiếng máu Chàm rỉ rả chảy không thôi.

Lòng hơi lòng ! Biết đâu là Âm giới ?
Biết đâu Cõi Sống của muôn người ?
Trong U Minh hồn ta đương lạc lối
Trông thánng ngày, yên để lệ sầu rơi !

ĐÊM TÀN

Ta cùng Nàng nhìn nhau không tiếng nói
Sợ lời than lay đổ cả đêm sâu,
Đôi hơi thở tìm nhau trong bóng tối.
Đôi linh hồn chìm đắm bể U Sầu.

"Chiêm nương ơi, cười lên đi em ơi !
Cho lòng anh quên một phút buồn lo !
Nhìn chi em chân trời xa vôi vọi
Nhớ chi em sâu hận nước Chàm ta ?

Này, em trông một vì sao đang rụng
Hãy nghiêng mình mà tránh đi, nghe em !
Chắc có lẽ linh hồn ta lay động,
Khi vôi vàng trở lại nước non Chiêm".

Lời chưa dứt, bóng đêm đã vụt biến !
Tình chưa nồng đã sắp phải phôi pha !
Trên trần gian vắng ô kia đã đến
Gỡ hồn nàng ra khỏi mảnh hồn ta !

HỒN TRỜI

Cô em ơi ! Đàng xa cây toả bóng
Sao cô không ngồi đợi giấc mơ nồng ?
Đến chi đây, cho thân cô rung động
Lớp hồn tôi êm rải khắp trời trong ?

Đừng hát nữa ! Tiếng cô trong trẻo quá
Khiến hồn tôi tê liệt khó bay cao,
Này, im đi, nhìn xem trong kẽ lá,
Một mặt trời giả dạng một vì sao.

Ngoài xa xa, không, ngoài xa xa nữa
Thấy không cô, ánh nắng kéo hồn tôi ?
Đến những chốn êm đềm như hơi thở,
Nồng tươi như suối máu lúc ban mai.

Cô bảo : Hồn có hay không trở lại
Một khi trôi vào giữa giấc mơ cuồng ?
– Có, cô ơi, hồn tôi rồi trở lại
Với lòng điên, ý chết, với tình thương.

XUÂN VỀ

Pháo đã nổ đưa xuân về vang động
Vườn đầy hoa riu rít tiếng chim trong
Cỏ non biếc, già mình chờ nắng rụng
Bên lau già, theo gió uốn lưng cong.

Đôi bướm lượn, cánh vương làn sương mỏng
Chập chờn bay đem phấn điểm muôn hoa.

Cát tiếng hát ngân thơ trên cỏ rộng,
Đàn chim khuyên đua nhật ánh dương sa.

Hàng dừa cao say sưa ôm bóng ngủ
Vài quả xanh khảm bạc hớ hênh phờ,
Xoan vươn cành khêu mặt trời rục rờ,
Bên bóng râm lơ lả nhẹ nhàng đu.

Đây tà áo chuối non bay phát phới
Phới màu xanh lấp lánh dưới sương mai
Đây, pháo đỏ lập loè trong nắng chói
Đây hoa đào mím miệng đón xuân tươi.

Nhưng lòng ơi sao không lên tiếng hát
Nhớ làm chi cảnh cũ những nghìn xưa
Lòng hỡi lòng ! Kia trời xuân bát ngát
Muôn sắc màu rạng rỡ dưới hương đưa.

Hãy bảo ta : cánh hoa đào mon mớn
Không phải là khối máu của dân Chàm
Cành cây thắm nghiêng mình trong nắng sớm
Không phải là hài cốt vạn quân Chiêm !

Quả dừa xanh không phải đầu chiến sĩ,
Xác pháo rơi không phải thịt muôn người,
Hãy bảo ta : trời xuân luôn vui vẻ
Và bảo ta : muôn vật đợi ta cười.

Ta những muốn vui cười, ta những muốn
Đẹp sâu tư, ca hát đón xuân tươi
Nhưng, than ôi, xuân về trong nắng sớm
Mà lòng ta, đông lạnh giá băng thôi !

VO LỤA

Trăng là trăng ! Ngoài kia thôi chan chứa
Thôi tràn trẻ ngây ngất những là trăng !
Góp cho tôi, cô ơi, muôn thước lụa
Dem ra vo trong sóng của cung Hằng.

Cô không lụa ? Hãy cởi phăng mảnh áo !
Áo cũng không ? Quảng tuốt cái làn da !
Ta mơ rồi, say rồi, điên thấu nào !
Muốn bay lên vo cả dải Ngân Hà.

Có gì đâu mà hôn ma tụ lại
Mà sao rơi liên tiếp ở quanh tôi ?
Tránh xa đi kẻo cô Nường e ngại
Cứ bắt tôi chờ đợi suốt đêm thôi.

Im cả đi ! Này này muôn tiếng thờ
Sắp bay ra từ kẽ những bàn tay
Hãy lắng nghe, nhạc tơ mềm giãy giữa
Trong nhạc trăng vang nổi khắp cung mây !

Ta mới rồi ! Không buồn lay động nữa !
Chừ, biết đâu là lượ, biết đâu trăng ?
Ôi ! Hồn tôi và hồn cô muôn thuở
Lấn vào nhau riết chặt mối tình xuân !

THU

Chao ôi ! Thu đã tới rồi sao ?
Thu trước vừa qua mới độ nào !
Mới độ nào đây, hoa rạn vỡ
Nắng hồng choàng ấp dãy bàng cao.

Cũng mới độ nào trong gió lộng
Nếu lau bùng sáng núi lau xanh,
Bướm vàng nhẹ nhẹ bay ngang bóng
Những khóm tre cao rũ trước thành.

Thu đến đây ! Chừ, mới nói rằng ?
Chừ đây, buồn giận biết sao ngăn ?
Tìm cho những cánh hoa đang rụng
Tôi kiếm trong hoa chút sắc tàn !

Tìm cho những nét thơ xanh cũ
Trong những tờ thơ lá vỡ vàng !
Ai nữ tìm môi người quả phụ
Sắc màu hầu nhạt cả tình xuân ?

Trời ơi ! Chán Nản đương vầy phủ
Ý tưởng hồn tôi giữa cõi Tang !

TIẾT TRINH

Nền giấy trắng như xương trong bãi chém
Bỗng run lên kinh hãi, dưới tay diên.
Tiếng búa đưa rợn mình như tiếng kiếm,
Nạo những thành sọ trắng của ma thiêng.

Và hồn, máu, óc, tim, trong suối mực,
Đua nhau trào lên giấy khúc buồn thương,
Như không gian lừa vào ta chẳng dứt,
Những hương mơ say đắm mộng ngông cuồng.

Có ai không, nắm giùm tay ta lại !
Hãy bẻ giùm cán bút của ta đi
Lời thơ ta đẩy những điệu sâu bi,
Đây hơi thịt, ý ma, cùng sắc chết.

Nữ nào để hung tàn ghi dấu vết,
Trên Hư Vô muôn nghĩa với muôn tên.
Của làn giấy áp đẩy hơi Trinh Tiết ?
Như trinh nữ ngàn năm không dấu vết ?

TRĂNG ĐIÊN

Khoan đã em ! Nép mình vào bóng lá,
Riết lấy anh cho chặt kéo hồn bay.
Ô kìa nhìn, em ơi, trăng lả tả,
Rơi trên đầu chưa bạc những hàng cây

Kéo giùm anh, đi em, hai vạt áo,
Kìa bóng đêm kinh khủng chạy vào ta.
Nhạc đâu vang ? Không, không hai tiếng sáo,
Đang đuổi nhau như đuổi những hồn ma.

Thôi hết rồi, bây giờ đây ánh sáng
Đã tràn lan, hể hả, chảy mênh mang !
À cũng còn vài bóng đêm u ám
Đang điên cuồng giãy giụa giữa vũng trăng.

Mà mảnh trăng cũng điên rồi em ạ
Bông dung sao rơi xuống đáy hồ sâu ?
Chớ nói cười, hãy lắng nghe xem đã
Có rơi chăng trong đáy của hồn đau !

Đứng đấy nhé, cho anh lên cung Quảng
Bảo cô Hằng : Điện ngọc rộng không cùng
Sao không đi, vào chi trong mây trắng
Cho ánh mờ bao phủ cả không trung ?

Em ghen à ? Thôi anh không đi nữa
Hãy lau ngay ngón lệ đọng trong mi,
Đưa môi đây, này môi anh chan chứa
Rượu yêu đương bùng nóng của tình si.

ĐỢI NGƯỜI CHIÊM NỮ

Tối nay chị Hằng nghiêm nghị quá
Dãy cây vàng, đợi mộng, đứng im hơi
Không một mối trăng ngà rung muôn lá
Không một làn mây bạc vấn chân trời.

Thành Đồ Bàn cũng thôi không nức nở
Trong sương mờ huyền ảo, lắng tai nghe
Từ một làng xa xôi bao tiếng mõ
Tan dần trong im lặng của đồng quê.

Bên cửa Tháp ngóng trông người Chiêm nữ
Ta vẫn vợ nhìn không khí bàng khuâng :
Vài ngôi sao lẻ loi hồi hộp thờ
Một đôi cành tơ liễu nhúng trong trăng !

Nàng không lại, và Nàng không lại nữa !
Cả thân ta dần tan trong hơi thở
Ôi đêm nay, lòng hỡi, biết bao sầu !
Kìa trời cao, trên mãi chín tầng cao
Hồn ta bay trong một làn khói toả,
Chẳng biết rồi lưu lạc đến nơi nao ?

XUÂN

Tôi có chờ đâu, có đợi đâu
Đem chi xuân lại gọi thêm sầu ?
– Với tôi tất cả như vô nghĩa
Tất cả không ngoài nghĩa khổ đau !

Ai đâu trở lại mùa thu trước
Nhặt lấy cho tôi những lá vàng ?
Với cửa hoa tươi, muôn cánh rã,
Về đây đem chấn nẻo xuân sang !

Ai biết hồn tôi say mộng ảo
Ý thu góp lại cảnh tình xuân ?

Có một người nghèo không biết Tết
Mang lì chiếc áo độ thu tàn !

Có đứa trẻ thơ không biết khóc
Vô tình bỗng nổi tiếng cười ran !

Chao ôi ! Mong nhớ ! Ôi mong nhớ
Một cánh chim thu lạc cuối ngàn.

CÔI TA

Ôi bát ngát mệnh mông như Âm giới,
Đây Côi Ta rộng rãi đến vô biên !
Nơi an táng khổ đau trong huyết tối,
Nơi sinh sôi, nảy nở những mầm Điền.

Nhưng cũng là nơi ai ôi bé nhỏ,
Nơi khó dò khó biết, khó suy tường,
Nơi, cùng nhau, trước khi về đáy mộ,
Xác hồn ta đã chia rẽ đôi đường.

Ta đứng trước cõi Ta khôn hiểu thấu
Nhu không sao hiểu được nghĩa Thời Gian !
Mắt bùng nóng tự nhiên trào vọt máu
Hầu cảm khô tan vỡ dưới lời than !

Ôi biết làm sao cho ta thoát khỏi
Ngoài cõi Ta ngập chìm trong bóng tối ?
Cho linh hồn vọt đến xứ Trăng Mây
Cho ta là không phải của ta đây
Mà sáp nhập vào tuổi tên cây cỏ !
Ôi ! Mơ mộng chìm ta trong suối Khổ.

MƠ TRĂNG

Mây chấp lưa dài vây núi biếc
Sương xây mờ bạc giấu trăng vàng
Thuyền ai giỡn nước sông Ngân ấy
Mà để sao sa xuống cõi trần ?

Ai đổi đầu lâu trong nắm mồi
Tiếng khua vang rạn khớp đầu ta ?
Có ai rên rỉ ngoài thôn lạnh
Nhu tiếng xương người rên rỉ khô ?

Mơ rồi ! Mơ rồi ! Ta mơ rồi !
Xạc xào chỉ có lá vàng rơi
Quanh mình bóng tối mênh mang cả
Thấp thoáng đôi hồi lửa đóm soi

CÁC BÀI THƠ SAU ĐIỀU TÀN^(*)

CHIỀU

Trăng tắt lâu rồi
Mà sao cánh gió
Cành cao chưa rời ?
– Mà sao thương nhớ
Vẫn còn trong tôi

Xa nhau lâu rồi
Chiều xưa đã tắt
Chiều nay chuông chùa
Vẫn còn tiễn đưa
– Chiều nay tôi nhắc
Một lời chiều xưa
Tự chiều xưa tắt...

(*) 1938 - 1940

Chừ trái phương nao
Những chiều năm ngoái
Những chiều chưa tới
Bây giờ đợi đâu
– Hồn tôi lạc lối
Ở trong chiều nào ?

Gần nhau một chiều
Xa nhau trọn kiếp
Mà lòng còn yêu
Mà lòng ngỡ hẹn
Gặp nhau một chiều
– Trăm chiều lạnh lẽo
Nghìn chiều quạnh hiu.

Quy Nhơn, 1938

THU

Thu sang chơi ! Vườn nghe có thu sang
Với cũ hoa phai, với cũ lá vàng
Ngày chùng buồn ! Đêm chùng lên vội lắm
Cửa một lần – hơn ngàn phương phẳng lặng
Bỗng mang buồn đến khép trước song thưa
Bỗng rộng trời thêm. Thu bỗng mờ mờ
Không còn nghe ! Đàn tơ run màu sắc
Thanh âm tươi : điu hiu trời cung bậc
Vĩ qua dây, cát dây giữa xanh chiều
Đôi linh hồn đóng lạnh phím cô liêu

Sương đã xuống bụi chùng lên trong nhạc
Lúu gặp lại, cồng mòn đi gãy rạc
Điều hổ thẹn : không gian hiện nên người
Lung linh về, chực khóc ở bên tai...

Bình Định, 20 - 8 - 1939

CHIỀU TIN TƯỞNG

Xoan ngưng sợi đỏ
Lầu cây bước vàng
Bóng hè sa ngã
Bên đường thu sang

Cành đan mối gió
Thuyền chim rộn ràng
Tường nhà ai đó
Cửa ngơ ngẩn buồn

Trên lòng bé nhỏ
Một trời mây sang
Giọt đồng tan vỡ
Dư thanh ngõ ngang

Có ai thương nhớ
Trong miền vương sương
Thấp như hơi thở
(Màn buông nhẹ nhàng)

Bây giờ gục ngã
Những hình mền thương
Lòng tăng khôn gỡ
Nỗi niềm vấn vương.

TRƯA ĐƠN GIẢN

Trưa quanh vườn. Và vông gió an lành
Ngang phòng trưa, ru hồn nhẹ cây xanh
Trưa quanh góc. Và mộng hiền của bóng
Bống run theo... Lá run theo nhịp vông...

Trưa lên trời. Và xanh thăm bầu trời
Bống mê ly, nằm thấy trắng mây trời
Trưa ! Một ít trưa lạc vào lãng tã
Nhập làm hồn những tượng xưa u thắm.

Trưa, theo tàu bước xuống những sân ga
Dừng buồn lên xa gửi đến Muôn Xa
Đây trưa hiện hình trong căn trường nhỏ
Đưa tay lên thoa những hàng kính vỡ

Trưa gọi kêu, nâng ngực gió lên trời,
Bên vú trái tròn, lá bống run môi.

Tiếng ca vương buồn thương song cửa sổ
Nắng không gian trưa đặt giữa lòng người.

GỬI CÁC ANH^(*)

GỬI MẸ TRONG VÙNG GIẶC CHIẾM

Mẹ ở dưới thành phố đó
Lô cốt ngồi vôi, mái đồn máu đỏ
Con đi đây trên chót vót đỉnh rừng
Nghĩ đến mẹ nhiều, nước mắt rung rung !
Mẹ con ta trong thành Bình Định cũ
Cái giếng, vườn rau, căn nhà nho nhỏ
Chị em con như trái ngọt sây vườn
Mà mẹ là gió dịu đưa hương
Mẹ thương con như sữa nóng, như nước mắt
Càng nhỏ xuống, lòng con càng thắt chặt
Ôi buổi xưa kia biết mấy ngọt ngào
Nhớ cho nhiều, kỷ niệm cắt như dao !

Nay mẹ bị cầm chân nơi đất giặc
Bốn phía là gươm bốn bề là sắt
Họ kể con nghe :
– Bà nhắc đến anh nhiều
"Không biết đời cán bộ khổ ra sao ?
Mỗi bận Tây đem người ra chợ bán
Thì vợ chồng tôi ở nhà nhớ hần !"

(*) NXB Hội nhà văn, H., 1995.

Rồi buổi chiều, trong tiếng niệm Nam mô
Bà cầu cho anh, cho sức khoẻ Cụ Hồ
Cho súng ống nhiều, nước mau thắng lợi...
"Hắn cứ an tâm, anh gặp, nhờ nói với !"

Mẹ mến thương ơi !

Con mẹ nhớ nhiều

Những buổi cầu kinh hương lạnh, nến nghèo

Án Phật đỏ ngời bài vị

Mẹ nhắc cha ghi từng tên anh đồng chí,

Những buổi tiễn đưa cán bộ lên đường,

Mẹ theo chân, cho bát nước, củ gừng...

Con nói mẹ thương mình nên thương họ.

Cho đến buổi giã vè, súng nổ

– "Mi cứ đi đi ! Việc nhà kệ đó

Đừng nghĩ lo chi, tau đã già rồi..."

Rồi mẹ hôn con, con vùng hiếu mẹ

Con sẽ nói : Ô mẹ mình là thế !

Mẹ mến thương ơi ! Con mẹ đây rồi !

Nhưng mắt con không khóc nữa

Chừ có khóc cũng khóc thành ra lửa

Có ngã đau cũng dậy cho mẹ cười

Con sống hiên ngang và nếu chết sẽ nên đời

Cho đến lúc bắn nát đầu bọn giặc.

Độc lập hẳn hoi, mẹ coi tận mắt

Mẹ ôm con : "Chao ! Tao khổ mấy năm trường !"

Con sẽ khóc ròng, mẹ sẽ thương hơn.

1952

BỮA CƠM THƯỜNG Ở TRONG BẢN NHỎ

Chim ri mách lúa vàng chín rộ
Tu hú kêu vài đò trùm cây
Tháng năm, mười chín rồi đây
Ngày sinh nhật Bác nắng đầy tiếng chim.

Quê em nhỏ bốn bên khe suối
Người vắng qua, chim tới chim lui
Khi vui ngắm núi làm vui
Khi buồn nhật trái sim rơi đỡ buồn
Trái mơ non quả tròn quả méo
Đời em như cỏ héo tứ mùa
Con vua thì lại làm vua
Mình con nhà khó làm mưa ngoài ngàn
Đầu mùa bới củ thay cơm
Cuối mùa nấu đọt măng nguồn thay khoai...
Từ có Bác cuộc đời chợt sáng
Bát cơm no tháng tám ngày ba
Cơm thơm ăn với cá kho
Công đức Bác Hồ, bản nhớ nghìn năm
Bác thương dân chăm ăn chăm mặc
Em đi chợ đồng bằng bán hạt sa nhân
Tháng giêng thêu áo may quần
Tháng hai trải hội mùa xuân hây còn
Lớp bình dân cuối thôn em học
Người thêm khôn, đất mọc thêm hoa

Chim khôn chim múa chim ca
Bản em có Bác như nhà có trăng.
Muối lên rừng tay bung tay đặt
Bộ đội Bác lên rừng công tác, em thương
 Khi xưa lên núi không đường
Giờ anh lên núi bản mừng đợi anh.
Ra vườn xanh hái nhành vải đỏ
Xuống ruộng vàng gặt bó lúa hương
 Ngày vui nấu bữa cơm thường
Thết anh cán bộ lên mừng giúp dân

5 - 1954

CHÀO MỪNG

(Trích)

[...] Các anh ơi !
Máu đỏ của trái tim mà ta gọi là cờ
Máu đỏ của các anh em tìm nhau trên những ngọn cờ
Những máu đỏ ấy chiều nay đã phất phới bên nhau
Bóng cờ ngả mát xuống mộ các anh bây giờ chắc đã đẹp cỏ ?
Các anh ơi !
Mùa xuân qua không ngoái cổ lại
Để xem những trái vàng mình treo sáng trên cành
Những mùa hè, khi đến giữa vườn
Biết đó là máu thịt của mùa xuân đã mất.
Cùng ơn xương máu các anh góp đó

Khuất đi rồi, các anh có biết hay không ?
Ngày mai mở cuộc tiến công cho mùa chiêm
chiến thắng ngoài đồng
Ngày mai phát động tranh đấu giữa máy với người
ở trong công xưởng
Ngày mai vỡ nổ ca vang sự sống trên khắp chiến trường
Ngày mai chúng ta xoè cánh lửa bao la của những
chiến dịch oai hùng
Ngày mai chúng ta tháo cái đê nghìn trượng của những
cuộc phản công trọng đại.
Chiều hôm nay trời Đò Lương treo đỏ những tin mừng
Đỏ trời Việt Nam rực đỏ những tin mừng
Chúng ta đón nhận những ngày đầu năm dưới dấu hiệu
hữu nghị của sao vàng và liêm búa
Lòng khói hương cháy lên với những kẻ không còn
Sóng giục giã của nghìn triệu anh em thúc sau lưng
như bể động
Và mai đây
Chúng ta
Anh em chúng ta
Tất cả chúng ta
Lũ lũ trào lên
Lớp lớp tiến lên
Cả một sự chiến thắng mênh mông dè bẹp lấy quân thù
Tiếng hát đẹp nhất của chúng ta
Tiếng hoan hô to nhất của chúng ta

Là tiếng rên la thảm thiết của quân thù
Sao vàng ở trong lý tưởng tâm hồn
Tay búa tay liềm ở trong cuộc sống và tiếng rên la
thảm thiết của quân thù ở dưới gót chân ta.

10 - 1950

ÁNH SÁNG VÀ PHÙ SA^(*)

NHỚ BÉ VĂN ĐÀN

Ngã xuống ở Mường Pôn
anh đâu biết có mùa cam
Anh chỉ thấy dây thép gai đôn giặc
Tôi yêu những người chữa hình dung ra hạnh phúc
Lúc đồng đội cần, dẫu chết chẳng từ nan

THƯ MÙA NƯỚC LŨ

Nhớ xuôi, trông mãi mảnh tin nhà
Nay được phong thư nước xuôi nhoa
Chẳng dám giận nhiều con thác lũ
Thương tình chú ngựa khổ đường xa.

(*) NXB Văn học, H, 1960.

NHỚ VIỆT BẮC

Thôi nhớ hoa xong lại nhớ người
Chiến khu phương ấy trắng mây trời
Chứa về Tuyên – Thái thăm tre, trúc
Hãy đến sông Hồng ngắm nửa xuôi.

MẸ

Tặng Đào Xuân Quý

Xa mẹ mười năm đi khắp nước
Trăm quê chưa dễ thực quê nhà
Sáng nay mới thực về quê nhĩ :
Bóng mẹ già ai giống mẹ ta !

TOÁN

Nỗi vui mùa lúa chín
Cộng với rừng chim ca
Đã nhân lòng ta dạy
Chia đều trăm trang thơ.

HAI CÂU HỎI

"Ta là ai ?", như ngọn gió siêu hình
Câu hỏi hư vô thổi nghìn nển tắt.
"Ta là ai ?", khẽ xoay chiều ngọn bắc
Bàn tay người thấp lại triệu chồi xanh.

ĐI THỰC TẾ

Suốt một đời ăn hạt gạo nhân dân
Lần thứ nhất nhà văn đi học cấy
Bỗng hối tiếc nghìn câu thơ nước chảy
Chứa "vì người" bằng một bữa cơm ăn.

XÓM CŨ

Xóm cũ, em đi, anh chẳng lại
Nơi yêu ai dám đến hai lần
Công tác nay về nơi xóm cũ
Không em, nhưng đã có tình dân...

TRĂNG

Giữa hai cây, lại đôi mắt em nhìn
Anh đến suốt, mặt em cười dưới suốt
Lòng anh chạy cho lòng em theo đuổi
Đêm ái tình đâu cũng mặt trăng em.

TRƯA

Trưa nay em đến ngủ phòng anh
Thăm thăm trời cao thăm thăm xanh
Anh trút tình thương trong sắc biếc
Ru cho em ngủ giấc trưa lành.

TIẾNG HÁT CON TÀU

*Tây Bắc ư ? Có riêng gì Tây Bắc
Khi lòng ta đã hoá những con tàu
Khi Tổ quốc hôn hể lên tiếng hát
Tâm hồn ta là Tây Bắc, chứ còn đâu ?*

Con tàu này lên Tây Bắc anh đi chăng ?
Bạn bè đi xa anh giữ trời Hà Nội
Anh có nghe gió ngàn đang rú gọi
Ngoài cửa ô ? Tàu đối những vành trăng.

Đất nước mênh mông, đời anh nhỏ hẹp
Tàu gọi anh đi, sao chữa ra đi ?
Chẳng có thơ đâu giữa lòng đóng khép
Tâm hồn anh chờ gặp anh trên kia.

Trên Tây Bắc ! Ôi mười năm Tây Bắc !
Xứ thiêng liêng rừng núi đã anh hùng
Nơi máu rỏ tâm hồn ta thấm đất
Nay rạt rào đã chín trái đầu xuân

Ôi kháng chiến ! Mười năm qua như ngọn lửa
Nghìn năm sau, còn đủ sức soi đường.
Con đã đi nhưng con cần vượt nữa
Cho con về gặp lại Mẹ yêu thương.

Con gặp lại nhân dân như nai về suối cũ
Cỏ đón giêng hai, chim én gặp mùa
Như đứa trẻ thơ đói lòng gặp sữa
Chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa.

Con nhớ anh con, người anh du kích
Chiếc áo nâu anh mặc đêm công đồn
Chiếc áo nâu suốt một đời vá rách
Đêm cuối cùng anh cởi lại cho con.

Con nhớ em con, thành em liên lạc
Rừng thưa em băng, rừng rậm em chờ
Sáng bản Na, chiều em qua bản Bắc
Mười năm tròn ! Chưa mất một phong thư.

Con nhớ mẹ ! Lửa hồng soi tóc bạc
Năm con đau, mẹ thức một mùa dài.
Con với mẹ không phải hòn máu cắt
Nhưng trọn đời con nhớ mãi ơn nuôi.

Nhớ bản sương giăng, nhớ đèo mây phủ
Nơi nao qua, lòng lại chẳng yêu thương ?
Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở
Khi ta đi, đất đã hoá tâm hồn !

Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét
Tình yêu ta như cánh kiến hoa vàng,
Nhu xuân đến chim rừng lông trở biếc
Tình yêu làm đất lạ hoá quê hương.

Anh nắm tay em cuối mùa chiến dịch
Vất xôi nuôi quân em giấu giữa rừng,
Đất Tây Bắc tháng ngày không có lịch
Bữa xôi đầu còn toả nhớ mùi hương.

Đất nước gọi ta hay lòng ta gọi ?
Tình em đang mong, tình mẹ đang chờ,
Tàu hầy vỗ giùm ta đôi cánh vội
Mắt ta thèm mái ngói đỏ thăm ga.

Mắt ta nhớ mặt người, tai ta nhớ tiếng
Mùa nhân dân giăng lúa chín rì rào
Rẽ người mà đi vịn tay mà đến
Mặt đất nồng nhựa nóng của cần lao.

Nhựa nóng mười năm nhân dân máu đỏ
Tây Bắc ơi, người là mẹ của hồn thơ,
Mười năm chiến tranh vàng ta đau trong lửa,
Nay trở về, ta lấy lại vàng ta.

Lấy cả những cơn mơ ! Ai bảo con tàu không mộng tưởng ?
Mỗi đêm khuya không uống một vầng trăng.
Lòng ta cũng như tàu, ta cũng uống
Mật hồng em trong tuổi lớn mùa xuân.

CHIM LƯỢN TRĂM VÒNG

Đẹp vô cùng Tổ quốc ta ơi !

TỐ HỮU

Tâm hồn tôi khi Tổ quốc soi vào
Thấy ngàn núi trăm sông điểm lệ
Con ngọc trai đêm hè đáy bể
Uống thủy triều bỗng sáng hạt châu.

Chim đang bay dừng cánh giữa ngày đau
Tôi vắng đến bên mình Tổ quốc.
Nhưng mỗi ngày quả tim tôi vẫn mọc
Theo vầng dương trên đất nước mỡ màu.

Tôi trở lại giữa rừng sâu Việt Bắc
Chim bắt cô ơi ? Đâu chỗ Bác ngồi ?
Đây có phải vườn tằm gia của Bác ?
Mỗi tác rừng đều có ánh dương soi.

Tôi đến trước đôi Điện Biên rực lửa,
Cỏ mùa xuân che lấp chỗ anh nằm.
Đất Tổ quốc quý từng dòng máu đỏ
Hết một mùa chiến dịch, lại thành xuân.

Tôi đến cả những vùng xưa chẳng đến
Mây trời Miên⁽¹⁾, trời Việt nổi biên thuỳ.
Rừng thốt nốt ủ đoàn quân tình nguyện
Mẹ già Miên giấu lệ tiễn con đi.

Đây bát ngát Trường Sơn nằm ở giữa,
Hai chị em Lào – Việt hai bên,
Rừng tươi mát như mẹ hiền làm sữa
Nghìn chiến khu từng nương bóng mẹ hiền.

Tôi về giữa miền Nam trời của mẹ
Miền Nam ơi ! Nửa vạt áo mưa dầm
Mỗi chiến công hay từng giọt lệ
Đều xoá dần núi cách sông ngăn.

Ngày sinh nhật tháng Năm đông Bắc Bộ
Lúa chiêm phơi chiếu bạc chiếu vàng

(1) *Miên* : Campuchia.

Khấp trung châu những xóm làng thoát khổ
Hết đêm rồi, đời lật giờ qua trang.

Tôi ra bể, cá nòng hơi gió bể
Sóng du dương ca đất nước mạnh giàu,
Chim bạn hữu rục bay cờ quốc tế
Đây tương lai như hải cảng lấm tàu.

Ôi ! Tương lai như hải cảng lấm tàu
Những con tàu chở đầy hạnh phúc
Ôi ! Tương lai như mùa chiêm lấm thóc
Lấm tiếng cười, lấm cánh bồ câu.

Hà Nội – Nam Quan, dây đàn vĩ đại,
Đường đi Nam, bánh sắt tiến lên dần
Ga chết rồi, tàu kêu ga sống lại
Cầu trời mình theo nhịp búa trăm cân.

Đời lớn lên rồi cổ quàng khăn đỏ,
Xe như ong bay mật đến công trường
Mùi gỗ mới quyện màu sơn ngói đỏ
Ống khói dài như những cánh tay vươn.

Đất quê hương một ngày tôi qua suốt,
Đêm ngủ nghe thơ náo động tâm tình,
Chiếc thuyền gỗ ướng nhiều gió nước
Nghe đất trời thở bốn chung quanh.

Tôi yêu quá ! Cuộc đời như con đê,
Như đêm xuân người vợ trẻ yêu chồng

Tôi nối với bạn bè như với bể,
Cả lòng tôi là một dải sông Hồng.

Cánh chim câu đêm bay về tổ nghỉ
Gắng thấy thêm cây, thêm bãi, thêm rừng
Cánh thơ tôi thoát khỏi phòng nhỏ bé
Lượn trăm vòng trên Tổ quốc mệnh mông.

ĐỌC *KIỀU*

Suốt mười năm tôi biếng đọc Nguyễn Du,
Quân thù ném bom xuống những làng quê ta đẹp nhất
Kiều bó tròn trong những gói tản cư
Bà ru cháu bằng ca dao sản xuất.

Thấy trăng lên, tôi sợ ánh trăng ngời
Tôi muốn luyện lòng tôi thành lửa sắt
Không tiếc gì vắng trăng xẻ làm đôi
Sợ bộ đội hành quân đi gặp giặc.

Mười năm qua, nay trở lại hoà bình
Trăng ly biệt lại đoàn viên trước cửa
Cảo thơm đặt trước đèn, tôi giờ
Mỗi trang *Kiều* rung một bóng trăng thanh.

Chạnh thương cô Kiều như đời dân tộc
Sắc tài sao mà lắm truân chuyên
Cành xuân phải trao tay khi nước mắt
Cỏ bên trời xanh một sắc Đạm Tiên.

Bông quý cô Kiều như đời dân tộc
Chữ kiên trinh vượt trăm sóng Tiền Đường
Chàng Kim đã đến tìm, lau giọt khóc
Và lò trầm đêm ấy toả bay hương.

Tôi hiểu sao trong xà lim án chém
Lý Tử Trọng trưa nao còn đọc trang *Kiều*
Đảng dạy ta không thể đưa lòng đi theo Đảng
Lại xa những gì dân tộc thương yêu.

Giá đem lòng tôi tôi đọc Nguyễn Du
Có phải đã hiểu nhân dân mình thêm chút nữa ?
Hiểu giá khổ đau để thêm bùng ngọn lửa
Nước mắt ta đem đổi máu quân thù.

Thôi vui lên ! Hạnh phúc đến đây rồi !
Dấu sống lại cô Kiều không khổ nữa.
Cả nhân loại sắp đến ngày hội ngộ
Nguyễn Du viết lại *Kiều* chắc sẽ có văn vui.

Ta cách xa nhau một tiếng nấc, một thôi đường
Xưa Nguyễn khóc – thì nay ta đã hát,
Nhưng chuyện Kiều cứ để yên, không cần lau nước mắt
Đời đang vui đời sẽ viết thêm chương.

KHI ĐÃ CÓ HƯƠNG RỜI

*Người dưới vực sâu vẫn câu kẻ trên bờ
Nếu dưới vực sâu còn dưng khi
Tôi trong đau vẫn làm viên muối bể
Để mặn lòng những kẻ muốn vô tư.*

Khi đã có hương rời, gây tâm vòng trở thành giết giặc
Các anh tôi xưa lấy răng cắn nát thịt quân thù,
Lá truyền đơn xốc dây phong trào một huyện,
Chân lấm tay bùn, ta đập đổ cả triều vua.

Khi đã có hương rời, mỗi buổi sáng, buổi chiều ngỡ như vô vị
Đều đúc thành chiến lũy chờ che tôi
Trong thung lũng đau thương vẫn tìm ra vũ khí
Phá cô đơn, ta hoà hợp với người.

Có gì mất đi đâu
Khi cuộc đời rõ hương
Nếp rêu con cũng chói loà ánh sáng
Khi mặt trời tư tưởng rọi hang sâu.

Ôi, một cánh hoa dù hái vô tình,
Cũng là vì yêu cuộc đời quá đẹp,
Nói chi lời thơ viết trong nước mắt
Chính là mang hạnh phúc đến lòng anh.

Mỗi câu thơ che một trận chiến tâm tình
Một Phan Đình Giót, một Bé Văn Đàn "lấp những
lỗ châu mai tàn phá"

Khi có hương rời, dùng sự đời hết lửa
Khi đã có gió rời, cuộc sống tự nhiên lên.

NGHĨ VỀ THƠ

Nhân đọc Eluard và "Poèmes pour tous"

Sau câu thơ hỏi hớp những tâm tình
Những vui buồn đời ký thác cho anh.
Câu thơ đập như quả tim còn trẻ
Mừng vui quá bỗng rung rung giọt lệ
Như sáng mai xuân mà sương ướt trên cành.

Tôi viết cho ai ? Cho cả mọi người.
Nhưng, rất gần – cho những đứa em tôi,
Ngày đau khổ khép tay trong tủi cực
Nay mở tay ra, bến rộng sông dài.
Cho ai cũ thơ tôi làm ướt áo
Nay họ về sưởi nắng giữa thơ tôi.

VÀNG CỦA LÒNG TIN

*Gánh vàng đi đổ sông Ngô,
Đêm nằm tơ tưởng đi mò sông Tương.*

Dĩ vãng buồn thương mang lá cờ đen
Đến làm giặc giữa lòng ta. Ta bán chết.
Đời rục rở phù sa, ta kiến thiết
Nhưng phố phường da thịt ửng hồng lên.

Xưa ở sông Ngô ta đánh mất vàng
Đánh mất tâm hồn ta. Nhưng hiện tại
N như sông Tương đã trả vàng ta lại
Khắp đôi bờ tư tưởng chói hào quang.

NAY ĐÃ PHÙ SA

*Xưa phù du mà nay đã phù sa
Xưa bay đi mà nay không trôi mất
Cho đến được... lúa vàng đất mật
Phải trên lòng bao trận gió mưa qua.*

(Thư gửi Tế Hanh)

Anh còn gì để tặng cho em ?

– Còn, anh còn tất cả !

*

N như đất nước sau mười năm tàn phá,
N như dòng sông sau mùa mất phù sa,
N như ái tình khi ngày đã tan hoa,
N như ổ mật khi hè vừa trút hết...

Lại vẫn còn :

một trời xanh rất biếc,
Một trung châu đất mật, lúa vàng,
Một mùa đầu mang lụa đến cho tầm,
Một mặt đất ngày xuân như máu rót,
Anh mới vừa qua một thời đau xót

Có hề chi : cuộc sống đã tuần hoàn,
Trái tim nghiêng như thần tượng lở dần
Đã đứng đây đẩy vành xe lên trước.
Đất nước chia đôi có ngày thống nhất,
Sức khoẻ tiêu tan có lúc phục hồi,
Mất mát riêng tây : anh vẫn còn Đời,
Thơ chưa xong ư ? Bạn bè nối tiếp :
Cái sống vinh quang đang giết dần cái chết
Anh còn 99% cuộc sống tặng cho em.
Rạo rức khắp trời ánh sáng đi lên
Anh đã mất gì ? Đã mất bóng đêm.

GIỮA TẾT TRÔNG CÂY

Anh yêu em nhưng chẳng gần em được
Tình ái cũng cắt chia theo đất nước.
Anh yêu em trời Bắc cách trời Nam
Nỗi đau lâu có thể hoá mưa dầm
Làm ướt bước anh đi.

Nhưng tiếng hát

Như cỏ dại mùa xuân, trăm liềm không thể cắt
Trên cả lòng ta còn lòng Tổ quốc,
Cả cuộc đời mỗi lúc gọi ta lên,

Như đêm hè mỗi lúc mọc sao thêm,
Như ngày hè mỗi lúc mỗi bay chim.
Anh đã biến đau thương thành sức mạnh
Biến cái cúi đầu thành trận đánh,
Nổi lặng im thành sóng vỗ muôn trùng,
Biến cái rụng rơi thành sự vun trồng :
Anh trồng cho em một ngành cây nơi tạm biệt,
Nơi cách mặt nhưng lòng luôn nối tiếp,
Trong đắng cay, ta phải thấy trước ngọt ngào
Đối diện với lòng, anh gieo hạt mùa sau...
Ngày hôm nay chúng ta trồng cây cho Tổ quốc
Cho những vết thương chiến tranh xưa liền da kín mặt
Những làng xa cây sẽ nối lên gần
Trái chín hồng con trẻ đến tìm ăn
Ta trồng cho cả những lợi quyền gần gũi nhất
Gỗ ta dùng và bóng mát quanh sân
Bóng ngày nay che lên đầu ngày mai hạnh phúc
Như một trận vui dài, như một tiếng chuông ngân.

Cuộc sống bao la dung cả những lòng đang riêng lẻ :
Có những người trồng cây vì chiếu lệ,
Vì một mối tình đầu, một chú nhỏ mới khai sinh,
Vì một gốc cam đã quen hương từ thuở bé
Vì một tên yêu trùng với một tên ngành.
Anh trồng cho em một ngành cây nước mắt,

Có cành lá không Nam không Bắc
Anh trồng cho em trong đất ẩm ngã ba đường
Lấy cái vui của cuộc đời đánh bật mọi đau thương.

Nhưng kỳ diệu là đất lành Tổ quốc
Như tình mẹ nuôi con và ủ ấp
Sữa tốt tươi chia cho mọi cây trồng
Khiến xanh xao cũng hoá thịt da hồng.
Cây ta lẫn giữa bao nhiêu cây đồng đội
Như những cặp tình nhân cùng lứa tuổi,
Em có đi qua cũng quên dĩ vãng lúc ban đầu,
Lịch sử cây ta đất đã thay màu,
Chỉ còn máu sông Hồng trong quả ngọt
Con chim ăn thấy vị phù sa trong tiếng hót,
Chỉ còn nắng trời kết sáp nhụy hoa ngon
Ông tìm hoa đời cánh thấy bồn chồn,
Chỉ còn cây... cây... Chỉ còn cuộc sống
Một mặt trận – mùa xuân đang náo động....

Xuân bốn bề tình ái lại đưa thoi
Dệt cây ta vào với tấm vui đời
Dưới bóng cây ta những cặp tình nhân về tựa ngủ
Tóc họ xoã còn bay mùi nhựa gỗ
Tay họ thơm mùi đất họ vun trồng
Những nhãn, cam, chanh, những táo, lê, hồng
Đời ta lại hồi sinh trong tuổi họ

Lòng vui quá nên chẳng cần nhớ nữa
Chỉ thấy đời bát ngát bóng cây rung
Thấy muôn cảnh trữu trịt trái vui chung.

ĐI RA NGOẠI Ô

(Trích)

*Mùa xuân đứng cạnh ta bốn phía
Quay đi đâu đều thấy mặt anh em*

THẤY SÔNG THÔI LẠI THẤY NGƯỜI

Đi ra ngoại ô
Trời xanh ra với

Trời xanh theo ta
Hai bên tàu điện
Trời xanh quyến luyến
Như bầy chim ca.
Đi chửa mấy đường
"Thấy trời thấy đất"
Ôi con sông Hồng
Em là sông mật
Hay là sông hương ?
Xuôi chảy ái tình
Nuôi làng nuôi xóm

Ngô típ tấp vàng
Bông mân mê trắng
Lúa rờn thương thương.
Bờ bãi song đôi
Như chồng như vợ
Như anh đối em
Sông Hồng trôi giữa
Như trang sách mở
Sông Hồng chỉ đỏ
Hai bờ hai bên
Sông không là rượu
Sao bờ say men ?
Phù sa óng ả
Đôi bờ đỏ má
Uống nhiều rượu quá
Đôi bờ say ngả
Đôi bờ say nghiêng !
[...]

THOI ĐƯA CỐI GIÃ, CUỘC ĐỜI CẦN LAO

Xóm Vống trăm nhà,
Thoi cười nhanh nhẩu
Thoi dậy trước gà
Thoi reo tý tách
Thoi sáng thoi chiều
Thoi trưa róc rách

Mặt trời bay theo...
Giã giấy làng Hồ
Chày khuya không mới
Như trăng đem vàng
Giã vào bóng tối.
Anh yêu bàn tay
Đong đưa như sóng
Anh yêu bàn chân
Em dồn nhịp cối
Hỡi em xeo giấy
Em là thi nhân.
Ngày mai dao gặt
Bổ đôi trang sách
Giấy ngời trinh bạch
Thơ vờn hương hoa
Là nhờ đêm nay
Từ trong đất bùn
Từ trong hơi thổi
Tay em vẫy gọi
Tùng tở thơ tới
Tùng hoa sen lại
Tùng mùa xuân qua
[...]

TÌNH CA BAN MAI

Em đi, như chiều đi
Gọi chim vườn bay hết

Em về, tựa mai về
Rừng non xanh lộc biếc

Em ở, trời trưa ở
Nắng sáng màu xanh che

Tình em như sao khuya
Rãi hạt vàng chi chít

Sợ gì chim bay đi
Mang bóng chiều bay hết

Tình ta như lộc biếc
Gọi ban mai lại về

Dù nắng trưa không ở
Ta vẫn còn sao khuya

Hạnh phúc trên đầu ta
Mọc sao vàng chi chít

Mai, hoa em lại về...

Ý NGHĨ MÙA XUÂN

Khách xa gặp lúc mùa xuân chín...

HÀN MẠC TỬ

Đêm hôm qua xuân nói những gì ?
Mà sáng nay hoa hồng đều chớm nở
Những cành đào mở môi trong gió
Cúc ngả tròn bên lối nhỏ xuân đi.

Tháng giêng hai xanh mượt cỏ đôi
Tháng giêng hai vút trời bay cánh én
Tháng giêng hai tôi nằm trong bệnh viện
Nhớ về Tổ quốc, tháng giêng hai.

Tôi đổi năm đau lấy những ngày lành
Như đuổi giặc lấy từng tác đất
Từng tác tự do trông vời mỗi mắt
Đuổi mây dài cướp những quãng trời xanh.

Đây tôi sống những ngày nhân hậu nhất
Mỗi mai hồng áo trắng đến thăm tôi
Nghiêng những dài sen, nghiêng tiếng hát
Che nỗi đau trong bóng nụ hoa cười.

Gió tối mưa trưa sao vẫn nhớ về
Nhớ một cành hồng mình đi để vắng,
Nhớ nửa trang thơ sum vầy bóng bạn
Nhớ cuộc đời thường có tiếng xe đi...

Hỡi chim xưa từng bay lối chiến hào
Nay tựa mái tranh nghèo dân chúng
Chim hãy hát những trời xanh khát vọng
Cho miền Nam – trong ấy có xuân đâu !

Miền Nam ơi ! Quê hương ta là ngọc
Quân thù về ! Vỡ ngọc quê hương ta.
Đêm xa nước, lòng tôi đau dấm khóc
Máu kêu đau trong thịt những bài ca.

Tổ quốc thân yêu như quả tim thầm
Ở giữa lòng ta, nào ta có biết
Trong xa cách bỗng à ơi giọng Việt
Ru lòng tôi qua nghìn dặm quê xuân.

NHẬT KÝ MỘT NGƯỜI CHỮA BỆNH

I

Khóc chẳng ăn thua, anh hãy thử cười
Cười được rồi, bỗng rơi tan tiếng khóc
Như một gói tiền cũ, không còn ai tiêu, phải vứt,
Khi trong lòng đã đúc triệu đồng vui.
Ta lặn từng nổi đau như mùa chiêm lặn vành đai trắng
Lặn bệnh tật mà đi, máu đỏ lặn da xanh

Bốn bức tường vôi chận lấy đời mình
Ta cũng lẩn. Nụ tâm xuân ra ánh sáng.

Có hề gì ! Mùa đông dù dài đẵng
Nhưng đã chờ hoa thì phải thắng
Tôi đang mở dân quyền sống từng trang...

2

Thơ ta đang giữa trận
Máu đổ nhiều nhưng nén tiếng kêu rên
Cho đến lúc cờ treo trên xác giặc
Vết thương kia, hãy quay lại khê nhìn.
Lúc bây giờ có muốn khóc cũng không còn khóc được
Cái chết đã chết rồi, cái sống bạn đi lên...

3

Tôi tìm vui như tìm vàng trong quặng
Trong hầm sâu. Với một ngọn đèn thơ.
Vào trong những lớp kim tâm hỗn cay đắng
Quý quái chưa ! Vẫn thấy lời ca sự sống đang chờ
Lòng ta, chữa bao giờ ta đi hết được,
Đi hết lòng, tiếng khóc hoá lời ca.

4

Hôm nay nói nổi vui còn mượn lời đau
Nam bằng, Nam ai, Bài chòi, Vọng cổ
Nhưng ngày mai tiếng hát kịp theo lòng
Thì lấy câu vui mà dẹt đời hồng...

5

Bạn thương mến, đừng xua con chim nhỏ
 Mỗi câu thơ đều muốn báo tin lành
 Đều muốn trút hạt châu vàng khỏi cổ
 Mỗi đêm tàn đều muốn hoá bình minh.
 Cánh lông dù lạnh lẽo hạt sương đêm
 Nhưng sờ xem, dưới lông chim, chim vẫn ấm.
 Đừng đuổi thơ tôi vì một chút chiều tà nào ngả bóng
 Hãy kiên lòng, sẽ thấy nắng mai lên...

6

Tôi đứng dưới hành vui, còn bỡ ngỡ
 Như em Kiều e lệ nép vào hoa
 Nhưng ánh sáng tung bùng đôi mắt nhỏ
 Đón chàng Kim trong hạnh phúc chan hoà.

7

Phan Đình Giót lấp châu mai buổi ấy
 Nay còn che bao hoả điểm trong hồn tôi
 Che những đàn em sau mang mặt trời tiến tới
 (Cho cả những ai trong đạn lửa muốn lùi !)
 Bé Văn Đàn lấy thân làm giá súng,
 Súng thơ tôi, tôi kê lên xác đời anh
 Tôi đâu dám tui buồn quên nhiệm vụ
 Mỗi câu thơ đều phải vượt lên mình.

Dù chỉ còn hai giây, anh đến gần cái chết,
 Dù tử thân găm hết thịt đời anh
 Anh còn đợi một tin vui về thống nhất
 Lắng một khúc chèo trong buổi nhạc truyền thanh
 Còn nắm chặt hơn bàn tay bè bạn nắm
 Hối tiếc một câu văn chưa nói hết ý tình
 Anh còn cầm cái sống trong tay như cành hoa chi chút
 Cầm lòng yêu đời như một thanh gương
 Cầm hy vọng như cờ xuân muôn thuở
 Cầm tương lai như một ráng hồng
 Dù chỉ là anh không bằng lòng chết
 Dù chỉ là tiếng rủa nguyên bóng tối đến ăn anh
 Trong phút ấy anh đã góp vàng xây cuộc sống
 Đã dựng nên trăm đỉnh tháp yêu đời
 Đã đập đổ những núi dầy bóng tối
 Dem lòng anh bảo vệ lấy lòng tôi.

Như con sông dẹt phù sa trong rừng vắng
 Những ngày qua nào có mất đi đâu ?
 Ngày mai phù sa hát lên ngô vàng và nếp trắng
 Ai quên ngày se sợi nhỏ trong rừng sâu ?

... Hồn thơ ơi em chớ sợ mất vàng
 Nếu lòng em không bỏ phí qua thời gian

Nếu hạt lúa em trồng mang sức nóng
Chẳng ngày nào vô ích bay qua đầu
Ngày mai khi dòng nước đến trung châu
Phù sa sẽ vun hồng lên cuộc sống
Như chút quà em tặng, từ rừng sâu
Đời sẽ hiểu em, đời sẽ nhận.
Đời sẽ ra hoa ra trái mỡ màu.

11

Thêm một ngày cho rừng biến thành than
Cho lớp đất phù sa thành sữa lúa
Cho lá dâu non dệt thành tơ lụa
Cho lưỡi liềm cong mặt nguyệt nên tròn.
Thêm một ngày, thêm một tháng, thêm một năm
Thêm tay ta, thêm lòng ta, thêm cuộc sống
Như bể lớn thờ thêm từng lớp sóng
Như đất nước lành thêm sắc máu ở da non.

12

Tôi nhặt từng hạt vàng sức khoẻ rơi đi
Như mẹ già nhặt hạt thóc vàng đã đỏ
Nhặt từng hạt máu mặt trời vớt bỏ
Từng giọt thi tài rơi vãi dưới chân đi.
Cho đến lúc cơ thể lại tràn đầy sức khoẻ
Phù sa hồng đôi má, đôi tay
Áp má cuộc đời, ta hít dài từng nhịp thở
Vin nhánh mùa xuân không phải cánh tay gầy

Lại đủ khí giới lên đường cùng đồng đội
Khí giới thôi ư ? Còn cả lòng vui
Nhu nắng vàng đổ xuống đồng chói lọi
Nhu hương thơm đồng lúa ướp da trời
Khi được lúa, ta được cả chim trời đến hót
Hạnh phúc khi trở về, hạnh phúc hoá thành đôi.

NGOẢNH LẠI MÙA ĐÔNG

*Ngoảnh lại mùa đông thương hạn cũ
Bao người chưa thoát khỏi mùa đông
Em đến về sau xuân dẫu chậm
Đón em còn vạn đoá hoa hồng.*

Kẻ thù của anh đi rồi
Gió lạnh ngày đông đi khuất
Hôm nay già từ bệnh tật
Em đưa anh trở ra ngoài.

Chiêm hay mùa đó, em ơi !
Ngày tháng dần quên với lịch !
Cuộc sống ngỡ vùi lấp đất
Giờ về cuộc sống nhân đôi.
Hạnh phúc anh nhìn loá mắt
Đêm mau, những muốn ngày dài.
Anh làm con chim đẹp nhất

Chiều hôm cho đến sao mai
Hát lên những dòng suối mát
Trái tim chia sẻ cho người
Bay đến rừng cây non lộc
Ăn hạt lúa lành dưới đất
Tháng ngày không vãi không rơi...

Nhìn mắt tạnh màu nước mắt
Nhìn tay gân xanh bay mất
Nhìn chân bấp thịt căng rồi
Nhìn mặt đỏ hồng da mặt
Nhìn gương hồng cả gương soi
Đứng, đã với cảnh cao ngất
Đi, mơ bước những bước dài
Ơi những dặm đường công tác
Ba lô trĩu áp đôi vai
Sáng đến công trường xa lạ
Khuya theo máy ngủ sao trời
Hay đến bản nào sương phủ
Lửa sà, củ sắn chia đôi
Đâu chẳng đất lành Tổ quốc
Chẳng tình Đảng dạy dân nuôi.

Bờ ao xanh tròn bóng nhẵn
Nắng hè giục trắng hoa roi
Cây phượng thay màu cây gạo
Chói chang tà áo son người

Tơ hồng nhà ai giục chín
Như sợi thàng ngày hong kén
Sợi vàng dệt lụa lòng tôi
Đã ngọt hồng bì như rượu
Đã tròn trái vải đôi môi
Chim chíp là con chim sẻ
Cúc cù cu gáy từng đôi
Chim chớ làm ta nóng ruột
Cái con tu hú liên hồi
Ta ôm cuộc đời sao xuể
Thôi đừng gọi nữa, chim ơi !

KẾT NẠP ĐẢNG TRÊN QUÊ MẸ

Giã mẹ ra đi kháng chiến bốn phương trời
Kết nạp Đảng, bỗng quay về quê mẹ !
Có phải quê hương gọi ta về đấy nhỉ ?
Dặn dò ta, khuyên nhủ ta thêm
Trong buổi đầu, ta theo Đảng đi lên.

Ngày vào Đảng đất trời như đổi khác
Những vật vô tri cũng làm rung nước mắt
Đá sỏi cây cần, sao bỗng thấy thiêng liêng ?
Giọng nói quen nghe, màu đất quen nhìn

Bỗng chan chứa trăm điều chưa nói hết !
Tôi cúi đầu nghe, dặt dìu, tha thiết
Cây cỏ trời mây, kẻ mất người còn
Trong mơ hồ, trăm tiếng của quê hương.

Tiếng mẹ bảo bên tai : "Con hãy nhớ
Bà con quê ta đói nghèo lam lũ
Cuộc sống xưa như nước chảy mất dòng
Không ai thương như cỏ nội giữa đồng
Con chim bỏ trời quê ta đi xứ khác
Đất chẳng nuôi người, người không nuôi nổi đất
Chiếc khăn xanh mẹ bịt ở trên đầu
Đã từng che hai thứ tóc buồn đau.
Mẹ trông ở đời con... Con hãy gắng !
Con đi đi... Từ nay con có Đảng"
Tôi nhìn ra thấy máu thịt quê hương
Như đang dâng thành núi, đọng thành cồn
Ôi gió Lào ôi ! Người đừng thổi nữa
Những ruộng đói mùa, những đồng đói cỏ
Những đôi sim không đủ quả nuôi người
Cuộc sống gian lao ít tiếng nói cười
Chỉ tiếng gió mù trời chen tiếng súng
Của đôn giặc mấy năm trời chiếm đóng
Đảng kính yêu ! Tôi tìm Đảng giữa nơi này
Như chờ vang tiếng sét xé trời mây...

Tôi đứng trước Đảng kỳ, rung mắt lệ
Phút mơ ước, sao thiếu hình bóng mẹ ?
Giặc bao vây ngăn lối chặn đường
Thiếu cả gia đình ngay giữa đất quê hương !
Mẹ ơi ! Mẹ không là đồng chí
Nhưng Đảng kỳ đây chính là của mẹ
Đời khổ đau, mẹ đứng dưới cờ này
Mẹ đói nghèo, hàng ngũ bên con đây
Mẹ xem, con mặc áo nâu sồng xưa mẹ mặc
Mai con hát khúc bình dân xưa mẹ hát.
Đảng mến yêu, có phải mẹ giới thiệu con vào ?
Từ buổi dạy con lòng thương ghét ban đầu
Tự quê mẹ nghèo, tự đời mẹ khổ
Tự giọt lệ khóc tù đi biệt xứ
Tự nắm cơm khô đưa cán bộ thoát làng
Tự tiếng thét căm thù vì giặc giã, vua quan.
Tương như cả quê hương giới thiệu tôi vào Đảng
Rẫy bắp, vườn tiêu, bờ tre, bãi sắn,
Những đôi tranh ăn độc gạo Lào
Cả trại tù Lao Bảo chốn rừng sâu
Ôi tiếng đầu tiên gọi ta "đồng chí"
Là tiếng quê hương ấm lành Quảng Trị

Những đảng viên đầu tiên đứng sát bên tôi
Là bạn thuở nhi đồng áo vá cơm khoai.

Tôi đứng dưới cờ, đưa tay tuyên thệ
Trên đất quê hương mang hình bóng mẹ
Ngỡ chừng như vừa sinh lại lần đầu.

Đảng trở thành nơi cất rốn chôn rau.

NGOẢNH LẠI MƯỜI LĂM NĂM

Tặng anh Lành⁽¹⁾ mến yêu

Giữa lúc tôi đi học
Thì thân anh tội tù
Nước buồn, chia tiếng khóc
Hai đứa cùng làm thơ.

Anh thấy trước ngày mai
Cờ hồng treo trước ngõ
Đất mình, dân mình chủ,
Lũ chó dê chạy dài
Viết câu – thơ – sáng – trời
Giữa nhà lao bóng phủ

(1) *Anh Lành* : bí danh hoạt động cách mạng của nhà thơ Tố Hữu (1920 – 2002).

Tìm đường cho lịch sử
Qua hai hàng cùm xai.

Tôi nhìn ra tha ma
Hay quay vào trang sách
Ôi ! Dân Chàm nước mắt
Kiếp dân mình đâu xa !
Tôi viết dòng – nước – chảy
Khóc thời gian huỷ hoại
Khi đã buồn hiện tại
Thì quay về tháp xưa
Quay mặt chẳng quay lòng
Vẫn ước mơ đời hồng
Đọc thơ anh trong tối
Vẫn đợi ngày thành công.

Một lòng nhưng hai ngã
Hai sông thơ hai dòng
Anh sông Hồng, sông Mã
Gâm reo trong đạn lửa
Biến thân mình màu mỡ
Thành cánh đồng nuôi dân.
Tôi như con sông Thương
Chảy lòng mình thương nhớ
Đánh đắm cả thuyền mình
Trong cuộc đời tại chỗ
Như Tô Lịch mỗi mòn

Thời gian muốn lấp bùn
Nơi thuyền xưa vua đàu
Giờ rũ lá môn con.

Tất cả ảnh hình anh
Là tấm hình truy nã
Giặc treo giá đầu tường
Giặc yết ngoài cổng phủ.
Tất cả tuổi tên anh
Là số tù nhục nhã
Giặc cấm cả thơ anh
Không vào văn học sử.
Chỉ còn có tình dân
Thương anh thâm nhấc nhủ,
Chỉ còn có phong trào
Mà thơ anh chằm lửa.
Đảng đi đường gian khổ
Ôi, con đường vô danh.

Còn tôi mang tuổi tên
N như áo chèo phường trợ
Đội những mũ triều thiên
Tự mình bôi xanh đỏ !
Tôi đi giữa lòng mình
Mà mình không hiểu nữa
Tôi đi giữa siêu hình
N như đất này lợm mửa

Trời xanh màu cứu khổ
Tôi lao vào trời xanh.

Thế rồi Cách mạng về
Cờ hồng bay cả nước
Cờ hồng anh báo trước
Ở lời thơ xưa kia.
Cờ trên triệu mái tranh
Nuôi Đảng ngày bí mật
Trên cổng phủ trên thành
Hôm qua còn sắp mặt
Trên cả tháp siêu hình
Thơ tôi về ẩn nấp
Nay dậy hồn dân tộc
(Trời xanh thành thuốc độc)
Đập nát buồn trời xanh...

Ôi ! Tháng Tám sông Hương
Phòng Việt Minh Trung Bộ
Mùa thu hoa phượng còn
Lần đầu ta gặp gỡ
Huế như bùng mắt mở
Cờ hồng bay Ngọ Môn.

Gặp anh lần thứ nhất
Lòng im mà tưởng khóc
Nhớ hình truy nã anh

Còn hao hao đáng mặt
Oì đôi má gầy gầy
Máu chưa hồng lại sắc
Đôi bàn tay gầy gầy
Giặc cùm trong khoá chặt,
Tôi nắm đôi bàn tay !

Thương đời anh gian lao
Mừng nước nhà độc lập
Tiếc ngày qua đã mất
Giận mình xa phong trào.

Rồi anh dắt tôi đi
Lên đường thơ cách mạng
Bóng đêm vẫn không ngừng
Tấn công vào ánh sáng,
Đi xa, về hoá chậm
Biết bao là nhiều khê.

Rồi Kon Tum, Lao Bảo
Xưa nơi anh tội tù
Giờ tôi đi chiến dịch
Súng đạn quen hôn thơ
Tôi lại về trong dân
Xưa anh từng nướng nấu
Hiểu lại từng giá máu
Nuôi mình làm nên văn

Tôi trở lại lòng mình
Bây giờ mình cũng hiểu :
Hiểu đúng sắc trời xanh
Khi đẹp tàn đông bão
Hiểu giá làn gươm báu
Sau mỗi lần đấu tranh.

Hiểu mình và hiểu người
Hiểu đời và hiểu Đảng
Tôi góp phần ánh sáng
Tôi làm chủ hồn tôi.

Ngoảnh lại mười lăm năm
Cùng thơ anh chung dòng
Mười một năm đồng chí
Chung ngọn cờ công nông
Vẫn buồn câu chuyện cũ
Tự ngày Quy Nhơn nợ
"Sao tôi vui đi học
Trong lúc anh tội tù ?
Có anh chằng trong ngục
Ở bên đường tôi qua ?
Có anh từng đến quét
Ở sân trường tôi xưa ?
Mà lòng tôi không biết
Mà óc tôi không ngờ
Có bao giờ anh gọi
Mà tai tôi làm nghe ?"

Nay đã đứng trong lòng của Đảng
Vẫn then mình thuở hã còn xa
Muốn quay trở lại thời gian cũ
Ôm thương đời bạn giữa lòng ta.

NGƯỜI ĐI TÌM HÌNH CỦA NƯỚC

Đất nước đẹp vô cùng. Nhưng Bác phải ra đi
Cho tôi làm sóng dưới con tàu đưa tiễn Bác
Khi bờ bãi dần lui làng xóm khuất
Bốn phía nhìn không bóng một hàng tre.

Đêm xa nước đầu tiên, ai nữ ngủ
Sóng vỗ dưới thân tàu đầu phải sóng quê hương
Trời từ đây chẳng xanh màu xứ sở,
Xa nước rồi, càng hiểu nước đau thương.

Lũ chúng ta ngủ trong giường chiếu hẹp
Giác mơ con đè nát cuộc đời con
Hạnh phúc đựng trong một tà áo đẹp
Một mái nhà yên rủ bóng xuống tâm hồn

Trăm con mơ không chống nổi một đêm dầy
Ta lại mặc cho mưa tuôn và gió thổi
Lòng ta thành con rối
Cho cuộc đời giật dây

Quanh Hồ Gươm không ai bàn chuyện vua Lê
Lòng ta đã thành rêu phong chuyện cũ
Hiếu sao hết những tấm lòng lãnh tụ
Tìm đường đi cho dân tộc theo đi.

Hiếu sao hết "Người đi tìm Hình của nước"
Không phải hình một bài thơ đá tảng nên người
Một góc quê hương nửa đời quen thuộc
Hay một đấng vô hình sương khói xa xôi.

Mà hình đất nước hoặc còn hoặc mất
Sắc vàng nghìn xưa, sắc đỏ tương lai
Thế đi đứng của toàn dân tộc
Một cách vin hoa cho 25 triệu con người

Có nhớ chăng, hồi gió rét thành Ba Lê
Một viên gạch hồng Bác chống lại cả một mùa băng giá
Và sương mù thành Luân Đôn, người có nhớ
Giọt mồ hôi Người nhỏ giữa đêm khuya.

Đời bồi tàu lênh đênh theo sóng bể
Người đi hỏi khắp bóng cờ châu Mỹ châu Phi
Những đất tự do, những trời nô lệ
Những con đường cách mạng đang tìm đi.

Đêm mơ nước, ngày thấy hình của nước
Cây cỏ trong chiêm bao xanh sắc biếc quê nhà
Ăn một miếng ngon cũng đắng lòng vì Tổ quốc
Chẳng yên lòng khi ngắm một nhành hoa

Ngày mai dân ta sẽ sống sao đây
Song Hồng chảy về đâu ? Và lịch sử ?

Bao giờ dải Trường Sơn bùng giấc ngủ
Cánh tay thân Phù Đổng sẽ vươn mây ?

Rồi cờ sẽ ra sao ? Tiếng hát sẽ ra sao ?
Nụ cười sẽ ra sao ?...

Ơi độc lập

Xanh biết mấy là trời xanh Tổ quốc
Khi tự do về chói ở trên đầu.

Kìa mặt trời Nga bùng chói ở phương Đông
Cây cay đắng đã ra mùa quả ngọt
Người cay đắng đã chia phần hạnh phúc
Sao vàng bay theo liềm búa công nông.

Luận cương đến Bác Hồ. Và Người đã khóc
Lệ Bác Hồ rơi trên chữ Lenin
Bốn bức tường im nghe Bác lật từng trang sách gấp
Tường bên ngoài, đất nước đợi mong tin.

Bác reo lên một mình như nói cùng dân tộc :
"Cơm áo là đây ! Hạnh phúc đây rồi"
Hình của Đảng lồng trong hình của Nước,
Phút khóc đầu tiên là phút Bác Hồ cười.

Bác thấy :

Dân ta bung bát cơm mồ hôi nước mắt
Ruộng theo trâu về lại với người cày
Mỏ thiếc, hầm than, rừng vàng, bể bạc
Không còn người bỏ xác bên đường ray.

Giặc nước đuổi xong rồi. Trời xanh thành tiếng hát
Điện theo trăng vào phòng ngủ công nhân
Những kẻ quê mùa đã thành trí thức
Tăm tối cần lao nay hoá những anh hùng
Nước Việt Nam nghìn năm Đinh, Lý, Trần, Lê
Thành nước Việt nhân dân trong mắt suối
Mái rạ nghìn năm hồng thay sắc ngói
Những đời thường cũng có bóng hoa che.

Ôi ! Đường đến với Lê nin là đường về Tổ quốc
Tuyết Mátxcova sáng ấy lạnh trăm lần :
Trong tuyết trắng như đọng nhiều nước mắt
Lênin mất rồi. Nhưng Bác chẳng dừng chân.

Luận cương của Lênin theo Người về quê Việt
Biên giới còn xa. Nhưng Bác thấy đã đến rồi
Kìa, Bóng Bác đang hôn lên hòn đất
Lắng nghe trong màu hồng, hình đất nước phôi thai.

CẢNH PHONG LAN BỂ

Ngoảnh đầu chào Điện Biên
Ngoảnh đầu chào Giơe
Ngoảnh đầu chào trăm nơi máu Đảng ta và dân ta đã đổ
Cho sáng nay chân ta về dẫm lại đất nơi này

Vàng, tôi yêu những nơi đá cộc cây cằn
Tổ quốc như bà mẹ nghèo thì thảo cùng tôi qua nước mắt
Nhưng rừng vàng bể bạc
Tôi cũng yêu những nơi thân thể chín đầy
Như tháng giêng hai mình xuân chín trái
Mỗi trái đào mọng đỏ gọi lòng ta.

Hồng Quảng – Hồng Gay⁽¹⁾ là nơi ấy !
Cắm Phà – Cửa Ông là nơi ấy !
Vùng Mỏ – Vùng Thơ là nơi ấy !
Vàng của ta chôn dưới bước ta đi
Đi trăm nơi đến nơi này bỗng thấy
Mười năm ở trong tay giặc cướp
Sáng hôm nay ta lấy trở về
Sách vở cha ông xưa chưa từng nói đến
Chỉ có Cô Tô ! Chỉ có Tâm Dương ! Chỉ nghe Xích Bích
Ngòi bút xưa không hề viết : Hồng Gay
Máu thịt cha ông theo gió tủi trắng buồn mà mất tích
Đây, hồn thơ thời đại đợi ta đây.
Xanh biếc màu xanh, bể như hàng nghìn mùa thu qua còn
để tâm hồn nằm đọng lại
Sóng như hàng nghìn trưa xanh trời đã tan xanh ra
thành bể và thôi không trở lại làm trời
Nếu núi là con trai, thì bể là phần yếu điệu nhất của
quê hương đã biến thành con gái

(1) *Hồng Gay* : Hồng Gai.

Mỗi đêm hè, da thịt sóng sinh sôi.
Ôi ! Hay chính lòng ta là bể ?
Đến đây nằm để yêu gân, yêu sát mỗi tảng than.
Thoảng tý gió, gọn màu mây, nhạt tý nắng, ửng sắc trời,
ló vầng trăng, hay chỉ vô tình con chim bay,
con cá đớp
Bể đổi thay như lòng ta thay mùa, thay cảm xúc
Lạt từng trang mây nước lạ lòng ta.

Câu chuyện ngư phủ lạc Đào Nguyên, ai còn tin được nữa
Nhưng kìa !

Thuyền đánh cá ? Thuyền thơ ? Hay cánh bướm ?
Ai gọi đi mà im lìm không tiếng gọi ?
Lắng nghe ! – Thôi, chính tiếng chân trời...
Nếu quả thật chân trời ! – Cho lòng ta đi với chút !
Tôi muốn đến chỗ nước trời lẫn sắc
Nơi bốn mùa đã hoá thành thu
Nơi đáy bể những rừng san hô vờ thức ngủ
Những rừng rong tóc xoã, lược trắng cài
Nơi những đàn mây trắng xoá cá bay đi
Cá vào hội xoè hoa mang áo đẹp
Cá nục, cá chuồn, cá chim – không phải chim đâu –
cá hồng hồng sắc vậy
Con cá song cảm được dẫn thơ về
Nơi nghìn thứ cá nức lòng sinh sôi vì thợ mò
Cho bát canh rau từ nay thêm chất ngọt
Những cánh tay người thêm chất máu

Cho mùa than như suối lớn
Từ đèo cao chảy mạnh những guồng than

Phải đầu lên rừng mới hái được hoa phong lan
Ta ra bể, hoa chờ ta giữa núi.
Hạ Long, Bái Tử Long rỗng đã khuất rồi, chỉ còn có đá
Những đêm trăng đá suy nghĩ như người
Khi xuân đến, đá động lòng thương nhớ
Khi hè gọi, đá xôn xao trong dạ đá...
Hoa phong lan tím hồng rủ bướm đến từng đôi...
Không ai nhớ nữa thời xưa đá đi làm giặc.
Chỗ hang thổ phỉ tàu ô, nay thấp ngọn lửa chài.

Thôi ! Ta nhớ đất liền rồi ! Cho ta về lại đất
Ngọn bướm ta đã muốn quay lưng
Chân trời không ở trước mặt ta, mà sau lưng ta
những thành phố, những tầng than
thành chân trời kêu gọi

Ta vừa nghe thấy tiếng kêu
Ôi tiếng kêu một nửa than đen, một nửa hồng mái ngói...
Của những thành phố như tổ ong mệnh mỏng sấp bám
vào đá núi

Mà mỗi con ong cần ong làm mật, làm than
trong mỗi căn nhà.

Những thành phố như rồng xưa lên cạn khoanh mình
nghe lại bể

Nghe tiếng thúc giục của trăm lớp sóng cuộc đời
không ngừng không nghỉ

Rồng vui lây, muốn nhả ngọc xua làm trái ngọt
nuôi người
Hồng Gay ! Cẩm Phả ! Cửa Ông ! Hà Lâm ! Hà Tu !
Vàng Danh ! Uông Bí !
Những thành phố măng non chưa sống hết cuộc đời
thành phố
Nhưng chất than đã thành thi tứ toả trên đầu...
Chất than hun dưới chỗ nằm làm cho hoa
và mặt người đậm sắc
Giọng người, giọng chim, tiếng xe, tiếng máy rõ lên
trong gió vì nghe trong máu nóng hơi than
Than ! Than ! Than ! Than ! Than ! Than !
Nắng sáng, sương chiều, mặt trời ban trưa, vàng hồng
ban mai, mặt trăng đầu hôm, mặt trăng giữa tối...
Cho đến một vì sao rất xa
Cũng theo than mà nhấp nháy
Còn ai yên ổn vì than !
Mười hai giờ than đổi thay sắc màu như hôn thi sĩ
hôm qua quen nay đã lạ
Những thành phố như những bài thơ luôn luôn đổi tứ
với màu than.
... (1)

(1) Trống một dòng trong bản gốc.

HOA NGÀY THƯỜNG - CHIM BÁO BÁO^(*)

NHỚ

Sáng ra đã gặp em rồi
Còn đêm nay nữa sao dài bằng năm ?
Ước bay đến chỗ em nằm
Cùng chung đợi sáng, tay cầm trong tay.

CHIM VÍT VỊT

I.

Vít vít !
Mưa hay là không mưa⁽¹⁾
Những đồng chiêm khô khốc !
Cửa sổ phòng ta
Ở quá xa
Không thấy mùa chiêm mất.
Những nhành lan nhan sắc
Nở mùa hoa

(*) NXB Văn học, H., 1967

(1) Tục truyền chim vít vít kêu thì trời mưa.

Che mắt.
Vít vịt !
Tiếng chim chiều
Như trách móc
Lòng ta !

II.

Vít vịt !
Những cánh đồng chiêm nẻ nứt !
Thương con chim
Biết nghĩ đến ngày mùa
Mà động tiếng kêu mưa !
Vít vịt !
Trời mờ im
Như cảm bởi tiếng chim
Nắng tắt.

Vít vịt !
Chim kêu
Dân ta nghèo
Mùa ơi chớ mất !
Chớ phụ lòng người sản xuất !
Phụ lòng ta sớm chiều
Day dứt
Nghe bên vườn
Vít vịt
Chim kêu.

Viết trong mùa hạn 1961

CON CÒ

I

Con còn bế trên tay

Con chưa biết con cò

Nhưng trong lời mẹ hát

Có cánh cò đang bay :

"Con cò bay la

Con cò bay lá

Con cò Cống Phủ,

Con cò Đồng Đăng..."

Cò một mình, cò phải kiếm ăn,

Con có mẹ, con chơi rồi lại ngủ.

"Con cò ăn đêm,

Con cò xa tổ,

Cò gặp cành mềm,

Cò sợ xáo măng..."

Ngủ yên ! Ngủ yên ! Cò ơi, chớ sợ !

Cánh cò mềm, mẹ đã sẵn tay nâng !

Trong lời ru của mẹ thấm hơi xuân,

Con chưa biết con cò, con vạc,

Con chưa biết những cành mềm mẹ hát,

Sữa mẹ nhiều, con ngủ chẳng phân vân.

II

Ngủ yên ! Ngủ yên ! Ngủ yên !
Cho cò trắng đến làm quen,
Con cò đứng ở quanh nòi
Rồi cò vào trong tổ
Con ngủ yên thì cò cũng ngủ,
Cánh của cò, hai đũa đắp chung đôi.
Mai khôn lớn, con theo cò đi học,
Cánh trắng cò bay theo gót đôi chân.
Lớn lên, lớn lên, lớn lên...
Con làm gì ?
Con làm thi sĩ !
Cánh cò trắng lại bay hoài không nghỉ
Trước hiên nhà
Và trong hơi mát câu văn...

III

Dù ở gần con,
Dù ở xa con,
Lên rừng xuống bể,
Cò sẽ tìm con,
Cò mãi yêu con.
Con dù lớn vẫn là con của mẹ,
Đi hết đời lòng mẹ vẫn theo con.
À ơi !
Một con cò thôi,

Con cò mẹ hát
Cũng là cuộc đời
Vỗ cánh qua nôi.
Ngủ đi ! Ngủ đi !
Cho cánh cò, cánh vạc,
Cho cả sắc trời
Đến hát
Quanh nôi.

1962

ĐI TRONG HƯƠNG CHÙA HƯƠNG

Nhớ ngày đen tối qua
Cổng Thiên Trù sụp đổ,
Chùa mới giờ ta xây
Lòng ta làm vôi vữa.

Chùa Tiên ! Oi, chùa Tiên !
Quả táo ăn một nửa
Anh hôn bàn tay em
Cảm ơn người vít quả !

Thơ chúa Trịnh dấu tài
Mất ta nhìn vôi vữa
Quả táo cắn kể môi
Sánh bài thơ trên đá.

Bên kia là chùa Tuyết,
Phải qua rừng hoa mai
Anh qua rừng hương ấy
Thì gặp mặt em cười.

Quên lọc lừa phản phúc
Anh hái cành ngọc trâm
Mặc kệ lời Phật dạy
Miếng tình ta lại ăn.

Động Hương Tích sát kê
Em ! Em ! Dừng bước lại !
Hạnh phúc chỗ mình đi
Nơi đời đang chảy xuôi.

Nơi bụi trúc dẫn đường
Chim cu gù lạc lối
Nơi nhành mai vẫy gọi
Thung lũng trắng bay hương...

Hạnh phúc cũng là đây
Khi tình anh đã tới
Nhũ đá tình yêu bày
Hang chùa Trong mát rọi

Rêu cỏ cũng mùa xuân
Giọt thời gian tỵ tách
Tạo vật động lòng trần
Trong thẳm sâu tịch mịch

Phật thức tình hai hàng
Áo màu xao cửa động
Nhớ đời và nhớ mộng
Phật ngồi mê trong hương.

Thời, anh dẫn em về
Thuyền yêu ta đã giục
Chùa Trong ra bến Đục
Nắng chiều đang dần mê.

Sưởi Yến đợi chờ ta
Trời sao buông thạch nhũ
Đêm như chùa Hương mở
Ở trên đầu hai ta.

NGƯỜI THAY ĐỔI ĐỜI TÔI – NGƯỜI THAY ĐỔI THƠ TÔI

Những năm ấy tôi đi giữa lòng Hà Nội
Không hay trong xà lim anh Hoàng Văn Thụ đang nằm,
Không biết anh Trần Đăng Ninh bị cùm tay mỗi tối,
Không hay trên biên thủy Bác đã dùng chân.

Tôi đến Nha Trang ngắm trời bể đẹp
Có hay đâu hang Pác Bó gió lùa,
Giường lạnh tựa là hai hàng đá ghép,
Mảnh áo chàm Bác mặc quá đơn sơ !

Đất nước sắp đổi thay rồi mà tôi chẳng biết
Người thay đổi đời ta đã về kia, ta vẫn không hay !
Tôi vẫn khép phòng vẫn hì hục viết
Nắng trôi đi oan uổng biết bao ngày !

Chớ bao giờ quên nỗi chua cay của một thời thơ ấu
Tổ quốc trong lòng ta mà có cũng như không !
Nhân dân ở quanh mà ta chẳng thấy !
Thơ xuôi tay như nước chảy xuôi dòng !

Ta làm con nai lạc giữa rừng thu
Làm hổ sa cơ giận vườn bách thảo,
Làm bóng ma Hời sờ soạng đêm mơ,
Làm tất cả, chỉ trừ không đổ máu !

Nở trắng hoa kim anh trên biên giới, Bác về
Xa nước ba mươi năm, một câu *Kiều*, Người vẫn nhớ
Mái tóc Bác đã phai màu quá nửa
Lòng son ngời như buổi mới ra đi.

Người đánh thức hồn dân tộc đã về kia ! Ta nghe bùng tỉnh dậy
Câu quan họ, xẩm xoan xưa vút ngã ba đường,
Điệu lục bát màu nâu nơi ruộng rẫy
Bức tranh làng Hồ và cô tố nữ dáng què hương...

Người đánh thức tương lai đã về kia ! Bác hôn lên hòn đất,
Nghe trong tay trở dậy những thành đồng,

Nghệ thay đổi cả vóc hình Tổ quốc,
Chùm Điện Biên rực lửa đã nằm trong.

Tôi ở đâu ? Đi đâu ? Tôi đã làm gì ?
Đời thấp thoáng sau những trang sách Phật
Đất nước đau dưới gót bầy ngựa Nhật
Lạc giữa sao trời, tôi vẫn còn mê !

Chưa có gì dính líu giữa thơ tôi và truyền đơn Bác viết
Tôi không biết khi Bác đau phải ăn một nắm lá rừng
Trong nước mắt thơ tôi, tôi chưa ngờ chất thép,
Chưa thấy trong máu mình sắp cuộn máu nhân dân.

Ôi ! Giữa lòng ta, Bác đến tự hồi nào ?
Bác vĩ đại mà chẳng làm ai kinh ngạc
Một buổi sáng, nhìn lòng ta, ta thấy Bác,
Nước mắt giàn, ta cảm hết ơn sâu.

Ấy là khi ta có thể nhảy vào đôn mà không sợ lửa,
Ăn một miếng khoai bùi, ta cảm thấy là ngon,
Khi riêng tây, ta thấy mình xấu hổ,
Khi nhìn đời, mỗi lá mỗi tơ non.

Khi uống ngụm nước trong, lưỡi ta không còn đắng
chất thị thành,

Đời tươi mát như ao sen mùa hạ,
Anh em bốn bên mà ta ở giữa,
Có được trái cây thơm, ta biết quý cả mùa lành.

Khi ta muốn thơ ta thành hăm chông giết giặc,
Thành một nhành hoa mát mát cho đời,
Khi mỗi bước đi lên của lòng ta đều thấm tình giai cấp,
Ta biết trong đời ta, Bác đã đến rồi.

Ở ĐÂU ? Ở ĐÂU ? Ở ĐẤT ANH HÙNG

Mùa hoa mai năm thứ chín kẻ di cư
Mùa thứ chín hoa đào ai tập kết
Năm miền Bắc ăn ngô để ra nhà máy thép
Năm miền Nam ta phải diệt thêm thù.

Phải diệt thật nhiều bọn xâm lược Mỹ
Những "bàn tay hoà bình" đang nhuộm máu dân ta !
Hãy giết chúng như thiên thần giết quỷ
Trên mỗi xác quân thù, họng súng phải reo ca.

Ở đâu ? Ở đâu ? Trẻ con khiếp mặt trời
Ngày mọc dậy với những bầy phóng pháo ?
Tàu bay Mỹ – kìa, tàu bay "nhân đạo"
Cỏ sân trường nát xác trẻ con chơi !

Ở đâu ? Ở đâu giặc xáo trộn quê ta như xóc một ván bài
Nhưng tên tỉnh, tên quận, tên làng biết bao lần thay đổi
Mẹ tóc bạc có còn chông, mẹ hỡi ?
Mai có còn bên giếng hờ chông mai ?

Ở đâu ? Ở đâu ? Phật ản cư cũng phải bỏ chùa ?
Kinh Đại Tạng xé bởi súng mười hai ly bảy !
Súng Hoa Kỳ đâu nể các vị sư ?
Đất nước cháy thì Phật, Thần cũng cháy !

Ở đâu ? Ở đâu, là nông dân mà chẳng được gieo trồng ?
Bãi mía, đồng ngô thành nơi tập trận
Phải quên tên nhiều giống lúa, khoai...
nhớ tên nhiều cỡ đạn,
Quên chiêm, mùa, nhớ quy luật hành quân !

Ở miền Nam ta ! Chính ở quê ta
Nơi con bồ câu trắng bị xem là cộng sản
Nơi ba nghìn đêm đều có người bị bắn
Ngỡ trời sao chảy máu dải Ngân Hà...

Đừng đau thương, em ơi ! Chớ đau thương !
Hãy nắm trong tay vững ngọn súng trường !
Nước mắt ta làm sương mù che mắt giặc
Hãy giết sạch quân thù rồi hãy khóc !

Ở đâu ? Ở đâu có sự tuyệt vời
Chiến đấu chống Tây ba ngàn ngày không nghỉ
Lại chiến đấu ba ngàn ngày chống Mỹ
Mà hoa trên đầu súng lại càng tươi ?

Ở đâu ? Ở đâu có sự diệu kỳ
Ta xé vải chôn ta để may cờ chiến thắng ?
Những vết thương đỏ chói sắc quân kỳ,
Ta nấu xích xiềng ta làm súng đạn.

Ở đâu ? Ở đâu ? Ở đất anh hùng
Người ngã xuống, tựa máu mình đứng dậy,
Người sống khiêng người chết để xung phong
Người chết cũng thành vũ khí tiến công.

Bọn đao phủ cũ tàn rồi, bọn đao phủ mới lên thay
Nhưng mồ chúng, ta đã đào sẵn lỗ
Hàng triệu anh hùng cũ chúng ta vẫn đang còn tại ngũ
Hàng triệu anh hùng mới đã lên đường súng chặc trong tay.

12 - 1963

CÁI HÂM CHÔNG GIẬN DỮ

Hoan hô cái hâm chông !
Ngươi canh cho tình yêu
Ngồi bên nhau đến sáng,
Cho quả chín trọn mùa,
Chim giữ tròn tổ trứng,
Nắng đẹp lành sắc nắng,
Mưa ngọt ngào hơi mưa...

Hãy hiểu ở đây ba mươi triệu con người đang giận dữ
Ở đất này chỉ yêu thôi không đủ
Trẻ lên ba đã theo mẹ chạy càn
Trẻ lên năm chết đói giữa nhà giam
Mỗi ngày ta đâu có ba trăm bà mẹ đẻ ?

Chúng yêu người và lấy giết người làm nghề nghiệp,
Chúng muốn Tổ quốc ta thành rừng hoang cho chúng
để đến săn

Cuộc chiến tranh này là chiến tranh đặc biệt
Trên Tổ quốc ta, ta phải làm con thịt,
Làm hươu nai cho chúng đến tranh phần !...

Hoan hô cái hầm chông
Vớ bảy hàng răng sắt
Nằm im lìm mặt đất
Mà người lập chiến công.
Người không vượt đại châu,
Không mang đầu nguyên tử
Mà cách mấy trùng dương
Toà Bạch ốc còn run
Và Lâu Năm Góc sợ.

Tôi sinh ra những năm có lấm chông gai
trên đường chân lý,

Gió lạnh thổi nhiều cơn chia rẽ
Bóng tối trời chực giết sao mai
Có những kẻ cầm hoa tặng quý.
Tôi sinh ra những năm không để hé môi cười
Nhưng con đường ta đi là con đường duy nhất đúng
Xác kẻ thù, ta giẫm dưới chân qua.
Hãy may lấy cờ ta trong giận dữ
Những lá cờ to gấp triệu núi sông ta
Dẫu muốn sống không thể quỳ để sống
Hái hoà bình xin hái giữa phong ba !

Hoan hô cái hầm chông
Của lòng dân phẫn nộ
Như một đấng anh hùng
Sinh ra từ bão lửa
Cái hầm chông bất khuất
Lùa vạn quân xâm lược
Vào một mồ chôn chung.

7 - 1964

NHỚ EM NƠI HUYỆN NHỎ

Em đi về Kiến Xương
Mùa này mưa bão lắm
Phòng anh mờ hơi sương
Nhớ em như nhớ nắng

Chiều nay ốm một mình
Vắng em ngồi bên cạnh
Ngọn gió lùa trêu anh
Cửa khép rồi vẫn đánh

Đường xa trăm cây số
Ngỡ có em về đó
Đắp chân dày cho anh
Và đứng nhìn anh ngủ

Rồi lại đi Thái Bình
Về Kiến Xương huyện nhỏ
Để lại trời bên cửa
Một màu xanh xanh xanh...

SAO CHIẾN THẮNG

Giác Mỹ mày đến đây
Thì ta tiêu diệt ngay !
Trời xanh ta nổi lửa !
Bể xanh ta giết mày !

Ôi ! Tổ quốc ta yêu như máu thịt,
Như mẹ cha ta, như vợ như chồng !
Ôi, Tổ quốc ! Nếu cần, ta chết
Cho mỗi ngôi nhà, ngọn núi, con sông...

Hãy cứ do bể ta bằng luật điều quốc tế
Trời xanh ta xanh bao nhiêu hải lý
Nhưng chớ đo lòng căm giận chúng ta
Máu hơn ba chục năm trời ta đã đổ ra :

Phải trăm năm mới có ngày độc lập
Ai đếm hết chuỗi người lên máy chém lúc hùng đông
Roi vọt Côn Lôn, ngục tù Phú Quốc...
Mỗi trang sử đất này đều nặng máu cha ông.

Hãy yêu ! Hãy yêu ! Hãy yêu tất cả :
Một chiếc cầu vừa mới bắc qua sông,
Một hợp tác lúa chiêm vàng óng ả,
Một nhà ăn cửa sổ sơn hồng...

Những nhà máy, nước sinh trong gian khổ,
Những lò cao như đứa trẻ đầu lòng
Hạnh phúc mới có khi còn vất vả
Nhưng bước đầu đây là của công nông.

Miền Bắc thân yêu trong tâm dạ Mỹ
Hãy yêu ! Hãy yêu ! Hãy yêu và bảo vệ
Mây nước, cửa nhà, văn học, ngữ ngôn...
Một đảo vắng Hòn Ngư còn chóp bể,
Một rặng núi Kỳ Sơn từng lấm lúc mưa nguồn...

Hãy đem máu ta ra mà gìn giữ
Nửa thân thể miền Bắc này cho ruột thịt phương Nam !
Trời xanh biếc của người đầu tuyến lửa
Nẻo Hùng Tinh từng quay hướng địa bàn.

Chớ để cho chúng đến gieo khăn tang và nạng gỗ,
Xây dựng những pháp trường và kiến thiết những tha ma,
Súng Mỹ chĩa vào căn phòng ta ở,
Dao cứa vào trên cổ họng ta ca !

Hỡi những tấm lòng lạnh tanh máu cá,
Những nhiệt tình xuống quá độ âm !

Có nghe tiếng ngư lôi và cao xạ ?
Giặc đánh ta thì ta đánh trả
Giữ hoà bình phải đấu bằng mọi giá ?
Giá hoà bình là quật ngã bọn xâm lăng !

Tàu Mỹ rụng đất này, ai có nghe chãng ?
Sao thức canh đêm, bể biếc reo mừng,
Sóng ru đất, mây nhấn cùng gió thổi :
– "Thần chiến thắng là những người áo vải,
Những binh nhất, binh nhì mười tám tuổi
Giết quân thù không đợi có hạt nhân".

Đêm nay sao chín vàng như thóc giống
Phải đêm nay trời cũng được mùa ?
Trời sao cao như là chiến trận
Sao sáng ngời vũ khí lòng ta !

Nghe rào rạt mười bốn triệu miền Nam đang tỉnh thức
Không ! Ba mươi triệu kim cương của thiên hà Tổ quốc !
Không ! Hàng triệu ngôi sao sáng anh em đang
chiếm lĩnh bầu trời

Hứa một Mùa Gặt lớn ngày mai !

11 - 8 - 1964

BÉ THẨM⁽¹⁾ ĐÀN

Lên ba, Thẩm tập đánh đàn
Bắt chước chú Thi⁽²⁾, bác Khoát⁽³⁾
Như một nhạc sĩ đàn hoàng
Đầu nghiêng, tay lẩn nốt nhạc.
Cái đàn to cộ mênh mông
Dãy phím giăng hàng bát ngát
Cái ghế thì cao vô cùng
"Nhạc sĩ" tôi thì bé choắt !
Đầu tiên hãy mở đàn ra
Chả dễ như học trò vọc đất
Lớn rồi chả muốn nhờ cha.
Hai tay phải giương lấy nắp,
Thứ đến, tót trèo lên ghế
Cũng không đòi mẹ phải bồng
"Nhạc sĩ" rất cẩn tư thể
Sách lót đít ngồi chễm chệ
Hai chân buông xuống lòng thông.
Tĩnh tĩnh, tính tĩnh, tính tang !
À quên ! Hãy còn sách nhạc !
Vội quá ! Sách bày lộn ngược

(1) *Bé Thẩm* : con gái nhà thơ.

(2) *Chú Thi* : nhà thơ Nguyễn Đình Thi (1924 - 2003).

(3) *Bác Khoát* : nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát (1910 - 1993).

Đầu con thỏ con xuống đất
Với con, điều ấy không cần.

Chim kia ngoài vườn đang bay
Đế kia trước thềm say ngủ
Chúng mày có hay ? Có hay ?
Tập đàn cũng không phải bờ
Phải xoè bàn tay, ngón tay,
Có những phím đàn tận cuối
Năm bờ cũng không với tới
Lại đàn chậm chậm... mau mau...
Phải hết như đàn bác Khoát
Bác dim đôi mắt thế nào
Còn phải dim cho giống bác...
Tinh tang ! Tính tang ! Tính tang !
Cò bé sáng ngày nghịch cóc
Giờ đây làm ấm không gian
Cha phải dừng tay rửa bát
Mẹ ngừng sách giữa chừng trang
Nắng ở trên cành theo hát
Con ong mê cái hoa vàng
Giữa muôn nghìn tiếng mai nay
Thấm thì nhựa rót cành cây
Tiếng gió thổi chùng lá mới
Xôn xao tiếng giục bò cày
Giữa bãi tiếng vỗ đập đất

Ngoài xa tiếng nước sông trôi
Trong xóm tiếng gà cục tác
Sau mây, tiếng nắng mặt trời
Có phần của con chim chích
Đang gieo từng giọt sương tròn
Ấn lên tiếng đàn ríu rít
Có phần bé xíu tay thon.

TỔ QUỐC BAO GIỜ ĐẸP THẾ NÀY CHĂNG ?

Hỡi sông Hồng tiếng hát bốn nghìn năm !
Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng ?
– Chưa đâu ! Và ngay cả trong những ngày đẹp nhất
Khi Nguyễn Trãi làm thơ và đánh giặc,
Nguyễn Du viết *Kiều*, đất nước hoá thành văn,
Khi Nguyễn Huệ cưỡi voi vào cửa Bắc,
Hung Đạo diệt quân Nguyên trên sông Bạch Đằng...

Những ngày tôi sống đây là ngày đẹp hơn tất cả
Dù mai sau đời muôn vạn lần hơn :
Trái cây rơi vào áo người ngắm quả,
Đường nhân loại đi qua bóng lá xanh rờn,
Mặt trời đến mỗi ngày như khách lạ,
Gặp mỗi mặt người đều muốn ghé môi hôn...

Cha ông xưa từng dấm nát tay trước cửa cuộc đời,
Cửa vẫn đóng và Đời im ỉm khoá
Những pho tượng chùa Tây Phương không biết cách
trả lời⁽¹⁾

Cả dân tộc đói nghèo trong rơm rạ
Văn Chiêu hồn từng thấm giọt mưa rơi!⁽²⁾

Có phải cha ông đến sớm chẳng và cháu con
thì lại muộn ?
Dẫu có bay giữa trăng sao cũng tiếc không được sống
phút bây giờ

Buổi đất nước của Hùng Vương có Đảng,
Mỗi người dân đều được thấy Bác Hồ...
Thịt xương ta, giặc phơi ngoài bãi bắn
Lại tái sinh từ Pác Bó, Ba Tơ...

Không ai có thể ngủ yên trong đời chật
Buổi thủy triều vẫy gọi những vầng trăng,
Mỗi gié lúa đều muốn thêm nhiều hạt,
Gỗ trăm cây đều muốn hoá nên trăm,
Mỗi chú bé đều nằm mơ ngựa sắt,
Mỗi con sông đều muốn hoá Bạch Đằng...

Ồi ! Trường Sơn vĩ đại của ta ơi !
Ta tựa vào người, kéo pháo lên đồi,
Ta tựa vào Đảng ta, lên tiếng hát,

(1) Bài thơ *Các vị La Hán chùa Tây Phương* của Huy Cận có câu : "Một câu hỏi lớn không-lời đáp - Cho đến bây giờ mặt vẫn chau".

(2) *Văn Chiêu hồn* của Nguyễn Du tả mười loại chúng sinh không có cách giải thoát.

Dưới chân ta, đến đầu hàng Đờ Cát,
Rồng năm móng vua quan thành bụi đất,
Mỗi trang thơ đều dội tiếng ta cười !
Đều lộng hương thơm những cánh đồng hợp tác
Chim cu gân, chim cu gáy xa xa...
Ruộng đoàn tụ nên người thối chia cắt,
Đêm no ám giọng chèo khuya khoan nhặt,
Lúa thêm mùa khi lúa chín về ta.

Rồi với đôi tay trắng từ Đinh, Lý, Trần, Lê... Đảng làm
nên công nghiệp,

Điện trời ta là sóng nước sông Hồng
An Dương Vương hãy dậy cùng ta xây sắt thép,
Loa Thành này có đẹp mắt Người chăng ?
Ong bay nhà khu tỉnh uỷ Hưng Yên
Mật đồng bằng mùa nhãn ngọt môi em
Cây xanh ngắt đất bạc màu Vĩnh Phúc...
Ôi ! Cái thuở lòng ta yêu Tổ quốc
Hạnh phúc nào không hạnh phúc đầu tiên ?

Ôi cái buổi sinh thành và tái tạo
Khi thiếu súng và khi thì thiếu gạo
Nhưng phù sa này để ra những Cà Mau thịnh vượng
mai sau.

Dầu là Chúa cũng sinh ra từ ruột máu,
Ta để ra đời, sao khỏi những cơn đau ?

Hãy biết ơn vị muối của đời cho thơ chất mặn !
Ôi ! Thương thay những thế kỷ vắng anh hùng,

Những đất nước thiếu người cầm thanh gươm
nghìn cân ra trận,
Nhà thơ sinh đồng thời với mưa phùn và những buổi
hoàng hôn,
Cả xứ sở trắng một màu mây trắng,
Ai biết mây trên trời buồn hay thơ mặt đất buồn hơn ?

Chọn thời mà sống chăng ? Anh sẽ chọn năm nào đấy nhỉ ?
– Cho tôi sinh ra buổi Đảng dựng xây đời,
Mắt được thấy dòng sông ra gặp bể,
Ta với mẹ thép gang đầu là đứa trẻ sinh đời,
Nguyễn Văn Trỗi ra đi còn dạy chúng ta cười...
Cho tôi sinh giữa những ngày diệt Mỹ,
Vóc nhà thơ đứng ngang tầm chiến lũy
Bên những dũng sĩ đuổi xe tăng ngoài đồng
và hạ trực thăng rơi.

Nhà viết Hồ Tây gắn ngày kỷ niệm Đảng 1965

HOA NHỮNG NGÀY THƯỜNG

Tặng Vũ Thị Thường

Em ơi chớ cười anh nhé !
Sao đi sông rộng, đèo cao
Mà tấm lòng riêng vẫn nhớ
Hoa ngày ta ở bên nhau ?

Căn phòng nhỏ nhỏ hai ta
Hoa hồng mọc bên cửa sổ,
Mỗi ngày lại mỗi ngày qua
Mỗi ngày thấm đượm hương hoa.
Em ơi, em chớ có cười !
Anh vẫn bên gan chiến đấu
Trong ta có sức trăm người
Dấu máu không hề tiếc máu.

Lạ thay đất nước quê nhà
Lửa đạn, hoa mùa cứ nở
Bên đường công tác anh qua
Hoa hồng vẫy gọi thiết tha.

Hố bom toác ở đâu sân
Cuối sân lại nở đoá hồng
Màu đỏ hai lần đỏ gấp,
Phí hoài bom chúng nghìn cân !

Không phải cành hoa sau lưng
Quay núm lòng anh trở lại
Chói chang trước mắt hoa hồng
Đích để lòng ta tiến tới.

Ôi ! Màu son của lòng tin !
Hồng những gương hồng như mặt
Chính em, là em, như em
Bên đường giục giã anh lên.

Gió chiều Nhật Lệ đưa hương,
Hoa ghé lòng ta như bảo :
– Em đây, hoa những ngày thường
Yêu quá thành hoa chiến đấu
Rời chốn phòng riêng nho nhỏ
Theo anh lên tận chiến hào
Dập tắt muôn trùng đạn lửa
Lấp bằng những hố bom sâu
Chối lói tình yêu em nở !

1965

GỬI KIỀU CHO EM NĂM ĐÁNH MỸ

Hai trăm năm ngày kỷ niệm Nguyễn Du
Pháo sáng đốt trên nhà của Nguyễn.
Em có yên tâm để đọc *Truyện Kiều*
Buổi trăng lửa chéch soi tiền tuyến ?

Gió mùa thu xào xạc hoa lau
Anh qua nhà của Nguyễn chả dừng lâu
Nhớ đến Nguyễn, ngược nhìn Hồng Lĩnh vậy
Bến phà Vinh, bom cát hai đầu.

Có ngờ đâu cồn cát trắng, cây xanh
Gặp Nguyễn nơi đây trên đất Quảng Bình.
Đất hoả tuyến những chàng trai lớp bảy
Lại ngâm *Kiều* sau một cuộc giao tranh.

Bốn phía ruộng đồng mái rạ bờ tre
Trận địa nằm man mác giữa hương quê
Thơ dân tộc lẫn màu nâu dân dã
Nên câu *Kiều* đồng vọng, họ còn nghe.

Đêm thắp giặc Bảo Ninh, mẹ Suốt ngậm *Kiều*,
Mẹ dấm đầu quên cái thuở khổ nghèo
Nhà ai đó lấy *Kiều*, câu được, mất,
Mẹ nấp góc dĩa, nước mắt giàn theo⁽¹⁾.

"Thuyền ai thấp thoáng... " Đất trời về ta
Nhật Lệ sông dài, thuyền mẹ lại qua
Câu thơ Nguyễn cũng góp phần đánh Mỹ
Một mái chèo trong lửa đạn xông pha.

Hai trăm năm... ờ nhì... hai trăm năm !
Thuở vui buồn, *Kiều* sống giữa lòng dân
Xưa tiếng võng ru hời đêm lạnh giá
Nay cỏ mềm xanh non tận trời xuân.

Đất nước mình nghèo lắm, hỡi em yêu !
Cho đến giọt lệ cha ông cũng còn có ích với ta nhiều
Dấu súng đạn nặng đường ra hoả tuyến
Đi đường dài, em giữ *Truyện Kiều* theo !

(1) Mẹ Suốt ở Bảo Ninh kể : Trước kia, mỗi khi cụ đồ nhà bên cạnh ngậm *Kiều*, mẹ hay nấp nghe, đến đoạn khổ, mẹ lại khóc.

CON MẮT BẠCH ĐẰNG – CON MẮT ĐỒNG ĐA

Những năm toàn đất nước có một tâm hồn, có chung
khuôn mặt
Nụ cười tiễn đưa con, nghìn bà mẹ in nhau,
Những mắt sáng vì toàn dân tỉnh thức,
Dáng lao nhanh theo trận tuyến đời mau.
Núi Bắc, sông Nam đều giống Bắc,
Nhìn một người ta nhìn ra cả nước,
Trán trông xa và mắt dõi về sâu.

Những năm giặc Mỹ muốm giết ta chỉ đầu từng huyện
từng vùng
Chúng tính số ba mươi triệu dân ta để nhân cùng số đạn,
Thieu đàn bầu và đập nát nhạc tờ rừng !
Chúng lấy những em nhỏ, những mầm non làm đích bắn !
Thuốc độc màu đen, lân tinh sắc trắng
Khô cằn xuân và tuyết tự trăm rừng.

Những năm Đảng ta có con mắt Bạch Đằng,
con mắt Đồng Đa
Nhìn thấu vận mệnh nghìn năm sau cho Tổ quốc
Một câu *Kiều* cho chí một hành hoa
Đều là của nhân dân không thể mất.
Thế hệ này như hai thế hệ đi qua
Tay cân lại của ông cha từng nắm đất
Rồi giữ gìn bằng chính máu xương ta.

Đảng bảo : Nhìn chiến tranh không được he hé mắt nhìn,
Hãy trông thẳng quân thù, cầm gươm lên, giết nó !
Chớ vội trông hoa ở chỗ gài mìn,
Đừng nhờn như bắt bướm dọc đường có bom chậm nổ
Hận thù này, xin chớ để người quên !
Hãy giết giặc bằng cái vui sinh nở
Của trái chín, tầm lên, lúa trở...
Bằng trái tim hồng, không phải bằng trái tim đen.

Bằng tất cả lòng, không phải một bên
Khi cần thiết, vút lá ngụy trang đi mà chiến đấu
Đồng Tháp Mười, ta nhớ những hoa sen
Yêu Tổ quốc là điều không thể giấu
Nam đổ máu, Bắc lòng ta tiếp máu
Thịt xương ta ai, có thể chia miền ?

Tám trăm xác phi cơ ùn dưới chân đép Bác Hồ
Mác đã chỉ cho đường ta đúng hướng
Một ngôi sao chung cho cả hai cờ,
Chông thép mới Vạn Tường hay tên đồng cũ Cổ Loa
Ta đổ máu lòng ta không vay mượn
Nư Hồng Lĩnh tự mình xây núi lớn,
Cửu Long dài đảm nhiệm lấy phù sa...

Phải trao lại cho cháu con những chiến công chứ
không phải chiến hào

Ta đánh giặc và phải là ta thắng giặc.
Thế hệ chủ công, thế hệ đi đầu
Chính ta đây chứ còn có ai nào ?
Cầm sông núi và làm nên thống nhất !

1966

NGHĨ VỀ THƠ

(Trích)

II

Những năm cách mạng chưa về, vườn ta có hoa
mà không đậu quả
Rặng liễu tâm hồn chưa xanh tơi mà đã úa vàng
Nhiều chim bằng chưa bay đã hoá cu nhà, chim sâu
ăn đất

Chưa gặp trời đã gãy cánh giữa lòng nan
Bàn tay muốn gieo đã nắm nhầm hạt giống,
Lẽ ra cầm tờ truyền đơn thì khoe văn tự bán hồn
Cờ chiến đấu ướp trong mùi hương phấn
Trong khói hương chùa lẩn dấu môi son...

Vết thương xa những chỗ sẹo đang còn
Hãy nhớ chỗ tâm hồn ta phí máu
Cái đã qua có khi còn trở lại đón đường
Chớ bảo rằng dĩ vãng ở sau lưng và bật đầu

[...]

IV

Nhiều hòn đảo gọi mà anh không nghe thấy sóng
Nhiều biên thủy chờ anh mà sao chẳng thấy mây
Nhiều mặt trận đời, nhưng anh lạc giữa trận địa
của bàn và tử
Anh thám hiểm mặt gối và lòng người muôn thuở
Không hay mùa đổi chín trên đầu cây.

Cuộc sống đánh vào thơ trăm nghìn lớp sóng
Chớ ngồi trong phòng ăn bột bẻ, anh ơi !
Tâm hồn anh là của đời một nửa
Một nửa kia lại cũng của đời.
[...]

VII

Có thể mùa xuân đang còn mà lòng hái hoa
của anh đã hết
Ngược lại có khi xuân đến rồi mà anh tụt lại sau
Làm sao cho thơ anh và đời ăn khớp
Đừng có như hai người yêu ngồi dưới gốc đào còn lại
cãi nhau !
[...]

XI

Xưa thơ chỉ hay than mà ít hỏi
Đảng dạy ta : Thơ phải trả lời
Phải cầm lấy ván bài nhân loại
Không để dòng nước chảy trôi xuôi.
Thế hệ ta, nhân loại sẽ "ừ"

Ta đã trộn bài chia trở lại
Lấy đá mới tạc lên thân mới
Mong nụ cười chưa có nghìn xưa
[...]

XIII

Hình thức cũng là vũ khí
Sắc đẹp câu thơ cũng phải đấu tranh cho chân lý
Anh nghe cái mặn của đời đang độ kết tinh
Nó chưa thành hình, anh cho nó có hình
Chưa thành hạt, anh làm cho nên hạt
Rồi trả tận tay người cùng máu với anh...
[...]

Ghi từ 1962 đến 1965

ĐỐI THOẠI MỚI^(*)

CHƠI CHỮ VỀ NGÕ TẠM THƯƠNG

(Tức Tạm Sương)

Sương giăng mờ trên ngõ Tạm Sương
Ngõ rất cụt mà lòng xa thẳm
Ngõ bầy thước mà lòng muôn dặm
Thương một đời đâu phải tạm thương

(*) NXB Văn học, H., 1973

HOÀNG THẢO HOA VÀNG

Hoàng thảo hoa vàng... Chợt nhớ ra
Ở xuân ! Lơ đãng bấy lòng ta
Câu thơ tháng chạp mình chưa viết
Mà đó hoa vàng, xuân tháng ba.

LÒNG ANH LÀM BẾN THU

Buổi sáng em xa chi
Cho chiều, mùa thu đến
Để lòng anh hoá bến
Nghe thuyền em ra đi.

RÉT ĐẦU MÙA NHỚ NGƯỜI ĐI PHÍA BỀ

Cái rét đầu mùa anh rét xa em
Đêm dài lạnh, chần chia thành hai nửa
Một đắp cho em ở vùng sóng bể,
Một đắp cho mình ở phía không em.

CHIM BIẾC VĨNH LINH

Bốn năm đạn lửa chim bay hết
Nay tiếng bom im, cánh biếc về
Tiếng hót đầu tiên, ơ, lạ lắm !
Cả làng rung lệ đứng im nghe.

HOA GẠO SƠN

Thời gian trôi lặng thinh
Mà tháng ngày chảy hết !
Xuân qua, mình chẳng biết,
Hoa gạo đỏ thình lình.

HOA THÁNG BA

Tháng ba nở trắng hoa xoan
Sáng ra mặt đất lan tràn mùi hương.
Không em, anh chẳng qua vườn,
Sợ mùi hương, sợ mùi hương nhắc mình !

HOA LAU TRẮNG

Man mác hoa lau trắng
Đường về thăm Nguyễn Du
Ngàn lau từ Nguyễn thấy
Bạc xoá đến bây giờ.

LAU MÙA THU

Ngàn lau cười trong nắng
Hồn của mùa thu về
Hồn mùa thu sắp đi
Ngàn lau xao xác trắng.

BÚP LỘC VÙNG

Đền cũ vua xưa, đò lộc vùng
Chồi non lá nhỏ sáng đầu sân
Ngựa xưa voi cũ hai hàng đá,
Uy thế còn thua búp lá xuân.

THỜI GIAN VÀ NỖ LỰC

Đời tuổi bốn, năm mươi
Mong gì hương sắc lạ
Mọc chùm hoa trên đá
Mùa xuân không chịu lùi.

NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC

Những lá thơm hái lúc về già
Hái những lá có hương tư tưởng
Khi cây đã hoá trầm trong ruột
Lá đủ rồi, phải đợi gì hoa ?

TUỲ BÚT MỘT MÙA XUÂN ĐÁNH GIẶC

(Trích)

I

Tin vui chiến trường tới tấp về đây
Lòng anh như say
Anh cùng em qua các đường Hà Nội
Niềm vui không giấu nổi
Nên cắm hoa trên tay

Cành đào năm chiến thắng
Lấp lánh màu hoa tươi
Mùa xuân xao xuyến đất
Mùa xuân xao xuyến người

Anh đi Hồ Kiếm
Anh về Hồ Tây
Con ong nào lưu luyến
Theo cành đào. Ong bay
Con ong ấy cần cù kiếm mật
Ở đất nước làm ăn chân thật
Một ngày hoa không bỏ sót một ngày

Anh lên chợ Bưởi
Lại về chợ Mơ
Nhớ chi phố Huế
Mà ra Bờ Hồ
Đời đẹp quá hoá làm bối rối
Muốn chia lòng đi khắp thủ đô

Đang vui thế bỗng lòng nhớ Bác
Nhớ tiếng Người, xuân có bài thơ
Không, Người vẫn đấy có gì đâu khác
Đỏ thắm màu hoa, rực sắc cờ.

Anh lên Hàng Lược
Lại về Hàng Ngang
Hoa ta rẽ giữa bao nhành hoa cô, bác
Nghìn nhánh đào thênh thang

Trong lịch sử nghìn xưa tít tắp
Ai đầu tiên đã nắm nhánh đào
Cho con cháu cắm hoa đánh giặc
Nuôi sắc hồng giữa vạn gian lao ?
Giữa cuộc đời rất thực
Cắm một nhánh chiêm bao
Bọn Mỹ – nguy vùi thây bụi đất
Chiến công này mở lối xuân sang
Cả phố phường ngáy ngất
Thấy mình có mặt
Cùng nhân dân Tổ quốc...
Trọng điểm... hồng... thời gian

Thời gian
Cái hành lang
Ba vạn sáu ngàn
Anh đã đi dọc cái hành lang ba vạn sáu ngàn mặt trời
rụng nở

Qua triệu nỗi vui buồn lớn nhỏ
Vui nào bằng Lịch sử
Khi đời đang giờ trang ?
[...]

IV

Một cành đào ứ nhựa
Nặng bàn tay anh cầm
Em đưa tay ghé đỡ
Cùng chia nhau mùa xuân

Pháo giao thừa nổ ran
Anh cùng em nín thở
Trong hương trầm lặng toả
Nghe chuyển giao thời gian

Ai đuổi giặc rừng già vắng bóng hươu mang
Vắng lộc nồn mùa xuân trên thớ đá
Ai diệt Mỹ chốn tháp, đền xa lạ
Màu hoa ư ? Là sắc trắng mây ngàn
Ai chặn thù trên đỉnh Hải Vân Quan
Hay nơi xoè chín nhánh sông vùng châu thổ
Nơi chót vót biên cương
Nơi tận cùng xứ sở
Tay vui hái một nhành mai rồi bỗng nhớ
Một cảnh đào Hà Nội, lúc xuân sang
Trân trọng cảnh đào
Em hãy đưa cao
Cho người xa thấy nó
Chiến trường trông rõ chứ ?
Hậu phương lớn đang điệp trùng đội ngũ
Theo mùa xuân lên những chiến hào
Phía hoa ấy phía nhà Bác ở
Trên Tháp Rùa có một ngôi sao.

Cắm cành hoa đi giữa loài người
Vui nào bằng em nhỉ ?
Cắm ngọn súng lên đường diệt Mỹ
Ta sinh giữa mùa nhân loại có gai.

CẨM CÀNH HOA VIỆT NAM
Chói ngời trong thế kỷ
CAM CÀNH ĐÀO CHAN LY
Ta đi qua thời gian.

1972

TỪ ĐẤT ĐẾN BÌNH

Người mẹ già
Nắm đất
Chiếc bàn quay

Ở bên ngoài
Nắng sáng
Hoa lay

Theo tay
Mẹ già
Nắm đất
Xoay xoay
Đất ngủ nghìn năm
Tĩnh dậy
Sáng mai này

Mê theo một dáng hình
Đất đuổi
Như bay.

Ôi quá trình
Đến chiếc bình
Từ nắm đất
Xa thay !
Dưới vẫn còn đêm
Mà trên đã là ngày
Trên đã là bình
Mà dưới : đất
Còn đây
Đất để ra bình
Từng nét
Thơ ngây

Đất hoá thân
Ra khỏi mình
Hay bình hiện hình
Thay đất ?
Có ai hay !

Cả một dòng nước xoáy
Để thời gian trôi
Hoá thành cái vực sâu
Hút mãi
Và trung tâm
Là chiếc bình
Động lại

Nắm đất đi qua
Buổi sáng đi qua
Chiếc bình tồn tại

Và kia những hoa văn
Dần nổi...
Mờ xa...
Những hoa văn của một thời con gái
Mà tay mẹ ngỡ quên rồi
Chiếc bình
Đã phục hồi
Cho sống lại
Hiện dần ra...

Mẹ gửi lòng mình trong nắm đất, trong bàn tay
Có phải thế mà thời gian quay trở lại ?
Chiếc bình ấy là chiếc bình không có tuổi
Tuổi thời gian là tuổi sáng mai này
Mẹ chẳng biết đâu
Xin đừng có hỏi...
Chiếc bình im không nói
Ở chỗ ta thấy một dáng hình
Một công trình...
Họ thấy một cơn say

NGHĨ VỀ NGHỀ, NGHĨ VỀ THƠ, NGHĨ..

(Trích)

Thơ, thơ dong từng ngao nhưng tát bể
Là cái cân nhỏ xúu lại cân đời.

Thơ không phải chỉ đưa ru mà còn thức tỉnh
Không phải chỉ "ơ hời" mà còn đập bàn quát tháo, lo toan.

Đóng bài thơ như cái cọc vào đời để chống nước trôi xuôi
Làm cho mọi người nghe được cái vô hình này :

thời gian họ sống

Anh phải làm cho thời đại đến sớm hơn là nó đến
Anh là gió đưa hương, nhưng chính ra anh lại phải là hương
[...]

Hãy đo chiều cao những chuông cộc, chiều sâu những
vết thương, sức nặng những gông xiềng,
bề rộng những vành đai trắng xoá

Mà nhẹ tênh thay là lời hát của anh.

Anh là người định vực sự sống ba chiều
Lên trang thơ hai mặt phẳng.

Sao trên trời mỗi đêm anh cần thấp lại
Sông Ngân Hà chảy, nhờ anh mà nó chảy
Những ngôi sao trên trời đổi ngôi, nhờ anh mà nó đổi ngôi
Mỗi ngày, mỗi giờ, mỗi phút, mỗi giây
Đều có cái gì của đời không giống trước
Miễn là có anh lắng tai
Nếu anh ghi lại thì dòng sông kia ở lại
Và anh để đời trôi xuôi thì nước cũng trôi xuôi.

[...]

Những câu thơ pháo đất – đối – đất vẫn phải qua trời
bằng một đường cong

Có những lúc câu thơ phải bán câu vòng
Mà người nhắm vẫn là nhắm thẳng.

Nhà thi sĩ như con chim bói cá, mắt bao gồm đám hồ
bát ngát, phải thấy cả tam thiên mẫu của đời,
trước khi lao vào bắt một chiếc cá con
Lao như trong tình yêu anh lao vào em vậy
Chỉ một phút lao mà phải lượn trăm vòng.
Một phút lao ào ào hư hư mà phải lượn trăm vòng rất thực
Hay là để lao vào bắt con cá thực, có khi phải lượn
nghìn vòng rất đổi ảo hư.
Văng trán năm 68 các nhà thơ
Giống văng trán đổ mồ hôi những người thợ trên cầu
Và giọt mồ hôi các thi sĩ hè 1972
Chung với giọt mồ hôi những anh hùng lên mâm pháo.

SỞ TAY THƠ

(Trích)

[...]

Trái đất rộng thêm ra một phần vì bởi các trang thơ
Vì diện tích tâm hồn các nhà thi sĩ
Họ chỉ trồng một hàng dương đã mở lối cho ta về bể

Thơ dở không dịch được
Thơ hay như người đẹp, ở đâu, đi đâu cũng lấy
được chồng.

[...]

Giữa đời và anh, chớ lấy tác phẩm cổ kim ra che mắt

Những cái bẻ vãn chương án ngữ phía bên này không
cho thấy phía bên kia.

[...]

Xưa tôi hát mà bây giờ tôi tập nói
Chỉ nói thôi mới nói hết được đời.
Bao giờ thuộc hết tiếng của đời, ta xin hát lại
Khúc hát hay đâu có lắm nhời.

[...]

Cuộc đời cần để ra nhiều hình thức
Dù là ngọc thì cũng nhiều viên ngọc
Chứ phải đâu cứ xanh xanh vĩnh viễn một màu trời

Khi tất cả mọi người đọc anh đã bỏ ra đi
Còn một độc giả yêu anh và ở lại,
Anh có gì cho người kiên nhẫn ấy ?
Có còn chăng một vì sao dành lại giữa đêm khuya
Người ấy tìm ra ngôi sao mà anh hằng ngắm đấy,
Chính ngôi sao kia sẽ gọi trăm người đọc lại quay về
Nếu cho người kiên nhẫn ấy, ngôi sao kia anh cũng
không có nốt
Thì anh chớ than phiền khi trăm người khép sách
bỏ anh đi.

[...]

Đùng, đùng bóp cây đa thành củ thủy tiên,
Cò đúc bản trường ca thành bài tứ tuyệt

[...]

Bài thơ sáng viết Việt Nam, chiều đọc ở Mạc Tư Khoa,
Sáng hôm sau đốt cháy lên những cuộc biểu tình ở Pari,
Nữ Ước...

Nó viết ở kinh tuyến này và rung động trào sôi ở
kinh tuyến khác.

Trong dân tộc và ngoài dân tộc

Anh phải bơi trong nước ngọt sông mình lại phải ra
thử thách mình giữa bể mặn trùng khơi

Đừng làm những câu thơ khuôn mình theo văn phạm
Như những cây quá thẳng, chim không về.

[...]

Bài thơ anh, anh làm một nửa mà thôi,
Còn một nửa cho mùa thu làm lấy.
Cái xào xạc hồn anh chính là xào xạc lá
Nó không là anh, nhưng nó là mùa.

[...]

Bốn nghìn năm chưa phải là ta đã cày sâu vào
trang giấy lấm đầu
Gié lúa nhiều thế kỷ cắm lên còn lép hạt
Đảng bảo ta thay giống lúa xưa và thay cả những
luống cày.

[...]

Con gà không đối thủ
Để dương oai diều võ
Tự đá mình trong gương

Thảm thương nhà thơ ấy
Bản ngã vờn bản ngã
Lấy mình làm văn chương
Tự đá mình trên giấy !
[. .]

Nghे ông cha và nghe con cái nữa
Truyền thống là giống Lý – Trần và giống nhiều
những thế hệ mai sau
Giống những năm tháng sẽ khai hoang, những chân trời
sẽ vỡ
Chớ chỉ tìm dân tộc phía đằng sau.

Ta nối liền ta trong bể dọc thời gian, câu thơ thế kỷ
hai mươi liền hơi với hôn cha ông trong
Truyện Kiều, Chinh phụ...
Nhưng dân tộc ta cũng là ta cùng nhịp đập với tim ta
trong bề ngang không gian trước đã
Cách làm thơ năm 72 giống với cách trồng rau năm 72,
đánh Mỹ năm 72
Dân tộc chung một phong cách năm 72 khi yêu và khi
tìm từ ngữ
Anh không thể yêu bộ răng đen "dân tộc" của mình,
vì nó rất... ngoại lai !

NHỮNG BÀI THƠ ĐÁNH GIÁC^(*)

THỜI SỰ HÈ 72, BÌNH LUẬN

(Trích)

I

Với chiến công, ta hiểu lại các vấn đề
Phát giác sự việc ở bề chưa thấy
Ở cái bề sâu, ở cái bề sau, ở cái bề xa.

Những năm tháng sao mà trọng đại
Ngón ngang thay mà rất đổi oai hùng
Trăm vạn khối mây trời cổ quái
Nhưng chính lúc để ra ngày, sinh hạ những hừng đông.

Bến phà kia ta qua lại bao lần
Đêm nay ngỡ có gì không hiểu nổi
Dòng sông ấy không phải sông ấy nữa
Tùng ngọn sóng đầu lau chát chứa
Những bão bùng và những chiến công.

Mỗi bãi sù, bờ đê thoát ra cuộc sống riêng nhỏ hẹp
riêng mình

Sống đời Tổ quốc
Chốc nữa cùng ta giao phong trận mạc
Đất đai này cùng với thịt da ta

(*) NXB Thanh niên, H., 1972.

Trận địa gần lẩn với chiến trường xa
Sông Hồng áy và Bạch Đằng xưa trong quá khứ
Hòa làm một. Hoá thành lịch sử
Ồi ! Tấm lòng ngày qua không đủ cỡ
Để hiểu sáng mai này.

Kìa ! Sắp một trang qua !

II

Điều hiểu lớn, ta hiểu thêm về Bác
Với đất nước sinh ra mình, Bác vẫn là điều bí mật
Một thế hệ, vài thế hệ chúng ta chưa đủ hiểu hết Người.
Cứ mỗi bước đi lên, dân tộc lại định nghĩa Người
từ bản chất
Đọc vào sự nghiệp, núi sông, *Di chúc* của Người và hỏi
"Bác là ai ?"
Bác là ai ? Ngày hôm nay Bác là vị tướng
Trong cõi trường sinh, tiếng hát trong của Người là
một tiếng hát xa
Nhưng khi đất nước cần chém triệu đầu quân giặc
Thì tiếng hát diệu kỳ là tiếng hét :
"*Tiến lên ! Toàn thắng ắt về ta !*"
Rồi mai đây ta sẽ trở về với vầng trăng thơ suy tưởng
của Người
Nhưng hôm nay Bác là mặt trời chiến thắng
Mặt trời Người kín đáo cạnh hành mai.
Người ghét sự chói chang, nhưng chính Người là
nguồn ấm nóng
Của vầng hồng đánh dẹp bóng đêm lui.

Tia sáng của Người, ánh mắt của Người
xuyên ngang thế kỷ
Cần gì gọi là chân lý thì mới là chân lý
Ánh mắt xuyên từ buổi tập súng gỗ hoả mai trên
bãi đậu tương vàng⁽¹⁾
Đến ngày nay bài binh bố trận những sư đoàn
Sao ta có thể giết lại từng mảng non sông ở bàn tay
Mỹ – nguy
Nếu không có ngày Bác cầm hôn nắm đất ở ngoài hang ?
Cầm nắm đau thương tử nhục trên tay, cầm tế bào
đất nước trên tay, Bác nhào nặn lại
Đặt tương lai trong một chiếc bọc hồng
Dầu trâm trứng Âu Cơ vẫn chưa là thần thoại,
Ta thai nghén đau thương mà sinh nở cái oai hùng.
Và danh hiệu Hồ Chí Minh xuất hiện trên xứ sở
trống đồng bốn nghìn năm như vậy đó
Phải có những trống đồng mới, những hùng ca mới
thời đại ta ca vang công đức của Người.
Một thế hệ Hồ Chí Minh – ấy là lực lượng
Một con đường Hồ Chí Minh – ấy là phương hướng
Một thành phố Hồ Chí Minh làm đích phía chân trời...
[...]

III

[...]

Ai không đau khi lửa cháy các ngôi nhà ?
Chỉ gỗ rách nát tươm đủ lòng ta đau buốt !

(1) Những buổi tập tự vệ đầu tiên ở gần Pác Bó.

Con ra đi, mẹ nhớ thương từng tiếng guốc
Có khúc đường nào gấn khi con trẻ dần xa ?

Ta chịu đau mà sinh hạ các bài ca
Nếu thế hệ này chịu đau thì thế hệ sau nghe hát.
Miền Bắc chịu đau cho miền Nam sống những ngày
độc lập.

Những phút nhìn trời. Ta đau tiếc thịt xương ta !

Ta xẻ mình ra ngang dọc chiến hào
Cho Tổ quốc liền sông núi vạn đời sau
Việt Nam chịu vạn ngày lửa đạn
Cho nghìn năm nhân loại ngẩng cao đầu.
[...]

V

Thời đại khác rồi, Đinh Bộ Lĩnh ơi !
Không thể đuổi giặc bằng cờ lau được !
Cũng không thể như cha ông cầm cộc Bạch Đằng
Ta đọ sức với tên gian ác khổng lồ từng mơ hái
sao Kim, sao Hỏa,
Ghim thế giới trong muôn nghìn tiếng nổ
Chân máu năm lần đổ bộ lên trăng.

Nguyễn Huệ bảo : "Ta đánh trận này lớn lắm, ai không
đánh ở lại cùng ta xem đánh !"

Lịch sử ngày xưa có giống tựa trang này ?

Khi Nguyễn Huệ cưỡi voi cầm hoả hổ, có thấy hồn
Tổ quốc mệnh mang như ta cưỡi nghìn xe thiết giáp

Và những biên đội anh hùng giết giặc giữa trời mây ?
Cha ông xưa có bao giờ bố trí các binh đoàn trên
vạn đỉnh Trường Sơn, dọc bờ Đông Hải ?
Tên Tổ quốc vang ngoài bờ cõi
Ta đội triệu tấn bom mà hái mặt trời hồng
Ta mọc dậy trước mắt nhìn nhân loại
Hai chữ Việt Nam đồng nghĩa với anh hùng.
Ôi ! Hôm nay ta mới hiểu thêm về Tổ quốc
Ta đồng thời với những gì Nguyễn Du chứa đồng thời,
Nguyễn Trãi chứa đồng thời
Dù các Anh là đỉnh cao dân tộc,
Dù thơ phú hàng hàng châu ngọc
Nhưng "ngọc" thì nói sao được sắt thép, máu xương,
bùn đất dẻ ra đời ?
Ta đã yêu Việt Nam đẹp, Việt Nam thơ, bát ngát
câu *Kiều*, bờ tre, mái rạ...
Mái đình cong cong như bàn tay em gái giữa đêm chèo,
Cánh cò Việt Nam trong hơi mát xẩm xoan, cò lả
Cái đôn hậu nhân tình trong nét chạm chùa Keo...
[...]

Tháng 5 - 1972

HOA TRƯỚC LĂNG NGƯỜI^(*)

HOA MỘC TRONG VƯỜN CỦA BÁC

Nhớ Bác, hiểu mùi hoa mộc
Mùi hương đậm ấy sao nồng
Ngỡ khuất sau làn gió biếc
Trong hồn thơm mãi vào trong

TA NHẬN VÀO TA PHẨM CHẤT CỦA NGƯỜI

Bác nằm đây, chỗ Ba Đình khai sáng nước
Người nghỉ yên nơi Người đã bắt đầu
Xưa Bác về, một bộ áo quân nâu
Nay giản dị ra đi màu sắc trắng
Ngọn সুối của một đời trong sáng
Nay kết tinh thành khối thủy tinh trong
Ta đi qua như qua xứ tinh thần
Nín tiếng khóc để lòng ta hiểu Bác.

Trăm hình ấy, đâu mới là Bác nhất ?
Người thủy thủ vượt xong những trùng dương
sóng bạc ngắt trời

(*) NXB Thanh niên, H., 1977.

Nay về nằm nghỉ trên võng thiên thu bên Bé Loài Người
Trong giấc ngủ còn nghe bê thơ.

Người thợ ảnh của loài người cùng khổ
Không nỡ chụp con người trong những dáng cô đơn
Đã mở non sông, đã mở tâm hồn
Chụp xong ảnh, bây giờ Bác nghĩ.
Của trăm chiến trường, đây người chiến sĩ
Từng xông pha từ bão tuyết châu Âu đến tù ngục
phương Đông
Một viên gạch hồng, một trái tim hồng
Một chân lý hồng, một ngọn cờ hồng làm sức mạnh.
Nay nằm nghỉ giữa hai chùng trận đánh
Và vầng trăng đầu đó đến thăm Người
Thăm nhà thơ từng để lại cho đời
Những tứ tuyệt có trăng vàng soi tỏ
Nghiêng xuống nghiên soi, trăng dòm cửa sổ
Trên đường đi chiến dịch lại vầng trăng,
Thơ vừa xong, đời sắp sửa rằm
Trung thu ấy là quà Người cho các cháu.
Ôi ! Bao giờ nhân loại cười như trẻ thơ hồn hậu
Với tất cả chúng ta, Bác là một người ông
Râu như bông mà tóc trắng như bông
Màu tinh khiết một đời đạm bạc
Đây cũng là nhà hiền triết hiểu chỗ đến, chỗ đi sự vật
Người về nơi phải về, Người rất ung dung
Người trồng cây suốt một đời trồng
Chỗ Người khổ công gieo, ta sẽ hái,

Nhân loại biếc màu xanh Người để lại
Trong thế giới bạo tàn này, Người là những bóng cây xanh.
Trong thế giới bạo tàn này, Người cũng là vị tướng
Hồ Chí Minh

Lòng yêu đời là một thanh kiếm sắc
Không thể nhân danh tình thương vút vũ khí vào
bể Đông nước mắt

Trận tuyến miền Nam là trận tuyến của Người,
Bác nằm đây mắt dõi đến chân trời
Bác đã nhìn thế suốt một phần tư thế kỷ
Nhưng trận đánh và ngọn cờ chân lý
Giữa sự vật ngã nghiêng và nhân thế đổi dời.

*

* *

Bác nằm kia như một sự kết tinh
Trăm cuộc sống.

Cuộc sống nào cũng đẹp

Bác nằm đây như cái gì nối tiếp
Giữa núi sông với núi sông, con người lại con người.
Bác nằm kia, tinh khiết tuyệt vời
Như vật chất hoá tinh thần. Bất ngát,
Người lọc hết bụi trần và thể xác,
Ta đi qua, đau khổ, trước đi hài,
Sợ lòng ta còn quá nhiều lời
Nhiều gợn cận buồn vui nhỏ nhặt
Quá nhiều bóng đêm, quá nhiều màu sắc
Ta rách xé trong riêng tây mà Người cao cả anh hùng
Người trong veo mà ta chưa giản dị được trong lòng

Này là lúc con đi qua trong tình thương của Bác
Qua xứ tình thân nơi gạn lọc
Qua khí hậu thanh cao, ngọn lửa tuyết vời
Nhận vào ta phẩm chất của Người
Ngỡ như cả tâm hồn ta đổi khác
Đã lớn dậy theo Người và Tổ quốc
Mất đau lệ thương đau nhưng lòng đã mỉm cười.

1971

HÁI THEO MÙA^(*)

HOA SÚNG HỒNG

Sáng nay ra đường gặp ai ? Gặp đoá súng hồng
Hồng như chưa có môi nào hồng được vậy
Đến nỗi anh qua rồi, quay ngoắt lại
Hỏi : "Hoa súng hồng ! Hoa súng hồng !
Mày có phải hoa không ?"

(*) NXB Tác phẩm mới, H., 1977.

QUÊ VÀ HƯƠNG SƠ TÁN

Sáng ra thấy thơm mặt đất
Hoa sáu hay là hoa cau ?
Mùi hương đồng quê chưa thuộc
Như hương của một tình đầu.

HOA GẠO SON

Đứng ngã ba đường cây gạo son
Người tình nhân đỏ chói môi hôn
Xe ta qua mãi mà không dứt
Chiều tối màu son đỏ chói hôn.

CANH CÁ TRÀU

Canh cá tràu mẹ thường hay nấu khế
Khế trong vườn thêm một tý rau thơm
Ừ, thế đó mà một đời xa cách mẹ
Ba mươi năm trở lại nhà, nước mắt xuống mâm cơm !

TẬP QUA HÀNG

Chỉ một ngày nữa thôi. Em sẽ
trở về. Năng sáng cũng mong. Cây
cũng nhớ. Ngõ cũng chờ. Và bướm
cũng thêm màu trên cánh đang bay.

CHÂN TRỜI

Anh như người chạy ngút hơi về trang giấy
Về đến nơi, nó đã hoá chân trời
Cái ánh nắng trên cao nó lừa anh đấy !
Anh ngỡ còn sớm mà, hoá đã tuổi năm mươi !

TRANG GIẤY

Ngọn đèn tắt cho trang giấy ngủ
Khi ta ngủ rồi, trang giấy vẫn còn mơ
Nó làm việc với đáy bể, với sao trời ai biết được ?
Khi cô đọng sương trời thì thơ đọng những câu thơ.

RA HOA VÀ ĐẬU CÙ

Anh không cần ánh sáng dài ngày để ra hoa
Giờ chỉ cần ánh sáng ngắn ngày để mà đậu cù
Tuổi năm mươi, anh đi vào chất bột của mình
không thích phù hoa
Rẻ trong đất cần âm âm mà tích tụ.

VÒNG CƯỜM TRÊN CỔ CHIM CU

Con cu cườm vẫn đeo vòng cườm muôn thuở
Triệu tấn bom không thể nào làm xở
Một hạt cườm trên cổ chim tơ
Mùa xuân thật bất ngờ
Tiếng chim sau pháo cụm pháo bầy cấp tập
Rừng cháy đen vẫn cành ra lộc
Chỗ cành xanh là chỗ chim gù.

Hồn đất nước băng khuâng theo tiếng chim dân dã
Như chưa nghe bao giờ. Mà như đã
Nghe rồi. Tự đầu thời xa xưa xa xưa
Tự sông Thương đôi dòng, Vọng phu hoá đá
Tiếng chim như buổi bình Ngô, tự thuở Hai Bà
Tiếng chim như tình ái, như thơ
Ở xứ nghìn năm chiến tranh, vạn ngày trận mạc

Để yên lòng người thì con chim hát
Cho kẻ ra đi, cho kẻ đợi chờ
Bom đạn ngất trời thì đã sao đâu ?
Trăm hạt cườm trên cổ chim không thiếu hạt cườm nào.
Chim cu gáy sự vật tuân hoàn theo quy luật,
Chim cu gáy thì xanh rờn cỏ mọc
Đỏ trái chín cành cao cành thấp
Thì anh lại yêu em như buổi yêu đầu.

Ngày thắng trận trở về vẫn chim cu ấy gáy
Vòng cườm qua nghìn cơn lửa cháy
Tiếng gáy tưởng chừng như đã, như chưa
Như của năm nao, như của bây giờ.

1 - 1974

TƯƠNG QUAN

Rặng vải bên sông
Trái đã ươm hồng
Chỉ chờ một tiếng chim thôi
Là trái ngọt.
Tu hú ơi ! Sao mà chưa chịu hót
Màu đỏ nóng lòng, mà biết hay không ?
Tiếng chim chói ngời ở cổ
Chỉ chờ cho sắc đỏ chín muồi

Là ngọc xổ
Chỉ chờ cho màu hồng ngọt lự
Tiếng chim rơi...

Tương quan giữa anh và em
Giữa thơ và đời
Là vậy đó
Như giữa tiếng chim và màu vải đỏ
Đợi chờ
Thúc giục
Song đôi.

NGÀY VĨ ĐẠI

(Trích)

I

Lịch sử có nhiều thế kỷ, nhiều năm, nhiều tháng, nhiều ngày
Nhưng năm tháng này chói lòà, hoá thân, đột biến
Là rốn bão, là hoả diệm sơn, động biến
Là cấp số nhân, là tổng số thành
Là sức của trăm ta nhân với triệu mình
Là sự vật cộng vào nhau. Trái chín
Là lên men. Thời cơ đến trước giờ nó đến
Là rống bay.
Ta reo vui sao bỗng chốc khóc ròng

Cái hữu hạn lòng ta oà lên vì gặp cái vô cùng
Tỉnh thức vĩ đại mà cứ ngỡ cơn mơ vĩ đại.
Có phải ta vừa giành lại non sông ? Có phải...
Có phải chớp mắt nhìn trời đất đã về ta ?
Có phải ba chục năm trời hay mới hôm qua ?
Nào lấy gì để đo nào ? Lấy lịch sử ra đo
Ta đo mãi mà không sao đo nổi.
Ta từng lấy Bạch Đằng đo Điện Biên, lấy Điện Biên
đo hạ B.52 trên trời Hà Nội
Lấy hào quang xưa đánh giá hào quang mới
Nhưng làm sao có thể đo thế kỷ xưa cùng với thế kỷ này ?
Lịch sử, sợi chỉ hồng. Ta xâu các chiến công như ngọc
vào đây
Viên ngọc thời Hồ Chí Minh chói ra cả thời gian nó chói
Tổ quốc nâng niu hạt chuỗi
Hần Bác sẽ hôn lên chiến công mà ta dâng Bác
sáng mai này

II

Sự vật chuyển vào cơn lốc
Thời gian bôn tập
Anh cán bộ nửa đêm được lệnh trên về xã
Đốt dép lên làm đuốc để về
Chưa tàn đôi dép, chưa mọc mặt trời
đã giải phóng xong ba ấp
Cờ sao mọc dậy rồi dưới ánh sao khuya.
Tôi viết giữa đêm khuya tên các đô thành ngày mai ta
chiếm lấy

Gió thời đại thổi vào trang giấy
Mỗi ngày một quận lý
Một đêm bao phố phường
Ta chưa xong một câu thơ thì đã thu hồi hàng trăm
dặm đất

Tin thắng mỗi ngày mọc trước vầng dương
[...]

Sài Gòn ! Cuộc chiến đấu ba mươi năm, một trăm
mười sáu năm giờ kết thúc

Tính từ nỗi đau Lục tỉnh Nam Kỳ
Từ vết nhọc ở Ô Cửa Bắc
Hơn nửa thế kỷ rồi từ lúc Bác ra đi
Nay mang cờ đỏ tên Người, chúng ta trở lại
Danh hiệu Bác bay trên sụp đỏ của quân thù
Tên đế quốc Mỹ lấy lòng đã thành tên chiến bại
Độc lập này bền vững đến thiên thu.

Cả đất nước ùa reo nửa mừng nửa khóc
Mỗi chúng ta rung rung như chợt thấy Bác Hồ
Kìa tiếng chuông reo trên nhà sàn của Bác
Tin báo tiếp về ở giữa trang thơ
Da Bác đỏ hồng, tóc Bác bạc phơ
Kìa Bác đang xuống nhà sàn từng bước gấp
Hoa sen trắng, hoa sen hồng nở bùng theo mỗi bước
Bác đi giữa cháu con, sông núi đang chờ
Mùa sen lớn này Bác chia đều cho Tổ quốc
Thơm vào bốn mươi triệu hồn người hương của Tự do.

III

Đêm nay sao sáng khắp các tầng trời cao thấp
Sao trên trời và sao dưới đất
Trăm thành phố hai miền ngày hội lớn nhân dân
Rực đuốc đèn và điệu múa kỳ lân
Tôi muốn bay lên cao nhìn xuống non sông cho thoả mắt
Từ Nam Quan đến Cà Mau tí tấp
Cái ánh sáng lạ kỳ của lúc hoá thân
Buổi bột phát lượng biến nên thành chất
Tiếng đại bác cuối cùng. Và thời đại sang xuân.
Bước ngoặt. Ta ở vào bước ngoặt
Mỗi điệu múa lời ca như cũng có thân.
Ngoặt một cái, ta có gấp đôi đất và gấp đôi trời bể
Hồn ta mở rộng rình bốn phía
Bắc lòng ta, Nam lòng ta đều chói lợi sao vàng.
Ta đưa tay ôm sông núi vào mình và gọi : Việt Nam
Ngoặt một cái, non sông sạch lầu bóng giặc
Pác Bó nhìn thấu suốt tận Cà Mau
Không một đám mây thù nào che lấp mắt
Liên trời ta một tấm ngang đầu.
Ngoặt một cái, ta lành nghìn vết thương Bến Hải
Cả Tổ quốc Hùng Vương liền một dải
Ngoảnh mặt nhìn đâu cũng thấy anh em.
Ngoặt một cái, sạch hết bùn, chỉ có hoa sen.
Ôi, đất nước từng quen nhiều bước ngoặt
Chính giữa cơn đói chết triệu người mà Sao Vàng
Tháng Tám bùng lên

Cá hoá rồng và Bụt hiện thường xuyên
Ở đất nước thường sống bằng tiếm lực
Trong mỗi quả thị nghèo thường có một nàng tiên.
Ngoặt một cái, Phù Đổng vươn mình lên một cái
Ta vút hết thương đau và thành vĩ đại
Để cho đến bước ngoặt này, ta đi ngót ba mươi năm.
Ở đất nước bốn nghìn năm này, không ai tính thời gian
Không kể chiến hào, chỉ tính chiến công
Không ai ký tháng ngày và tuổi tên mình dưới máu
Ôi, hôm nay thắng giặc rồi, vết thương ta, ta chả giấu
Máu đã thấm lên trang sách bao lần
Đánh giặc mà, đâu có phải du xuân !
Sông núi ta là nhà viết sử biên niên ghi máu ấy
Từ em Tám đầu tiên biến hình hài thành đước cháy
Lửa sáng Sài Gòn nay có lửa thân em.
Từ ca lô sao vàng những Nam tiến đầu tiên
Ngỡ mình ngã xuống, sau mình không còn ai ngã nữa
Nào hay đầu dân tộc tiếp sau mình ba mươi năm vẫn
Nam tiến hành quân qua lửa
Cho đến hôm qua khi Vinh quang kéo ngọn cờ hồng
Ở ngày cuối cùng, giây phút cuối cùng, tích tắc cuối cùng
Vẫn có người cuối cùng phải ngã
Đấy là cái giá cuối cùng ta phải trả
Để quân giặc kéo cờ trắng đầu hàng lên mọi chỗ
Phải có người chấm dứt trang thơ bằng giọt máu anh hùng.
[...]

V

Ôi năm nào vầng trăng anh cách trở nửa trăng em
Đến sông núi cũng chia làm hai nửa
Nay Tổ quốc đã rằm. Con hội ngộ
Người đoàn viên mà dân tộc cũng đoàn viên.

Trên đàn xưa, em hãy đặt những ngón tay hồng,
những ngón tay thon
Mỗi dây ấy đều ca vang thời đại mới
Ca : "Tổ quốc nghìn thu bền vững mãi,
Tất cả bọn đế quốc đổ vào bờ này đều như bọt bể rồi tan".

5 - 1975

HOA TRÊN ĐÁ^(*)

ĐỀ TỪ

A

*Đời ngoài tuổi năm mươi
Mong gì hương sắc lạ
Mọc chùm hoa trên đá
Mùi xuân đâu chịu lụi⁽¹⁾*

(*) NXB Văn học. H., 1994.

(1) Bốn câu cũ.

Hoa trên đá gan gà
Phô sắc màu nghèo ngặt,
Bướm chẳng thềm lượn qua
Ong bay rồi bay mất

Nếu sắc màu vơi đi
Mong mùi hương vớt lại
Cho mùa xuân tồn tại
Chút hương thâm tư duy

Tuổi vậy đành hoa vậy
Biết làm sao được mà
Xin thương chùm rễ ấy
Biến đất cần nên hoa

B

Anh như ông vua Thục
Bị đuổi bởi thời gian
Trước mắt là bể lớn
Sau lưng, đất không còn

Viết nhanh lên cho kịp
Lũ sắp ập về kia
Đạp tháng ngày mà viết
Còn ậm à nổi chi

Nắng đang soi trang giấy
Nơi bóng đêm ùa về

Gió xông vào cướp lấy
Cả những lời chưa ghi

Hốt lấy chữ lấy lời
Ném nhanh qua mọi cửa
Lửa cháy phòng bên rồi
Chân chử không kịp nữa

Chờ đá hiện đường vân
Trai hoàn thành viên ngọc
Chờ gió động nên trầm
Thì thơ anh hoá đất

Người đọc người, thương nhau
Ta cần chi giữ kē
Ai tri âm tri kỷ
Xin mở lòng trời bể
Gặp mỗi dòng mỗi ý
Tìm lòng ta phía sau.

CÔN SƠN

Côn Sơn thơm mùi hoa đại
Thơm từ thời Nguyễn Trãi đến thời ta
Giữa trưa vắng trắng ngời chân núi
Như oan khiên lọc rồi nay đã kết thành hoa

LAU BIÊN GIỚI

Ai đi biên giới cho lòng ta theo với
Thăm ngàn lau chỉ trắng có một mình
Bạt ngàn trắng ở tận cùng bờ cõi
Suốt một đời cùng với gió giao tranh

HOA TRẮNG ĐỎ

Anh tặng em yêu chùm hoa sắc trắng
Nhưng khi yêu, anh yêu đỏ hoa hồng
Tuổi năm mươi lòng yêu như lửa đỏ
Nhưng bên ngoài vẫn cứ trắng như không.

HIỆN ĐẠI

Anh làm thơ qua đại dương bằng con thuyền độc mộc
Thơ người ta nay hoá tiễn vượt thiên hà
Anh chạm với thế kỷ mình, anh bắt lặc
Thời đành gọi cảnh hoa bằng tên cũ : cảnh hoa !

BỂ

Chả bể nào khuấy được bể đầu
Trừ ra bể sâu hơn bể nữa
Bể gây những cuồng phong bão tố
Cũng để quên mình lỡ đã thăm sâu.

SEN HUẾ

Trắng muốt mùa sen trắng cổ thành
Ngỡ như mùa hạ Huế chờ anh
Mượn ai tà áo bay màu lụa
Bọc lấy mùi hương ấy để dành.

TỨ TUYỆT

Uốn cả hôn anh thành tứ tuyệt
Kẹt trong hèm đá, voi quỳ chân
Đã đưa ngà được lên trăng sáng
Vòi chứa buồng xong để uống vẩn.

MAU

Hạnh phúc màu hoa huệ
Nhớ nhung màu hoa lau
Biệt ly màu rách xé
Lãng quên đâu có màu ?

NGƯỜI THỢ CHẠM

Đâu vương triều ? Đâu là Mạc, đâu là Lê ?
Còn lại đây người tắm trần trên thớt gỗ
Nét dao chạm quên mất mặt rồng vua chúa
Chỉ để lại hoa người và một lá sen che.

MÙA ĐẬU QUẢ

Theo với nắng hè – hoa dã khuất
Đây mùa đậu quả, trái vào thơ
Cái mùa sinh sản hương ngây ngất
Cây mở mình ra để trái cho.

NGHE HẾT CÂU CHÈO

Nghe hết câu chèo đã, được không ?
Vội gì trăm núi với ngàn sông
Lặng đi một phút cho câu hát
Cùng với màu mây thấm tận lòng
Đánh giấc mười năm vẫn nhớ ngày
Điệu chèo đưa tiễn dưới hàng cây
Nhớ sao màu áo màu hoa ấy
Sau mỗi lời ca lại nhứ mây.

HOA SÚNG TÍM

Mỗi lần đau, anh lại đến Tây Hồ
Chữa lành anh là hoa súng tím
Chao trong sóng con lép bép vô bờ
Nhụy vàng hương kín
Sóng hồ lô xô...
Cả một mùa qua hoa nở chẳng ai hay
Không nở chẳng ai hay
Ngoài chú vịt trời sao xuyên
Nước Hồ Tây
May mà anh đến

Hoa được yêu thương suốt cả một ngày
Suốt cả một ngày lưu luyến
Hoa cầm tay
Anh đã yêu bao hoa khác lắm màu
Giờ gió sớm mùa thu làm mỗi mệ
Anh muốn thành con vịt trời xuôi trên sóng biếc
Ngủ giữa hoa tím và sóng hồ lép bép
Gió thu xao.

CHÙA NGHÈO

Chùa nghèo tượng Phật đất
Mỡ vỡ, không có sư
Chim sẻ kêu liên tiếp
Trên mái tiếng cu gù.

Nông dân bận trăm việc
Không rỗi để lên chùa
Khách vãng lai hàng bữa :
Nắng vào rồi nắng ra.

Nghèo không gỗ tạc tượng
Dân nặn đất để thờ
Đất nặn không rõ nét
Mặt Phật chỉ mơ hồ
Cũng lân chuỗi, bất quyết
Cũng vàng son sơn thiếp
Nở nụ cười hư vô

Ở ngoài cửa tam quan
Là cuộc đời rất thực
Lúa đồng thơm thơm phức
Hương chùa chưa ai thấp,
Hương lúa đã lan tràn
Phật ngồi trong vô thức
Động trong từng thớ đất
Nhớ ngoài kia cỏ non
Nhớ ngoài kia trái chín
Trên đồng và dưới bến
Trai gái tiếng cười giòn

Ngồi trong phi - thời - gian
Hoa sen cười nửa miệng
Nhớ xuân đi, hè đến
Đời có tiếng ve ran.

VÍ VỚI DÒNG SÔNG

A

Những cái hôn Hồng Hà
Đỏ chói màu phù sa
Những cái hôn sông Mã
Lùa tháng ngày như ngựa
Những cái hôn sông Thương
Ấm ướt màu tà dương

Những cái hôn như sóng
Trôi tuột lòng ra bể
Như lượng triều vô kể
Dâng đời lên mệnh mỏng.

B

Nhà thơ sông Hồng ngụy nga sắc đỏ
Nhà thơ sông Thương lấy bi thương làm bản ngã
Nhà thơ sông Mã
Mà dòng thơ là sức ngựa tung hoành
Tôi chỉ là dòng hữu hạn chảy vô danh
Tài năng thiếu cỡ
Nhưng làm thơ, ai lại không men theo một con sông
nào đó

Chảy bên mình
Cái lơ mơ trong đêm chính nó
Nghe mơ hồ ta biết nước sông trôi
Cái tiếng hát khi mờ khi tỏ
Đã vào lòng ta, đâu dễ vớt ra ngoài
Chưa bản đồ nào vẽ nên con sông Thơ đó cả
Nhưng làm sao thiếu được nó trên đời
Con sông chìm
Tiềm thức chảy trong đêm
Hay Ngân Hán Ngân Hà lân tinh rục rờ
Ta phải lắng cho tinh, nhìn cho rõ
Hễ nó cạn dòng thì ta đừng viết nữa
Kẻo lấm khi con sông chết rồi, thi sĩ cứ đi bên.

DÃ TRÀNG CÓ ÍCH

*Dã tràng xe cát biển Đông
Nhọc lòng mà chẳng nên công cán gì.*

(Ca dao cổ)

Con dã tràng nghe tôn giáo bẻ
Nghe sấm truyền của sóng giảng hư không
Dã tràng vẫn làm thơ, mặc kệ
Về hạt cát thời gian, chọi lại với Vô Cùng
Sao lại bảo "dã tràng nhọc sức vô công" ?
Chính bể ngoài kia mới là vô tích sự !
Là sóng đó rồi tan thành bọt đó
Đổ qua có sắc màu mà đổ lại hoá hư không.

VÀM CỎ TÂY

Từ biệt bên bờ Vàm Cỏ Đông
Phải đâu chỉ nhớ đất anh hùng ?
Nhớ người em gái vô danh ấy
Từ đây tên sông gắn với lòng.

Sông Hồng, sông Mã với sông Thương...
Đất nước đâu lòng chẳng nhớ thương ?
Không dung bỗng nhớ sông Vàm Cỏ
Chảy xiết lòng ta giữa chiến trường.

Mười năm xa cách tính bao ngày
Sông có voi không, nhớ cứ đây
Chiến thắng anh về Vàm Cỏ lại
Không phải Đông mà Vàm Cỏ Tây.

Vàm Cỏ Tây cũng chính em thời
Gặp gỡ mừng vui lẫn khóc cười
Vân đất Long An – Đông Tháp cũ
Mà lòng thương nhớ chảy làm đôi.

Một sông thương nhớ chảy hai nhánh
Gặp một, làm sao hiểu hết mình ?
Đông Vàm Cỏ hay Tây Vàm Cỏ
Cũng là em cả, đợi chờ anh.

THƠ BÌNH PHƯƠNG - ĐỜI LẬP PHƯƠNG (I)

(Trích)

*Vực sự sống ba chiều
lên trang thơ
hai mặt phẳng*

[...]

Chiều rồi !

Gọi chim anh về thôi !

Chớ để đàn chim anh rong ruổi

Phát triển đường bay mình mê mãi

Vượt quá chân trời, vượt quá chân mây

Hãy thu đội hình thi tứ lại !

Lùa nghìn câu tán mát của anh vào trang giấy !
Bài thơ một đời của anh đâu ? Khát mãi !
Viết nhanh lên ! Nắng hết, chiều rồi !

Quả trứng tròn màu ngọc
Quả trứng tròn đẹp như điêu khắc
Quả trứng tròn lặng thình
Quả trứng tròn thanh minh
Cho những ngày xù lông bối rác
Của mẹ gà than tro nhếch nhác
Cho những ồm tỏi om tai cụt ta cụt tác
Làm một óc bà con cô bác
Quả trứng tròn thanh minh
Qua màu hồng lặng thình.

Anh ấy điếc không thể nghe các tiếng rên thâm
của máu
Và điếc ư ? Thì ta sẽ cảm các điều cao cả của đời.

Anh đâu có phép lạ làm cho các câu thơ anh đã nở ra rồi
cứ còn nguyên sắc đỏ
Với để làm gì cái trò bắt từ phù du – phù du bắt từ ?
Anh chỉ mong câu thơ anh sống khỏi một đêm, có ích
quá một ngày
Đúng cái đêm bà mẹ chết con cần một câu thơ
cho đỡ khổ
Đúng cái ngày người chiến sĩ trên chiến hào ôm xác
bạn ngã vào tay.

[...]

Ta nói mãi nói hoài cái hồn nhiên, cái truyền thống,
cái nghìn năm

Đến nỗi bó tay chả làm gì được nữa !
Này, con lợn trên tranh Tết có mồm tím, da hồng,
sắc màu dã thú
Ai bảo không phản ánh con lợn nhà ta mổ thịt ăn ?

Thi sĩ, một chữ đồng âm và dị nghĩa
Có nhà thơ bùn lấp mắt dòng
Người khác mở đường ra bể
Kẻ bốn bể bát ngát ngã ba sông
Thà dị âm, đồng nghĩa có hơn không ?
Cây ra quả, trời đầy sao là nhà thơ đấy nhé !
Thơ đỏ chói khi áo bào Nguyễn Huệ
Đạp lên xác thù vào ăn Tết giữa Thăng Long. [...]

Gọi là độc thoại chả can gì. Ta gọi bằng đối thoại
Đối với một trận đánh, một màu hoa, đối cùng
nhân loại
Trước trang giấy – dòng sông nước xiết kia, độc một
mình anh đứng lại bên bờ,
Một ngọn đèn khuya với một tiếng gà
Chịu trách nhiệm về anh, độc có mình anh đấy !
Bờ bên kia, bờ bên kia... Trang giấy...
Có thể anh qua hay chẳng thể nào qua !
Chả lẽ lại phải làm lại cuộc đời từ lúc ấy
Để có thể đối thoại cùng trận đánh, màu hoa,
đối cùng nhân loại
Mà không phải độc chỉ có mình anh, đèn khuya và
một tiếng gà.

Đánh giá anh đâu phải mắt xích của nhà phê bình
hay mắt xanh người đẹp

Đánh giá anh giọt máu im lìm ngủ giữa Trường Sơn
Im lìm thế mà lắng nghe mọi điều anh viết
Xem khi máu đã đổ rồi, thơ có cao hơn ?

Dù con ong lấy *khách – thể – hoa* làm *bản – ngā – mật*
của mình

Hay con tầm đem bản thể mình kéo tơ cho đời mặc
Dù ong phải bay ngàn cánh bay mới nên giọt mật
Hay tầm giam mình tại chỗ nhả ra tơ
Trong sáng tạo, chúng ở đâu hai cực
Nào con nào đã được nhơn nhơ
Thế mà anh muốn đưa tay hái trời không nhọc sức
Ngỡ bước chân lên thì thi tứ sẵn chờ.

Ta nhớ Tố Như đọc chậm lại *Kiều*

Đọc chậm từng vầng trăng, từng nỗi buồn ly biệt
Ta yêu Nguyễn có lúc như gió lùa nhanh ào ạt qua đèo
Không hương rừng nào ngăn lại kịp
Nhưng có lúc yêu như đêm mưa rét
Nghe nước nhỏ từng giọt con giọt một trước hiên nhà
Nhà thơ lớn ư ? Là để cho nhân loại yêu mình
bằng mọi cách

Khi thì nâng niu. Khi thì hạch sách

Khi giày vò mỗi chữ

Khi trân trọng ngắm từ xa

Nhà thơ vẫn vẹn nguyên qua trăm lần thử lửa

Yêu mà !

Người trước vớt vỏ dừa và anh đập vỏ dừa
Vỏ vụn thi nhân trước anh đã viết về mưa
Mắt anh chả còn hồn nhiên đâu sau nhiều từ ngữ
Khéo con mưa anh viết bây giờ là con mưa của họ
... *Hoàng mai thời tiết gia vũ...*⁽¹⁾

... *Il pleure dans mon coeur...*⁽²⁾

Chiếc vông thơ anh chữa lên nằm, nó đã đung đưa
Này, thời đại anh có cái gì khác chứ ?
Hình như anh có cả cơn mưa lửa
Hãy mang con mắt thời đại anh để nhìn trời mưa cũ
Nếu không, dù anh có tuôn xuống trăm câu, nghìn chữ
Cũng thừa.

Anh chưa bao giờ sinh ra trong xứ tuyết
Dân tộc anh, cha mẹ anh, vua Hùng anh cũng thế
Sắc trắng của tuyết chưa soi căn phòng anh để
Anh chưa hề thấy dấu chân con gấu trắng kia đi lẻ một mình
In trong tuyết, một mình xa trong tuyết
Chưa thấy xe hươu, lá vàng ly biệt,
Anh chưa ly biệt bằng xe hươu bao giờ, hươu có buồn không ?
Nửa đời thơ, anh mới chợt hiểu rằng
Lâu nay có nửa phần nhân loại sống giữa màu tuyết trắng
Cái phần nhân loại trong anh cay đắng
Thấy mình xa nhân loại ở bên ngoài
Anh sinh ra ở xứ của mặt trời
Đỏ tựa trái cây, chín tựa môi người

(1) Tiết mai vàng nhà nhà đều mưa (thơ tiền nhân).

(2) Ai khóc trong lòng (đôi như mưa rơi trên thành phố (thơ Véc-len).

Anh đâu biết có nơi tuyết là chủ thể
Thời anh lấy mặt trời làm đề tài, làm cửa lễ,
Nói cho hết mặt trời của anh đi là trả nợ tuyết đầy rồi.

Anh xe dần, xe dần cho câu thơ sần lại
Cho con chỉ bện xe xong, xa cách sợi ban đầu
Sợi chỉ lòng anh nghèo có một màu
Xe vào cái da sắc của cuộc đời nên chói lọi
Anh chữa vội dẹt đầu, hãy cần cù xe sợi
Cho quần chặt vào nhau trăm hình ảnh rạc rời
Xe ý với hương, xe sắc với lời
Xe vắng trăng góc bể anh với mây em ở cuối chân trời
Ngỡ ai muốn gỡ mây ấy với trăng kia, không gỡ nổi.
Luôn luôn đầu đó có một người nhìn anh khinh bỉ
Chính anh viết cho con người cao đạo ấy nhìn anh
biếm rẻ

Lại cũng viết cho một người nào đấy âm thầm lặng lẽ
Lặng nhìn anh.
Có kẻ viết cho triệu người xem, kẻ chỉ viết cho mình
Còn anh, anh viết cho một người ở trên đỉnh cao
nhìn anh men miệng vực
Chế giễu tài năng anh bất lực,
Cũng viết cho người đọc giả nghìn mắt nghìn tay như Phật
Đỡ dìu anh.

TA GỬI CHO MÌNH^(*)

GIẬT MÌNH

Giật mình một bóng trăng ngang cửa
Mới nhớ rằng em ở nơi xa
Những đêm trăng bay ngang đời như thế
Những đêm vàng ta bỏ phí bay qua.

GIÓ ĐẦU MÙA

Trận gió đầu mùa nửa đêm đập cửa
Lá bàng già dào dạt rụng ngoài sân
Anh nghe xong không đành nằm lại nữa
Gió về từ nơi sơ tán của em chăng.

MÙA VE

Tất cả trẻ phố phường
Ngây dại với mùa ve
Sáng dậy từ rất sớm
Khuya thức chờ rất khuya

(*) NXB Tác phẩm mới, H., 1986.

Tay cầm một ngọn đèn
Tay khum khum che gió
Bóng trẻ, lẫn thân cây
Theo tiếng ve im rộ.

Hai dây sáu bên đường
Ran lên rồi im bật
Như mưa rào từng chập
Như tình yêu thất thường

Ồ còn gì lạ hơn
Chú ve con quần quai
Lột mình thay vỏ non
Cái hình xưa vứt lại

Cái phép lạ phi thường
Không dung mà bỗng có
Trẻ con nhìn nín thở
Đôi cánh ve mờ sương

Ngày nhỏ ta tìm ve
Dưới gốc cây vườn mẹ
Ai hay lớn vào đời
Lại vẫn tìm như thế

Cái tìm không phút nghỉ
Tuổi mình vào sáu mươi
Thơ, tình yêu, chân lý
Cái lột vỏ của đời.

THƠ BÌNH PHƯƠNG - ĐỜI LẬP PHƯƠNG (II)

(Trích)

Vực sự sống ba chiều

lên trung thơ

hai mặt phẳng

Hai thế lực giằng co nhau

Bài thơ nghe đọc giả gọi muốn ào lên phía trước

Còn lòng anh nghe anh thì muốn chốt

Trong từng câu

Nghệ thuật để ra ở chỗ giành hai lực

Nước xô đi và xoắn lại ở chân câu

[...]

Hàng nghìn thi sĩ hoa đóm đóm mắt lên bởi thi tài của họ

Cái lửa đóm mờ mờ tỏ tỏ

Cái ánh sáng xanh xanh ở đít nhấp nháy bay lại
bay qua ta gọi thi tài

Con trẻ bỏ vào chai chơi thì được

Chớ soi sáng gì ngọn lửa đám ma trôi.

Từ hôn anh đến ngọn đèn, ngọn đèn sang trang giấy

Trang giấy đến mắt xanh người đọc con đường thơ đi

Người đến với người phải khúc khuỷu vòng vo như thế đấy

Gián cách bằng trang giấy, ngọn đèn, mắt người và
cả ánh sao khuya.

[...]

Chào mặt trời lên ta vẫn đây

Ngoài kia biển sáng lại dâng đầy

Hón ta đêm trước chùng khô cạn

Đổi mặt vầng dương ta lại say

[...]

Vác ơi, giờ tuổi năm mươi ta mới hiểu mày

Bay ngang trời khuya khoắt

Bao giờ cũng về đêm và "vác ! vác !"

Ta làm thơ thì có gì đâu khác

Chỉ bay về khuya thì mới gặp được mày.

[...]

Chim bói cá bắt mỗi bằng sự bay chênh choáng

Trên tầm cao lao xuống

Giữa trang thơ

Đôi cánh đã liệng cả một vòng tròn năm tháng

Chụp lấy một chữ một câu ngẫu nhiên sáng loáng

Giữa hồ.

[...]

Tôi là ngọn đèn từng thức bên trang trắng các nhà thơ.

Hiểu được ưu tư các nhà thơ ấy.

Hiểu ngòi bút ngả bóng mình trên giấy,

Hiểu mái tóc nghiêng của anh ta che nửa ngọn đèn.

Một đêm ư ? Phù du bay đến có muôn nghìn

Có phải con nào đến chết trước trang thơ đều đem

thi tứ cả !

Trăm câu thơ xoá đi cho một câu khỏi ném vào trong gió

Và chắc gì câu kia bay được đến bình minh !

Vì thế, khi đánh giá nhà thơ, hãy tính công cho
những trang giấy không thành
Những con phù du chết bên đĩa đèn mà không đổi
lấy câu thơ nào cả,
Những vầng trán nghiêng xuống bên đèn mà ý vầng tanh...
Chữ được mùa
Chữ ủ chua
Chữ phóng xạ
Chữ mùa trăng và chữ đêm rằm
Chữ lên men,
Chữ thành "gien", mật mã
Chữ du bay, voi lông
Chữ múa kiếm trên dây
Chữ thành tượng đá
Chữ lặng theo cách thiền tông, tất cả tâm hồn
đảo ngược vào trong
Chữ hùng đông và chữ chớp đông
Chữ ra đồng
Chữ hồng huyết cầu, tế bào vỏ não
Chữ thụ phấn, thụ tinh sáng tạo...
Dù trăm thứ chữ kia để được gì nào ?
Số phận chữ à ? Là tan biến vào câu
Câu hay ư ? Là câu không còn chữ nữa.
Lửa cháy lên rồi, chỉ còn có lửa.
[...]

Hàng triệu con chim khác nhau đều giống chim Lạc,
trống đồng kia thực ra chẳng giống chim nào
Nó vừa giống chim vừa phải giống Cái Bay muôn thuở
Bởi giống Cái Bay, con chim Lạc thời đại xa xưa đã
kịp thời giống với hình tên lửa
Giống cái Lý Tưởng đưa người lên bát ngát các trời sao
Anh làm thơ như ở thời đại văn xuôi này chả ai thèm
làm thơ nữa
Có điện rồi, chả ai thèm đánh cục đá tinh thần tìm ra lửa
Anh bỏ nghề anh hay sao ?
Anh cũng làm thơ như bỗng nhiên tất cả nhân loại
làm thơ và thiên tài quá nữa
Như mọi cánh đồng khi yêu đều tơ mơn cỏ
Thế thì cánh đồng thơ anh có khác chi nào ?

Hãy kỳ khu mà tìm
Để phát phơ mà được
Những câu không báo trước
Vẫn chờ ta trong đêm.
[...]
Nhà thơ anh đồng nhất lòng anh với bể
Nhưng bể nào
Bể đông bao hỗn hào
Hay bể trầm tư ?
Anh đồng nhất lòng anh với bể
Có hay đâu bể mỗi phút mỗi giây lại tự khác mình.

DI CẢO THƠ^(*)

HỒI KÝ BÊN TRANG VIẾT

(Thay lời tựa)

Tôi tiếp cận trang giấy ngày mười sáu tuổi
Bảy giờ sáu ba.
Cái Trang mơ ước một đời chưa với tới.
Dần xa.
Tôi như người khâu sợi chỉ vào cây kim ngay trước mặt
Chỉ sắp lọt rồi. Kim bỗng lụi xa.
Tôi bước lên một bước. Kim lụi thêm một bước.
Ấy thế mà hết một cuộc đời văn học
Tính tháng ngày, nửa thế kỷ trôi qua...
Phải đâu tôi quá nhác lười

Khi gà te te đầu thôn, gà te te cuối xóm
Tôi đã dậy, cày vào trang giấy trắng
Ngọn đèn thơ đối chọi ánh sao Mai
Khi trong tổ mẹ con chim còn ngái ngủ,
Sông bên ngoài còn chậm chạp dòng trôi
Lá còn giọt sương đêm trong mắt nhỏ
Con ong thơ đã bay đi kiếm mật phía chân trời...

(*) Tập I. NXB Thuận Hoá, Huế, 1992.

Biết bao đêm, trang giấy ngủ rồi, tôi thức găng
Con vạc ăn khuya, con mối chết bên đèn,
Mùi hoa bưởi lừng lên giữa trời vắng lặng...
Những gì chưa kịp nghĩ ban ngày, tôi đợi giữa lòng đêm.
Tôi tỉnh dậy ! Chối loà Trang giấy trắng
Như con đường hun hút về Vô Tận
Để bơ vơ ngòi bút của tôi qua.
Nhìn trang giấy biết mình hữu hạn
Ngủ đi thôi ! Kia lại sắp tiếng gà !
Nhớ buổi đầu trang giấy gọi kêu tôi
Cái quăng trống, quăng trắng, quăng vô hình
cần chiếm lĩnh
Cái đỉnh tư tưởng, ngọn từ lên cao sẽ với được trời
Tôi ngỡ để ! Lao ào vào trận đánh.
Mẹ đói cần cơm ăn, tôi cho mẹ Trang Thơ
và nhúm cỏ hái trên Trời
Ôi, tuổi trẻ thơ ngây và khờ dại
Một chút biếc ở đầu cây, tôi ngỡ đấy là tài
Sức lực bé mà ham nói điều vĩ đại !

1983

(Bài thơ còn dở dang, chưa viết xong)

LỆ HỒI ÂM

Lệ ta nhỏ trên *Kiều* ba trăm năm sau
Ích cho Nguyễn ba trăm năm trước
Ông vui thấy ta còn biết khóc
Giữa cuộc đời chưa hết bể dâu
Bất tử hay không, Nguyễn cóc cần
Thiên tài quen sống đời mây cô độc
Tuổi tên là phù vân
Ông chỉ mong ta bền một chữ *tâm*
Nhỏ một giọt sương người bền khoẻ mắt
Cái Nguyễn chờ là giọt lệ hồi âm.

1988

VIÊN TĨNH VIÊN

Hoa trái nghèo, xuân sắc bỏ quên
Mảnh vườn bé bỏng vốn không tên
Xanh um chỉ có màu xanh cỏ
Anh đặt cho lòng : Viên Tĩnh Viên.

1988

THỜI GIAN NƯỚC XIẾT

Cái vòng tròn của vành xe, của vầng trăng
Làm anh khổ.
Nhưng thời gian như thạch nhũ,
Thời gian ùa nước lũ,
Thời gian triệu năm cho uranium phóng xạ hoá ra chì...
Thì ích nổi chi ?
Phút nào anh cũng có thể hoá ra đất ra chì tức khắc
Gió thổi mây bay bất trắc
Lúc nào mà không tử biệt sinh ly
Lúc nào anh cũng có thể thành Hàn Mặc Tử, Bích Khê...
Phải tranh thủ làm thơ giữa hai chớp mắt.
Anh có phải Thánh Gióng đâu mà chờ lên mình ngựa sắt
May lắm trong thơ cầm một cái roi tre
Cưỡi tàu ngựa rách toe
Lá chuối !
May lắm nữa, cầm cờ lau Đinh Bộ Lĩnh thuở nào
Tìm Thập nhị sứ quân mà đào
Tài năng ở đâu ? Tài năng ở đâu ?
Cho tôi với !
Trên trời cao hay dưới bể sâu ?
Chỉ cho tôi để tôi tiến tới !
Khốn nổi
Nó ở bên kia bể thời gian không ai chờ đợi,
Tôi qua đây trên một sợi dây tơ không phải là cầu

Vậy mà còn phải lần từng chữ từng câu
Rõ tội !
Ngẩng nhìn lên tóc xanh chưa hoa râm đã bạc ngang đầu,
Chưa tỉnh dậy, hoàng hôn đã tối.
Vùng có những ngàn sao lừa dối,
Những Ngân Hán, Ngân Hà, Vịt Lội,
Những Sao Hôm, Sao Mai chờ đợi
Mà rồi rụng hết trước tiếng gà nòn nao
Xua đuổi.
Viết đi ! Viết đi ! Viết ! Viết !
Thời gian nước xiết
Còn trơ lại cái đầu lâu
Hăm lét
Viết thêm ! Viết nữa ! Viết vào !

1987

NHÀ KHÔNG TRẦN

Phạt bảy nghìn tiền điện
Lấy gì trả bây giờ ?
Bán đi bảy tám ván
Bạn cho làm trần nhà
Cảm thông nhà thơ nghèo
Nửa cho và nửa bán,
Sợ nhà lợp mái tôn
Chạy trời không khỏi nắng.

Những trưa hè nóng bức
Nghĩ nhiều càng thương thân
Tuổi lớn vẫn viết được
Miễn nhà có cái trần.

Chung quanh bọn tham ô
Xây biệt thự lớn, nhỏ
Còn lên lớp cho thơ :
"Cần chịu đựng gian khổ" (!)

Sáng, ta viết ngoài sân
Nhờ cây cho bóng mát
Trưa, ăn cơm dưới thềm
Mồ hôi có gió quạt

Dầu vẩy vẫn khoái chí
Được nhiều người cực hơn
Khen : "Anh mà còn thế
Việc quái gì em buồn ?"

1988

XÂU KIM

Cái trò chơi quái quý
Tay cầm kim, tay cầm sợi chỉ
Vừa chạy vừa khâu không một phút dừng
Chạy một đời rụng hết cả thanh xuân.

Kim run run và chỉ rung rung
Có lúc chính là kim ngọc nguyệt
Có lúc chỉ lọt vào rồi lại sảy
Xâu vừa xong, gió tuột nửa chừng.
Lỗ kim... lỗ kim trước mắt
Oan khiến oan khuất
Ta chạy một đời không dứt
Vẫn toi công !
Cây kim Mozart xâu một cách bất thần,
Lý Bạch xâu như không hề nghĩ tới,
Rimbaud xâu bằng thiên tài hoang dại,
Nguyễn Du xâu trên đầu mái tóc hoa râm,
Holderlin điên không xâu mà chỉ lọt...
Toàn là cách xâu của những thánh thần !
Tôi tài năng chưa đầy nửa giọt
Có học tốc chạy đến hết chân trời cũng là đồ bất lực
Sao chỉ ấy, kim kia tôi vẫn phải cầm ?

Mùa bệnh 1988

MẮT GIÁ

Những nhà thơ mất giá
Lại thường hay đổi tiền
Mong dùng nhiều chữ lạ
Lừa người tiêu quá quen.

Mùa bệnh 1988

BÌNH ĐỰNG LỆ

Từ sâu thẳm không tên
Vớt lên bình đựng lệ
Người xưa ném nỗi đau vào bể
Nhờ sóng triều vụn kỹ
Lấp vùi trong lãng quên.
Dấu không chu kỳ
Như Tua rua, sao Chổi
Chiếc bình tuột khỏi tay nhân loại
Lại về trở lại
Nằm kia
Cùng với hoa trúc đào đỏ chói
Và sóng triều vào bãi
Ném thia lia.
Tôi từ xứ lắm bom
Giáp mặt nghìn lần cùng cái chết
Đứng trước chiếc bình con
Vấn cứ bàng hoàng
Ồ ! Ta đã nghe rao giảng về hư vô
Tro tàn, gió rét
Ăn miếng buồn trong thơ
Uống nỗi đau ở triết
Ờ, thế mà chả có gì mất hết
Chiếc bình kia vẫn còn
Vỏ ốc hoá vôi
Rễ cây bám bình hoá thạch
Nét hoa vẫn vẫn cười.

Dù hoa chỉ một ngày
Dù sóng kia vạn tuổi
Dù đời nhiều chuyện rui
Mà rất nghèo cơ may
Chiếc bình xưa vẫn đó
Người này vút để quên
Người kia cầm lại nhớ
Thời này dù vút bỏ
Thì thời kia nhật lên.

1988

THÁP BAYON BỐN MẶT

Anh là tháp Bayon bốn mặt
Giấu đi ba, còn lại đấy là anh
Chỉ mặt đó mà nghìn trò cười khóc
Làm đau ba mặt kia trong cõi ẩn hình.

Mùa bệnh 1988

RỐI CẠN VÀ RỐI NƯỚC

A

Anh đeo tâm hồn cho thành con rối để yêu em
Anh hoá gỗ hoá dây hoá đại khờ ngu sắc
Tuồng tích ấy chú rối mình đủ khóc
Cần chi bàn tay nào đến giật giạt dây thêm.

B

Anh rồi nước muốn lên bờ thành rồi cạn
Em đi xa, ao thương nhớ hoá đầy
Anh đứng giữa lệ mình trơ vợ không dám khóc
Vui nỗi gì khán giả vỗ tay ran ?

1975 - 1985

SƯƠNG TRÊN CÀNH

Chim cu gù ánh sáng
Sương trên cành chưa rơi
Tôi ở hoàng hôn của tuổi
Nên yêu sương móc của đời.

1984

HOA GIẤY

Rực rỡ mùa hoa giấy suốt hè
Miền Nam xóm lạ hoá thành quê
Dấu vui muôn dặm trời mây khác
Chỉ một màu hoa đủ gọi về.

11 - 1984

KỶ NIỆM NGUYỄN DU

Khi ta kỷ niệm Nguyễn Du chẳng ích gì cho Nguyễn
Chẳng qua để kẻ yêu thơ khỏi tủi trong lòng.
Ông đã hoá mây trắng ngang trời hoài niệm,
Hoá ra *Kiều* cao gấp mấy đời ông.

1986

NGHỀ CỦA CHÚNG TA

Mỗi ngày lên dây cái đồng hồ anh lại
Cho nó đúng với vòng quay thời đại
Với tiếng gà, hạt sương lúc ấy
Chẳng giống gì ngày qua.

Ném ta xuống thêm như đồng xèng, chờ một tiếng vang
Có người kêu vang, có người kêu cạch,
Có người ném mạnh quá lỡ tay
Tuột vào im lặng, mắt nhắm mắt tích...
Nhưng thiếu gì kẻ cầm nó mân mê không dám ném
Mở tay ra rồi lại khép tay vào.
Nghệ thuật à ? Anh hãy thử xem sao ?
Số ngày còn lại cho anh trên Trái Đất, đếm rồi
Như thóc giống đếm từng hạt một,
Chỉ còn chùng ấy hạt thôi, anh phải tạo ra mùa.
Chùng ấy ngày, chùng ấy tháng, chùng ấy năm

Chưa kể bất thành linh đổ ập
Cày đi ! Bừa đi ! Gieo đi ! Sao còn phải chần chừ !

Làm thơ ư ! Anh chơi cái trò bi kịch không ra bi,
Hài kịch chả ra hài,
Nhưng đã là số phận rồi, cứ phải chơi thôi.
Tìm không ra chữ này, anh là cỏ rác,
Vớ được câu kia, anh ngỡ thiên tài.
Chấn hay lẻ, bại hay thành, tout ou rien, sinh nở hay là
tuyệt tự

Chả phải anh giờ cái trò sắp ngửa
Nhưng quả là cứ mỗi phút, đời anh thay đáp số
Anh có thể gầy cẳng dưới đất đen hay chấp cánh lên trời,
Nhưng xong một trận thắng rồi, mặt trận lại y nguyên
Con Sư Thân lại im lìm, lại trinh tiết, lại mê cung,
lại Loa Thành lại bát đồ trận X hay là Y
Lại lù lù cái tảng đá Thiên Sơn khắc nghiệt
Bắt anh đập đầu vào đó tìm thơ, tìm lửa
Cứ như thế, như thế mà anh qua cho hết một đời.

1987

BỘ BA

Trang giấy, ngọn đèn và anh
Ba nhân vật một vở kịch hài nên rất bi thương
Cố nhiên khổ đau không phải ngọn đèn
Cả trang giấy nữa

Cả hai, chúng trông cậy vào anh đó
Anh có thể làm gì
Chứ ngọn đèn không phí lửa.
Số phận trang giấy cao hơn chính nó
Không phải thiếu mình trên ngọn đèn kia,
Ngọn đèn mà bóng đêm giết chết dễ dàng
Chỉ hiu hiu gió
Vì chỉ còn anh thôi là cứu cho tất cả
Anh mà lắm lúc sóng bể, sao trời không hỗ trợ
Tất cả phải tự lấy mình ra che chở
Tự sâu thăm đời mình, sâu thăm, tận cùng sâu.

1986

CỜ LAU ĐÌNH BỘ LĨNH

Tôi chỉ là nhà thơ cưới trâu
Đánh trận giặc cờ lau.
Thế mà không đầu
Gặp Thập nhị sứ quân đầu rùng cuối quận
Thành ra người đẹp loạn
Rồi làm tướng làm vua
Lắm chuyện nhức đầu.
Cho tôi về với càn lau
Vàng vọ

Về với con trâu ghé ngo
Có cặp sừng bờ ngõ
Chiều buồn không biết cọ vào đâu ?
Đã lâu ta không nghe hôn lau gọi nữa
Xa tiếng gió xạc xào
Xa mùi bùn, mùi trâu, rơm rạ...
Chỉ nghe danh vọng âm ào
Vinh quang xí xố.
Hoa Lư ở đâu ?
Hoa lau ở đâu ?
Hôn lau ở đâu ?
Hôn ta ở đâu ?

1988

LỘN TRÁI

Ngày nhỏ khi áo tôi cũ rồi
Khóc mẹ đòi áo mới
Mẹ chả có tiền may
Lấy áo kia lộn lại
Xấu cũ giấu vào trong
Xênh xang khoe phía trái
Trái nhưng mà lại mới
Hai mẹ con đều mừng.

Tôi làm thơ nửa đời
Thơ đã già đã tãi
Như con chuột quay vòng
Một điệu quay vạn lần
Chuột mới, người cũng mới
Làm thơ như đồng thuộc
Sức ì luôn trói buộc
Cái cũ đã thành thân
Cóc khô thành tài năng !
Hay là ta lộn trái
May có gì mới chăng ?
Xưa nghiêm túc nghiêm trang
Giờ nửa khôn nửa dại
Lộn lèo trong gió trái
Theo lời dạy Chagall⁽¹⁾
Thử đưa xiếc vào văn
Chơi trò hề lãng nhãng
Bớt cái điều trọng đại
Đấu kiếm và đu bay
Cưỡi ngựa và leo dây
Bắt chước đào lộn hột
Vỏ tâm hồn lột tuốt
Cho thân thể phở bày.
Maia⁽²⁾ kêu : "Quay trái !"

(1) *Chagall* (1887 - 1985) : họa sĩ người Pháp, gốc Nga.

(2) *Maia* (Maiakópki, 1893 - 1930) : nhà thơ và nhà viết kịch Nga.

Còn tôi thì lộn trái
Bớt bớt điều kiêng khem
Bàn bè ghé mắt xem
Gật đầu khen : Phải ! Phải !
May máy và máy may
Giờ may mới là may !

15 - 9 - 1988

Ba hôm trước ngày lật trái phổi ra để cất u

THƠ CẤM TAY

Nhân loại đi xa chớ có vẽ bày
Từ ngữ kênh càng, văn chương vô lối
Cả đời anh, anh thu nhỏ lại
Chỉ còn cái lối
Cho nhân loại mang cùng, nhân loại cấm tay.

1987

ĐÀ ĐAO

Đánh giáp lá cà trong trận chữ
Đùng lui vào thế thủ
Bước đường cùng thì cũng phải đà đao
Cái nhát thiên tài loé ở cuối câu.

1987

ĐỐI THỦ CỦA VOI

Đối thủ của voi không phải siêu voi nào khác
Không phải hổ rừng bên hay sư tử sống chuồng
Hay lũ rắn chả bao giờ đớp đuôi mày được
Mà lại là con trai vùi trong sóng bể hoang.
Voi trên rừng, trai đáy bể biết gì nhau
Thế mà đối thủ, đối thù, ác thật !
Chả qua là voi chỉ có ngà, còn trai làm ra ngọc
Ngọc chọi ngà, ngà ra quái gì đâu ?

Lên voi một câu, chả bù nghìn câu ta xuống chó
Mười voi thơ chả cho ta bát xáo thơ nào !
Theo nghiệp nào đành vác ngà, ngoắt đuôi theo nghiệp đó
Lấy đại ngàn làm đối thủ, lấy trời sao...

Mùa bệnh 1988

ĐO

Trời như ngọc, như hồn, như bể,
Ba cái sâu xa xanh có một màu
Ôi, cái tội của muôn đời thi sĩ
Dem hồn đo cho trời bể thêm sâu.

Viết khoảng 1975 - 1985

HOA CHẠC CHÌU

Hoa chạc chịu thơm – hoa chạc chịu
Hoa năm đánh giặc sắc hương nghèo
Cành hoa khô quắt vùi trong xác
Sấp vút rồi lại cất mang theo

Mùa bệnh 1988

HƯƠNG TÌNH NHỎ

Em ở Kiến An lên
Mang mùi hương tình nhỏ
Làm đỏ chói phòng anh
Màu lụa hồng bờ ngõ
Liều ngoài phòng đang xuân
Lộc đầy mình chớm nở
Trắng mây trời che cửa
Chăn ấm đôi bàn chân.

Ôi, con tàu... con tàu...
Tiễn em đi buổi ấy
Sân ga trở mình anh
Khuất khói xa còn vấy
Nửa đêm viết thư dài
Xé đi rồi viết lại
Hồng nhạt là trang giấy

Kiến An mà xa xôi
Mùi hương tỉnh nhỏ ấy
Em đã mang đi rồi
Lụa hồng em để lại
Không che máu tương với.

THƠ VỀ THƠ (II)

1

Người diễn viên ấy đóng trăm vai, vai nào cũng giỏi,
Chỉ một vai không đóng nổi :
– Vai mình !
Lỗi ở ai nào ? Chính lỗi ở anh !
Cuộc đời anh, quan liêu, anh chả thuộc
Anh nghĩ nó là đời anh, nhớ hay quên lúc nào chả được
Anh đóng giỏi trăm vai, lại đánh mất mình.

2

Thi sĩ vào xứ tuyết quyết tìm ra lửa
Kéo thuyền tình trên lưu vực sông Ngân
Không phải địa chất mà săn tìm kim khí lạ
Mặt rỗ, lưng gù mà muốn hoá tình nhân.

Anh chiêm tinh các tinh tú chẳng chu kỳ
Đến các đuôi sao Chổi cũng chả còn dấu vết
Ngoảnh mặt ba vạn sáu nghìn đêm lên bầu trời nuôi tiếc
Rồi phiên dịch tiếng sao trời đa âm cho nhân loại ta nghe.

Anh chép sử mùa nhựa lên cành và sương xuống lá
Tốc ký âm thanh giao hưởng các mùa hoa
Làm biên bản những trận tình yêu phun núi lửa
Và lưu giữ giữa lòng mình một nhúm than tro.

3

Bể đã ra khỏi hồn thơ nhiều thi sĩ
Sóng không còn trong họ từ lâu
Vầng trăng gọi các thủy triều đã xé
Gà vịt chuồng thay cánh trắng hải âu.

Cái bát ngát không còn đâu mỗi chữ
Gió trùng khơi thổi rợn ngợp tâm hồn
Để đánh dấu mình từng là bể dữ
Họ trang sức lên bàn đời vỏ ốc con con !

4

Sau hoa là cô Kiều e lệ nép vào hoa
Rẽ vắn điệu ngôn từ, sự sống nấp đằng sau đó
Ngỡ chỉ Kiều thôi, ai hay Vân nữa
Và cảnh lệ trắng điểm chân trời cỏ non phía xa xa...

5

Như sân khấu mở rộng rinh ra bốn phía
Câu thơ Úc Trai viết đâu chỉ cho một mình dân tộc ta xem
Ngoài trời còn trời. Hết trời có bể
Đâu chẳng trái tim người ? Đâu chẳng xót oan khiên ?

NHỚ ƠN

Nhớ ơn những người chưa kịp kết tinh viên ngọc của mình
Anh trai ngọc, họ chỉ mới là máu rỏ
Họ ra đi với một đời dang dở
Ở một trọng điểm chiến hào nào nay cũng vô danh.

Viết khoảng những năm 80

CHIM ĐẢO

Đảo Long Châu mùa đông nghìn chim bay đến chết
Ngoài kia đêm, đây lửa Tháp sáng bùng
Thấy lửa sáng, bầy chim bay mãi miết
Ngã xuống bên đèn, đôi cánh lạnh đẫm sương.

Ai lại ví đời thơ với đời chim bể
Kẻ theo thơ ấy có hơn gì ?
Lao vào ngọn lửa kết liễu đời bao thi sĩ
Vào cuộc hành trình đánh bầy lũ chim khuya.

VIỆC GÌ ? VIỆC GÌ ?

Việc gì ? Việc gì, em hỡi !
Làm thơ cứ làm, mê thơ cứ mê
Việc gì phải chú ý vệt bay qua trời của đuôi sao Chổi,
Một tảng di chỉ, một trận băng hà không có tuổi.

Để chỉ viết phù du một chiếc hôn thôi chứ có viết gì ?
Sao anh cứ phải nhập con số anh vào
những số thành nào anh chả biết
Anh là số đơn hoá thành số kép
Việc gì viết một cánh bướm con
Phải nhắc nhiều đến ngôi mộ Trường Sơn,
Rừng săng lẻ,
Ngọn đèn hạt đỗ hậu phương,
Sợi tóc bạc
Trên đầu người vợ trẻ...
Đầu cua tai nheo, trên rừng dưới bể
Việc gì ?

Viết khoảng những năm 80

TU HÚ CÓ CẦN ĐÂU ?

*Tặng cho ba con gái, nhưng riêng tặng
VÀNG ANH là đứa làm thơ.*

C.L.V

Cẩn thận nhé ! Cẩn thận nhé !
Kèo rồi có lúc mùa vải đỏ và chim tu hú
Đến lúc nào, đi lúc nào, ta không biết.
Trời xanh, hoa mai, chim nhạn...
Về lúc nào, đi lúc nào
Ta chẳng hay cho !
Ta cúi xuống đất

Hí hửng nhặt tìm từng cái kim rơi vụn vặt
Mà để lổng lổng trên cao
Những mùa trái, mùa chim bay mát,
Những mùa yêu, mùa hạnh phúc bay vèo !
Chim tu hú có cần đâu
Ta nghe nó hay không nghe nó.
Nghe nó, ta thành tình nhân, thi nhân, triết học...
Còn nếu như không nghe
Mà ù ù cạc cạc
Thì hết mùa vải này vẫn còn mùa vải khác
Bên sông đỏ rục
Bất cần ta, vải chín đón chim về.

Bệnh viện Chợ Rẫy, 9 - 1988

TIẾNG VE

A

Giữa thu mà sao nhớ một tiếng ve
Chắc hẳn biết trời thu nên mới thế
Chỉ vì em xa. Chỉ vì một nhẽ
Cháy đỏ hoa yêu suốt một mùa hè.

B

Nhớ nhung dài tiếng ve
Dóng dả suốt đêm hè
Dao chém vào chẳng dứt
Đi hết lòng còn nghe.

Sóng Dáy, 1972
Viết lần 2, 1985

GỞI

Anh đi qua trái đất để lại chùng thơ ấy
Hãy thương anh ! Anh nào có chi nhiều :
Một chút nắng tàn, một dòng nước chảy...
Trái tim nghèo, nhưng cũng đã tin yêu.

1975

ĐỔI ĐỜI

Ngồi giữa cá tôm, trong xe buýt, xe lam đầy bụi
Ra khỏi sức hút của danh vọng, bản thân, tên tuổi
Trộn hạt giống anh vào trăm giống cao sang hay
hèn hạ của đời
Ăn miếng ngọt ngon, giờ ăn nhục tủi
Đang là ngọc, tự vùi mình là hạt sỏi
Nghĩ sâu vào trong cái đang sống bên ngoài

Rồi từ đây anh mới đẻ ra thơ như Đức Chúa Lời
Đẻ Đức Chúa Con của Người trong chuồng cừ
bên máng cỏ

Hỏi hám thế mới thực tình là Chúa
Muốn đổi Lời ư ? Anh phải đổi Đời.

Tháng 6 - 1987

ĐÔNG KYSỐT

Quá nhiều bất công
Tội ác trùng trùng
Chả hiệp sĩ nào buồn xách gươm lên ngựa
Gươm muốn làm lành cùng cõi xay
Bảo là nó không xay người
Mà chỉ là xay gió !
Đuynxinê khuyên chàng thúc thủ
Đừng ăn cơm nhà, đi làm các chuyện vô công !
Xăngô tìm nơi ngủ
Tin rằng không cần nhiều sự
Tự nhiên trời đất sẽ hồng
Con ngựa gầy, thả ra cho nó đi ăn cỏ...
Đông Kysốt tản bộ
Cùng cô nàng đi dạo bên sông...

Cấm tái bản *Đông Kysóit*

Hoặc in toàn bộ

Tóm nó lại thành bài ca

Thiên hạ đại đồng.

1985

TIẾNG VANG

Nửa thế kỷ rồi, tóc sắp bạc rồi
Tôi còn nghe tiếng vang trong nhà Văn Miếu
Cậu bé lên tám là tôi hú một tiếng dài
Và các vách tường từ dĩ vãng lạnh tanh
Vang vang đáp lại
Làm tôi ù té chạy
Nghe hồn ma Văn Miếu đuổi theo...
Tôi vào đời lại cất tiếng vang
Lên trên các trang giấy của mình
Các đài phát thanh,
Các bục giảng,
Các bài phê bình
Vang vang đáp lại.
Nhưng cái đại là tôi không ù té chạy
Mà lại đuổi theo
Đuổi theo cái dư vang lừa phỉnh đó.
Cho đến bây giờ đến trước mộ

Há sâu chờ đợi
Muốn một chút lặng yên
Cũng chả được nào
Trong đáy mỏ vẫn có tiếng vang vang
Người ta lột sần đây rồi.

NỢ

Nhà thơ, anh dành dùm từng xu nhỏ, đồng kềm, đồng chì...
Mà phải trả các món nợ, bán đời đi để trả
Vết cả tâm hồn, dốc cả hai túi áo ra không đủ
Không phải anh nợ, mà nhân loại nợ, người đọc nợ
Anh trả cho anh là trả giúp họ rồi,
Nợ xương máu, áo cơm, một ngậm nước khát lòng
Một hạt muối đêm công đồn, cái hôn khi ra trận,
Cho đến nợ một ngọn gió heo may rải đồng,
Một mặt nước bờ ao Thái Bình cũng nợ
Một mùi hương của xứ không hương...
Trả, anh là anh.
Không trả, anh có tội với mười phương, tám hướng
Anh moi bộ óc không phải bằng vàng ra để trả
Thế mà có nhiều nhà thơ đã không trả còn vay, còn ăn quyết
Họ có mười mà tên tuổi đến mười mười.

GIỌNG TRẦM

Giọng cao bao nhiêu năm, giờ anh hát giọng trầm,
Tiếng hát lẫn với im lìm của đất,
Vườn lặng yên mà thơm mùi mít mật
Còn hơn anh rô giọng hát vang ngân.

1987

HAI CHIỀU

Hạnh phúc đến thành linh và ở thế đơn côi
Còn tai ương thì dồn dập đánh vu hồi
Thuyền anh đi giữa bể, hai trời May, Rủi đó
Không sắp bên này thì ngựa phía kia thôi
Cho đến lúc vào bóng đêm, anh mới nhận ra chân lý
Cuộc đời là trò chơi
Cuộc sống là trò chơi
Mà không chơi khổ đau thì không ù được nụ cười.

1978 - 1988

HỎI ? ĐÁP !

Con người ngẩng lên trời làm triết học :
Ta là ai ? Về đâu ? Hạt móc
Là ta chăng ? Dòng sông là ta chăng ? Tiếng khóc
Là ta chăng ? Vì sao lạc phương trời

Là ta chăng ? Ta chưa kịp trả lời
Thì sông đã cuốn ta vào bóng tối.
Cậu bé chơi từng đình vụt già trăm tuổi
Câu hỏi thờ bé thơ, miệng huyết trả lời.
Ừ, anh là sông trôi, là hạt móc,
Là tiếng khóc thất thanh... Nhưng anh lại
Là người. Việc gì phải tủi,
Việc gì phải đau ! Hãy chấp nhận và cười !
Bây giờ ta yêu sông vì đó là người,
Yêu hạt móc, đây là ta sáng chói,
Yêu vì sao, nó cùng ta như nói
Vũ trụ hãy nhìn nó cách này và ngược lại
Nhìn nó phía kia.
Không tồn tại sẽ bỗng nhiên tồn tại,
Đang héo tàn, vũ trụ sẽ sinh sôi.

VUA

Vua Hùng, vua Lê, cả dân tộc sống trong châu Á đói nghèo
Dẫm chân trong bùn, dẫm chân tại chỗ
Có làm vua cũng là vua thứ quèn
Mũ triều thiên lẫn cùng rỏ rá
Áo long bào lắm khi phải vá
Suốt đời lo miếng ăn cho dân tộc không xong !

Không phải thứ vua lục viện, tam cung
Có ba nghìn con em vườn lê múa hát
Do đó ta có chủi vua nước mình cũng chủi cho chùng mực
Ồi ! Nói chi dân dưới các triều vua áp bức
Thế mà nghèo sao, ít sao những vắn thơ rõ nước mắt
Vì dân !

GIÓ LẬT LÁ SEN HỒ

Gió thổi lá sen hồ lật lại phía bên kia
Phía ấy gọi anh về
Về đâu chưa biết nữa ?
Chỉ biết hôn anh lật lại cùng với gió
Ở trong hôn ai đó ném thìa lia.

Phía bên này lá sen là cuộc đời quá cũ
Danh vọng, giấy thờ, bàn tử...
Hoan hô và chủi rùa...
Thế mà lật lá sen hồ, bỗng chốc phía bên kia.
Bỗng chốc là mùi hương ở bên kia lá,
Là ánh trăng ở trong tiếng gió,
Là thì thầm ánh sao khuya
Trong cỏ...
Gọi anh đi.

À quên, chính là gọi anh về.
Về quê...
Về cái gì như tiền thân mà anh đánh mất
Mà lá sen hồ từng che khuất
Rồi lá sen hồ lật lại
Cho hồn anh lắng nghe.
Nghe... nghe...
Trong khoảnh khắc phút giây nghe hết
Sống chết, sống chết...
Hai từ ấy như thoi reo, lục dẹt
Không có phía bên này
Không có phía bên kia.
Phía bên này lá sen là cuộc đời rất tuyệt
Mà bên kia lá sen cũng là cuộc đời
Hồn anh ném thia lia.

1988

THỜI THƯỢNG

Chả còn ai yêu vầng trăng và hương lúa ngoài đồng
Yêu bà Tiên hay đám mây trên lầu Hoàng Hạc
Giờ là thế giới của xe cúp, tivi, phim màu ngũ sắc
Của quyền lực, tuổi tên, đốp chát...
Vị trí nhà thơ như rác đổ thùng !

Chả ai nhớ bà mẹ cắm chông bạc tóc
Nhớ một cô gái chèo đò vượt lửa qua sông.

1988

LÒ THIÊU

Từ Trung tâm Hoà táng
Hàng ngày khói thịt người, xương người
bay trên trời quận Tân Bình
Sáng đưa xác vào, trưa lấy xương ra
Đều đặn như bánh vào lò
Mỗi ngày hai suất.
Người gia đình buổi sáng xe, vòng hoa, kèn... đây nghi lễ
Giấu che cái chết
Đưa người vào lò
Chiều đến nhặt xương như ta nhặt thóc
Tai ương, hạnh phúc, ước mơ, bao nhiêu xương thịt
tâm tư một đời
Khét lẹt bay lên trời mây đục.
Ta trên đường đi đến lò thiêu
Cuộc hành trình nhẩn nha mà rất gấp
Vội gì than *Cuộc đời như gió bay vèo.*
Em hỏi anh : Nên sống lối sống nào ?
Hiện sinh hay tôn giáo ?

Anh cười : Hiện sinh gì khi răng đã rệu rạo,
hiện sinh để nhìn gì khi mắt ta kèm nhèm ?
Mà tôn giáo triệu đời chỉ mần mê cái đầu lâu cũ ấy.
Khôn thay là chủ nghĩa Mác
Không đại húc đầu vào cái siêu hình rất hóc
Chị Minh Khai thêu áo cho con
Anh Trần Phú giảng bài chờ máy chém.
Ta đập lên siêu hình và bớt nghĩ về Ta.
Thế là yên chuyện.

Anh viết cho đời và anh yêu em
Trong khi chờ nhất cuộc – à, không, chờ ngọn lửa của lò
để đến Vùng Quên.

Tháng 5 - 1988

(Bài này viết ngay sau khi anh rù tôi đi
thăm Trung tâm Hoà táng Bình Hưng Hoà
về. Lò thiêu này cách nhà ở của chúng tôi
chừng 500 mét - Vũ Thị Thường).

VỀ TẢ THANH OAI

Về Tả Thanh Oai quê vợ
Cả gia đình ngồi trên xe ngựa
Như là Digan !
Nặng reo trên đầu các con

Cây chạy đón ta hai bên đường
Tở mở.
Tả Thanh Oai bên bờ sông Nhuệ
Những rặng tre,
Hàng bàng,
Nước sông trôi lững lờ
Như đây là thời gian.
Ngô gia văn phái nơi nào ?
Ta là cháu rể.
Đường về quê họ Ngô lồm lỏi
Các con ngủ trong tay mẹ,
Cháu Do xuống xe và dắt ngựa.
Ta mơ về một thời...
À, ta về đây bằng con đường tình ái
Chả là Ngô gia văn phái
Có một người con gái
Hôm nay đưa ta về thăm quê ngoại
Lao xao vườn mía bên đường
Văn một thời Tây Sơn
Nhắm đọc gập gù trong nắng chói
Ngỡ như hôm nay ta về đổi cho xong câu đối
Họ Ngô xưa để lại
Rồi ngày mai lại về thế kỷ của ta
Của những ngày đánh Mỹ
Và đọc văn thì đọc Ngô gia.

TỪ THỂ CHI CA (I)^(*)

1

Anh không ở lại yêu hoa mãi được
Thiếu xong, anh về các trời khác cũng đầy hoa
Chỉ tiếc không có tình yêu ở đó.

2

Anh thành một nhúm xương gio trong bình
Em đừng khóc
Ngoài vườn hoa cỏ mọc.

3

Cho dù trái đất không còn anh
Anh vẫn còn nguyên trái đất
Tặng cho mình.

4

Những kẻ nguyên rửa anh sẽ buồn
Chả còn anh cho họ giết
Dao sẵn rồi, họ không dễ để yên.

5

Những bạn bè yêu anh sẽ gặp anh trong cỏ
Trong hạt sương, trong đá...
Trong những gì không phải anh.

(*) Viết trước khi mở 21 ngày.

TÌM ĐƯỜNG

Nửa thế kỷ tôi loay hoay

Kê miệng vực

Leo lên các đỉnh tinh thần

Chất ngất

Theo các con đường ngoắt ngoéo chữ chi

Gãy gập

Mà đâu được gì ?

Khi tôi cười trên mây

Thì máu người rên dưới đất.

Mẹ hỏi tôi :

– Con lên cao mà làm chi ?

Mẹ ở dưới này cơ cực

Về đi !

Ôi ! Con đường không ra đường của kẻ tìm thơ

Cái thơ không ra thơ của kẻ tìm đường

Đã gần hết thời gian của tôi ở trên trái đất

Mà tôi chưa có thể trả lời cho mẹ

Mẹ đâu biết cho rằng :

Hoa tôi hái trên trời

Cũng chính là nước mắt

Dưới xa kia.

1988

DI CẢO THƠ (*)

LẠI LÁ BÀNG

Mùa đông vào thành phố chả ai hay
Có kỷ niệm về theo. Đừng khép cửa !
Phố ta ở lá bàng già quá nửa
Lá rụng thành linh, nào ai kịp trở tay !

Ta đứng phía này, máu đỏ phía kia cây,
Anh lớn tuổi làm sao ngăn được nó !
Chậm một ngày là một ngày nó đỏ
Cái tuổi già ngăn nó phía nào đây ?

Tuổi già nào ? Chính là tuổi thơ ngây
Tuổi năm trước năm nao không còn nữa
Và bây giờ nó hoá máu trên cây
Hãy trải rộng trang thơ mà nhạt nó !

Nhật hết rồi nó lại hoá trời mây
Nó không đỏ mà bây giờ trắng xoá
Mất hút phía chân trời – phía tuổi nhỏ bay bay bay...

1985 - 1987

(*) Tập II, NXB Thuận Hoá, Huế, 1993.

ĐÀN BẦU

Tiếng đàn bầu
Không khóc nhiều đâu.
Không khóc.
Đã thanh lọc nỗi đau
Qua âm sắc
Nên bây giờ trong vắt
Trong veo một tiếng đàn bầu.
Không khóc.
Cả một trời bể đau
Nước mắt
Ở đâu ? Ở đâu ?
Trong gỗ, trong dây, trong cần... buông bất
Đã lụi, đã xa, đã khuất
Bây giờ hồi ức
Bây giờ còn lại
Đôi câu.

CHIỀU CHÂU ÂU

Cánh đồng bình yên, ngọn ngọn cỏ non tơ
Hoa như môi nghiêng xuống cỏ như chờ
Châu Âu thanh bình, châu Âu hạnh phúc
Mà ngọn cỏ cũng đắm đĩa sắc dục
Và cành hoa tận hưởng sắc hương mình.

Khóm cây này hoa sĩ vẽ nên tranh,
Màu cỏ ấy thơ không bỏ sót.
Bỗng dung tôi nghĩ đến những nắm xương Trường Sơn
Không người lượm nhặt
Nhưng anh hùng đến chết vẫn vô danh.

1973 - 1986

NỬA CHỪNG CÂU⁽¹⁾

Như mặt đẹp vút qua khung tàu điện
Thoáng trời đêm yên tĩnh đối ngôi sao
Như người lính bắn phát cuối cùng vì Tổ quốc
Ta vẫn yêu đời dù viết nửa chừng câu.

NHỚ TUỔI THƠ

Nhớ biển miền Trung tiếng sóng đùa
Nhớ nhà cha mẹ, cảnh trường xưa...
Nhớ chao ôi nhớ ! Trời xanh thế !
Gà lại rộn thêm tiếng gáy trưa !

1985

(1) Bài này viết khoảng từ năm 1957 đến 1959, khi tác giả bị lao phổi và ngờ bị ung thư khí quản ; hôn nhân thì tan vỡ (Vũ Thị Thường).

CẢNH ĐIỀN VIÊN

Cồng lưng tưới nước. Vạt rau khô
Bơm hồng mà đấm khổ cả nhà
Đêm ngủ chỉ toàn lo vật giá
Xa dân truyện ngắn, bớt dân thơ.

1985

LÁ BÀNG RƠI

Năm hết đến nơi
Lá bàng quá nửa
Một đêm em rét dữ
Thì lá bàng anh rơi.

Lá bàng rơi đầy sân
Sáng phòng ta mở cửa
Cây trơ những đường gân
Thời gian đi qua đó.

Hết năm hết năm rồi
Những năm làm ra đời
Câu thơ đang viết dở
Mà lá bàng cứ rơi.

1985

CẦU NGUYỆN

Hỡi em ban mai
Trời trong tinh khiết
Gió chưa có lời
Mây chưa có vết
Anh là đêm bão
Chờ mong em về
Cho cơn bão chết
Cho lòng người đi.
Em là ban mai
Hàng cây không lời
Bầy chim thiêm thiếp
Lòng người tinh khôi.

BOM VÀ TRĂNG

Thức dậy vì tiếng bom
Bỗng gặp đêm trăng sáng
Chói loà trên sông vắng
Chói nửa màn em nằm.
Cả đêm trăng sáng rõ
Chỉ màu trắng là có
Còn chiến tranh là không.

3 - 11 - 1975

ĐỀ TÀI

Những nhà thơ bỏ các đề tài khoáng đạt
Về trong phòng con ngọt ngào
Như con hổ đại ngàn
Hoá chú mèo con
Xưa đến thác rừng uống những vầng trăng
Nay liếm miếng thịt con trong bát
Và thiên hạ thấy chú lấy tiếng meo meo làm tiếng hát
Thay cho những tiếng gầm náo động không gian.

11 - 1975

CHUNG SỐ PHẬN

Yêu những người cùng chạy bom ngoài chợ,
xong cùng ta chung một cốc bia hơi,
Chung số phận cùng ta trong cái được thua vĩ đại
Có thể giành chỗ nhau trong cuộc xếp hàng mua thịt muối.
Nhưng cùng reo lên khi tên lửa hạ B.52 cháy đỏ ngang trời.

1975

NHƯ CỐM MÙA THU

Như cốm mùa thu nằm mát giữa tờ sen
Màu xanh của nắng trời chùng dịu lại
Những yêu thương của lòng tôi, tôi gói
Trong lá thơ vừa hái ở đời lên.

Viết khoảng những năm 40

THÁP CAO TĂNG

Nhà sư gửi một nắm xương
Trong tháp cổ giữa vườn
Vào cõi Phật
Giữa cái không và cái sắc
Còn còn, mát mát
Người đi qua, để lại tháp trong vườn.
Tháp lâu đời rêu phủ, cỏ chen
Tìm mãi mới ra hình con hạc
Có người bảo năm xưa tìm thấy một hoa sen
Cái phát hiện mỗi đời mỗi khác.
Cái hồn của nhà sư chắc phải tìm ngoài đỉnh tháp
Nơi thăm xanh trời, chỗ tháp vươn lên

Ta sinh giữa đời, không có bí quyết cao tăng
Đâu dám dựng thơ như tháp nhiều tầng

Tôi lại thích bài thơ nằm giữa cỏ
Nếu có đố thì giữa đời tháp đổ.
Chú bé vạch tìm trong gỗ
Cùng với đế trong vườn là gạch tháp nghìn năm.

1975

KHI CÂY CHẾT

Khi cây chết, ta là chim bơ vơ
Khi không gian đã hết những đợi chờ
Khi trưa xuống khóc trên lòng sông bể
Ta muốn ta mai sau là hạt lệ
Khóc trên lòng hậu thế cũng đau thương.

Viết khoảng sau *Điều tàn*, từ 1937 đến 1940

SÙI TĂM

Chà có gì sùi tăm ở cái hồ lãng quên
anh ném câu thơ vào đó
May ra thế kỷ sau, từ viên sỏi thơ anh
sùi lên giọt máu như máu con bông bóng
"Bống bống bang bang"... sẽ có người đến bên hồ
mà gọi thơ anh

Câu thơ trôi lên, đáp lại tiếng gọi mình.
Cũng có thể không có giọt máu nào,
con bỗng chết rồi, không ai gọi cả
Và anh mất cả chì lẫn chài ở giữa vô danh.

4 - 1987

TÌM TRÂM

Anh tìm thơ như tìm trâm giữa ngàn cao lắm hồ
Trâm ở đâu ?
Anh không ngậm ngải, tìm gì ?
Mùi hương nào dắt dẫn anh đi ?
Đố em hiểu được ?
Khác nào giữa nắng ngày tìm con vạc bay khuya
Tìm một cành đào trong sa mạc...
Ấy thế mà có lúc anh tìm ra được
Trâm tìm anh, chứ anh đâu có tìm trâm
Anh đang đứng giữa rừng ngơ ngác
Bỗng nghe thấy hổ gầm
Và hồn anh thơm ngát
Anh sợ hãi ôm lấy thân cây gần nhất
Hoang mang ẩn nấp
Và khi hổ đi rồi, mở mắt
Thì eo ôi ! Chính nó là trâm !

LỆ NGỌC

Số ngày trên trái đất có nhiều đâu
Mà làm thơ hay không được một ngày
Rồi bất lực !
Thế mà còn phải đánh nhau với nghìn sự đê hèn
Làm đầu anh lụt bắc.
Chọi cùng bóng tối
Cứ phá vòng vây ra thì gặp nó vây mình !
Nhưng anh cố viết những trang thơ rộng khổ
Hơn đời anh chật chội
Dài lâu hơn chớp nhoáng một tiếng cười.
Ngày mai, người ta nhặt nó tình cờ từ bụi đất
Phủ bụi đi, trâm trở chuyển tay nhau :
Ồ, viên ngọc !
Và những giọt lệ rung rung trên mi người đọc
Ngọc của người còn trong gập máy
Ngọc thơ anh.

HOA SÚNG

Màu hoa súng ấy như cơn đau không dám khóc
Chỉ lặng yêu sắc tím để mà đau
Người ta chỉ biết mầu sen anh đỏ rực
Còn nỗi buồn hoa súng tím biết cho đâu !

1987

LAU

Anh ta phong cho mình nhiều danh hiệu
Để quên mình là cây lau
Cho dù anh có đóng đinh mình lên cây thánh giá
Mà làm thơ đau
Chả ai là tín đồ cho anh cả
Một nền tôn giáo giả, những vì Chúa giả
Không trường tồn được lâu.
Tốt hơn, biết mình là cây lau
Cứ xạc xào trong gió
Khi già đun thành lửa
Cho người ta thổi cơm hằng bữa
Nhân loại đều thế cả
Có mất gì đi đâu ?

1985

KIỀU

Bây giờ đọc *Kiều*, ta cảm ơn ai ?
Chả lẽ cảm ơn cái mưa bụi tà dương làm Du khổ,
Cảm ơn con sông Tiên Đường đánh đắm cô Kiều xấu số,
Cảm ơn vành trăng xẻ nửa
Và cỏ non xanh tận chân trời... ?
Không có Du, thế kỷ này đành tay không
Mà Du cũng tay không, nếu không có mưa ấy,
sông này, trăng kia, cỏ nọ...

Đành như đánh mất
Đành như phá bù
Đành như đánh bát
Mà không được ù
Nên rồi Du phải cảm ơn đời,
Ta cảm ơn Du
Cảm ơn nhau rồi rít
Nghĩ xem giữa bốn bể, muôn trùng, mây bay, nước xiết...
Mà găm lại cuộc đời
Quá đôi phù du.

Tháng 4 - 1987

HỚT LÁ

Mùa lá bàng rơi Hà Nội
Tôi hốt lá trên sân để thổi
Vui trong cảnh nghèo – Nghĩ đến chiến trường xa
Người lính đổ máu cho mình sẽ biết bao an ủi
Biết sau lưng mình đang nhạt lá – một nhà thơ.
Giờ hoà bình, tôi vẫn làm thơ – nhạt lá
Không phải vì đất nước mình còn chiến tranh, nghèo khó
Mà vì có bao nhiêu thằng đang sống xa hoa
Vì có bọn người thoái hoá
Khiến cho thắng trận rồi mà vẫn còn nhạt lá – kẻ làm thơ !

1987

LÒNG NGA MÁU

Trong các lòng nga hôm ấy
Có cái lòng nga quý nhất
Từng thấm lệ và thấm máu đôi tình nhân
Nếu có rải, thì rải vào phút chót
Cùng với thi thể mình. My Châu biết thế.
Rải chưa ? Rải chưa ?
Còn một phút nữa...
Rải chưa ? Rải chưa ?
Ngoảnh nhìn lại sau
Vẫn chưa thấy gì
Chờ một phút nữa
Rải nó ra có khi nói được lòng mình
Rải nó ra, giải cái oan một thuở
My Châu chần chừ...
Nhưng đúng vào phút cầm lòng nga tuyệt mệnh
Ném vào bụi đường
Thì Vua Cha đã chém đứt lưng
Cho nên My Châu chết trên tư thế lưng chùng
Tư thế giặc !
Còn cái lòng nga ấy bây giờ đâu ?
Ai biết ? !
Có lẽ nó bay trên đầu những người oan khuất
Đang chờ người yêu và vết chém sau lưng.

1973 - 1988

CHỮA LÀNH

Những vết thương gây bởi mùi hương, lâu lành hơn cả
Chữa lành ư ? Lại phải có mùi hương.

May quá ! Đây là vết thương không chảy máu,
không có hình, không có sẹo
Và anh có thể đi lại, tươi cười, dẫu bị tử thương.

MÔĐÉC

Thế kỷ 20. Nón mưa thành cổ điển
Và phá phách vào Hàn lâm viện
Họ chia ra buồn tiền chiến và say hậu chiến
Biến chén rượu hạt mít và cái ao nhà thành ra biển,
Dựng cặp đùi lên thành Khải hoàn môn
Giết hết hoa sen để vạ tuế buồn
Họ lao trượt ái tình như trẻ con chơi cầu trượt...
Đồ vật là chúa tể mà
Nhân loại sắp hoàng hôn.

1988

PHÊ BÌNH

Mơ cái ngày có nhà phê bình gặp thi sĩ thiên tài
liền ôm và khóc
Lời nhau ra uống rượu hát vang ở chợ phiên danh vọng

Bút một năm tranh trên lầu chợ đốt lên để đọc một
trang thơ
Xong rồi sau đó bỏ bút đi, không bình thơ nữa
Vì thơ hay đã gặp...

Ồ, lẽ ra mơ được tái bản, được nhiều tiền nhuận bút
Sao ở thế kỷ hai mươi, anh còn mơ giấc mơ hoang sơ
điên đại thuở hư huyền !

1987

ĐỂ LẠI

Anh chả đem được đêm trăng nào vào huyết
trong tổng số đêm trăng anh ngắm,
Tổng số mặt trời, anh đành bỏ lại, không mang đi.
Dù có liệm cho anh một nhúm gạo hạnh phúc,
một nhúm muối thi ca thì anh làm sao ăn được ?
Đến bến Lú, sông Mê, các thứ ngon ngọt đem theo
thành đặng ngất.
Liệm cho anh triết học để làm gì ?
Anh không mang đi. Anh chỉ còn để lại.
Để lại một câu thơ, một lời tạ tội
Để lại những lời "Nhớ lấy !" hoặc "Quên đi !"

Tháng 4 - 1987

CUỘI

Cuội ngồi gốc đa triệu năm rồi ngồi đó
Nói dối gì ! Cuội thật biết bao nhiêu !
Thế hệ nào đến cũng gặp mây nguyên tại chỗ
Chỉ kẻ nhìn lên trăng thì nói dối đủ điều !
Chúng khẩu đồng từ⁽¹⁾, ông sư không còn là sư nữa
Hướng gì Cuội trên trăng ngồi mãi gốc cây đa !
Thiên hạ chửi mây dối để tỏ mình là thật,
Chửi hàng vạn năm rồi, làm sao gỡ cho ra ?

1987

CŨ, MỚI

Cởi bỏ cái cũ có khi tuột da, lòi xương, chảy máu
Đất nước bùn lầy để ra công nghiệp khó khăn sao !
Trận đánh ấy ta trèo lên, tụt xuống rồi lại
phải trèo lên lại
Giữa Cảng lớn dầu khí ngày nay, con thương mẹ
ngày xưa leo lét ngọn đèn dầu
Mẹ lấy tay che phía nọ, phía này cho
trang thơ con được lạng
Trong khi trang con viết ngày nay đang chờ
Gió Lớn ủa vào.

1987

(1) Tục ngữ : "Chúng khẩu đồng từ, ông sư cũng chết".

ĐOẠN CUỐI THẾ KỶ

Tôi cùng thế kỷ này già như nhau. Tôi chết trước.
Thế kỷ chết rồi, để ra thế kỷ non hơn, 21.
Tôi chết rồi, thơ sau đó sẽ xanh hơn
Cố nhiên đó là thơ nhân loại khác.
Nếu có luân hồi, tôi sẽ về, sẽ đọc,
Sẽ nâng làn cỏ lạ lên môi hôn.
Nếu không có, đã đi là đi mất
Chỉ tôi mất thôi, nhân loại đang còn
Và chắc chi thế kỷ sau còn yêu thơ nữa ?
Cầu cho đừng đại dột như thế kỷ này thơ ít mà nhiều bom.
Cầu cho đừng khờn vặt như thế kỷ này
Để nuôi sống xác thân, đem làm thịt linh hồn.

12 - 1987

MỘT THỜI

Những trưa hè...
Nhớ thành Bình Định xưa, căn nhà im phắc
Mẹ ngồi bắt chấy cho chị Ba, dưới đất
Chị Tư vá may,
Cha trên nhà đang giấc ngủ say,
Còn tôi thả hồn lên những đầu cây
Chờ thơ về đón bắt...

Khi mùi hương tuổi trẻ trở về
Là tuổi trẻ đã ra đi xa lắc
Khi con ve tuổi thơ lột xác
Là mùa ve buổi ấy đã bay vèo.
Thời gian không thể hoá thành dòng sông chảy ngược
Cho ta về với những ngày
Nay mẹ ở Đông Hà, mẹ cha trên núi,
Mẹ chị Ba ở rừng cao su sẫm tối,
Chị Tư heo hút một mình,
Chỉ còn tôi – cái dây xâu các hạt xỏ ra tung toé,
Lấp lại các mảnh gương đã vỡ
Thế mà mỗi trưa mùi hương còn về quấy quả
Và tiếng ve ra rả
Chẳng thương mình !

Viết khoảng năm 1987 - 1988

MÙA THU QUÂN

Thu quân lại
Đời anh sắp tới rồi
Anh cần chống chọi
Phải thu quân
Thu những gì rơi vãi
Những gì đã bay đi tám cõi
Gọi về.
Anh như vị tướng già chiến bại

Cho đánh một trận còn không đánh nổi
Thu về làm chi ?
Hướng nữa quân của anh có vì sao băng, có vì
sao chổi, không chu kỳ
Nhưng chả lẽ anh bó tay vào lúc cuối
Nhìn các trang thơ bay không ngoái lại
Và gió mùa đến quét anh đi.

1987

KHÔNG BAO GIỜ

Không bao giờ ta trở lại Lisbon
Gặp người bạn ấy
Ngồi bên giường con ốm, giằng nó với Thần Chết
Nghĩ : đây là Việt Nam
Không bao giờ trở về hòn đảo Cuba
Uống cốc rượu dưới chân thành xưa
Nhớ chuyện năm trăm năm trước.
Không bao giờ cùng Gatov ngắm tuyết
Ở giữa Mátxcova đọc thơ Đường.
Không bao giờ ngắm đàn cò bay
Trên những cánh đồng Trung Quốc...
Ôi ! Hành tinh bao nơi ta qua rồi không trở lại
Ta đi hút về phía này,
Nó đi về phía khác
Ước triệu nghìn vạn tỷ tỷ năm
Chỉ có một lần.

Nhưng cần gì nói chuyện vĩ mô bao la thiên địa
Ngay hạt sương trên mạng nhện
Ngắm cùng bạn ở góc thành kia
Chả bao giờ ta trở lại
Và bản thân rồi ta cũng xa.

CÂY BÀNG

Anh yêu cây bàng trụi lá mùa đông chỉ còn cốt lõi
Cái rét già lọc hết lá vàng đỏ chói
Để trơ cành
Cái rét thâm nghiêm, cái rét bạo tàn
Để lại những thân bàng triết học
Một nền triết sẵn sàng nảy lọc
Sẵn sàng thơ, xanh nuốt lúc Xuân về.

Tháng 11 - 1988

MỘT NGƯỜI THƯỜNG

Người nông dân ấy đã bốc mộ cho hàng ba trăm
thương binh
Xác anh em và xác con mình
Anh xếp trên giường nhà anh như họ còn nằm ngủ

Vợ, dâu anh thì sợ
Nhưng anh vẫn làm nhiệm vụ
Việc ấy không để lại hào quang trên tay
ánh sáng gì trong mắt
Hay huân chương trên tường
Có khi bản thân anh cũng muốn quên
giữa cuộc đời chật vật
Còn ta à ! Thì bận vì dạ hội, liên hoan,
Tình ca, hội thảo...
Bao nhiêu điều láo nháo chúng ta quên
Quên rằng giờ chiến thắng mười năm
Anh ta vẫn khổ
Con vào trường không có chỗ
Đến bệnh viện không tiền
Ra đường không ai nhớ
Về làng người ta quên.

NƠI KIA

Là nhà thơ, anh sống nơi này mà phải nghĩ đến nơi kia,
Nơi trên biên giới bây giờ đang chảy máu,
Nơi những nhà đang thiếu gạo,
Khác nơi đây anh đang yên ổn giữa gia đình.
Anh ở trong rế sâu nghĩ đến trên cành

Còn cái thơm tho của tuổi tên, danh vọng
của các vòng hoa

Nó lại cóc cần.

Con nặng ấy nói một câu cộc cần :

"Mày là người, dù là vĩ nhân,

Mày là người, mày không bắt tử !"

Do đó, anh phải thấy cho được con Nhặng xanh

Khi chưa thấy Nó

Và cả một đời anh, anh làm từng câu thơ là

chính để tặng cho Nàng Nhặng đó

Cái Nàng cất cổ anh và nhân loại

Chình nhờ Nàng mà anh chống với Thối Rửa, Hư Vô

Mà anh tồn tại.

Anh viết những câu thơ mà thời gian không gặm nổi

Nhờ Nàng.

Viết khoảng những năm 1987 - 1988

CHUẨN BỊ ĐI

Chuẩn bị gấp ngày anh thành giời bọ

Chôn trong mộ rậm cỏ

Cũng nên dâm trong hố sâu

Chuẩn bị cách nào ?

Là dân thu hẹp sự dọc ngang anh lại

Xếp dân đôi tay

Hãm bớt đôi chân

Ít dần tiếng nói
Tắt dần các ngọn nến trong lòng
Các cơn gió thổi
Khép các cửa phòng
Giấu đi các hoa hồng,
Các hoa mai rục rờ
Cho người ta quên dần anh, xoá số
Và lúc anh ra đi nhẹ nhàng
Không bận lòng ai tất cả...
Chuẩn bị cách nào nữa ?
Trộn anh vào dân,
Trộn anh vào đất, và sao không vào phân ?
Vào bùn ?
Vào ở trong các cục nhọc
Anh đừng là viên ngọc
Mà là viên sỏi, cục gạch lẫn lộn cùng cỏ rác
Cùng xoàng xĩnh vô danh nhếch nhác
Hiểu cho hết cái đau của cuộc đời
Nghe tiếng cười của trẻ con nheo nhóc
Điệu hát những bà mẹ xanh xao
Rồi lặng lẽ cuộc đời
Miếng đất thơ trong vườn anh
Làm những câu thơ vũ trụ và cho mình.
Vũ trụ ? Huênh hoang thế ư ?
Không ! Vũ trụ tức là làm cho sao, cho gió
Cho mây bay ngang trời
Sóng vỗ ngoài khơi

Sóng làm sóng, gió làm gió, mưa làm mưa một người
Chỉ thế. Rơi một giọt lệ
Trên má người muôn năm.
Viết âm thầm.
Viết hay cho người yêu
Viết hay cho người ghét
Viết hay cho bõ ghét
Viết cái gì cho vợ con, bè bạn
Sẽ tự hào khi anh thành giun đế, đất bùn, bọ chét
Ồ ô anh chỉ là hạt bụi
Thì việc gì đòi tên tuổi ?
Loé sáng rồi, bụi chưa bằng lòng sao ?
Bụi mà nhấp nhánh như một vì sao
Bụi đòi chi nữa ?
Nhường vinh quang cho đời
Nhường hưởng thụ cho người
Anh chỉ cần bữa ăn dùng đủ
Đi cho xong cuộc đời
Bốn năm Hàn Mặc Tử làm nên sự nghiệp
Chỉ có vài tháng viết
Là đời của Keats⁽¹⁾
Anh còn một đêm, anh còn một sáng,
Anh còn một tháng, anh còn một năm
Đừng sợ mất gỗ đi, nếu anh có ý niệm trăm.

20 - 7 - 1987

(1) Trong nguyên bản, chữ viết đọc không ra, tạm để thế này e không được chính xác (Vũ Thị Thường).

QUẢ BÀNG VÀNG

Hiệu lệnh điểm rồi
Quả bàng vàng đầu tiên rơi xuống đất
Con sông thời gian lặng yên mà tắt bật
Chúng ta vào thu.
Quả bàng của nhánh cây một năm kiên nhẫn cần cù
Qua một mùa đông khắc nghiệt
 một mùa xuân ấm nồng
 một mùa hè đục vọng
Để vào thu trái bàng chín mọng
Anh giật mình nổi chi ?
Anh để bốn mùa qua như nước xiết
Không đọng được câu thơ nào đầu ngọn viết
Anh buồn chi ?

1981

RỒI TA SẼ LẠ NHAU

Rồi ta uống vào cái đen của sự chết
Quên đi các môi hồng của tình yêu
Rồi ta uống vào cái dòng lãng quên trắng bệch
Phai đi hết sắc màu của hạnh phúc
Rồi ta ú ớ, u ơ, quên lãng, vô tri, ngu dại, dại khờ.
Anh nhìn ra em cũng không nhìn nữa
Rồi ta sẽ lạ nhau như hai hòn đất lạ
Chỉ vì uống vào dòng lãng quên.

1984

CHO VÀ TRẢ

Người này cho ta và khi trả ta trả cho người khác
Người xưa cho ta ta trả cho người sau
Trời cho ta ta lại trả cho mặt bể
Cho ta một lần thu ta trả nỗi buồn lau
Cho ta vầng trăng, ta cho chú Cuội, ta cho chị Hằng,
ta cho chiếc gỏi có vầng trăng soi
Thậm chí không cho gì ta hết ta vẫn trả
Lấy của ta đi, ta còn cho
Lấy của Hàn Mặc Tử cuộc đời,
anh cho thiên địa mới tinh khôi.

Khoảng 1984 - 1985

ĐỪNG NGĂN CẢN

Khi anh gân chạng vạng
Thì có người bình minh
Đừng lấy hoàng hôn anh ngăn cản
Ban mai của họ sinh thành.

1988

ĐỪNG TUYỆT VỌNG

Từ đây đến mờ
Còn chán thì giờ
Cho anh sống

Miễn anh đừng tuyệt vọng
Hay là vô tâm.
Chớ vút dùi khi chưa xong hồi trống
Chớ vội tan tằm
Sóng có tan hãy cứ chờ đợt sóng
Tiếp theo sau
Dầu cạn bể vẫn còn viên muối đọng.
Tâm hồn ta như các tầng văn hoá phủ lên nhau
Ngày mai anh khai quật các tầng sâu
Ăn vào các mùi hương trầm tích
Các tầng trên đã bạc mỡ màu
Tiếc nuôi làm gì ?
Vô ích !
Chết được còn lâu !

1987

DI CẢO THƠ (*)

TÔI VIẾT CHO NGƯỜI...

(Thay lời tựa)

Tôi viết cho một người nào trong thế kỷ mai sau
Nhật thơ tôi lên từ trong bờ bụi
Phủ hết bao tầng bọt mồi

(*) Tập III, NXB Thuận Hoá, Huế, 1996.

Bông gặp tôi loè chói ở đời câu
Người kia phủ bụi thêm, đọc lại từ đầu
Bông chốc thương người xưa, rung giọt lệ
Tôi đã hoá bọ giòi, giun dế...
Hoá vô danh, vô ảnh, vô hình
Nghe tình thương bông lại sinh thành
Trong khoảnh khắc – lại là tôi – khoảnh khắc
Nhớ lại câu thơ mình của mình quên tấp
Nhớ lại cuộc đời đã ở trần gian
Một cuộc đời thôi mà biết mấy đa đoan
Liên sợ hãi, lại biến mình ra hạt bụi
Và lần này là không còn gì cứu nổi
Tan thành hư không. Và mong nó cũng quên mình.

Viết khoảng năm 1987 - 1988

HỘI AN

Tôi chẳng yêu ai ở Hội An cả, nhưng tôi yêu đô thị cổ ấy. Tuổi thơ tôi đã ở đây (sáu, bảy tuổi). Nhân xem các tranh anh Lưu Công Nhân vẽ về cao lầu Hội An, tôi tặng riêng anh bài này. Cũng là tấm lòng tôi mến anh và tài năng anh.

C.L.V

Hội An chẳng là quê
Mà là hương, khổ thế !
Quên quê, ai có thể
Hương ư ? Ôi, dễ gì !

Phephô⁽¹⁾, ta phe nào ?

Ôi, A-di-đà Phật !

Cái phe toàn nước mắt

Chỉ phô toàn nỗi đau !

Yêu ở đâu thì yêu

Về Hội An xin chớ

Hôn một lần ở đó

Một đời vang thuỷ triều

Xin chớ hôn gần bể

Từng đêm sóng đuổi người

Hôn ta hoá tượng Hời

Nửa khôn rồi nửa dại.

"Anh là khí chùa Cầu !"⁽²⁾

Mảng xong anh, em khóc

Hương chùa bay hương tóc

Mảng khi mà người đau

Thế rồi ta xa nhau

Anh lên đài Vọng Hải

Tìm em mùa hoa đại

Hoa đây còn em đâu ?

Không cần gặp Thiên Tào

Đòi một đời hạnh phúc

Chỉ cần cùng nhau khóc

Một giờ trong cao lầu.

9 - 9 - 1988

Viết tại bệnh viện Chợ Rẫy trước khi mổ phổi

(1) *Faifo* : Địa danh chỉ Hội An thời Pháp thuộc. Đây là tác giả chơi chữ (Vũ Thị Thường).

(2) Chùa Cầu Hội An có hai tượng khí đá. (C.L.V)

BỊ LỪA

Nghe tên một nhà thơ lớn
Bỏ mấy trăm đồng ra mua
Đọc, chả hiểu gì hết
Hoá ra mình bị lừa !
Lừa bởi thằng dịch chết dịch
Không hiểu mà dịch bừa
Tiền nó bỏ vào túi
Còn thơ giả cho nhà thơ.

Ở đời chết bởi bọn trung gian ấy
Không trung mà lại gian
Tất cả vĩ nhân vào tay chúng nó
Chả ma nào còn.

Bệnh viện Chợ Rẫy, 26-8-1988

Bài thứ hai viết sau khi mở

NGÀY TRỐNG KHÔNG

Với những ngày trống không nhờ nhờ trắng mây
Cái nhạt nhẽo mù mờ vô vị
Anh làm nên kim khí
Làm nên thỏi vàng nhấp nhánh trên tay
Phải rồi, mỗi tháng, mỗi giờ, mỗi phút, mỗi giây
Đều có những hạt vàng chảy qua kẽ bàn tay

Lăn với trống không mà anh chẳng biết
Những lúc thời gian ô ô nước xiết
Lại càng gay.
Chỉ cần yêu, cầm lấy cái trống không vô vị tháng ngày
Yêu nó đi, cho nó thành báu vật
Chắt bóp nó trước khi ngày tan, tháng mất
Thì vẫn còn lại một chút gì anh không thể trắng tay.
Một vết thương thành sẹo lâu ngày
Một chút nhớ đầu mày cuối mắt
Một chút nắng như con sóc đầu cây rồi khuất
Một điệu hát mơ hồ nghe thoáng đầu dây
Hãy cầm lên, bắt lấy
Có vàng lẫn trong dòng thác ấy.

TỪ THẾ CHI CA (II)

Có thể là trái đất mất anh hơn là anh mất nó
Nó mất anh như mất một hạt bụi có nghĩa gì ?
Còn anh ngày mai khi đã là linh hồn, anh vẫn
nhìn thấy nó
Cha vẫn nhìn thấy con, thấy mẹ, thấy khu vườn
Có điều ở thế giới ấy trong sáng, người ta
không đau, không dùng nước mắt

Người ta trong như thủy tinh, chỉ còn có tình thương.
Con vẫn nằm trong tầm mắt cha khi con
đau khổ hay là khi hạnh phúc
Còn như mồ cha, cái bình tro xương cha
Có phải cha đâu ?
Ở, ở thêm cùng các con, cùng mặt đất này
dăm năm, dăm tháng, dăm ngày
Có khi cũng là hay đấy
Nhưng biết đâu chất thủy tinh sau đấy sẽ đục hơn
Cuộc sống của vũ trụ là một Bi Kịch Vui
Hay đó là một nỗi Buồn vĩ đại làm phấn chấn
Và khi nhìn trời xanh, con yêu, ấy chính cha rồi !

8 - 9 - 1988

Tìm trong đám tờ rơi

CHÂM NGÔN

Thân thể quên những châm ngôn từ ngữ
Cho môi nghe tà giáo của hoa mời
Cho răng cắn trái mùa yêu chín nũng
Địa đàng hơn thiên đàng vì có lúa đôi.

1987

VỀ QUÊ CŨ

Tôi thu dọn đời mình như người sắp về quê cũ

Chả cần gì thêm

Chùng này đã đủ

Chùng này thương, chùng này giận dữ,

Chùng này hoa, chùng này bão tố,

Đi bình yên.

Mừng rằng từ đêm đặc đêm đen

Có một ngày, một kiếp chói loà trong Vũ Trụ

Phung phí, tiêu xài đủ thứ

Giờ về đêm đen

Lại hoàn nguyên số

Không bị gì làm hoen ố

Cùng với dải Ngân Hà sáng rỡ

Các chùm sao quen

Mặc đời quên.

Về đây mình cũng không còn nhớ

Ở trong nhà, chớ phải đâu ngoài chợ

Nam mô A-di-đà Thượng đế Amen.

1988

ĐÁNH BÀI

Mỗi ngày
Cùng với mặt trời mọc theo tiếng gà
Ta xóc chia lại ván bài ta
Cho khác ngày hôm trước
Ta ù ván này, ta bày ván khác
Không thua là thắng
Mà thua là hoà.
Nghĩ xem một bên bụi đất ta chưa đầy một nắm
Bên kia vũ trụ chói loà
Mà ta cầm cự nổi một đời

Giỏi lắm !

Hoan hô ta
Thế rồi cho đến xóc bài cũng không còn sức nữa
Ném bài vào huyết hư vô mặc nó
Ta là con bài mà bóng tối chơi ta.

MỘT LẦN

Cây dương vàng mùa thu Nga một lần anh thấy
Cây palma Cuba và cỏ non Pari cũng chỉ một lần,
Tuyết ra sân bay một lần ấy rồi vĩnh biệt
Trái đất, ăn một miếng trái ấy rồi, không ăn nữa, nghìn năm.

1987

ĐẠO DIỄN

Mỗi ngày anh đạo diễn vở kịch đời anh không thứ lớp
Đoạn đằng sau có khi diễn trước,
Đoạn đầu tiên lại để sau cùng
Trăm vai phản diện, chính diện ư, cho đến màn phòng...
Đều anh cả.
Không màn phòng, chỉ có trái tim nhức buốt
Lại phải đóng vai hề cười cợt
Đóng quan toà ư ? Để xử tội phạm lại là mình !
Diễn sao cho mình không phải lừa ai,
Chả phải lừa mình.
Nếu thiên hạ không xem đến chót
Thì mình cũng xem đến chót,
Kể cả vĩ thanh.

1988

SAU ANH

Sau anh còn mênh mông nhân loại,
Đùng nghĩ mình là người đi cuối,
Phải để lại dấu chân, hành cây, viên sỏi...
Cho người theo sau không cô đơn
Khi gặp dấu chân anh, người đi trước,
Họ lại để một cành hoa tiếp tục bên đường.

1987

ĐỊNH NGHĨA DÂN TỘC

Dân tộc muốn sống giữa⁽¹⁾ lửa chiến tranh
và lũ lụt của người.

Vỡ đê biển với vỡ đời
Dân tộc không thể biến đi mà chỉ hoá
Không để Tháp, Mộ Lăng, Mộ Mã...
Để Hè Gậy, tiểu lâm và một chuỗi cười.
Dân tộc bốn nghìn năm bị cái dạ dày làm khổ
Buôn đầu chợ bán cuối chợ
Khổ trên sông và khổ bên sông
Lụt sông Mã, sông Thương, sông Cái,
sông Hồng...

Bo bo hạt gạo bằng trời của mình
Tấm mẫn của mình
Vơ bèo vạt tép mà tồn tại
Do đó phải nhờ Bụt, nhờ Trời, nhờ Chúa,
nhờ Nàng Tiên cứu rỗi.

Khi sống ăn cơm
Chết nhờ húp cháo lá đa mà tồn tại.
Dân tộc có quá nhiều kẻ thù
Nên phải làm lành
Dân tộc Thiên tông
Hết giặc rồi, đổ cắm thù xuống bể xuống sông
Gieo nắm thóc trên đất đen cho nó nảy mầm

(1) Đọc không ra, tạm đoán là chữ *giữa*.

Gieo năm thóc trên đất đen như máu đỏ bầm.
Gieo cái hôn trên môi như thóc cháy⁽¹⁾ nảy mầm.
Ấy thế mà hay lật ngược mình ra phơi tiêm lức,
Hôm nay [...] ⁽²⁾ chỉ vì hôm qua có.
Hôm nay lợn ỷ, gà chuồng
Mà ngày mai gà lợn âm dương
Đám cưới chuột huy hoàng
Ngũ sắc.
Hoá, hoá chứ sao ?
Không thể chỉ có một bề, một mặt.
Hôm qua là chú bé Gióng
Hôm nay roi, ngựa sắt
Hoá xoan đào, hoá vàng anh, hoá Nàng Tiên...
Nhiều tai ương
Nên phải nhờ Thần Kim Quy, nhờ Đạm Tiên, nhờ Bụt...
Dân tộc trầm luân trong sóng Tiên Đường.
Thế nhưng đánh xong giặc rồi
Thì vất đi roi sắt,
Vất cả khóm tre ngà nhỏ lên đánh giặc
Hoá làm đứa trẻ thơ
Lay mẹ
Rồi bay về trời, mắt thơ ngây dây lệ,
Bay về trời hút bóng giữa tre xanh.

(1) Tạm để là *cháy*, nhưng cũng có thể là *chảnh*.

(2) [...] Bỏ mất một từ vì không đọc ra (Vũ Thị Thường).

Dân tộc làm gián cách
Hề về những nỗi đau khiến mình xé rách,
Lấy tiếng cười tạo ra nỗi đau, quãng cách
Trước khi đau
Thành Hề Gậy, Hề Mồi, tiểu lâm, chú Tều...
Cuộc đời rất đều
Phải vui mà đương đầu.
Ừ, dù sao cũng không thể biến đi mà cần tồn tại
Và phải hoá thì mới đương đầu nổi
Trở thành Ta cật vọt hơn mình.
Bác đã làm như vậy
Đất nước nghèo, từ người thư sinh áo vải
Hoá thân thành lãnh tụ
Xong giặc rồi, hoá tinh thần
Về lại giữa ca dao.

1987

HÁI TRÊN TRỜI

Mẹ già chạy gạo nuôi anh hùng từng ngày từng buổi
Một tháng bao lần ngô ghế theo khoai.
Thế mà anh đi tìm nắm cỏ tiên để hái
Mẹ cần ăn, anh cho nắm cỏ hái trên trời.

1986

NHẠC (II)

Mỗi hoàng hôn tôi đều nghe nhạc Beethoven⁽¹⁾
Bản giao hưởng này chưa có số
Ấy là màu hoa giấy rục hồng sấp vào đêm
Như lần cuối môi hôn và cháy đỏ
Uy nghi, uy nghi giàn hoa đi vào bóng tối
Hoà âm vang dội
Tôi nói thế vì Beethoven từng khuyên ta ngắm những
chiều tà
Và cũng vì mấy năm qua mua một đĩa nhạc xoàng
tôi không mua nổi
Thôi thì nghe màu hoa và tự dối
Đó là nhạc rồi, là nhạc Beethoven
Nghe Chopin⁽²⁾ dạ khúc sao đêm
Nghe Debussy⁽³⁾ biến than thâm tiếng mõ
Nghe Mozart⁽⁴⁾ trong hành mai cung thứ
Và rồi Beethoven khi lĩnh xướng bởi Mặt trời rục rở
Bình minh trên giàn bông giấy khải hoàn.

1987

(1) *Beethoven* (1770 - 1827) : nhạc sĩ người Đức.

(2) *Chopin* (1810 - 1849) : nhạc sĩ người Ba Lan.

(3) *Debussy* (1862 - 1918) : nhạc sĩ người Pháp.

(4) *Mozart* (1756 - 1791) : nhạc sĩ người Áo.

SỐ PHẬN

Anh đâu phải mặt trời chói loá
Cho đến lúc tắt cũng hoá thành hoàng hôn rực rỡ
Anh chỉ là ngọn đèn con con
Bỗng dưng phụt tắt
Thế là tối om.

1988

HOA TRẮNG

Đã hoa nhài trắng, còn sen trắng
Mùa hè ơi, người khéo đa tình !
Đây đường phượng đỏ, bằng lăng tím
Vẫn chọn cho lòng sắc trắng tinh.

1987

BÀNG NĂM KHÁC

Sắp năm khác rồi
Cây bàng lá đỏ
Cây bàng năm trước đó
Nhưng tháng ngày khác rồi.

1986

TRO VÀ LỬA

Tro bao giờ cũng tồn tại lâu hơn lửa
Lửa hoan lạc một giây, tro cay đắng một mùa.
Anh thiêu tất cả quá khứ thành ra năm tro là thơ đầy
Và thiêu hồn anh sau này không là lửa, lại là tro.

1988

NHỮNG CÂU THƠ

Những câu thơ ta gởi lại
Một phần khôn, chín phần trót đại
Nhưng biết đâu chính ở những câu đại khờ
ta mới thực là ta ?
Hoa đại giữa rừng ai bảo chẳng là hoa ?
Vân thực là Vân khi là Vân đại
Những hoa đại khờ không biết đến công viên khoe sắc
Những câu thơ lẫn khuất
Mọc gốc xa của rừng.

1987

HỌ

Rồi một trăm năm sau, họ diễn kịch về ta
Về giá lương tiền, về đổi mới tư duy,
Về chúng ta yêu, chúng ta đánh giặc...
Vở kịch có thể bi, có thể hài, ai biết ?

Có thể tình ca, có thể hùng ca
Những nỗi ta đau, họ có thể đau hơn, có thể cười chế nhạo
Những lý tưởng của chúng mình bây giờ, họ có tin không ?
Hay họ sẽ cười xoà ?
Ôi ! Ta phải sống cả cho mình, cả cho cha ông, cả cho
họ nữa !
Họ là chúng ta hay không phải chúng ta ?
Thế sao anh đòi viết câu thơ cho họ nhỉ ?
Thả một con thuyền giữa muôn trùng mà không lường
được phong ba !
Cuộc đời thật của ta bây giờ, với họ là giả,
Họ mặc lại các áo quần ta không giống lắm.
Yêu, đau khổ, nói ngôn ngữ như ta không giống lắm
Họ đem những nỗi gì của họ bảo là ta.

1988

THỨC

Những nhà thơ thức suốt đêm, không để
trang thơ mà để lại hoa đèn.
Có những câu thơ như vì sao băng
nửa đêm mới thấy,
Có những câu thơ xuất hiện vào lúc sương rơi,
gà gáy...
Không thức ư ? Thì chộp nó thế nào ?

Anh thức với nhà chiêm tinh, với người tình nhân,
với tên ăn trộm,
Với bà mẹ đẻ canh khuya, với anh đặc công
đang khoét hàng rào,
Con chồn bắt gà, con vạc ăn đêm, những mùi hương
ăn vào giấc ngủ...
Hưởng nữa, anh lại có tâm hồn thứ hai của mình hỗ trợ
Thế mà sao hết một đêm, vẫn là trang giấy ngỏ
Anh không có câu thơ, chỉ để lại có hoa đèn.

1987

CÓ KỊP KHÔNG ?

Còn hai năm, ba năm, thậm chí vài chục ngày,
có kịp cho anh không ?
Có, nếu anh vào cái lối,
Hãy nghĩ các vị thầy sẽ về đọc anh
Đó là Nguyễn Du, Nguyễn Trãi...
Các vị thích gì ?
Thích anh không nhai lại
Các thầy xưa.
Thích anh có văn phong thời anh, các vị chưa biết đến
bao giờ.
Thích biết chuyện thời anh,
Tâm hồn anh không có gì giống như tâm hồn các vị,

Anh sẽ đem đến cái gì của thế kỷ 20 là thế.
Rồi thời sau sẽ có phong cách thời sau,
Nó lại cũng chả giống anh tý nào
Anh cũng nóng lòng muốn đọc văn phong của họ
Sao nó không giống gì của anh tất cả ?
Viết một bài, cái lỗi của đời anh.

1987

RA - VÀO

Có những bài thơ anh đang phát ra
Có bài ngược lại. Nghĩ sâu vào.
Bài anh đang đối với đọc giả, tri âm mà
hiệu triệu hô hào
Bài anh trầm lắng, nghĩ cho anh
Cần chi hùng biện ?
Bài anh ùa ra, bài thì lại nén
Đậm và nóng, đắp đổi mới là thơ.
Có bài như hoa trĩu cành
Bài làm nhánh mai khô
Tích lũy nhựa.
Tuổi anh ở vào thời nào ? Thời của lửa ?
Không ! Thời của tro. Chưa phải.
Lúc lưng chừng.
Anh không lạnh lẽo như tro mà cũng chả tung bùng
Như cái thưở anh còn sung sức

Hãy xem giờ anh, và định mức
Giờ là lúc phát ra
Hay lúc thu vào ?
Nhưng cho dù anh ở cuối ư, hay ở chương đầu
Thơ là tình của anh và thú của người chứng kiến
Không thú vị, họ bỏ đi, mặc xác anh ngồi đếm
Cái đồng tiền vàng kho báu của anh.
Nhưng khi cả mọi người đã đến vây quanh
Mà anh chả có tình gì, đến cả đời anh,
Anh chả có !
Thế thì thơ làm gì cho khổ !
Nói nổi trời đất bao la mà chả nói được mình !

1987

ĐỪNG ĐI CHÂN ĐẤT

Làm thơ không phải là đi cà khêu nhưng
đừng đi chân đất
Mà là lia đôi hia hư thực
Bay trên đầu ngón chân.
Đã làm thơ sao lại từ chối làm văn,
Từ chối sáng tạo hồn bằng chữ ?
Làm thơ là tạo ra một hành tinh thứ hai bằng ngôn ngữ,
Chớ nhân danh đất để chê Lời.

1988

XOI LỖ

Kìa dưới rừng người ta đã hát bài hát khác
theo mùa xuân mới
Nhưng vào rừng chặt cây trúc mới, tìm ngọn
gió xuân, anh không còn sức nữa rồi.
Anh lấy cây sáo cũ của mình ra xoi thêm lỗ
May ra bài hát anh còn hát được giữa đêm chơi.

1987

VẤN

Ý thơ thường rất thẳng
Nhạc dẫn nó đi vòng
Triết vươn lên xanh thẳm
Vấn vít đầu làm cong.

... VÀ CHỮ

Ý ở thế giới này
Chữ đẩy qua đời khác
Ý dò dò từng bước
Chữ làm cho ý bay.

1987

B - Văn xuôi – Tiểu luận

ĐÊM GIAO THỪA

Mẹ sáu đau nghiêng xuống bên mình, vụt một cái tôi ngồi ngay dậy. Trong mắt lớn vờn từng chùm bóng tối, trong hồn xao xuyên cả trời mây chưa rụng của chiêm bao. Sợ e tôi nằm xuống giường chãng, mẹ ngọt ngào bảo :

– Dậy thôi con ! Dậy thôi ! Còn lễ giao thừa... Tôi vội vã nhìn ra sân gạch. Nền một chiếc nhà đổ trong năm bão, chỗ ấy, hằng năm, được thầy tôi dùng làm đàn tế hành khiển hay dương sao. Trên nền lớn nhỏ khác nhau, ba chiếc án kê theo ba tầng cao thấp. Trên án, chén tinh thành của chất nước trong, cây nguyền vọng của mùi hương ngát, và hai mươi tám ngọn Thơ, hai mươi tám ánh nến lung linh nổi lửa giữa trời. Nhị thập bát tú lấy đó làm tượng trưng và dấu hiệu. Một vui tươi vô nghĩa như màu hoa sắc lá vụt chiếm lĩnh hồn tôi. Nhảy phăng xuống giường, tôi định chạy ra sân gạch. Nhưng, giữ ngay tôi lại – mẹ tôi đã bảo một lần nữa ngọt ngào :

– Con không phải đi. Thau rửa mặt đã có đây rồi. Rửa muối lại cho sáng mắt. Nước súc miệng cũng múc sẵn cho con kia.

Tình thương mẹ ở tôi vụt sáng lên như nến. Tôi đã mang ơn mẹ quá nhiều. Giao thừa đến với mùa xuân, mùa xuân hiện cùng ngày tháng – sao không hiện ra cơ hội nào đặc biệt, để tình thương tôi trút hết những gì chứa đọng ngang lòng. Đứng im mẹ sẽ nhìn

tùng cử chỉ của tôi, làm như tôi còn bé bỏng. Quen ôm áp trên tay, các bà mẹ không bao giờ nhớ con mình đã lớn, quên tuổi tác, quên cả cái làm già chúng hơn tuổi tác – khổ đau, tội lỗi những thứ tháng ngày riêng.

Mẹ đưa cho mấy chiếc quần áo vừa lấy ở hòm. Đường ủi quá thẳng khiến tôi ngạp ngừng tự hỏi : Mình sẽ mở ra sao ? Rồi run run tôi dỡ từng nét gấp... một hơi lạnh lẫn với mùi thơm bốc lên phảng phất... và cũng là một tình thương đầy nữ, lòng ơi !

Tôi đứng bên cạnh thầy tôi. Người vừa xóc lại cổ áo tôi, vừa bảo :

– Lễ này là lễ giao thừa. Thần năm cũ giao thế giới Nam - thiêm bộ cho thần năm mới. Giờ hành trình của các linh thần bắt đầu vào một chốc nữa đây. Con phải lạy Như Lai để ngài bảo bọc. Số con năm nay nặng lắm. Con thuộc mạng La Hâu.

– La Hâu ? Thế mẹ và thầy ?

– Mẹ con thì sao Kế Đò. Thầy thì sao Thái Bạch – Sao Thái Bạch thì sạch cửa nhà.

Tôi lo lắng : Thế có sao không ?

Thầy tôi an ủi : Có sợ gì ? Nhà ta thờ Phật đã mấy đời nay. Trăm sự nhờ ở trên Ngài tất cả...

Sự bần khoản của tôi khiến thầy tôi sung sướng. Nó quá lạ lùng. Bao nhiêu lần, trước những điều tin nhảm nhí, tôi lên lời cãi lại, và người giận tôi đến mấy ngày luôn. Nhưng giờ đây...

... Bầu trời lặng ngắt chìm đắm trong sự thái bình. Bóng tối điều hoà chảy khắp mười phương. Giữa cảnh ấy, nhiệm màu, chỉ có thể là những ý nghĩ gì u huyền như bóng tối...

Đem ánh sáng rọi vào, chỉ tỏ bày ra những quầng trống không, những miếng mỡ ngon cho chán nản. Và nữ nào chạm đến lòng tin của những người mà trong một phút tôi cảm hết cái rộng sâu của tình họ yêu tôi. Cho nên tôi im lặng. Sự nhượng bộ của trí não

mỗi lúc một tăng thêm, và từ hoàng hôn tôi đi dần vào đêm tối. Hay từ bình minh ra đến giữa ngày. Khi say sưa còn ai phân biệt xem cái chan hoà kia là bóng đêm hay ánh sáng... Lòng hân hoan tan ra nước cả thịt da...

Tôi nhìn thấy tôi. Người quá già rồi. Những nét nhăn chi chít trên vầng trán rộng. Tuy thế, đôi mắt còn quắc thước như gương sau mặt kính trong. Lời nói của một bậc lão thành không phải để cho mình nghi hoặc. Bản khoãn lần nữa, tôi hỏi thầy tôi :

– Mạng con thuộc sao La Hâu. Có thật không thầy ?

– Sao lại không ? Nặng lắm.

Cái ấy thật không ý nghĩa. Miễn phúc tinh hay ác tinh, vị La Hâu phải là một vì sao đã, trước khi bỏ thiên cung xuống chiếm hôn tôi. A thế ra đầu tôi đây đang nhốt một vì sao, đang chói lói một phương vàng. Ý ngộ nghĩnh nhưng tôi có cười đâu. Nó làm tôi kiêu ngạo. Và vênh vang, tôi ngược mắt nhìn trời. Sao Bắc Đẩu quá nửa vòng đã xế bảy chiếc thuyền vàng. Sao Vịt ngừng bơi, nổi hẳn giữa hồ đêm bát ngát.

Đã tối chưa giờ đây trên vườn sao rộng, mùa thơm tho mà lượn triều dâng sóng quanh tôi. Chắc hẳn thế nào cũng có sóng xuân lướt qua các cung sao ấy. Đấy hơn ngày thường đêm nay chúng lấp lánh như sự nảy nở của những linh hồn... Mà cũng như sự chói ngời trước khi tiêu diệt của những linh hồn. Ai thử giáng vì sao giữa buổi ngạt ngào xuân đi đến thế kia vẫn có những ánh sao rơi – những kẻ giữ tay áo mà đứng dậy. Phải chăng đấy là những bệnh nhân của giường đau vĩ đại, và hơi hóp đến hôm nay mới trút bỏ linh hồn cũng chỉ để vẽ ra nhiều trái ngược chua cay. Đồng thời, như thế, ở cõi trần biết bao kẻ đang xế về xứ chết... Muốn vản ý buồn tuôn theo suối sang muôn sao. Tôi sợ hãi cúi đầu và bỗng nghe trên đồng rộng rãi của lòng mình vang dậy có tiếng chân ai giày đạp.

Nhưng rồi một tin gió qua mang theo một sự an ủi nhiệm mầu. Như những đống vải nằm chờ bàn tay sáng láng của bình minh đến vớt lên, trước mắt tôi lù lù hai hàng cây mục. Không một hơi lá rụng, không một thoáng chim kêu. Vũ trụ đặt một bàn tay trên ngực. Bỗng nhiên (đấy những dòng suối, những thân trần) trăm nghìn cánh gió vút ra từ rừng Im lặng. Ngạc nhiên khắp cả hồn tôi. Nào thấy dấu hiệu gì báo trước. Nào tôi nghe chân gió đến từ xa. Thế mà bỗng nhiên có gió. Gió lại từ đâu ? Tôi nghĩ ra rồi : mùa xuân nằm trong lòng, thắm đậm của mùa đông, như vậy, nâng đỡ bởi tay cây, gió "chết" giữa một bầu yên lặng. Sự đau thương chẳng khác, nó vốn ở lòng người. Nó thụ thai trong những chiếc bào thai, không đến tự bên ngoài, không lại từ sự vật. Đấy chỉ là những cái khung sắc màu bạc nhược cho nó diễn tấn tuồng muôn sắc, muôn màu. Vậy sao còn trốn tránh đau thương ? Vậy sao còn oán thù ngoại cảnh ? Tôi thôi nhắm mắt để ngăn ý chết, cúi đầu để giận muôn sao. Phải thương yêu tất cả, cho đến giàu sang như mùa xuân hôm nay vẫn còn mang những chuyện khổ đau. Vì sao xuân tàn, hoa xuân rơi, nhạc xuân tắt. Và đến đây, mùa xuân chắc gì đã tự ý của mình. Để thằng nhỏ của tôi tự ý nó ngồi đun nước cúng.

Đang bị những ý tưởng viển vông rề rạt ấy bao vây, bỗng tôi nghe có tiếng gọi tôi đến lễ. Lạy từ tốn như một ông quan trong đồ triều phục, tôi sợ e cử chỉ của mình sẽ ghi chép bởi những linh thần. Đêm đứng khuya rồi. Thấy tôi khởi sự khai kinh Di Đà giọng sắc sảo nâng lên bởi khí vị của mùa xuân ấm.

Vô cánh từ trang giấy, những chữ kinh thoát bay qua khỏi đầu thầy tôi, rơi vào đầu tôi, và ở đấy, đậu nên những con chim lạ. Ca - lãng - tẩn - già có phải chúng hay không ? Ôi cái cảnh thiên đường chói chang lưu ly, ánh ngời hổ phách, tạo chúng ra ai ngờ chỉ cần đến lời kinh trong một đêm thơm ? Và dài tháp bỗng lên trong bầu

trời tư tưởng. Ngang qua tất cả – giọng thầy tôi rướn mình nảy nở như một thân cây. Chung quanh cỏ hoa đã mở hết giác quan, linh tính, chúng cúi đầu xuống đất nhuần sương, nỏ lẹ.

Mẹ tôi ra sân lúc nào cũng không biết, bảo rất dịu dàng :

– Con lại đây lắng nghe tiếng chim lạ ra đời.

Tôi ngạc nhiên :

– Chim lạ ra đời là sao hở mẹ ?

– Ô, con tôi khờ khạo. Con chim nào kêu đầu năm ấy là con chim lạ ra đời. Tốt hay xấu thế nào một năm đều do đó cả.

Vốn nhìn thấy sự liên lạc ở trong mọi vật, tôi vui mừng mỗi khi như đứa con về với Mẹ, có thể họp chúng cùng nhau cho thành một gia đình. Một cái dây nhợ xa xôi nhường kia – thời gian với một con chim – cố nhiên là đã làm tôi sung sướng. Tôi tưởng ra rằng suốt năm nay, của mười phương thế giới, bao nhiêu vị sắc thanh hương đã kết thành viên ngọc quý. Con chim nuốt nó vào hầu. Nuôi nó trong ấp yêu yên lặng... Cho đến hôm nay, vòng ca vỹ xỏ, viên ngọc rơi trên lòng rộng rãi của đêm thom. Không khí rung rinh và muôn loài chim khác cúi đầu hổ thẹn.

Tiếng chim đã vụt lên tự một phương trời. Phương nào đấy nhỉ ? Thôi không biết nữa. Lúc say sưa hồn bay đi khắp cả, còn chia ra phương hướng làm gì. Hãy đứng lặng chỗ này. Trước bóng chim : năm cọng đang quỳ xuống để nghe mệnh lệnh.

*

* * *

Tôi đứng yên, tiếng chim đã bật. Sự im lặng bây giờ là cả một cánh đồng đang hiến đất cho cơn tư tưởng cuộn dòng. Tôi muốn biến ra tượng đá cho nghìn năm, những gì ràng buộc xuân lòng với xuân trời vẫn không sai mạch lạc.

Một bàn tay đến trút sự êm ấm lên vai tôi. Không phải của ban đêm hàng dùng mơn má tôi đâu dễ vô hình, đây là một bàn tay thực sự. Nhưng sao lại giấu sự cảm xúc của lòng con hỡi mẹ... Mẹ đã đưa tim con đi đâu mấy ngón... địu lòng con bay qua bao cung bậc thương yêu... Song cũng không xa lắm nữa, bàn tay kia đã là sự rời rụng dưới đáy mồ. Soi sáng nó chỉ còn cái lập loè của trí tưởng tượng ma trời. Và chẳng một cành hoa nào đến mọc lên (như ước vọng của Anatole France) để mang cho lòng tôi làn hương ảo tưởng.

Trong những xuân còn lại, con xin, hỡi mẹ rất thương, hỡi mẹ hiền từ, đem hết lòng con ra như muôn vạn tin đồ để phụng thờ bàn tay mẹ... Nhưng đứng bên mẹ thế này phỏng còn được bao xuân.

Ôi ! Hỡi sao phút cuối cùng, con sông mới biết lượng nguồn, sự phát minh e chùng chậm quá.

*

* *

Tôi ngược nhìn mẹ tôi... Mẹ tôi đang ngược nhìn tinh tú. Mỗi người đắp máy một câu kinh. Tìm mà xem vẫn có sự cầu nguyện cho tôi trong ấy. Lúc nào người lại quên đi được. Nhưng hỏi người có cầu xin chăng Thượng đế để cầm giữ tôi dưới bóng râm của mái sồng tầm thường. Ôi ngoài kia, nghệ thuật kêu gọi còn tha thiết hơn thân xác một người đàn bà, làm cho những dây tơ lụa trong này vut trở nên những dây ràng buộc... Chậm một chút nữa thôi thế là nó sẽ ào vào để cướp tôi đi trên cánh tay nóng hổi của gia đình. Và lúc ấy xuân sang mẹ tôi sẽ ra đứng sân này : man mác đêm trời chắc khiến người phải nhỏ lệ cho đời con trong bụi gió. Hỡi ôi ! Mai sau sẽ là như vậy, con đường của mẹ cha đã vạch không bao giờ lấm dấu chân tôi. Tôi là một con thú rừng, tự vào trong gai để tìm lấy cỏ hoa riêng, tôi là một ánh sao băng, luôn luôn tự đuổi, chạy mình, bởi thèm khát hư vô và ước ao kỳ lạ.

*

* * *

Thấy tôi đã ra sân, đứng ngay bên cạnh mẹ tôi. Như thế cả hai người sẽ đứng mai sau trong đau khổ. Tôi lặng nhìn, mà tưởng như dĩ vãng đã trôi, bao nhiêu lạnh lùng, bao nhiêu khó héo.

Người đưa cho tôi một bánh pháo và một que hương. Tôi run run châm đốt. Những tiếng nổ vung ra, tưởng chừng bóng tối tung theo. Một lúc lâu, thời gian yên lặng đó là không gian, bỗng nó lại vang lên, những văng vẳng gần xa trong bao thôn xóm khác : Mùa xuân tự gọi và tự làm vang bóng để trả lời mình. Thỉnh thoảng chúng ngắt đi như hai người bị chạy đuổi bị khuất sau cây rồi lại le lói lên, tưởng vừa bắt gặp... Tôi đi mạnh vào nhà... Nguồn cảm hứng chảy lan trên lòng rộng rãi. Trí óc tung hoành như bão táp, một hơi tôi viết luôn hai mươi mấy đoạn thơ xuân. Ngồi một bên, mẹ tôi khẽ liếc mắt nhìn. Cây bút vừa đặt xuống xong người đã đưa tôi một đĩa bánh mà tôi vỏ lấy ăn. Khí vị của mùa xuân ở bên ngoài theo gió ùa vào, nhúng tôi trong một cơn khoái trá nhũn mềm.

Có lẽ chính vì cái khí vị ấy đã theo tôi vào giấc ngủ, làm thom cả những cành hoa trong mộng – những mộng hỗn độn về chiếm não tôi như những loạn quân rơi từ cung trăng hay từ sao Đẩu, cung trăng hay sao Đẩu mà tôi hằng thờ lạy bao lâu.

1937

Bình Định giao thừa

(In trong tập *Vàng sao*, NXB Tân Việt, H., 1942)

VÀNG SAO ĐÊM TIN TƯỞNG

Trong cuộc hành trình vạn dặm lại thêm một đêm muôn sao bùng sáng ngang trời. Luôn luôn họ đến kịp trước cái ga Sâu-vĩ-đại của đêm đen sao những người "quá khách" ở trong "bách đại". Tất cả đều có mặt : *tới đây cái nghìn đời làm bằng những phút, sự thường nhật vẫn hệ trọng như hội hè* : này Hoả tinh, này Kim tinh, này Ngân hà, người xách sửa đi qua trời, này Thất tinh, bảy kẻ lạc đường rủ nhau đi tìm Vô tận.

Phải bỏ mặt trăng ra : sự nhớ tiếc ban ngày thật không phải chỗ. Mặt trời làm tin ở ta (vì ta là một mặt trời), muôn sao làm tin những cái ngoài ta (câu móc về xa xôi, ở đó cái ức triệu của chúng đã treo nên huyền bí) chứ mặt trăng, con người không tự cháy ấy phỏng gây ra được một tín ngưỡng gì.

Vô đạo, xin mời cô em ra khỏi nơi thần tự. Trong bóng đêm như trong thánh thất cố bảo vệ sự linh thiêng của ngọc của vàng.

Ta lại lên lầu, thành tâm hơn một nhà giáo sĩ. Mở chiếc áo để tìm vú mẹ, ta bần khoản mở đôi cánh cửa tìm trời. Chỉ một cử chỉ đó thôi mà ta tưởng đã lìa bỏ một cái gì để đưa mình vào một cái gì khác lạ. Thật thế, cách đây ba bước ấy là phiền hà sâu bọ của cuộc đời : bữa cơm không ngon, đôi giày sắp thủng, bức thư nhạt nhẽo của cô nhân tình, tánh hạnh ngộ nghịch mấy ông học trò khó dạy. Nhưng bây giờ ta đã có một cõi khinh thanh. Lên xuống lầu luôn, loài người đâu biết rõ : sự cách ngăn vốn làm bằng ý tưởng tinh thần. Cảm giác của ta là đứng trong một tháp đài vô ảnh, và tuy không tàng thuật – ta vẫn ung dung như một kẻ vô hình làm nghĩ những gì, ngoài kia, nhìn vào loài người vẫn như đui, như điếc.

Đêm đen thăm thẳm. Sao cháy rạng ngời. Thiên lý kính mở vào trời – ta vừa xoay xong một tấm mắt rộng. Rút linh hồn ra làm

bạn hữu : ta sẽ du dương ca mấy điệu ca. Âm thanh yếu điệu như mái chèo, – nhưng ghé rộn thay – im lặng xung quanh là cả cái vĩ đại của một hồ nước lớn. Còn chèo còn nghe tiếng sóng – nhưng thôi đi – bỗng thấy vang ra, im lặng, một trời dài : con thuyền tự bó, xếp mình, thản nhiên để cho nước hồ nuốt sóng. Ta sẽ hát vừa sẽ xem chừng, càng xem lại càng sợ hãi. Phút nào ngừng có hơi lâu, thế là đành im bật ngay đi ; tiếng hát như ngọn cỏ bị đè dưới viên đá nặng, cựa quậy một chút nhặt – xanh ẻo – là rồi chết, trước khi ra kịp mặt trời.

Những ngày còn nhỏ, vừa nằm xuống giường, sau khi khép xong đôi cánh cửa, ngạc nhiên ta bỗng thấy – như một người khách lạ – đến áp mặt lên trên đó cả trời sao. Như người khách lạ, đêm hôm lén nhìn vào nơi ăn chốn ở của người ta, làm cho, được chở che người lớn vẫn thấy ngại ngùng và trẻ nít thì khóc thét lên giữa tối. Giờ đây cũng thế, một nỗi hãi hùng rung động lòng ta : trên cái lặng im khép lại chừa hoàn thành cả trời sao đã đến đè lên, chứa chan ý nói. Khoá chặt người ta lại, hấn rướn chảy qua mình ta những cơn nước sóng tuôn tràn, và hút vào, kéo tới, thâu đi ta sắp chảy ra để tan vào trong lưu thông khoái lạc.

May thay, ẩn nấp nhưng chẳng xa xôi, sự cứu vớt muôn đời : linh hồn ta đã vừa đến kịp. Thoát khỏi người ta như một cơn gió lớn – mạnh bạo như một viên dưng tương – oai nghiêm hấn đứng sát bên ta... gục vào chân nó trong một niềm giao phó – ta không biết nữa – mặc cho linh hồn ta đêm nay liệu mà xử trí với bầu trời.

*

* *

Sao lại sợ sệt, hấn cùng ta, há chẳng phải những nơi giao hữu ? Thuở thơ ấu, ra chơi ngoài đồng rạ, biết bao đêm ta đã ngủ đi, dưới bóng hấn, tin cậy và yêu đương. Lớn lên, về cái xứ sở tinh thần là thành Bình Định – để đọc hấn – lại bao đêm ta lên trên lầu Tư tưởng

(tên tác giả đặt cho lâu Cửa Đông, Bình Định). Bao nhiêu cử chỉ của ta đều hướng về phía hắn – những dây tơ quán lấy những chiếc đinh vàng. Lúc nào mất sự thơ dại ban đầu, cũng như lúc nào để linh hồn khô cạn trong bao nhiêu công cuộc văn chương rồ dại, ta đều ngừng nhìn lên trên đó. Chờ đợi những gì ? Một sự tha thứ ư ? Làm như ta đã hứa hẹn với bầu trời ! Một sự ban bố ư ? Làm như bầu trời đã hứa hẹn cùng ta. Mặc kệ, với cái ngửa mặt rất dỗi phụng thờ, ta vụt là một người con. Đặt tay lên đầu ta, bầu trời trở thành người mẹ. Hạnh phúc rờn rờn chảy bên má ta như sữa ngọt – trong khi – hai nguồn tôn giáo – từ mắt ta, ứa ra hai dòng lệ tin thành. Luôn luôn mơ tưởng các vì sao, ta đã nói :

– Những vì sao mơ đến những đầu thi sĩ.

Một niềm quý trọng, đúng như mắt thấy ta xem trên kia là một cõi trời vàng. Những khối kim chất tinh ròng mang những đời sống hiếm nghèo, quay lộn trong muôn vằn khinh thanh ác độc. Của những đất Cao Miên, của những trời Ấn Độ, của những đêm khuya trên nước cũ Chiêm Thành, chúng có tinh chất làm khô hồn ráo máu như vôi và run rẩy thịt da ta như bệnh rét. *Vàng ! Vàng tất cả thu khép nên đá sắt cứng cõi hung tàn vì không chịu cảm thông.*

Cái đầu tròn, cặp kính tròn, quen ở quả đất tròn chỉ những nhà thông thái mới tin rằng muôn sao tròn và bằng... đất ! Tài năng tầm thường cần cõi ngay đi một khi lạc vào xa lạ, chỉ những nhà thơ không gian vì gãy cánh mới tin rằng trên kia có quần chúng, có... người ! Lầm ! Muôn sao đẹp một cái đẹp... giết người. *Cái đẹp bao giờ cũng phải giết... Người. Không lẽ sống không Hy, Sinh⁽¹⁾ sao thông cảm với thân mình. Giết chóc đi, hy sinh⁽²⁾ đi rồi thân mình*

(1) Những con vật dùng để cúng tế (sacrifice).

(2) Bỏ quyền lợi của mình (sacrifice).

sẽ đến. Đá trần gian trong một cái đá nhào, giăng linh hồn bão táp bay lên ta đêm nay chịu đựng cho muôn sao tàn ác.

Tuy thế hãy bình dân một chút để có dịp chơi đùa. Trước khi về im lặng giữa lấu vàng (giữa tháp ngà của chúng) ra khỏi mình xin hãy cho muôn sao sống, thú vật, cỏ cây. *Này đây nhón nháo nhưng kiên nhẫn* chúng là muôn vạn con tằm đang độ ăn dâu – tiếng rào rào vang từng loạt ở trong hơi gió. *Này đây điều hoà tuy phiến phức* trong sự sống của đêm khuya bén với lên như tóc, muôn ngàn con chí, nhíp bản khoăn nghe chúng cắn vào đầu. Hồn ta tùy theo cảnh ngộ mà thay đổi. Khi du mục, ta ngồi ngay lại, muôn sao là muôn vạn con cừu, ta kiêu ngạo thấy mình có đôi cánh đại bàng đến ăn ở cánh đồng đêm nào, chúng đều bị bay về đón trước. Khi muôn sao là muôn vạn con chim sáng – *lặng yên chúng vẫn luôn luôn ca hát*, hai tay vịn vào song sắt, ta đứng lên, nghe chúng, ngoài lồng. Một ngàn cây trái, nỗi vui qua hồn ta như gió mát và rung rinh hoa quả trên cao... Những mũi tên vàng, sự sợ hãi vụt về, bung đầu lại ta bỗng nghe dây cung đứt. Đó là hoa và ngược mặt chờ xem sự chúng rụng... Đó là lệ và cúi đầu để khỏi thấy chúng rơi... Hoặc vang trời ! Lay chúa con đến quá bất thường, đó là bằng ánh sáng những tiếng hosanma mà con muốn nghe trong một chiều phủ phục.

Cảm hứng ! Cảm hứng ! Quay nữa ! Quay đi ! Nổi dậy sau mi như một chút bụi mù, hồn ta há chẳng nhờ thế mà cuốn theo ngọc vàng châu báu. Quay nữa ! Quay đi ! Cho ta ra khỏi lòng ta, cho ta ra khỏi sức người, đừng ngừng lại nơi dâu ta sẽ thấy trời xanh khoáng biếc. Và xe quay trong một tiếng ngựa lồng – hồn ta đứng dậy vươn lên, trong tầm vóc chưa bao giờ của quả đất.

Nhưng hồn ta dừng lại. Đứng yên một chỗ Sông Ngàn vẫn bay không dứt với bầu trời. Nằm yên một nơi, Thất tình, máy sáng tạo

ra thời gian, vẫn quay báy cái trục vàng rạng rỡ. Kim tinh ôm mầu ngọc lành. Hoả tinh đốt cơn lửa dữ. Trời sao thần nhiên một sự sống riêng. Con ruồi làm nhặng quanh xe, sự hành hung của ta nào có ảnh hưởng gì lên trên ấy ? Một phút thời sừng sững núi cao, thẳm mù vực cả, trước mặt ta hiện ra cái ý nghĩa của đêm trời.

Bay lướt, máu nháy phỏng làm gì nữa. Ta đọc vội một tập sách khi chưa thấm nhuần cỏ hoa của mỗi trang riêng, uống tràn một chén thơm, khi chưa vào thấu biển trời của từng ngậm một, *vô biên ta đòi hỏi nó chỉ vì ta chưa hiểu vô biên*. Một mai khi từng điểm của nó đã gạn chảy vào ta tất cả cái ý nghĩa hải hùng, hồn lú lại, lưới khô đi, ta rụng xuống giữa lưng trời mà chết. Chẳng phải cảnh bài trí cho cái *Có* của thế gian, chẳng phải sự biện hộ cho cái *Không* của vũ trụ, mà để rạng rỡ danh *Cha*, mà để dày đoạ kiếp *Người* – bầu trời chỉ có ý nghĩa thế thôi, hai công ở trong một việc. Chúng ta đây, say sưa với thương yêu, quay cuồng theo thú dục, cố bung bít giấu che bằng từng đất bùn của xác thịt, của the lưa, của tâm tư, hễ là người thì phải đọc thiên chương giờ đâu ra cho nắng tinh thần chói rọi.

Ôi cái hay của Trang – sách – lớn để có sự sống cho nó khi vào bất diệt, liền rút đi sự sống của hồn ta !

Muốn cho đỡ ngợp, hạp muôn sao thành một gia đình *chú ý đến cái danh hiệu một đêm*, ta gọi chúng là không gian. Nhưng nếu muốn bản khoán, phân tích ra từng cá nhân, *tìm cái ý nghĩa nghìn đời* ta phải nhận ra rằng đó là muôn vạn thời gian khác nhau đang dùng bên nhau mà sáng. Người sinh trong một thuở, rồi ra ta có đáng gì đâu. Jéhovah ! Jéhovah ! Có một đáng Chúa trời chăng ? Trước danh vọng của Ngài ta lẫn đi trong muôn vì sao nọ. Jéhovah ! Jéhovah ! Không một đáng Chúa Trời chăng ? Tan ra tro bụi, ta chỉ là một vi trùng trong tro bụi muôn sao.

Đè lên người này, cỡi lên người nọ, ở trần gian ta đã tin vào tài năng chói sáng của ta. Ta kiêu ngạo vênh vang ! Sự đọng vàng của thiên vạn tài cũng không khó chịu hơn thế nữa. Nhưng thử bay lên một chút, có phải linh hồn ta vụt khô héo đi chăng ?

Thương cho ta, ta thương cho tất cả loài người, tất cả bầu trời : tiếng biển đổ âm trong đêm tối, lớp người trào lên rồi rút xuống trên mặt địa cầu, những vì sao mọc dậy và tắt đi cho quăng rộng, đây chỉ là lời kinh của mẹ ta đọc giữa đêm khuya – những dạ tràng không dấu vết, đem mình đọ với hư vô, chết đi chưa kịp thấy hư vô.

Một bóng sao rơi vào cõi chết, rút đi máu sáng, mang theo hồn sống của những vì sao còn sót lại ngang trời. Thời gian tự hỏi : Có phải mình chẳng. Hạt lệ sẽ dùng : Hay là ta đó. Và cành hoa thơm trước ngô bồng âm thầm e ngại cho đôi hạt hương đêm. Sao rơi ! Sao rơi ! Rơi mãi ! Sự sống không còn thấy nữa, ra đây sự chết đã thành lệ luật mất rồi. Sự sống chỉ cho một buổi ban đầu, sự chết ấy là sức mạnh đòi hỏi qua muôn thuở. Jéhovah ! Jéhovah ! Đời con chỉ có thể thôi sao ? Cái thở ra của con, cái hít vào của vũ trụ, cái thở ra của con lần nữa, cái hít vào của vũ trụ không cùng, một chút không khí chuyển luôn, một sự hô hấp ở trong cao rộng. Ái tình, danh vọng làm gì ? Văn chương tư tưởng làm gì ? Cuộc đời, cái dần xuống của một đồng tiền, run sợ giữa sự mất còn của hai bề sắp ngã ! Jéhovah ! Jéhovah ! Cho con tin thật ở ơn Ngài. Cho con có thể tìm đến lòng trời mà khóc.

Và ta đã khóc... một ngôi lệ rụng, mang theo lệ vàng của muôn vì sao rụng trên cao. Chung quanh gay gắt đêm dài, ta ngồi đó thương cho mình cát bụi.

Từ lo ta bước sang buồn, từ buồn rẽ lối đến sầu, ở sâu bỗng gặp cái vui không đợi. Mỗi cảm xúc sụp đổ một bức tường, rung chuyển một cánh cửa. Hẳn đưa ta đi vào lòng vũ trụ sau khi thoát ta ra khỏi vũ trụ của tim người. Xếp bản ngã lại như gương giáo, ta xin đầu hàng tất cả. *Sự thọ khổ vẫn xử thân như sự ban ơn, đang*

mất bỗng thấy mình còn, ta giàu sang lên để hy sinh vô hạn. Để có thể ngọt thơm hơn, cành hoa khi đã bỏ đài, dòng suối tự lúc lia mình để đến đâu cảm giác ? – Một hạt không khí đời ta, ta biết, nhưng ta thờ vào cả bầu không khí chung quanh. Một con cừu thân ta, ta hay, nhưng có lạc lõng gì đâu, – ta đã lẫn vào muôn vạn thân cừu khác. Ta thôi đánh phút giờ ngắn ngủi của con người, nhưng ta đã nhện vào thời khắc bất tận của trời đất. Phóng không như thế, chết giữa đêm nay ta vẫn vui cười.

Bất diệt nghĩa là hoàn toàn một lúc. Muôn thời gian chín cho một tối, muôn Tuổi tên vui một mùa xuân, thế thì đã hoàn toàn, nghĩa là bất diệt đêm nay. Người phút giây ta dự vào Tổng hợp. Và ai cấm ta mang đi – như kẻ ăn mày chết giữa kinh đô một ngày hội – tất cả những gì, lộng lẫy, qua muôn đời, thấy bởi muôn người. Thêm, cái tuyệt đối chỉ nhóm lên một đỉnh, đi qua không lại nấn ná, chờ chỉ tỏ ra thiếu sự thông minh. Ta cóc cần bất diệt. Cát bụi cũng riêng giá trị, ta lấy lại hình thể của ta : một điểm không gian. Và hạt vàng hiện giữa đêm vàng, ta cũng sẽ chói sáng lên một miền châu ngọc.

Ta nhìn ra. Muôn sao thôi độc dữ. Không tách riêng ra như tư tưởng để nói triết học giữa trời – chúng ta đã lẫn vào – thi ca – trong chân gối đang lên từ cảnh vật. Ăn một chút gì tươi mát giữa cỏ cây ; chúng ca lên những tiếng ca xanh. Hồn ta mệt mỗi quá rồi, khe rưng xuống đôi tay vụn tan ra thành suối ngọt. Ta tưởng đâu ta lênh bênh trong ấy, sáng ngừng lên, nướ đi một mái tóc vàng.

Ta đã đầy rồi, mệt nhọc như ngủ trong một đồng hoa thơm mà đây.

Hè 1942

Lâu Cửa Đông, Bình Định
(In trong tập *Vàng sao*, Sdd)

CẢNH XƯA TRONG ĐỜI MỚI

(Trích)

Bài báo này, viết cho các bạn đọc miền Bắc, bỗng dung tôi muốn gửi cho một người bạn riêng tôi ở miền Nam. Một chị thi sĩ có tiếng và có tài trước Cách mạng. Một người thân rất đôi là thân, mà ngót hai mươi năm trời chưa thấy lại mặt nhau. Một người không phải chỉ cách chúng ta về địa lý đâu mà chắc là tâm hồn cũng cách... Suốt trong thời gian đi thăm Trung Quốc, tôi vẫn nhớ đến bạn canh cánh bên lòng. Tôi biết yêu đất nước Trung Hoa đến đắm say, đầu tiên há không phải là người nhờ có bạn ? Quen bạn, tôi làm quen với sắc liễu bên bờ sông Dương Tử, những nhành mai đợi tuyết ở núi Cô Sơn – tiếng chuông khuya ở chùa Hàn Sơn, chòm mây trắng trên lầu Hoàng Hạc. Quen chị, tôi biết ải Ngọc Môn gió xuân không bao giờ thổi tới, sông Hoàng Hà tuôn nước xuống tự trời cao, đất Giang Nam hoa rụng về tháng Năm và về tháng Ba thì đất Dương Châu đang mùa hoa khói... Những cái ấy có phần nào – trong cuộc sống thối nát của xã hội cũ – giữ chúng tôi lại trong một vùng trong trắng. Những cái ấy, sau những chân trời, còn mở cho chúng tôi thấy những chân trời... Nhưng những cái ấy cũng đã góp phần tai quái của nó. "Đi xa về chậm" – từ trong dĩ vãng, tôi trở về hiện tại đã rất khó khăn. Chị bạn tôi thì lại đã "dầm hơi nước", đã "loà bóng gương", chị có thể gọi là mất hút, chết đắm, chết chìm ở trong dĩ vãng. Cái ánh trăng xưa đã làm mất chị đại khờ đi đến nỗi không nhìn ra những sắc cầu vồng của ánh mặt trời. Bàn tay chị đã giá lạnh quá lâu vì hơi sương của đêm khuya đến nỗi không cảm ngay sức ấm của cuộc sống. Người ta kể cho tôi, khi Cách mạng tháng Tám đến, thì đồng thời với việc

mình rõ dán các tờ bố cáo của Ủy ban khởi nghĩa lên ngoài cửa, chị đã râu rĩ gói lại các chồng thơ Khuất Nguyên, Lý Bạch, Đỗ Phủ trong nhà ! Chị đã có mấy cây mai, cây liễu, gốc quế, gốc hoè trồng rất công phu – nhưng nghe ai đồn đại thế nào – chị đã cuốc nó đi mà làm mấy vòng khoai sắn. Chị nghĩ rằng hai cái ấy không đi cùng nhau được – cuộc đời đã có cái này tất phải hy sinh mất cái kia.

*

* * *

Lần này tôi đã đi trong những dặm liễu dài, ngủ bên cạnh những rừng mai bát ngát. Khi tôi xuống Bắc Kinh, hoa đào nở chín đón chào tôi. "Rừng phong thu đã nhuộm màu quan san"... còn lâu thu mới đến, nhưng cây phong trước mộ Lỗ Tấn, như còn nán lại cho tôi những nhành lá đỏ. Chiếc lá phong ép trong nhật ký này là để dành ngày kia – quét xong cái rác bẩn Mỹ – Diệm ở miền Nam – thì tôi trở về giao cho bạn tôi đây. Nhớ lời chị nói : "Giá trong đời thấy được cái lá lau ở bến Tầm Dương, dù lấy một lần". Tôi công tác vội vàng, đi sát bến Tầm Dương, mà không ghé hái kịp cho chị một cái lá lau⁽¹⁾. Đấy phải đâu chỉ là nơi cái "sâu" của Bạch Cư Dị gặp cái "luy" của người đánh đàn tỳ bà. Đấy cũng là nơi mà cái "nộ khí" xung thiên của một đội quân cách mạng từng nổi dậy, tham gia Nam Xương khởi nghĩa. Biết bao nơi bạn tôi không bao giờ dám mơ ước là mình có thể đến được, tôi đều đã đi qua. Bạn tôi yêu nước Trung Hoa xưa cũ – nước Trung Hoa của thơ phú văn chương – như một cái gì ngoài tầm tay, xa sức với gần như yêu những kỷ niệm tuổi trẻ của mình không trở lại, một cái tuổi vàng nào đó không tìm thấy nữa trong thời gian ! Thế mà nghĩ xem, bây giờ những cái ấy ở đâu tay tôi, dưới chân tôi, bên mình tôi, trước mắt tôi. Tôi nhớ đến bạn là phải lắm.

(1) "Bến Tầm Dương canh khuya đưa khách - Quạnh hơi thu lau lách đìu hiu".

Phải nói rằng Trung Quốc hiện nay là một đất nước xã hội chủ nghĩa đang dựng xây cái mới, đang đi nhanh lên đời sống hiện đại, "thế kỷ hai mươi" của mình. Tôi đã qua những thành phố lớn từ ba, bốn đến sáu, bảy triệu dân : Bắc Kinh, Quảng Châu, Thượng Hải. Những vùng công nghiệp, ống khói mẹ, ống khói con rợp một góc trời. Những bến tàu, những phi trường, những đường giao thông đang rầm rập ngày đêm sức vận chuyển.

Máy bay phản lực bay trên trời ấy, tàu thủy vạn tấn đậu ở bờ sông ấy, máy tính điện tử bày trong các cuộc triển lãm nọ, đều là do Trung Quốc chế tạo ra... Mỗi giây mỗi phút ở đây đều để ra tương lai, dựng nên hiện đại. Đặt chân lên đất nước này, chỗ nào cũng thấy một cuộc sống mới đang sinh sôi, nảy nở, tuôn trào.

Nhưng phải nói rằng, ở đây mỗi bước đi, ta đều gặp nghìn xưa. Chỉ từ Hà Nội đến Bắc Kinh, tàu đã đi qua nào mộ Đổ Phủ, nào hồ Động Đình, nào lầu Hoàng Hạc. Tôi về Thiệu Sơn, quê Mao Chủ tịch, mới hay đây là nơi vua Thuấn đi tuần thú, và núi Thiệu đây là nơi đã nổi nhạc Tiều Thiều.

Tôi đến thăm Nhạc Lộ Sơn ở Hồ Nam, mới hay trên núi còn có chữ "giáp cốt" từ đời vua Vũ. Xưa đến như thời Nghiêu Thuấn, Thang Vũ mà đang còn vết tích thì cái gì mà lại chẳng có ở đây ?

Ai không biết mấy câu :

*Tích văn Động Đình thủy,
Kim thượng Nhạc Dương lầu...*

*(Động Đình nghe tiếng từ xưa,
Nhạc Dương lầu mới bây giờ lên chơi)*

(Tản Đà dịch)

thì lầu Nhạc Dương vẫn còn di tích, và Nhạc Dương nay là một tên ga.

*Nhất vi thiên khánh khứ Trường Sa⁽¹⁾,
Tây vọng Trường An bất kiến gia.
(Một đi làm khách Trường Sa,
Tràng An ngoảnh lại quê nhà thấy đâu)*

Trường Sa chỗ đất biếm trích di đây thì nay lại là một thành phố to lớn khác. Tôi còn nhớ những lần hì hục dịch thơ Lý Bạch :

*Kiến thiếu biệt ly đa,
Tương Đàm kỷ thời đáo,
Thiếp mộng việt phong ba.
(Gặp sao thì ít, xa sao lại nhiều,
Tương Đàm đến đó bao lâu,
Trong mơ em vượt sóng triều tìm anh)*

Nào đâu ngờ có lúc dừng chân trên cầu lớn của thành phố Tương Đàm, thờ một hơi dài sáng khoải. Mười mười vạn dân ngày giải phóng, thành phố ngày nay đã trở nên một trung tâm công nghiệp sáu mươi vạn dân – và tương lai không chừng sẽ nối liền với cả hai thành phố lớn khác là Trường Sa với lại Tru Châu, quy mô mỗi nơi chừng năm mươi, sáu mươi vạn dân.

Rồi sông Tương, sông Tương nữa ! Sông Tương "Chàng ở đâu mà em ở cuối", sông Tương "Quân hương Tiêu Tương ngã hương Tân", ngày xưa kia tôi ngỡ nó rất bé – bé như một dòng nước mắt của chúng ta, thì ngờ đâu đôi bờ nó bát ngát thế kia. Qua sông,

(1) Trường Sa ở đây là một địa danh trên lục địa Trung Quốc.

tôi ngắm những ống khói các nhà máy trên bờ, cắm giữa làn sương trắng. Bạn ạ, có phải chăng cuộc sống ngày nay đã làm nó lớn rộng ra ? Nó không gắn liền với những khổ đau, thương nhớ của từng người, mà nó gắn liền với vận mệnh, hạnh phúc của toàn xã hội.

Ở đây, mỗi bước đi, ta đều gặp dĩ vãng. Hai chữ dĩ vãng, chúng ta đã dùng một cách xô bồ – nó âm vang một ý nghĩ gì rêu mốc, khiến cho dùng nó hôm nay với một ý khác, tôi vẫn ngại ngùng. Tôi muốn nói, ở đây mỗi bước đi, ta đều gặp công trình lao động, nghệ thuật, gặp cái tinh hoa của tâm hồn, tư tưởng người xưa, gặp sự sống chói ngời không chịu chết của người xưa. Những cái ấy không làm bạn tâm vương mắc gì chúng ta như một cành gai ngày hôm trước làm rách áo ngày hôm sau ! Mà cuộc sống mới đã nhờ nó mà đẹp lên như cành hoa ngày hôm sau còn long lanh hạt sương của đêm hôm trước. Tôi hãy kể cái cảm tưởng của tôi khi thăm Vạn Lý Trường Thành. Mặc dù tôi biết nó được xây từ đời Tần Thủy Hoàng và trước nữa ("Hầm làm thế kỷ xây trên núi" – như lời thơ của Tế Hanh). Mặc dù tôi biết hàng nghìn năm đây là bãi chiến trường. Mặc dù thành ở cô quanh trên dãy núi cao, và trên núi là màu mây trắng. Mặc dù thế nọ, mặc dù thế kia, tôi vẫn không có cảm giác gì là dãy trường thành này cách biệt với cuộc đời. Bạn tôi, bạn có nhớ cái cảm giác ngày xưa, chúng ta đi thăm cảnh cũ, cái dĩ vãng nơi này như mĩa mai xĩa xối cái hiện tại ở những nơi kia. Góc chuông, bụi trúc, tượng đá, rừng thông như tự do, phóng khoáng ở ngoài ràng buộc của cuộc đời, mà dưới kia thì nhà cửa, cỏ cây, con người như sống trong một cuộc đời kìm kẹp. Nơi đây lãng tử, chùa chiền như đã lạng hết cái máu nồng của đục vọng, mà dưới kia, thì cuộc đời còn chìm trong ham hố say mê... Những cảnh xưa hút anh vào một cõi hư vô. Nó như nói

"Cái sống con người là vô nghĩa. Bởi vì nó bất lực trước thời gian. Công trình của con người là thua đám mây bay ở trên đầu, dòng sông xuôi về đông trước mặt".

Trên con đường đi Trung Quốc, tôi giẫm lên bước chân Nguyễn Du đã đi hơn một trăm năm trước. Nhưng Nguyễn Du đã viết thế nào ? Tất cả các bài thơ tuyệt diệu của ông nếu không mở đầu thì cũng kết thúc bằng tiếng thờ dài ! Đến thăm mộ Nhạc Phi, ông viết : "Triều đình Nam Tống nay còn đâu ? Chỉ thấy núi Thê Hà trong làn khói buổi chiều". Ngắm cảnh Hán Dương, lòng ông tiếc nuối : "Tương tượng cái đêm năm xưa, ở đây vang lừng tiếng sáo. Chỉ thấy khắp bờ bãi đầy những rau tần trắng đỏ mà thôi". Đến thăm Đài Đồng Tước của Tào Tháo, nhà thơ kết luận : "Công nghiệp ở đời nếu vĩnh viễn còn mãi, lâu đài nguy nga này có lẽ cũng chưa đổ". Khi ông đến thăm thì đài ấy đã đổ rồi. Đứng hơn là, thời đại ông, giai cấp ông đã đổ rồi. Không phải ông nhìn cảnh với mắt của ông, mà với mắt của cả một lớp người thấy cuộc đời đang huỷ diệt.

Trái lại, ngày nay đến thăm những cảnh như Vạn Lý Trường Thành, tôi thấy có một điều khá buồn cười là hình như thời gian bất lực. Nó gặm nhấm, đục, đẽo, đánh phá, xẻ, cưa, làm một trăm thứ tội tình, nhưng rồi kết quả thế nào đây ? Dãy trường thành vẫn quây mình trên núi cao như một con rồng lớn. Con rồng ấy lúc lượn xuống các sườn, vít lấy những đường qua lại, khi vươn lên các đỉnh cao, chế ngự cả một vùng. Những đài phong hoá nhô lên cao như những chiếc vây to, với tất cả sức sống cảnh giác. Có lẽ cuộc đời dưới kia chỉ cần vẫy tay ra hiệu là con rồng đó có thể cất cánh bay lên. Hai mươi lăm thế kỷ ! Hàng triệu lần ngày đến đêm đi, hàng nghìn lần xuân qua, hạ tới, mà kìa xem nó vẫn y nguyên, biểu dương tất cả sức mạnh của lao động trí tuệ con người !

Cho dù đến đây, không còn nhận ra một dấu vết gì, thậm chí không còn nhận ra được một viên gạch đỏ, thì cái cảm giác ấy vẫn không xoá được trong lòng tôi. Chả phải là trong sách hay hơn thế, trong trí nhớ loài người – có một việc này : một lần nào đó ngày xưa, con người bằng tay không, đã xây lên đây dãy Vạn Lý Trường Thành. Như một lần nào đó (hiện nay), con người, với máy móc đã bay song đôi trong vũ trụ. Và thế là đủ. Không thời gian nào có thể huỷ hoại nỗi sự tin tưởng này trong trí óc nhân loại chúng ta.

Một tiếng còi xe lửa thét vang dưới núi. Giữa hai vách đá, tàu rầm rộ đi qua. Con đường xe lửa dưới kia, có phải đây cũng là một Vạn Lý Trường Thành khác của con người – không có gì đối lập nó với dải thành ở trên này, mà ý nghĩa còn hài hoà thống nhất.

Cuộc sống reo vui tứ phía. Mây trên trời vẫn bay một màu trắng từ thời Thời Hiệu. Nhưng mắt tôi lại nhìn thấy những cành hoa vàng, hoa tím đại dưới chân thành kia. Những con bướm thấy hoa đang tìm nhau đến. Một cặp vợ chồng, chồng người Hoa, vợ người Anh đang dắt bầy con đi bắt bướm. Và vợ thì đang cúi hái những cành hoa nhỏ đất quê chồng. Một đoàn học sinh vừa hát vừa vờ xung phong vào các đài phong hoá. Các khách tham quan Indônêxia, Pháp, Nhật Bản đang dạo từng bước một trên thành. Có phải mọi người cũng đều đang bắt chước cặp vợ chồng kia, con bướm nọ, tìm đến những cành hoa nở.

Ở chỗ xưa kia là máu và xương người, giờ lại mọc những cành hoa. Ở nơi kia là chỗ chém giết rẽ chia, giờ là nơi con người đoàn tụ. Thật là bất lực ở đây, cái tiếng thầm thì hư vô của màu mây trắng. Thắng lợi cuối cùng vẫn là con người, và hạnh phúc của con người...

*

* *

[...] Cho tôi nói đến Hàng Châu đã, dù tôi là một người tả cảnh rất tồi ! Nhưng biết làm sao mà tả. Đây là một thành phố khi đến thì tôi ngạc nhiên, khi ở thì tôi đắm say, khi đi thì tôi lướt tiếc. Tôi bận yêu mà đã quên nhìn. Nhớ chăng, tôi chỉ nhớ những con đường liễu dài bất tận, xe đi như rẽ một bức rèm. Những con đường khác ngát mùi hương, xe ở trong một bầu hương mà lướt tới. Hai bên đường, trên những cây số dài, trồng toàn hoa hồng và hoa lục nguyệt tuyết, hoa hồng đỏ ở dưới thấp, hoa lục nguyệt tuyết thành từng chùm tuyết trắng đứng ở đằng sau. Nhớ buổi sáng vén tấm màn cửa sổ khách sạn lên, thấy một số hồ sương, một bể sương, những con thuyền như tự lướt đi, không có ai chèo. Tiếng chim bắt cô trói cột ở đâu kêu trong sương đây ? Rồi dần dần mặt nước hiện hình, dãy núi cuối hồ hiện hình, các con đê hiện hình... tất cả nhích lên từng tý, từng tý một. Tuy theo dõi từng tý từng tý một, nhưng khi tất cả núi, hồ, liễu, hoa, dài, tựa bồng lên trong nắng, tôi cũng bỗng sững sờ. Tây Hồ có tất cả vẻ đẹp của một người đàn bà khi phô trương cũng như khi giấu che nhan sắc. Tô Đông Pha đã ví nó với Tây Thi là phải lắm !

Một bạn thơ ở Triết Giang kể : một cô tiên nữ đánh cắp hai cái gương của Ngọc Hoàng thượng đế. Một chiếc rơi xuống Hàng Châu thành Tây Hồ, và một chiếc rơi xuống Hà Nội hoá Hồ Tây. Anh bạn thật là nhã nhặn. Anh muốn cho tôi đỡ lúng túng trước cảnh đẹp quê anh. Nhưng các bạn ta ơi, trong vấn đề này ta phải sòng phẳng. Thiên nhiên là của chung chia cho nhân loại. Ai có phần áo rộng hơn thì lãnh được phần nhiều. Sao có người chỉ nghĩ rằng Việt Nam ta mới là đẹp nhất thế giới ! Sao ta lại không nghĩ rằng những nước non đất đai rộng lớn, tất nhiên là họ có nhiều dịp để đẹp hơn ta hay cũng bằng ta. Phải công nhận Tây Hồ là rất đẹp, cô chị Hàng Châu vượt cô em Hà Nội rất nhiều. Đẹp thiên nhiên, vì hồ đây đã bát ngát hơn, mà rừng núi lại gần kề. Sông Tiền Đường – (sông Tiền Đường nửa thực nửa mơ của các bạn Trung Hoa mà

cũng của những trang *Kiều*) – nằm bên cạnh. Những bàn tay của con người thì có thể gọi là đã điểm tô mỗi thước, mỗi tác ở đây. Chung quanh Hàng Châu có năm trăm cảnh chùa chiền ở khắp núi non. Biết nhà thơ và nhà cách mạng Nguyễn Thượng Hiền chúng ta tịch trong một ngôi chùa ở các dãy núi quanh hồ kia mà tôi không tìm được ! Núi ở đây thế nào ? Chỉ riêng một ngọn Phi Lai trước chùa Linh Ân cũng đã có gần năm trăm pho tượng xây trên mỏm đá, trong hang hay dưới những tàn cây...

Các đời trước bỏ biết bao công sức, tiền tài để cho Hàng Châu trở thành như trong câu nói : "Trên có Thiên đường, dưới có Tô Hàng" (Tô Châu, Hàng Châu). Sự đóng góp của cách mạng cũng thật là rõ rệt. Ở núi Cô Sơn có vườn mai của thi sĩ đời Tống, Lâm Bô. Nguyễn Du viết nên câu "Mai là bạn cũ, hạc là người quen" chính là lấy từ thực tiễn của cuộc đời nhà thơ ấy. Ông không có vợ, tất cả tình yêu là yêu mai, yêu hạc và yêu dân. Mộ của hai thầy trò ông (mộ ông và một mộ con hạc) chôn giữa ba trăm gốc mai xanh mát. Vàng, không phải những gốc mai già. Qua gần bảy, tám trăm năm, những cây mai xưa đã tàn lụi khá nhiều. Chính quyền cách mạng muốn giữ gìn mãi cái khí tiết của người xưa, muốn tôn trọng sự thương thức cảnh vật của người nay, dưới bóng những cây mai già, đã trồng thêm rất nhiều cây mai trẻ.

Ở hồ rìi thuyền lên bộ, tôi bước vào một vườn hoa bát ngát. Bạn thơ Triết Giang bảo cho tôi biết là chính quyền cách mạng đã mở rộng vườn hoa từ hàng trăm mẫu lên đến hàng nghìn ! Nhưng tôi không phân biệt đâu là nơi vườn cũ, đâu là chỗ mới gây dựng gần đây. Những chỗ đất mới, cây cỏ vẫn sum suê cành lá, rục rờ sắc hương như nơi vườn hoa cũ. Khác nào vào một vườn văn học, không phân biệt đâu là những mầm non, đâu là những cụ già. Tất cả đều tài năng và sức sống như nhau...

*

* *

[...] Những cảnh xưa vẫn phát huy tác dụng ngày xưa của nó. Hơn thế, như viên ngọc lên nước, càng đi xa trong thời gian càng sáng, càng gặp ánh sáng mới lạ của thời đại ta càng tỏ ra những màu sắc bất ngờ. Những cảnh xưa ấy đã có thêm những ý nghĩa mới vượt cả ý nghĩa ban đầu của nó. Tô Đê và Bạch Đê ban đầu chỉ là hai công trình thuỷ lợi – vét bùn Tây Hồ, đưa nước vào ruộng – của hai vị quan đi đày là Bạch Cư Dị và Tô Đông Pha làm cho dân. Hai con đê hiện thực ấy ngày nay đã thành hai con đường lãn mạn bóng đào, bóng liễu rườm rà. Hai ông nghệ sĩ phục vụ kịp thời cho những người làm ruộng ở quanh Hàng Châu lúc ấy, đâu biết là đã toả bóng mát lâu dài che cho những lứa đời hạnh phúc của thời đại chúng ta về sau. Mấy chị công nhân dệt gấm Hàng Châu đang ngồi vẽ một nhánh liễu non. Một người chiến sĩ giải phóng quân đang nhìn các chị vẽ. Đối với họ, đó là một cảnh đẹp cần ngắm, cần theo, mà đối với họ đó cũng là một mảnh đất của Tổ quốc, của cuộc đời cần bảo vệ.

Tôi rời khỏi Hàng Châu, trái tim như thêm nhiều máu nóng. Con mắt như thêm nhiều màu sắc, lồng ngực như có lấm mùi hương. Thật thế, ở đây từng cảm giác nhỏ, từng xúc cảm tinh vi của con người đều được chú ý nâng niu nuôi dưỡng. Cái cầu gỗ trên hồ là cầu chín khúc quanh co, để khách không đi tuột mà "Bước đi một bước giầy giầy lại dừng" ngắm nước, ngắm sen. Cái đình ở giữa hồ, gọi là "điếu ngữ, hoa hương" như níu mời ta lại, biết rằng lên bờ thì lấm khi vội vã mà ta quên đi những cái rất tế nhị nhỏ nhặt như "chim hót, hương đưa". Nó là của quý của cuộc đời... Rồi "sóng liễu nghe oanh", "ngõ hoa xem cá", một rừng liễu xanh chim hót, một ngô tường vi hồng rực rỡ, bên một ao cá những con cá to bằng bắp chân – bụng trắng như tuyết, mình ngời như vàng, như lửa. Những cái ấy nói rằng ở đây người ta quan niệm

cuộc sống, ngoài cơm ăn áo mặc, nhà ở, còn rất nhiều nhu cầu phức tạp khác nó làm nên cái đa dạng vô cùng phong phú của cuộc đời.

*

* *

Lá phong tôi vẫn giữ đây. Nhưng lá liễu, thôi tôi không bẻ nữa !
Bạn ơi, tôi nhớ ngày xưa chúng ta vẫn đắm say liễu thơ Đường. Miền Nam nắng cháy, mà bạn cố trồng được một cây liễu bên hồ là đủ nói cái tình tha thiết đó. Khi đến Trung Hoa, vì bạn tôi đã ngắt tất cả những rừng liễu, bờ liễu, dặm liễu mà tôi đã đi qua. Tôi định chọn con đường nào đẹp nhất, đám liễu nào đẹp nhất, cảnh liễu nào đẹp nhất và hái cho bạn một cành lá đó. Tôi đã thấy liễu Giang Tây, liễu Quảng Châu, liễu Thượng Hải, liễu nổi tiếng Hàng Châu từ đời Bạch Cư Dị, Tô Đông Pha. Nhưng đẹp nhất chỉ có liễu Bắc Kinh, trên con đường đi Vạn Lý Trường Thành ! Bốn mươi cây số liễu ! Liễu trồng hàng đôi, liễu xen với bạch dương đứng chập hai bên đường ! Lá dài như tóc, mượt như tơ, đùa trong gió, reo trong nắng, xe sắp đến thì mở ra, xe đi qua thì khép lại. Đây là liễu mới trồng năm năm từ ngày lục hoá, nhưng nó đã thành sóng, thành suối, thành nhạc, thành thơ, rất có cái thế nghìn đời. Đây là những cây liễu mới ! Đẹp rất nhiều hơn tất cả các cây liễu nghìn xưa. Vì nó không những có cái thế nghìn đời, mà nó có cái thế khoẻ, thế trẻ, thế đang lên mà những cây liễu già không có.

Cái cũ ta có thể ép vào trong sách gửi cho nhau. Nhưng cái mới thì bạn cần đến nơi mà nhìn thấy. Bạn ở xa, nhưng tôi tin có ngày bạn sẽ đến được, miễn là bạn có lòng. Đến đi ! Bạn sẽ thấy nhiều và sẽ yêu nhiều.

(In trong *Tuyển tập Chế Lan Viên*, tập II,
NXB Văn học, H., 1990)

TỪ THUNG LŨNG ĐAU THƯƠNG RA CÁNH ĐỒNG VUI⁽¹⁾

Trong các truyền thuyết cũ của nước tôi có chuyện cậu bé Phù Đổng mới ba tuổi đã phải nhảy lên mình ngựa sắt xông ra đánh giặc. Mở đầu lịch sử chiến đấu của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, lại một cậu bé khác tự đốt mình làm cây đuốc sống xông vào kho đạn của quân địch. Tuổi trẻ ở đây không được chơi hoa và hưởng thái bình, dù đây là tuổi trẻ của từng người hay của nước. Hai trăm năm trước khi Chúa bị đóng đinh, dân tộc chúng tôi đã phải đổ máu để giữ độc lập. Và suốt hai mươi thế kỷ, người lương thiện vẫn không có giấc ngủ thái bình. Giáo mác của phong kiến bị xếp vào viện bảo tàng, thì đã có thay vào đó thuốc súng của đế quốc chủ nghĩa. Chen vào tiếng súng có tiếng cầu kinh, bọn thực dân gọi thế là khai hoá, nhưng chúng tôi đổ máu nhiều nên chúng tôi không nhầm. Tám mươi năm chống Pháp chưa xong đã liên đến mấy năm chống Nhật. Nước Việt Nam dân chủ cộng hoà vừa ra khỏi nô đã phải noi gương Phù Đổng, lấy gậy tầm vông chống lại đại bác, liên thanh. Pháp đi, thì Mỹ và bom na pan, máy chém, thuốc độc của chúng lại đến. Cơ thể chúng tôi đang chảy máu ở miền Nam. Nhưng quả tim của dân tộc là nằm ở miền Bắc. Cho nên có thể nói, cả Bắc Nam, toàn cơ thể chúng tôi đang chảy máu. Cuộc chiến đấu chống ngoại xâm là việc của mọi đời người. Cuộc chiến đấu chống phong kiến, địa chủ trong nước để giành lấy no ấm, tự do là việc của từng giờ, từng phút.

(1) Viết cho tạp chí Pháp *Europe* (Châu Âu).

Dân tộc chúng tôi là một dân tộc dã dề này tiếp dề khác phải chống những kẻ ngoại xâm mạnh hơn mình, và chiến đấu như vậy với cái bụng đói suốt trong hai nghìn năm. Cái dề kỳ này dã dề ra cái dề kỳ khác : cuộc sống chúng tôi dã dề ra một nền thơ. Đứa trẻ con này sinh ra ở chiến trường, ngỡ chỉ biết thét, nhưng nó dã biết hát. Một tiếng hát dân tộc đầy tin tưởng và đầy cả tình thương nhân đạo.

Một nền thơ dân tộc vì cái lẽ giản dị là những bài thơ dã tự diễn tả trong tiếng nói Việt Nam, một thứ tiếng đơn âm nhưng đa thanh, làm cho câu thơ vừa ngắn gọn, vừa có nhiều tính chất âm nhạc. Người ta ngâm thơ gần như hát và các bà mẹ ru con mà hát, chính ra là họ ngâm thơ.

Thơ ca chúng tôi có nhiều thể. Có những thể bát cú, tứ tuyệt, hành, năm chữ, bảy chữ mượn của Trung Hoa (Trung Hoa có nền văn học rất mến yêu đối với các dân tộc phương Đông, với người dân Việt), nhưng dã biến hoá đi theo lối tai xứ này. Lối ca trù cổ truyền của chúng tôi kết hợp với ảnh hưởng thơ Pháp dã dề ra các hình thức phong phú của Thơ mới, nhất là lối thơ câu tám chữ rất dân tộc mà rất hiện đại, có khả năng diễn tả khá nhiều. Bên cạnh đó, chúng tôi có những hình thức thơ cũ như lối bốn chữ bỏ vần ở giữa, lối lục bát, song thất lục bát và các biến thể của nó. Hồn thơ dân tộc thích biểu hiện trong những hình thức mới, nhưng lại càng thích hiện lên trong những chỗ hẹn hò cũ. Thơ lục bát là cái chỗ hẹn hò hàng nghìn dề ấy. Những câu ca dao trong veo như ngọc là viết trong thể thơ ấy. Cũng trong khuôn ấy, dã đúc lên tiếng nói của Nguyễn Du.

Thơ ở nước chúng tôi, trước kia có nền thơ cổ điển viết ra chữ và nền thơ quần chúng truyền khẩu. Quần chúng không biết chữ dề. Cách mạng lên, họ mới thoát nạn mù chữ, nhưng phải có những

người đau khổ hay nhớ dai khổ đau và hạnh phúc của mình ? Mẹ ru con bên nôi, trai gái tự tình bên cối gạo, những người chống dò hát với đêm trăng, họ đã truyền từ đời này qua đời khác các câu thơ tuyệt vời của họ. Biết bao thế hệ qua đi, thời gian tàn phá hết, nhưng những câu hát ấy không có gì phá vỡ nổi vì ngôn ngữ nó quả thật trong veo như ngọc, và trong khối ngọc đã hiện lên cái bóng dáng của con người Việt Nam.

- *Trăm năm soi tấm gương mờ,
Không bằng một phút soi nhờ gương trong.*
 - *Đôi tu cách một con sông,
Muốn sang anh ngã cánh hồng cho sang.*
- v.v.

Khi nói tính dân tộc, chính là chúng tôi muốn nói cái hình người bên trong hơn là ngôn ngữ bên ngoài. Ví dụ, có khi bên ngoài, một số nhà văn, nhà thơ chúng tôi đã dùng chữ Hán. Nhưng đấy là những bài gì ? Đấy là bài *Hịch* của Trần Hưng Đạo kêu gọi chống xâm lăng, bài *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi mừng dẹp tan quân giặc.

Song phải chính ở trong cái ngữ ngôn dân tộc thì cái hình người của dân tộc mới hiện ra rõ nét hơn. Các nhà thơ lớn của nước chúng tôi từ Nguyễn Trãi ở thế kỷ XV đến Nguyễn Bình Khiêm, nữ thi sĩ Hồ Xuân Hương, Ôn Như Hầu, Bà Huyện Thanh Quan, Đoàn Thị Điểm, Nguyễn Du, khi trút tinh hoa của mình, họ đều dùng tiếng nói đã từng ru mình ngày nhỏ trong nôi, tiếng của những người cùng họ chung một đất nước, một vận mệnh : tiếng Việt.

Nguyễn Du vừa chịu ơn sự phong phú của tiếng Việt, vừa đáp ơn lại bằng nâng cao nó lên. Vai trò của ông gần như Puskin trong nền thơ Nga. Nó làm cho tiếng nói của thơ là kết tinh của tiếng nói dân tộc, soi vào đó mà càng tin tưởng thêm ở khả năng mình.

Những tác phẩm dân tộc đều viết ra trong chữ viết dân tộc. Chữ ấy không phải là con đẻ của thuốc súng của các tay thực dân đầu tiên của người Pháp từng tuyên truyền. Trước chữ Latinh, chúng tôi đã có chữ Nôm, và tác phẩm thơ cổ điển đầu tiên của chúng tôi, tập thơ Nguyễn Trãi là viết bằng chữ Nôm ấy.

Các dân tộc anh em (chúng tôi có 60 dân tộc^(*)) đều có nền văn học, chủ yếu là nền thơ của mình. *Xống chu xon xao* của dân tộc Thái, *Út Lót – Vi Diệu* của dân tộc Mường là những bài tình ca, làm say đắm lòng người từ thế hệ này qua thế hệ khác. Khi tàn cư kháng chiến, người Thái đã đem theo cùng cây súng kíp, những tập *Xống chu xon xao*. Và hoà bình trở lại, cộng với việc phục hồi các bản mường, xây dựng các trường học, chúng tôi đã in lại tập tình ca có lời văn tuyệt mỹ ấy. Các dân tộc thượng du ở miền Nam lại có những hình thức Khan, một lối thơ tổng hợp. Nó là truyện, là kịch, lại là thơ. Người ta nghe các Khan từ ngày này qua ngày khác, và nhiều người yêu người đẹp trong Khan "đến quên cả những thiếu nữ đẹp ngoài đời". Kể ra, trong các Khan ấy đã thể hiện những nguyện vọng to lớn của con người mà ngoài đời chúng ta chưa thực hiện được. Bài Khan *Đăm Săn* có kể chuyện người anh hùng ấy đi bắt Nữ thần Mặt trời :

... "Đăm Săn đến nhà thần Mặt trời, Mặt trăng. Người ta nghe tiếng sấm sét, tiếng mưa rơi y như ngựa thở. Ở đây sáng luôn không có đêm tối. Anh thấy cái nhà Nữ thần Mặt trời ở. Thang lên nhà là một cầu vồng. Cối giã gạo bằng vàng. Chày cũng bằng vàng lúc dừng thì ánh sáng lóng lánh ngập mắt"...

Dân tộc viết nên các câu thơ sáng chói ấy, tiếc thay, trước khi có Cách mạng thì bị thực dân gọi là Mọi, và bắt họ sống một cuộc đời đầy bóng tối.

(*) Theo *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng – Viện Ngôn ngữ học, H., 2000 thì Việt Nam có 54 dân tộc. (N.B.S)

Nhưng ánh sáng của Nữ thần Mặt trời xuyên thủng tất cả. Ngày nay, *Đăm Săn* đã được đề cao như một tác phẩm cổ điển lớn của nước tôi.

Trong *Tuyển tập thơ mười lăm năm* mới xuất bản năm 1960 lại có rất nhiều thơ của các dân tộc Tây Nguyên, con cháu Đăm Săn.

Sinh ra giữa bao nhiêu đau thương, chết chóc, trong thơ chúng tôi, tiếng hát nhiều lúc đã là tiếng khóc. *Truyện Kiều* còn có một tên thứ hai là "Tiếng đứt ruột mới". May thay, cùng với tiếng khóc lại có tiếng cười, như hai đứa trẻ sinh đôi. Thi sĩ trào phúng Tú Xương của chúng tôi đã dùng tiếng cười như một vũ khí đánh trả các sự bất công của xã hội. Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Yên Đổ đều có chất chế nhạo, mỉa mai, đả kích lại những cái gì chực làm rơi nước mắt của mình. Cười hay khóc, nhân dân chúng tôi không bi quan về cuộc đời.

Bài *Chinh phụ ngâm* khóc sự ly biệt trong chiến tranh nhưng kết thúc là tin ở ngày đoàn tụ. *Truyện Kiều* chấm dứt bằng sự đoàn viên lứa đôi cách trở trong mười lăm năm. Và mười loại âm hồn Nguyễn Du tả trong bài văn *Chiêu hồn* – những bóng hình của nhân loại ấy – cùng thoát được khổ đau, nhờ lời cầu nguyện của kẻ sống. Đấy không phải là sự giả tạo công thức của văn chương, mà chính là sự có thật mà dân tộc tôi từng thấy trong vận mệnh của mình.

Thơ chúng tôi qua một bãi chiến trường liên tiếp nhưng ít nói đến máu me, đến những nấm mồ. Không phải thơ lẩn tránh sự thực. Nhưng con mắt hiện thực của nó vẫn muốn quay về chỗ đang phập phồng cái ngực ấm nóng của cuộc đời. Họ tả những cảnh lao động làm ăn, những cảnh trai gái thương yêu nhau, những cảnh bất công trong xã hội và cách giải quyết nó, một cái chùa, một buổi chiều ở Hồ Tây, một con ốc hay là một cây mít, tất cả các thứ làm nên cuộc sống chúng tôi.

Thơ ca Việt Nam căn bản là hiện thực. Nó không ưa đi xa vào các cõi trừu tượng, vượt cái biên giới siêu hình. Vì phải chăng siêu hình là bi quan nhất trong mọi thứ bi quan. Vẫn có những nhà thơ siêu hình ấy. Nhưng có lẽ đây là những người sốt ruột trong cách giải quyết cuộc đời. Đến một lúc, những làn sóng lớn của cách mạng cũng muốn họ hoà vào với nhân dân. Họ đến với cái lạc quan của những con người đấu tranh trong thực tại, tin rằng vấn đề gì rồi cũng có thể giải quyết được bằng bàn tay, khối óc và quả tim của con người.

*

* *

Nhà thi sĩ lớn cổ điển Nguyễn Trãi là nhà chiến lược đại tài, ông đánh tan mấy chục vạn quân Minh, nhưng thơ ông lại nói nhiều đến dòng nước, bóng trăng và sắc núi. Nguyễn Công Trứ, một nhà hành động lớn – gần như một kỹ sư dinh điền của thế kỷ XIX – cũng lại làm thơ trữ tình. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói đến cái tiếng hát trong như tiếng suối xa. Và Tố Hữu, nhà thơ cộng sản, cất cao tiếng hát hai mươi năm nay trên thi đàn chúng tôi cũng là một nhà thơ của tình thương mến. Không phải như người nào đó nói : thơ là làm trái lại những việc ta làm ở trên đời. Nhưng đời chúng tôi cũng như thế mà thôi. Chúng tôi chiến đấu là vì yêu hơn là vì ghét, bảo vệ hoà bình, chứ đâu có phải vì bị kích thích bởi một thứ máu hiệu chiến nào. Suốt một nghìn năm đánh nhau với quân phong kiến xâm lược Trung Quốc, chúng tôi không có bài thơ nào gây căm thù với nhân dân Trung Quốc. *Truyện Kiều* là kết tinh giữa cuộc sống của chúng tôi, nền văn hoá của chúng tôi với những ảnh hưởng tốt đẹp của thơ Trung Hoa mà mỗi người Việt Nam đều hết sức say mê. Trong mười năm đánh nhau với thực dân Pháp, những nhà thơ chúng tôi làm thơ kêu gọi lính Pháp trở về

với bản tính hồn nhiên của họ. Chúng tôi biết đó là những con người sinh ra trên đất nước của Raxin, Vilông, Rôngxa, Huygô, và chúng tôi không bao giờ mất tin tưởng ở các nhà thơ này.

Ồ đâu, người cũng là vốn quý nhất. Nhưng ở đây, ở bãi chiến trường, ở nơi xảy ra những trận chết đói hàng triệu người, chúng tôi lại càng quý người. "Người ta là hoa của đất", tục ngữ nước tôi nói thế. Con người thật đáng bảo tồn, vì có lúc nó đã mờ mờ nhân ảnh ("Cái quay búng sẵn trên trời - Mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm"). Con người thật đáng bảo vệ, vì cái mặt bình minh của nó có lúc đã nhuộm mùi tà dương ("Ai đem nhân ảnh nhuộm mùi tà dương"). Con người thật đáng cho ta chiến đấu mà giữ gìn nó, vì có khi nó không có sức tự bảo vệ. Nhà thi sĩ lớn nhất của chúng tôi hướng lòng thương của mình về những con người đó :

- *Kìa những đứa tiểu nhi tám bé,
Lối giờ sinh lia mẹ, lia cha.
Lấy ai bông bé xốt xa,
U ơ tiếng khóc, thiết tha nỗi lòng.*
- *... Đau đớn thay phận đàn bà
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung.*

Hai lần trong tác phẩm của mình, Nguyễn Du đã xé ruột mình và xé ruột người khác mà kêu lên như thế. Người đàn bà, qua bao nhiêu thế kỷ, đã là nhân vật chính trong văn chương. Các nữ thi sĩ Hồ Xuân Hương, Đoàn Thị Điểm nói đến đàn bà là lẽ cố nhiên, những tác phẩm thơ lớn như *Cung oán ngâm khúc*, *Truyện Kiều*, *Xông chụ xon xao* đều nói đến đàn bà. Ở tác phẩm sau này, có kể chuyện người đàn bà bị bán ngoài chợ, và người yêu phải đem nắm lá dong ra mà đổi lấy. Giá trị của phụ nữ ngày xưa là như thế. Bây giờ thì chắc các bạn sẽ hiểu vì sao Chủ tịch Hồ Chí Minh lại là người yêu trẻ và những nhà thơ chúng tôi gần đây làm thơ về

một đạo luật bảo vệ phụ nữ và thiếu nhi. Họ nghe theo thời đại, vì thời đại đã giải quyết những nguyện vọng khát khao của hàng nghìn năm quá khứ.

*

* * *

Bà mẹ càng khổ đau, càng mong đứa con mình là một đứa con vui. Thơ ca Việt Nam hiện nay là một đứa con như thế. Nó còn bập bẹ, nhưng tiếng nó nói là những tiếng mà quá khứ ước mơ chứ chưa nói được ra. Nó nói lên cái hạnh phúc tự do vừa đến trên đất nước. Chúng tôi tự xem mình như một thế hệ đi tìm những cách cảm nghĩ mới, những đề tài mới, những hình thức mới cho các thể hệ sắp đến. Có đôi lúc cái vui mới ấy biểu hiện ra còn ấu trĩ. Bài thơ tả bao chuyện khó khăn trong lúc mở đầu, nhưng sau những chữ "nhưng" – tác giả đặt giữa bài như một chiếc gậy tiên – thì về cuối mọi việc đều êm đẹp cả. Không đâu, tiếng khóc vẫn còn trong chúng tôi. Đất nước cất đôi. Thân thể và tâm hồn con người từ cái cũ ra, từ chiến tranh về, không phải đã một chốc mà có lại máu thịt mới. Nhưng thơ ngày nay có nói đến cái đau, cái buồn là để tiêu diệt nó, với cái tư thế chiến thắng nó. Những bài thơ ấy khác nào một đội công binh dọn đường cho một đạo quân Vui.

Xưa kia trong trời buộc, chúng tôi yêu con người trong những vực, những thung lũng đau thương. Giờ đây, trong tự do, chúng tôi yêu con người trên các đỉnh cao của nó. "Rũ bùn đứng dậy sáng loà", đó là bước tiến của người. Thơ chúng tôi nói con người trong lúc sáng loà ấy. Đây là những con người cách mạng của Tố Hữu, những anh bộ đội kháng chiến của Nguyễn Đình Thi, những người thợ mỏ xây dựng hoà bình của Huy Cận, những con người đấu tranh thống nhất của Tế Hanh, những nông dân "Bàn tay ta làm nên tất cả - Có sức người sỏi đá cũng thành cơm" của Hoàng Trung Thông, Trần Hữu Thung, những người đang giải quyết cái

riêng để đi đến với chung trong thơ Xuân Diệu – từ chân trời một người ra đến chân trời mọi người. Chân trời sau cố nhiên là bát ngát hơn chân trời trước và do đó làm cho thơ họ cũng bát ngát hơn.

*

* *

Tôi vừa nhắc đến các nhà thơ Việt Nam ngày nay. Họ đến với chân trời cách mạng mỗi người từ một nơi riêng, với một bản sắc riêng. Tố Hữu, anh viết từ giữa lúc thịnh thời của phong trào Thơ mới có khuynh hướng tiểu tư sản, nhưng ngay bấy giờ, anh đã là một tiếng nói riêng, có thể xem như tiếng nói bằng thơ của Đảng. Người mở đường ấy cho đến nay vẫn là người dẫn đầu. Tiếng nói đầy tình thương mến ngọt ngào ấy có mặt trong mọi cuộc chiến đấu. Nhưng thực ra không phải là tiếng hát chiến đấu, mà đây là lời ca ngợi, bảo vệ cho cái toàn diện của cuộc sống. Thơ anh kết hợp tư tưởng đáng quý và nghệ thuật đáng quý, tình cảm đáng quý và chất thơ đáng quý, những tìm tòi hiện đại với hơi dân tộc cổ truyền.

Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Xuân Diệu, Huy Cận, Tế Hanh, nữ thi sĩ Anh Thơ,... là những người từ thế giới một người đến với thế giới nhiều người, từ thung lũng đau thương ra đến cánh đồng vui, là những người xưa kia tự xé da thịt mình, nay đi vá lại thịt da và xây dựng mùa xuân.

Các nhà thơ của nỗi khổ đau ấy đã thấy cách mạng là của họ. Đến nay, trên đường cách mạng, họ cùng đi với các bạn thơ trẻ khác. Những bạn trẻ ấy là Nguyễn Đình Thi, Hoàng Trung Thông, Trần Hữu Thung và các nhà văn Tày : Nông Quốc Chấn, Dao : Bàn Tài Đoàn, những đứa con thơ mà cuộc cách mạng và kháng chiến đã đẻ ra. Những con mắt mới mẻ ấy không ung quay nhìn lại sau.

Đối với họ, cái đáng tìm bao giờ cũng ở phía trước. Trời xuân chúng tôi không phải chỉ có chùng áy chim én. Năm 1960 vừa qua – chưa kể các nhà xuất bản khác – riêng Nhà xuất bản Hội Nhà văn đã in 27 tập thơ. Cuộc thi thơ của *Tạp chí Văn nghệ* đang tổ chức có 663 người dự với tổng số 3 500 bài. Tôi không muốn nói đến con số. Tôi muốn nói đến cái việc nhiều người đến từ nhiều nơi, nhiều thế hệ, nhiều nghề phong phú. Tố Hữu luôn luôn ở mũi nhọn của cuộc đấu tranh cách mạng. Huy Cận thích các thế kỷ, các vòm trời. Xuân Diệu nói đến trái tim anh có nhịp đập rất nhanh. Nguyễn Đình Thi nói đến tình yêu trong chiến đấu. Tế Hanh thích viết về miền Nam, về con sông quê hương chảy trong miền tang tóc ấy,... Thế giới chúng tôi đang ở thật là mới mẻ, mọi vật như vừa mới sinh ra ở buổi mai thứ nhất, buổi chiều thứ nhất và phải gọi tên nó lại lần đầu.

Đất nước chúng tôi chính là tâm hồn chúng tôi. Và tâm hồn chúng tôi giờ là một mảnh đất nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Giữa những người làm thơ và bạn đọc có một sự liên hệ mới. Các tập thơ đều in từ 5 000 đến 8 000 bản mỗi lần, thơ Tố Hữu in sáu vạn bản, và thơ Chủ tịch Hồ Chí Minh mỗi năm in năm mươi vạn bản. Bởi vì không còn cái chia rẽ một bên là tâm hồn các tác giả, một bên là tâm hồn những người đọc họ.

Và sau đây là những tiếng hát của chúng tôi.

Tháng 3 - 1961

(In trong tập *Phê bình văn học*,
NXB Văn học, H., 1962)

NỀN VĂN HOÁ TỪ CUỘC SỐNG⁽¹⁾

Xin cảm ơn các bạn đã cho phép tôi được phát biểu ở đây. Tôi đến đây mục đích để tỏ lòng biết ơn trí thức ở Pháp đã ủng hộ chúng tôi trong cuộc đấu tranh chống bọn xâm lược Mỹ hơn là để bàn luận về các vấn đề. Do đó, trong lời phát biểu này chưa được chuẩn bị, có gì sai sót, mong các bạn rộng lượng.

Vấn đề Việt Nam là một vấn đề chính trị, cố nhiên ; một vấn đề quân sự, cố nhiên. Nhưng nhìn về lâu, về dài, nó là một vấn đề văn hoá. Nói cho cùng, tất cả các nền văn minh đều chỉ nhằm một mục đích : làm cho con người sống sung sướng trên trái đất này. Không phải một con người, một tầng lớp được sung sướng. Thế mà bây giờ bọn đế quốc Mỹ lại đánh trực tiếp vào con người, vào sự sống, thế tức là chúng đã tấn công vào văn hoá ngay tận gốc, tận thánh đường rồi vậy.

Một tên trong bọn chúng tỏ ý khoái trá khi thấy đất vùng Bến Súc, dưới bom tấn Mỹ, trở nên giống các miệng núi lửa trên mặt trăng. Còn các tướng Mỹ thì định dùng tất cả cái vốn khoa học của chúng để đưa chúng tôi trở lại thời kỳ đồ đá. Những phát minh mới nhất của nhân loại, những máy điện tử, những quang tuyến, những tốc độ siêu âm, những năng lượng mạnh nhất để mong cho con người lùi lại thời kỳ đồ đá, điều ấy Hítler chưa nghĩ ra đấy, ngài Giôn-xơn ạ !

Chúng muốn thế giới không còn có tiếng nói của chân lý, thơ ca, khoa học mà chỉ có tiếng nói của bom. Bom bảo mai là mai,

(1) Bài phát biểu tại buổi khai mạc *Ngày trí thức Pháp ủng hộ Việt Nam* tại Pari, tháng 3 - 1968.

bom bảo chiều là chiều. Bom gọi là nhân loại phải vàng, phải dạ. Bom là vàng ! Hai vị chúa trị vì thế giới, đây là cái mẫu văn minh mà bọn chúng muốn tặng chúng ta.

Không thể nào thừa nhận điều ấy. "Tiếng hát át tiếng bom !". Các cô gái trên đường giao thông, giữa tiếng bom, họ hát, lấp lại đường cho cuộc sống lại qua. Những người nông dân Việt Nam trên đồng ruộng, xong tiếng bom, họ đến chia nhau các "miếng núi lửa", người nào cũng giành cái hố khó giải quyết để biến nó thành ao. Trong hố nuôi cá, bờ hố trồng rau, thành hố trồng chuối. Những người ấy, có cho họ lên mặt trăng, họ cũng sẽ biến mặt trăng thành sự sống, bằng trái tim người đầy nhiệt huyết của mình.

Giữa những con người bảo vệ sự sống, tạo ra sự sống, văn hoá Việt Nam thấy mình cũng phải có nhiệm vụ làm ra sự sống như họ, làm ra cái gì ấm nóng như trái tim người.

Tôi hay nghĩ vẫn vợ. Tôi thường tự bảo : giá người ta làm một bài tính về những gì nhân loại đã cho mình từ lúc chào đời đến khi từ già, thì biết bao nhiêu thứ nhân loại đã cho ta. Cho ta cơm ăn, cho ta áo mặc, cho ta khí trời, tình yêu, những ngày sống giữa bạn bè, những nền văn minh, cho ta âm nhạc, thi ca, cho ta hoa ở trong đời và trong sách vở.

Dù điều chúng ta cống hiến cho nhân loại là vĩ đại đến bao nhiêu đi nữa, thì chúng ta cũng chỉ mới trả lại một phần sự sống của mình, một phần nghìn cái nhân loại đã cho ta. Trong khi ấy các chiến sĩ chân đất, trong một phút, họ có thể vì cuộc đời, mà dâng tất cả đời mình không do dự. Tất cả các sự hy sinh đều vĩ đại. Nhưng vĩ đại nhất là sự hy sinh xương máu của mình. Để bảo vệ một em bé, một lớp học, một ngôi chùa cổ, một đập nước, một chiếc cầu, các chiến sĩ và nhân dân sẵn sàng cho xương máu của mình, sự sống của mình, *tổng số thành của đời mình*. Ở Việt Nam bây giờ không phải chỉ có quân đội làm điều ấy. Và chẳng quân

đội cũng là nhân dân mà thôi. Ở Việt Nam, chiến sĩ bây giờ là các cụ già, các cô gái, các bà mẹ, các em bé, tất cả mọi người.

Làm cái gì có ích cho những con người ấy ? Cho bà mẹ ban đêm bế con xuống hầm, ngày mai vẫn đủ sức tinh thần gieo gặt các mùa màng. Cho những người vợ tiễn chồng con ra trận vẫn thấy trái tim mình đầy hy vọng sức khoẻ. Cho các chiến sĩ hạ máy bay, giữa hai trận đánh vẫn yêu đời, đến hôn những hoa bên mâm pháo của mình. Làm cái gì cho giữa chiến tranh, họ vẫn có tâm hồn ngày một nâng cao ; ở ngoài đời là tiếng bom, nhưng trong hồn họ vẫn là tiếng hát ? Đây là nhiệm vụ của chúng tôi. Năm nay kỷ niệm Bôđole, cho tôi được đọc câu của Bôđole mà Aragông đã trích trong một bài tựa viết cho thơ Êluya :

"Vĩ đại thay là sứ mệnh của thơ ca !... Trong ngục tối thơ trở thành quật khởi ; bên cửa sổ bệnh viện, thơ là khao khát và hy vọng lành bệnh... Thơ không phải nhìn nhận mà còn tu sửa. Ở mọi nơi, thơ phủ nhận bất công. Hỡi nhà thơ thiên sứ, hãy cất lời ca đi và tới tương lai ! Lời ca của người đã phản ánh niềm tin và hy vọng của nhân dân ?".

Chúng tôi vội vàng, còn nhiều thiếu sót, chúng tôi chưa bằng lòng với công việc của chúng tôi. Nhưng những người anh hùng của chúng tôi rất khắt khe với quân thù, lại rất rộng lượng với chúng tôi, họ tha thứ. Họ bảo : "Hát đi, các bạn ! Làm thơ đi, các bạn !". Và chúng tôi cố gắng.

Thực là cảm động. Các bạn đến Việt Nam có thể thấy giữa hai trận bom, người ta vẫn xem biểu diễn múa. Còn các thi sĩ thì được đến ngâm thơ ở các mâm pháo. Nhiều hoạ sĩ đến đấy vẽ và khi có bom, các chiến sĩ đã nhào lên che chở cho hoạ sĩ. Đây là một bức tranh, mà suốt đời hoạ sĩ khó vẽ nên.

Ở đây, người ta cần vũ khí. Nhưng cái người ta cần hơn cả vũ khí nữa, đấy là văn hoá. Không phải lúc nào ở Việt Nam cũng

chỉ vang lên tiếng bom và tiếng súng đầu. Bọn Mỹ không thể có mặt ở mọi chỗ và mọi lúc được. Chúng nó bắn đánh chỗ này thì không đến được hàng trăm chỗ khác, ném bom giờ này, thì lại phải vắng giờ kia. Cho dù chúng ném bom hai mươi bốn giờ trên hai mươi bốn giờ đi nữa, thì cái tiếng chính ở đây vẫn là tiếng của cuộc đời, tiếng hát, tiếng học bài, tiếng lao động của những người đang chiến thắng "chúng nó".

Năm nay, chúng tôi họp Đại hội Văn nghệ toàn quốc ngay giữa thủ đô Hà Nội. Năm ngoái, ngay lúc Giôn-xơn họp chiến tranh ở Hônôlulu, thì Thủ tướng Phạm Văn Đồng hai lần họp với các nhà văn Việt Nam bàn về việc bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt. "Việc nó nó làm, việc ta ta làm", đó là cách nói của nhân dân. Chúng tôi kỷ niệm 200 năm Nguyễn Du, nhà thơ lớn dân tộc. Chúng tôi kỷ niệm 700 năm Đăngtơ, 350 năm Xéc-văng-tét, 800 năm Sô-ta Rút-ta-vê-li và 100 năm Mác-xim Gorô-ki. Chúng tôi đang dịch một tập thơ Ê-luya. Và với Mỹ thì ngay giữa lúc này, chúng tôi vẫn dịch và tái bản Úýt-man, London, Hugơ, Milơ, Hê-min-huê.

Chúng tôi đánh với đế quốc bằng sức mạnh lấy từ đất Việt Nam, nhưng bằng cả sức mạnh lấy từ thế giới. Các bạn có biết không, các chiến sĩ ngoài đảo Côn Cỏ rất hay đọc *Những người khôn khổ* của Vích-tô Huy-gô.

Chúng tôi lấy sức mạnh từ hiện tại, nhưng lấy cả từ cổ xưa. Những người lính kiên quyết vẫn có trong túi mình tập *Hăm-lét* của Sếch-xpia mới dịch. Họ quyết "to be" nên chả ngại gì các vấn đề "to be or not to be"⁽¹⁾ mà ông hoàng tử hay do dự trong sách.

(1) *To be* : tồn tại. "To be or not to be" : "Tồn tại hay không tồn tại". Một câu nói của Hăm-lét.

Khẩu hiệu chúng tôi là : trọng văn hoá xưa và nay để phục vụ nay. Trọng văn hoá trong nước và ngoài nước, để phục vụ cuộc sống trong nước.

Công việc là to, mà sức của chúng tôi thì có hạn. Nhiều chiến sĩ ở mâm pháo tạt về chơi Hà Nội, hay ghé vào Hội Nhà văn để chép thơ. Nhưng nếu chúng tôi thiếu, thì họ không chịu đói về tinh thần đâu. Họ theo lời dạy của Lôtôrêamông : "Thơ ca phải do mọi người làm chứ không do một người". Họ làm ra thơ lấy. Họ tự vẽ tranh, tự làm nhạc, tự đàn. Chế độ xã hội chủ nghĩa đã làm cho họ không còn là người bộ đội mới thanh toán nạn mù chữ ở cuộc kháng chiến trước. Ngày nay, họ có trình độ trung học, có người đại học, và nhờ cố gắng học thêm, nên họ có thể bạo dạn làm các điều ấy. Nên văn học nhân dân này vừa là hoa hồng, vừa là đất dẻ ra hoa hồng. Không phải lúc nào cũng có những tác phẩm hay đâu, nhưng nó cho một sự sống, một sinh lực trong ấy chúng tôi có thể hút, uống và nở.

Thưa các bạn,

Các nhà văn Việt Nam, các độc giả Việt Nam theo dõi rất nhiều công việc của các bạn. Chị Madolen Ripphô hay ai nhi đã nói hai dân tộc Pháp và Việt Nam như hai tình nhân vậy. Chúng ta theo dõi nhau rất nhiều. Tất cả cái gì các bạn làm ở đây, chúng tôi đều tìm hiểu và biết ơn. Hai tập *Europe* của Aboraham và Gamara về Việt Nam là của quý của Hội Nhà văn chúng tôi. Thơ của Gôsorông Mônggiô, được dịch ở Hà Nội và báo địa phương. Người ta sung sướng thấy tên của Enxa Toriôlê, Aragông, Phơrăngxoa Môriắc, Vécco, Picátxô, những tên người từ lâu rất quen biết với chúng tôi. Các bạn làm ơn không muốn chúng tôi nhắc. Và làm sao chúng tôi nhắc hết được ? Tôi chỉ xin nói là chúng tôi rất cảm ơn. Trong *Truyện Kiều*, tập thơ cổ điển của chúng tôi, có câu : "Anh hùng đoán giữa trần ai mới già".

Người anh hùng cảm ơn người yêu là cô Kiều nhận ra mình lúc còn trong bụi trần ai, trong đau khổ. Các bạn đã đến cùng chúng tôi giữa những ngày trần ai các năm trước. Ngày nay, chúng tôi đã vượt được bụi trần ai, đã thắng đế quốc Mỹ, chúng tôi không bao giờ quên ơn. Và mai đây, khi đã thắng được chúng hoàn toàn, chúng tôi lại càng không dám quên ơn.

Chính các bạn là những người, bằng sức lực tinh thần của mình, bằng trái tim nhiệt huyết của mình đã góp phần làm nên chiến thắng đó. Chiến thắng của văn minh lên sự dã man : của cái sống, của cuộc đời lên sự chết lên bóng tối⁽¹⁾.

Pari, 3 - 1968
(*Suy nghĩ và bình luận,*
NXB Văn học, H., 1971)

SEN CỦA LOÀI NGƯỜI

I

Bác chúng ta vô cùng khiêm tốn, Đảng chúng ta vô cùng khiêm tốn, mà lòng chúng ta đôi khi lơ đãng, lắm lúc đại khờ, nên khi Bác còn ở cùng ta, cái vĩ đại của Người, ta chưa hiểu hết. Hướng chỉ đây là một cái vĩ đại chỉ có trong hành động ta mới nghiệm ra, bằng một sự tĩnh tâm, một sự im lặng lắng tai ta mới hiểu hết, chứ không phải bằng những giải thích loè loẹt văn hoa, bằng những tiếng ồn. Thế rồi, bỗng Bác ra đi. Cả dân tộc như bừng tỉnh dậy. Mà từ ấy cho đến nay, mỗi ngày qua, cảm ơn

(1) Đăng ở tạp chí Pháp *La Nouvelle Critique*, số 15 - 5 - 1968, dưới đầu đề *Les jours de poussière du monde*.

mỗi ngày qua lại giúp chúng ta phát hiện thêm về cái tâm vóc lịch sử của Người.

Văn chương thế giới hay dùng chữ *thần kỳ* khi nói đến Hồ Chủ tịch. Chỉ riêng việc "đi" của Người đã làm nét thần kỳ. Nơi nào là nơi Người chưa đến trên thế giới ? Mới chiều qua đây tôi biết thêm được một chi tiết : Người đã từng làm công nhân ở Livopun, hải cảng miền Bắc nước Anh. Bác đã ở hay qua Pháp, Đức, Ý, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Bỉ, Thụy Sĩ, Liên Xô, Trung Quốc, Thái Lan, Angiêri, Tuynidi, Mỹ nữa.

Bài *Hành hình kiểu Lynsơ và Đảng Ku Klux Klan* có phải Người viết sau lúc đến khu da đen Háclem ? Chỉ biết câu văn cho đến ngày nay đọc lên còn ngun ngút lửa căm hờn. Bài văn tả những người da đen bị "nướng chín, bị thui vàng, cháy thành than" được Bác kết thúc : "Nhưng trong khi đó trên mảnh đất nhày nhựa mỡ và khói, một đầu lâu đen nát bét, bị thui cháy, không ra hình thù gì nữa, nhân nhó một cách đáng sợ và hình như muốn hỏi vắng mặt trời sắp lặn : "Văn minh là như vậy đó sao ?".

"Văn minh là như vậy đó sao ?". Cuộc tàn sát năm trăm người ở Sơn Mỹ : "Văn minh là như vậy đó sao ?". Cuộc xâm lược lãnh thổ Campuchia : "Văn minh là như vậy đó sao ?". Câu hỏi vẫn rất là thời sự.

Chúng ta biết Bác đến châu Phi và sự quan tâm tốt độ của Người với màu da đang chịu nhiều bi thảm ấy. "Ai cũng biết giống da đen là giống bị áp bức nhất trong giống người". Nhưng nếu không có tài liệu của báo *Chiến đấu* Cônggô ngày 12 - 9 - 1969 thì ta đâu hay rằng : "Người đến thăm nhiều nơi trong đó có Mũi Đen (Pointe Noire) ở Trung Cônggô sau này trở thành nước Cộng hoà Cônggô Bradavin". Chúng ta đã từng làm thơ tả Bác trở về Tổ quốc, bằng đường bộ qua Liên Xô, qua Trung Quốc, và tình cảm

của Bác lúc đến biên thủy. Nhưng có phải trên đường về nước có lúc Bác đã dùng đường thủy, đã qua những đêm ngóng chân trời và nghe sóng, như ngày rời nước ra đi ? Báo *Tiến lên*, cơ quan của Đảng Cộng sản Xáylan, ngày 9 - 9 - 1960 viết :

"Nói chung, người ta không biết Cụ Hồ Chí Minh đã ở Xáylan vài ngày trong khi Người từ châu Âu trở về Việt Nam. Chiếc tàu Người đi đã ghé vào cảng Còlombô. Sau đó, Người đi một chiếc tàu khác trở về Việt Nam". Báo ấy còn nói rõ : "Cụ Hồ Chí Minh đã trao đổi kinh nghiệm của Người bất cứ lúc nào Người gặp các đồng chí Xáylan trong cuộc đi thăm bất hợp pháp nước này. Hai đồng chí Xáylan mà Người biết rất rõ là đồng chí Uychrêmaxenghê hiện nay là Chủ tịch Đảng Cộng sản Xáylan và đồng chí Piêtrơ Conơma hiện nay là Tổng Bí thư Đảng". Thi sĩ lớn Haiti là Rôné Đê Pétstơơ cho ta biết Bác đã qua nhiều thủ đô châu Mỹ Latinh. Thơ không phải là tài liệu chính xác nhưng trong một bài thơ về Bác, nhà thơ lớn Cuba Phêlich Pita Rôdrighết có nhắc đến Nam Phi. Và hình như có cả ý kiến là Người đã từng đến Úc. Rồi đây, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng có nhiệm vụ xác minh những điều ấy xem tài liệu nào là đúng, vẽ lại cho chúng ta con đường Bác đã đi qua trên thế giới, đi giữa loài người. Tôi chỉ muốn nói, may thay cho đất nước, cho dân tộc, là người Cha của chúng ta, người Thầy của chúng ta, Bác của chúng ta, Người đại diện cho lịch sử chúng ta đã có một cuộc đời như vậy, người đã thấy các đất nước khác nhau, các màu da khác nhau, các ngôn ngữ khác nhau, các lối sống hoàn toàn không giống lối sống Việt Nam mình, và còn thấy điều này quan trọng hơn, là dưới tất cả các sự khác nhau ấy, còn một cái gì giống nhau, rất giống nhau : đó là Nhân loại. Từ *Ta*, Bác đã đến *Người*. Và Bác trở về *Ta*, là sau khi có cái nhìn bao gồm *Người*, bao gồm *Nhân loại* như vậy. Bây giờ ta hiểu vì sao bản *Tuyên ngôn Độc lập* Bác đọc ở Ba Đình lại có trích dẫn một câu trong Tuyên ngôn nước Pháp, nước Mỹ, vì sao *Di chúc*

của Người lại không quên một câu thơ của Đỗ Phủ đời Đường. Người Việt Nam nhất trong những người Việt Nam, người yêu nước nhất trong những người yêu nước là Cụ Hồ Chí Minh, ông Nguyễn Ái Quốc chưa bao giờ nhìn nhân loại ra một sự cắt chia. Nếu cần một hình tượng, tôi có thể nói : Người thủy thủ vĩ đại này đã từ sông Lam quê hương, sông Hồng Tổ quốc đi ra các đại dương, để có một "tâm mắt đại dương" trước khi về nhìn lại các con sông của nước mình. Và nhờ đó, trong những con sông của xứ sở mình, Người đã nhìn thấy biển. Cái nhìn đó làm cho Việt Nam thành một bộ phận hoà hợp trong nhân loại chứ không phải một bộ phận đối lập hay tách rời. Nhìn ra nhân loại nhưng quan trọng hơn nữa, là trong nhân loại, Bác lại còn nhìn ra cái này, đau xót lắm, nhưng phải nhìn cho thấy. Ấy là con người Paria⁽¹⁾, cái vết thương của vô sản, cái vấn đề giai cấp, vấn đề con người làm ra lịch sử bị đối xử như con vật, "thịt loài vật đó không ăn được vì nó không thể ướp lạnh được, nhưng máu và mô hôi của nó lại trở thành những thứ không thể thiếu để đỡ đầu mỡ cho những cỗ máy...". Vết roi trên lưng người da đỏ, vết cháy trên thịt người da đen, những lỗ thủng vì đạn trên ngực người da trắng, cũng là những cái khi ra đi, Người đã từng thấy ở làng Sen. Vậy thì giải quyết thế nào ? Và *Người đã đến với Lenin*. Có thể nói nếu cái nhìn ra nhân loại của Bác đã giúp cho Người thức dậy một Việt Nam hỗn hậu hoà hợp cùng thế giới, thì chính cái nhìn giai cấp nóng bỏng này, đã khiến cho Người khái niệm ra một Việt Nam dân chủ cộng hoà, một Việt Nam xã hội chủ nghĩa ở mũi nhọn đấu tranh.

Trong bài tự thuật, Người có nhắc đến ngày Người đến với luận cương của Lenin. Đã đi qua một cuộc hành trình như vậy giữa loài người, giữa các dân tộc không thể không đến cùng Lenin được. Quả nhiên, Người đã đến với Lenin, với chủ nghĩa Mác,

(1) Người cùng khổ.

như từ bản năng, từ gốc rễ sự sống của mình. Nếu ta không câu nệ về thời gian, ta có thể nói rằng Bác Hồ đã đến với Lênin từ trước ngày đó nữa. Đúng hơn, đến với "Luận - cương - chữa - thành - văn", đến với tiền đề chất liệu, với bản nháp của luận cương, đến với cuộc sống của nhân loại, cuộc đấu tranh đầy xương máu và mồ hôi của người cùng khổ, từ đấy Lênin đã viết nên những trang mở đường cho lịch sử của các dân tộc. Sự sống này, cuộc đấu tranh này vốn có tự làng Sen.

II

Người có thể thành một nhà báo lớn, một nhà thơ lớn ở châu Âu, nhưng Người đã không làm. Tôi đã nghe nhiều nhà văn lớn của thế giới nói đến tập thơ *Nhật ký trong tù* như một thứ thơ tự nguồn, thơ nguyên chất, một cái gì cao hơn thơ nữa, thuộc về lịch sử, thuộc về tâm hồn. Thôi, hãy đọc ngay một đoạn báo bình thường của Bác. Biết là của Bác rồi mà đọc xong ta vẫn lạnh lùng.

Quá quen hàng chục năm trời nay với lối văn giản dị, "Tiếng suối trong như tiếng hát xa" của Người, ta sững sốt trước lối văn rất là hiện đại, rất là châu Âu này – mà đây cũng là của Bác : "... Ông Giôđép Cayô, cựu thủ tướng, nhà lý tài ngoại ngạch, một nhà văn không phải tôi, không phải tương đối tôi như Anhtanh nói, sau khi đã cai trị 40 triệu dân Pháp, đã nằm trong tay hàng triệu, hàng tỷ bạc, ông viết sách vở, rồi một buổi sáng nọ, ông vò đầu và gãi diên cuồng. Không phải là gãi tóc, vì ông không có một sợi tóc nào cả – mà gãi tai, đồng thời tự hỏi và hỏi người khác : Châu Âu sẽ đi tới đâu nhỉ ? Nước Pháp sẽ đi tới đâu nhỉ ?".

"Này, ngài thủ tướng, xin ngài cho tôi biết chân của châu Âu và của nước Pháp ở chỗ nào, tôi sẽ nói ngài biết châu Âu và nước Pháp đi tới đâu..."

Đácuy-n, nhà đại thông thái Đácuy-n từng biết rằng con người của một con ếch xứ Ôvéc-nơ-tròn hơn con người của một con ếch ở vùng Nốt-tinh-ham và đuôi con chim bồ câu ở Mê-hi-cô có nhiều hơn đuôi chim bồ câu ở Thụy Điển ba cái lông, nhưng ông hoàn toàn không biết gì đến một loài động vật rất đông đúc mà ngày nay ai cũng biết, và do số lượng và tính chất của nó, loài động vật này có thể được liệt vào hàng đầu các loài động vật".

Đây là loài dân bản xứ thuộc địa như Bác muốn nói trong bài báo lấy tên *Động vật học* đăng trên tờ *Paria* năm 1922 này. Thật là trào phúng mà vô vàn xúc động, trào phúng bằng máu, cười ra nước mắt, cười ra căm hờn, tất cả tâm trạng của người dân thuộc địa là chúng ta lúc ấy.

Tác giả bài văn "rất Pháp" kia chỉ năm năm sau (1927), dưới bí danh Thâu Chín ở Xiêm, đã có thể viết ngay dễ dàng một thứ văn cổ kính khác, trong bốn kinh *Đức Thánh Trần*, một bốn kinh cứu quốc :

*Diên Hồng thể trước thánh minh,
Lòng dân đã quyết hy sinh rành rành.
Nếu ai muốn đến giành đất Việt,
Đưa dân ta ra giết sạch trơn.
Một người Việt hã đang còn,
Thì non sông Việt vẫn non sông nhà...*

Lúc bấy giờ Bác đã mười sáu năm trời xa nước ! Nhưng cho đến 1940 – ở Việt Nam – lúc bấy giờ xa nước có đến hai mươi chín năm. Bác vẫn giữ nguyên được cái hơi dân tộc rất là lưu loát trong một bài thơ Đường niêm luật nghiêm túc, đối đáp chỉnh tề :

*Ba bốn năm trời luống nhớ thương,
Nhớ chàng lưu lạc tại tha phương.*

*Tóc thể đã chấm ngang vai thiếp,
Lụy nhớ e chưa ráo mắt chàng.
Thù nước thù nhà chàng gắng trả,
Việc nhà việc của thiếp xin đương.
Bao giờ đuổi sạch quân thù địch,
Ta sẽ sum vầy ở cố hương...*

Bài thơ ấy ông Trần – tên Bác lúc bấy giờ – làm theo lời vợ đồng chí Trịnh Đông Hải gửi cho chồng đang làm công nhân ở Vân Nam. Sóng của những đại dương mà Bác đi qua, cuộc sống hỗn độn của trăm hải cảng, phố phường mà Người từng ghé ở, hình như chả có thể làm suy suyển tí nào, mà còn hun đúc thêm cái hơi dân tộc, cái hồn Á Đông ở trong Người. Và chỉ một năm sau nữa thôi, là sự xuất hiện của *Nhật ký trong tù*, tập thơ đặt Người thành một nhà thơ lớn châu Á, phương Đông, tập thơ bảy giờ bất hủ ở trên thế giới.

Tôi trở lại ý ban đầu. Bác dư sức để trở thành một nhà văn lớn châu Âu, hay một nhà thơ thiên tài ở châu Á. Nếu như không có chúng ta. Nếu như không còn có những cái khác lớn hơn Người. Nhưng Người sống đâu phải để vì Người, đâu phải để thoả sức, thoả tài mình. Chính vì dân tộc, vì nhân loại, nói chung lại chính vì chúng ta mà Người đã sống. Cuộc đời của Bác đâu có phải cuộc đời, mà là tổng hợp của nhiều cuộc đời. Đời nào lấy riêng ra, phát triển cho đến cùng cũng là cuộc đời rất đẹp. Người thủy thủ có lịch sử mười năm đi biển, ngang dọc các đại dương trên thế giới. Người làm báo lỗi lạc ở những thủ đô văn hoá lớn. Nhà thơ, nhà hiền triết có cái hồn yên tĩnh trầm mặc của những vòm trời màu mây phía phương Đông. Một Cụ già trồng cây cho cả nước. Người Ông của các cháu nhi đồng. Cuộc đời nào cũng đẹp, như mười chín tên Người tên nào cũng đẹp, các văn phong của Người, lối nào cũng tài năng. Nhưng cuối cùng, Người đã vì ta chỉ sống có

một cuộc đời : cuộc đời lãnh đạo chúng ta làm cách mạng. Chỉ biết có một lối văn : Lối văn giản dị thuần phác. Chỉ mang một cái tên, cái tên rất vô danh : Bác, mà con cháu ta sẽ nhớ đến muôn đời.

Văn chương thực ra là điều rất phụ trong sự nghiệp của Người. "Ngâm thơ ta vốn không ham". Cái ham tột bậc của Người là ham đem hạnh phúc, tự do đến cho dân tộc, cho nhân loại. Có những vĩ nhân để ra sách. Có những vĩ nhân để ra đời. Có những thời kỳ tạo ra văn thơ. Có những thời kỳ trước hết phải tạo ra nùm ruột, chum rau, cái bọc hồng trăm trứng Âu Cơ, cái đà từ đó sẽ ra các sách. Người trí thức chúng ta hình như hay lấy sách làm tiêu chuẩn đơn vị để đong đo, cân lường sự vật. Sách ư ? Khó gì một quyển sách ! Ai mà không có thể làm ra một quyển sách ? Nhưng rồi để nói cái gì ? Thế giới ngày nay, cứ một giây đồng hồ đã có một quyển sách tung ra trên mặt đất.

Vốn chẳng nhiều lời, Người biết dân ta còn phải làm nhiều, chỉ nên nghe đủ mà hành động. Khi cả nước chưa có phương hướng, Người chỉ rõ đường đi. Khi cả nước cầm súng trong tay, Người bảo : "Tất thắng, trường kỳ". Một triệu Mỹ – nguy với tất cả bộ máy chiến tranh làm khiếp sợ bao người. Người bảo : "Không có gì quý hơn độc lập, tự do", "Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu, quét sạch nó đi".

Với người duy vật không có chữ tiên tri. Nhưng phải chăng Mác – Ăngghen đã được đánh giá là đã làm đỡ năm trăm nỗi đau khổ cho nhân loại. Bác đã báo trước cho ta những điều ta làm, những điều ta sống. Ngày nay, ta thảo luận vấn đề dân tộc và giai cấp, thời đại và cha ông, thì Người đã từng đặt tên cho Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Bấy giờ khi phong trào thanh niên đang ào ạt, người ta tranh luận trên thế giới xem tính giai cấp và tính thanh niên, cái nào là

chủ thể, thì trong cái tên *Thanh niên cách mạng đồng chí hội*, Người đã dạy cho ta sự kết hợp ấy từ lâu. Ta bàn thế và lực, cân cân lực lượng, thời cơ, Người chỉ bảo : "Lạc nước hai xe đành bỏ phí - Gặp thời một tốt cũng thành công".

Ta tranh luận nhau về thế tiến công thì trong bài *Học đánh cờ* cách đây ba mươi năm. Người đã ba lần dạy cho ta về thế ấy :

- *Tiến công thoái thủ nhanh như chớp.*
- *Kiên quyết không ngừng thế tiến công...*
- *Tiến công phòng thủ không sơ hở.*

Đấy là cách nói của Người. Cách nói ngắn gọn của người thuyền trưởng làm cho dù bão táp đến đâu, người ta vẫn nghe được rõ ràng như nghe một khẩu lệnh cứu nguy, từ ấy chúng ta định hướng. [...]

1970

(In trong tập *Suy nghĩ và hình luận*, Sđd)

LÀM CHO TIẾNG NÓI TRONG SÁNG, GIÀU VÀ PHÁT TRIỂN

"Chúng ta đang làm hỏng tiếng Nga. Chúng ta dùng những danh từ nước ngoài không cần thiết. Ở nước ta, ngôn ngữ của báo chí thì chính lại đang bắt đầu bị làm hư hỏng đi. Phải chăng đã đến lúc phải tuyên chiến với cách làm què quặt tiếng Nga đi như vậy". (Lênin)⁽¹⁾.

(1) *Mác, Ăngghen, Lênin bàn về ngôn ngữ*, NXB Sự thật, H., 1962, tr. 88 - 89.

Tình hình tiếng Việt ta hiện nay có giống tình hình tiếng Nga hồi Lenin lên tiếng báo động như thế không ? Cho dù không, thì đặt vấn đề giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt hiện nay là đúng lúc lắm rồi.

Ta đặt vấn đề này trong một lúc thế nào đây ! Trong tình trạng văn học, ngôn ngữ đang tiến lên, chứ không phải đang lùi lại. So với xưa, chúng ta rất biết ơn cha ông, nhưng thế hệ, thời đại chúng ta có những công trình không hổ thẹn với quá khứ. Cha ông không được trông thấy một nền văn xuôi phong phú như ngày nay. Về thơ chẳng hạn, còn rất lâu Nguyễn Du vẫn là người thầy vĩ đại về ngôn ngữ, chúng ta còn lâu mới có được một viên ngọc trọn vẹn như *Truyện Kiều*, nhưng phải đâu thời đại chúng ta từng lúc, từng mảng đã không đạt được những cái đẹp mới mà Nguyễn Du không thể đạt được.

Hay là so văn học của ta với văn học của vùng giặc Mỹ đang kiểm soát ở miền Nam Việt Nam. Thôi đi, so sánh làm gì. Rủi ro cho tôi. Tết này phải đọc mấy tập thơ văn của một bọn "bồi bút hiện đại" ở Sài Gòn ấy, cùng một lần với các thông điệp của thằng Thiệu, thằng Kỳ. Chúng nó vừa ngậm kẹo cao su Huế Kỳ vừa nói tiếng Việt Nam. Từ chữ đến câu đều lơ lơ giọng giặc, giọng bồi ! Khổ lắm !

Nhìn như vậy, chúng ta không tự mãn, không làm giảm đi tính chất cấp bách của vấn đề đặt ra đâu. Nhưng chúng ta sẽ đặt vấn đề một cách bình tĩnh hơn, thoải mái hơn. "Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt". Vâng, giữ gìn sự trong sáng và phát triển nó. Nhưng vấn đề hiện nay là ở chỗ nào ? Ở chỗ trong sáng ? Không trong sáng ? Hay còn ở chỗ khác ? Tôi nhớ năm 1959, vào dịp Tết, Thủ tướng Phạm Văn Đồng có lần gặp mấy anh em văn nghệ (hồi ấy còn Nguyễn Huy Tưởng), Thủ tướng nói với anh em đại ý như sau : "Nguy lắm, các đồng chí ạ ! Hiện giờ tôi biết có người chỉ nói 2 000

từ mà thôi. Họ nói thì mặc họ, chứ các đồng chí không được viết như thế. Nhà văn không được viết : "Con đề nghị mẹ cho con bú" !

Thực vậy, cái nguy bây giờ không phải chỉ ở chỗ ta vay mượn quá nhiều nên làm cho tiếng Việt kém trong sáng (anh trọc phú có thể tự an ủi là mình vừa giàu thêm). Cái nguy là ở chỗ lắm lúc ta vừa không trong sáng, vừa lại nghèo đi, vì bỏ mất, đánh rơi nhiều tiếng nói, cách nói phong phú của dân tộc. Hãy nghe một thanh niên nông thôn, rồi nghe mẹ hay bà của anh ta nói chuyện, ta sẽ hiểu ai là người có tiếng nói, giàu hình ảnh, sắc màu. Chỉ một chuyện cấy lúa thôi, mà biết bao là sáng tạo về ngôn ngữ :

– *Gió đông là chồng lúa chiêm,*

Gió bắc là duyên lúa mùa.

– *Được mùa lúa, úa mùa cau,*

Được mùa cau, đau mùa lúa.

– *Chiêm khôn hơn mùa đại,*

Mùa nứt nanh, chiêm xanh đầu.

– *Lúa chiêm nem nếp đầu bờ,*

Hễ nghe tiếng sấm phát cờ mà lên.

Cô kỹ sư nông học ơi ! Nếu ngày nay cô không nói được tiếng nói như vậy nữa, thì cô có thu được mùa lúa, nhưng đã bỏ mất một mùa ngôn ngữ đẹp đẽ của dân tộc đấy. Bởi thế, tôi muốn, đồng thời với việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, phải giữ gìn sự giàu có, muôn vàn giàu có của nó. Trong thói quen chúng ta hay tự ty : khẳng định lại một lần nữa sự giàu có của tiếng nói dân tộc, cũng là một điều quan trọng chứ sao.

Bây giờ, tôi xin nói qua vấn đề trong sáng. Quan niệm trong sáng cũng như quan niệm về dân tộc, không phải là một cái gì tuyệt đối cố định. Và chẳng còn có nhiều quan niệm khác nhau

trên vấn đề này : Có sự trong sáng của mặt giếng không tiếp xúc với bên ngoài : "Lòng em như nước giếng - Thề không gợn sóng lan". Có sự trong sáng của dòng suối, con sông phải thu nhận bao nhiêu chất tạp khác trên đường xuôi chảy. Có sự trong sáng quay lại sau, lấy cha ông làm mẫu mực tuyệt đối, nhưng cũng có sự trong sáng nhìn ra trước, mở đường đi cho con cháu mai sau. Có sự trong sáng dân tộc hẹp hòi chỉ biết mình say mê ngắm nghía lấy dân tộc mình, nhưng cũng có sự trong sáng đặt dân tộc là một dân tộc của nhân loại. Có trong sáng động và trong sáng tĩnh, trong sáng giàu và trong sáng nghèo.

Tôi nghĩ, chúng ta chống một sự trong sáng "tiên phong", vô chính phủ, lai căng, phi dân tộc hay "xét lại" nào đó, nhưng chúng ta không dung dưỡng cho một sự trong sáng giáo điều nệ cổ "khăn đen, búi tóc, móng tay dài" nào đó. Có nhiều quan niệm trong sáng khác nhau, do đó có nhiều cách đánh giá khác nhau. Về vấn đề Tản Đà, Hoàng Tích Chu chẳng hạn. Tôi rất yêu Tản Đà là một thi sĩ có tài, nhưng tôi không nở dè bỉu Hoàng Tích Chu lúc ấy là một nhà báo có thứ văn cộc cạch. Đứng bên Hoàng, Tản Đà có lời văn xem như trong sáng biết bao. Nhưng đây là cái "trong sáng khăn là áo lượt lễ giáo con nhà" sắp chết của lối văn xuôi biên ngẫu "ngày cũng có lúc sâu, đêm cũng có lúc sâu, mưa dầm gió bắc mà sâu, trăng thanh gió mát mà càng sâu". Còn cái cộc cạch của Hoàng Tích Chu lúc ấy, lại là cái đấm cửa – dù là bất lực – nhưng chính để mở cho một lối nói mới xuất hiện trên văn đàn. Tôi không thú cái lỗ tai thắm âm kếm của Hoàng Tích Chu, nhưng chính nhờ nó mà người ta cũng chán cái lỗ tai thích trúc bằng đối đáp biên ngẫu ru đến mê người của văn xuôi Tản Đà, và sự chán ấy rất cần thiết trên bước đường tiến hoá.

Cũng như vậy, so với văn cộc lốc của Nguyễn Công Hoan, xô bồ hỗn độn của Nguyễn Hồng, phức tạp đến rối rắm của Nguyễn Tuấn

thời trước Cách mạng thì nhà văn Tự lực "có vẻ" trong sáng đấy. Nhưng sao mà trong sáng một cách "nhấn nhụi bánh bao" diêm dúa, trơn tru làm vậy. Đây là "Hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng, cây trồng" của một công viên nhân nhả hơn là cái um tùm sẫm uất của một khu rừng ! Tôi không bênh vực cho ai lấy cớ mình là "rừng" để viết ẩu. Nhưng vấn đề tôi muốn đặt ra là ai sẽ bảo vệ một sự trong sáng nào vậy ? Víchto Huygô cũng đã có lúc bị buộc tội là không trong sáng, bởi vì ông đã không dùng những chữ quý phái, văn hoa. Trong bài *Reponse à un acte d'accusation* (Trả lời cho một bản buộc tội) viết năm 1834, ông đã viết :

*Je mis un bonnet rouge aux vieux dictionnaires
Plus de mot sénateur, plus de mot roturier.*

(Tôi đội một cái mũ đỏ (cách mạng) cho từ điển cũ
Không còn chữ nào là chữ nghị sĩ, chữ nào là chữ que mùa)

Ngày nay trong văn học ta, bên cái hiện tượng làm xấu tiếng văn học đi, không phải không có cái khuynh hướng làm đẹp, *làm đẹp* cho nó một cách đáng sợ. Một bên lấy cớ là để cho thực, cho có *tính thời đại*, họ đã dung tục hoá thi ca, làm cho bài thơ không khác lời nói thường, không khác một bản báo cáo, một thứ văn xuôi là mấy chút. Họ sẵn sàng viết :

*Lúa trọng điểm này là tốt nhất
Bởi ta đã thảo luận ba lần thâm canh tăng năng suất.*

Một bên khác, thì lại lấy cớ để cho đẹp, cho dân tộc, nên họ đã thi vị hoá thi ca, làm cho những bài thơ nên thơ, xa rời ngôn ngữ của đời. Trong thơ ca các bạn này, "hoa mạn", "hoa đào", "hoa ban" nở dễ hơn "hoa rong riêng" hay "hoa râm bụt". Họ chỉ thích "con hải âu", "con én" và không dám viết "con cóc", hay "ếch ương". Họ nói đến "lúa chiêm" và rất sợ chữ "bùn". Nói chi đến "phân bắc" thì chữ ấy không có trong từ vựng của họ.

Quần chúng đã giải quyết vấn đề này từ lâu lắm. Ca dao có câu :

Thân em như đoá hoa hồng,

Lấy phải anh chồng như cứt bò khô.

Không có chữ nào thơ hay không thơ, chữ nào trong sáng hay không trong sáng. Vấn đề là biết cách dùng cho đúng chỗ của nó mà thôi.

Nhưng dùng tương giữa những người quan niệm lấy "hoa hồng" cho *đẹp*, cho *dân tộc* và những người dùng chữ "cứt bò khô" cho *sống*, cho *thực*, cho *hiện đại* là đã thật thông với nhau đâu ! Có thể người này cho người kia là không trong sáng đấy. Bởi thế, chúng ta cần định rõ quan điểm trong sáng của chúng ta cho thực chính xác, thì mới đoàn kết được mọi người và mở rộng lối đi.

Xtalin nói rất đúng. Người bảo cái *vốn cơ bản về từ vựng* của một dân tộc là sống rất lâu – hàng thế kỷ – và qua nhiều biến thiên của các thời đại thường vẫn được bảo toàn. Người lại còn nhận xét là *hệ thống ngữ pháp* biến chuyển còn chậm chạp hơn cả từ vựng cơ bản nữa. Và Xtalin chế nhạo những ai nhân danh cách mạng muốn phá vỡ cái *vốn cơ bản từ vựng* và *hệ thống ngữ pháp* của dân tộc để thế vào đó những gì của thời đại mình. Đó là nói về mặt *định* của ngôn ngữ. Nhưng về mặt *bất định* thì Xtalin cũng đã nói : "Từ vựng của một ngôn ngữ là một bộ phận dễ chuyển biến nhất, nó ở trong trạng thái gần như biến đổi liên miên"⁽¹⁾. Và về ngữ pháp thì Xtalin cũng nói : "Hệ thống ngữ pháp, trải qua thời gian, chịu nhiều biến đổi, nó tự cải tiến, tự tu bổ và làm cho những quy luật được chính xác hơn, tự sức tích thêm bằng nhiều quy luật mới"⁽²⁾.

(1), (2) *Mác, Ăngghen, Lênin bàn về ngôn ngữ*, NXB Sự thật, H., 1962, tr. 125, 126.

Chúng ta đang ở trong một thời đại mà từ vựng ta, thậm chí cả ngữ pháp ta, chịu nhiều biến động. Một mặt chúng ta giữ gìn sự trong sáng của từ vựng, của hệ thống ngữ pháp dân tộc, nhưng một mặt ta phải làm giàu thêm cho ta nhiều từ vựng mới, nhiều quy luật mới về ngữ pháp mà thời đại đem đến cho ta. Ngôn ngữ của ta bây giờ là ngôn ngữ của thời đại Việt Nam dân chủ cộng hoà và xã hội chủ nghĩa nữa.

Không có lý gì Nguyễn Du cách đây hơn trăm năm đã có những cách nói mới :

Đoạn trường số rút tên ra,

Đoạn trường thơ, phải đưa mà trả nhau

mà bây giờ ta lại còn nệ cổ hơn cả Nguyễn Du. Không có lý gì quần chúng, về từ vựng dám dùng những chữ :

Cắc bự, "cắc bự xoà"

Ba thằng bảo vệ bắt gà bắt heo.

Cắc bự, "cắc bự xèo"

Ba thằng bảo vệ bắt heo bắt gà⁽¹⁾

hay :

Mưa tháng tư "hư" đất

Mưa tháng ba "hoa" đất

hay :

Vì ai cho bướm "ngươi" hoa,

Cho tầm "ngươi" kén cho ta "ngươi" mình.

hay :

Chón ước mơ lát lờ mà hồng

Nơi tình cờ lại "đóng" nhân duyên

mà chúng ta bây giờ dùng chữ lại còn rụt rè hơn quần chúng.

(1) *Bảo vệ*, tức bảo vệ quân : lính ngự ở Bình Trị Thiên năm 1946 - 1949.

Không có lý gì các dân tộc anh em ở Tây Nguyên viết : "Mái nhà dài bằng tiếng ngân của một cái chiêng. Hiên trước dài như hơi thở con ngựa". Và dân ca Mèo dám nói : "... Trời, bây giờ con làm con dao trong vỏ của người. Làm súc vật trong chuồng người, làm con dáu nhà người... Bây giờ con là con dao bên mình người...".

Hay :

Em bước lên rừng đào tiên, trên dụ xí nhưng⁽¹⁾

Khạc nhổ xuống trần con đường nước mắt

Em yêu chết rồi

Bước lên rừng đào chín trên dụ xí nhưng

Khạc nhổ xuống trần, con đường hổ thẹn

Em yêu chết rồi

Ở dụ xí nhưng, bước trên con đường đất đỏ

Khạc nhổ xuống trần, con đường nắng rang

Khạc nhổ xuống trần, con đường nóng bỏng

thế mà ta vẫn bảo thủ, thủ cựu trong cách nói của mình. Có những cách cày bừa tăng năng suất cho cây trồng. Có những cách dùng chữ, viết văn, tăng năng suất cho ý. Ta phải dùng các cách ấy.

Người Việt Nam dù ở thời đại nào cũng phải nói tiếng Việt Nam theo ngữ pháp Việt Nam.

Nhưng người Việt Nam ở thế kỷ XX, không viết và nói giống hệt như thế kỷ XVIII, XIX nữa.

. Phải bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt. Nhưng đây là bảo vệ một cái gì đang sinh sôi, nảy nở, chứ không bảo vệ cái đã phát

(1) Dụ xí nhưng : cội tiên.

triển hết sức mà nay đã ổn định rồi. Tôi có lấy ví dụ về một dòng sông. Dòng sông vừa trôi chảy, vừa phải tiếp nhận dọc đường đi của mình những dòng nước khác. Dòng sông ngôn ngữ cũng vậy, một mặt nó phải giữ bản sắc cố hữu của dân tộc nhưng nó không được phép gạt bỏ, từ chối những gì mà thời đại đem lại và các dân tộc khác đem lại.

Biết làm sao được, mỗi lần dòng sông thực hay dòng sông ngôn ngữ tiếp xúc với cái mới, cái lạ, thì nó hãy tạm thời bị vắn đục. Vấn đề là nói phải nhanh nhanh chủ động giải quyết sự đục ấy, để không những lập lại sự trong sáng cũ, mà tiến đến một sự trong sáng mới cao hơn, giàu hơn, vì bây giờ đã có thêm yếu tố mới nhập vào.

Cứ như thế, nó lại trôi dạt. Và lại gặp những biến cố mới, đòi hỏi những thấu nhận mới. Cái đục mới lại phát sinh và đòi hỏi giải quyết. Và rồi lại có sự trong sáng mới nữa xuất hiện ra trong quá trình.

Cái trong của nó là tình trạng vĩnh viễn và điều ta mong ước. Cái đục của nó là ngắn, tạm thời, và phải là ngoài ý muốn của ta. Chúng ta là những người cách mạng, chúng ta không để cho sự vật đi theo lối tự nhiên chủ nghĩa, muốn trong sao thì trong, đục sao thì đục. Hay nói như ý của Thủ tướng Phạm Văn Đồng : ta không để cho nó tự phát muốn ra sao thì ra.

Cho nên, ta đã có những cuộc họp bàn gạt đục khơi trong. Vấn đề là phải đối xử với ngôn ngữ như đối xử với một sức nước đang băng băng. "Qui délivre le mot, délivre la pensée" (Người nào giải phóng chữ thì giải phóng ý – Víchto Huygô). Phải bảo vệ sự trong sáng của nước đồng thời mở đường cho nước chảy.

(In trong *Suy nghĩ và bình luận*, Sđd)

NGUYỄN DU HAY LÒNG MỘT NGƯỜI ANH

Còn biện hộ gì cho Nguyễn Du nữa, chính Anh đã gọi văn chương mình là "tiếng đoạn trường" ? Nhưng cái nước mắt người sáng ấy, như một ngọn lửa, suốt trăm năm nay đã tụ tập người ta lại. Trong cái đêm dài của xã hội cũ, mà áp bức bất công đè lên người như định mệnh, những lòng khổ đau thấy ở đây một lòng khổ đau thấp lên, liền đến vây quanh. Khổ đau mà soi rọi vấn đề con người, khổ đau mà có trách nhiệm trước người, không đến làm sao được ? Yêu người, đó là một truyền thống cũ. *Chinh phụ ngâm*, *Cung oán ngâm khúc* đã nói đến con người. Nhưng dù sao cũng là mới bàn đến một hạng người. Với *Kiều*, Nguyễn Du đã nói đến cả xã hội người. Với *Chiêu hồn* thì cả loài người được bàn đến. Ở đây, nên khen cái tổng hợp của Anh, đã nhìn phong cảnh người trong những bức toàn đồ, hay nên khen cái tình Anh muốn bao trùm tất cả ? *Truyện Kiều*, con người trong lúc sống. *Chiêu hồn*, con người trong cái chết. *Chiêu hồn*, con người trong từng giới, từng loài, "Mười loài là những loài nào" với những nét cộng đồng phổ biến, điển hình của từng loài một. *Truyện Kiều*, con người với tuổi tên, cá tính riêng biệt, với không gian họ sống, thời gian họ qua, với cả một nét lông mày "Mày ai trắng mới in ngần". Tôi tưởng Nguyễn Du làm tiểu thuyết không phải vì Anh có thêm một khả năng, mà chính vì anh thấy thêm một nhu cầu : cái thúc bách muốn nói đến những con người một cách đầy đủ hơn trong cái sống phức tạp của nó.

Nói đến người mà dùng dung, sao bằng nói đến hòn đá mà có tình người ? Nguyễn Du không dùng dung. Anh "Bất bình nổi trận đùng đùng sấm vang" trước những kẻ thù của hạnh phúc con người.

"Lòng đau sấn mối thương tâm", Anh nhỏ lệ trước những người đau khổ. Nói chi đến việc Anh yêu những người có tài có sắc như Kim Trọng, Thuý Kiều, có chí anh hùng như Từ Hải. Ta thấy Anh thương từ một kẻ ăn mày lưu lạc bên đường (*Sở kiến hành*, thơ chữ Hán của Nguyễn Du). Anh thương từ "một đứa tiểu nhi tám bé" trở đi. Nhưng cái ám ảnh nhất của Anh là ai ? "Đau đớn thay, phận đàn bà". Hai lần Anh thét lên như vậy trong tác phẩm, một tiếng thét lē ra ta chờ đợi ở Bà Huyện Thanh Quan, Hồ Xuân Hương hay Đoàn Thị Điểm. Một anh bạn của tôi nói đùa khá đúng : "Nếu Nguyễn Du viết những khổ nạn của chàng Kim, chứ không phải của cô Kiều, thì chưa chắc đã được hoan nghênh bằng đâu". Phụ nữ là những người bị đau khổ nhất trong xã hội cũ. Anh dào thêm một tầng : những người đau khổ nhất trong phụ nữ : gái đĩ, cô Kiều.

Mặc dù tình thương mông mênh ấy, Nguyễn Du vẫn chưa nhận ra được những người đau khổ nhất lúc bấy giờ là nông dân. Thiên tài lớn đến đâu, ngày xưa cũng bị ngay chính giai cấp, thời đại mình hạn chế : vâng trán anh bị che phần nào bởi cái mũ ông quan. Anh chưa đến được với nông dân. Nhưng nông dân thấy anh là kẻ đi về phía của mình nên đã lên trước mà đón lấy. Vì chỉ sợ nhà thơ đi con đường "Cũng phải xoi, ngồi, cũng phải chơi" (Tuy Lý Vương) thì không bao giờ gặp được họ, nhưng khi Anh đã chọn con đường đau khổ mà đi, những người đau khổ mà tả, thì cuối con đường ấy, là có họ đó rồi.

Vì thế, tuy không phải vì nông dân mà viết, nhưng gần trăm năm nay, Nguyễn Du được xem như người của nông dân. Người nói giúp họ, họ xem như người của họ.

Thương người, Nguyễn Du không chịu bó tay, dù tư tưởng Anh có bị giai cấp và thời đại bó buộc. Anh đã tìm cách giải quyết cho người, "Giữa đường dấu thấy bát bưng mà tha". Tôi muốn nói

đến bài văn *Chiêu hồn*, một tác phẩm có một không hai trong nền văn học chúng ta. (Nghĩ mà xem, trước *Chiêu hồn* chưa hề có bài văn nào đem cái "run rẩy mới" ấy vào văn học. Sau *Chiêu hồn*, lại càng không. Nếu *Truyện Kiều* nâng cao lịch sử thơ ca, thì *Chiêu hồn* đã mở rộng địa dư của nó qua một vùng xưa nay ít ai động tới : cõi chết. Bất giác tôi nghĩ đến *Divine Comédie* (*Thần khúc* của Dante).

Chiêu hồn là gì ? Là tất cả những con người đau khổ trong cái chết, đều nhờ phép Phật mà ra khỏi khổ đau. *Chiêu hồn* là vấn đề những con người đau khổ, vấn đề những con người phải thắng. "Nhờ phép Phật siêu sinh tịnh độ, phóng hào quang cứu khổ độ u". Cố nhiên là phải nhờ phép Phật, trong một thời mà Nguyễn Du không tin ở lòng của những ông vua, cũng như ở sức của những người dân. Cái gì Nguyễn Du không tự giải quyết được để cứu người, thì Anh nhờ siêu hình giải quyết. Phép Phật chẳng qua chỉ là một thủ tục đương thời. Phép Phật là phương tiện, nhưng chính con người mới là cứu cánh. Như Lương Sơn Bá và Chúc Anh Đài không lấy nhau được lúc sống, phải nhờ phép trời hoá bướm để lấy nhau sau khi chết. Ở đây, vấn đề chính không phải là hỏi : phép trời, phép Phật, hay phép người ? Mà vấn đề là hoá bướm hay không hoá bướm, là con người có thắng khổ đau và cái chết hay không ? Con người đã thắng. Cho nên trong bóng khói siêu hình mà vẫn lạc quan, mà vẫn là nhân đạo. Ta không trách Nguyễn Du là nhà triết học duy tâm.

Thực tình thương người, thì không ai có thể mãi mãi duy tâm. Dùng bóng khói siêu hình xa xôi thì giải quyết được gì cho người trong cái thực tế gần trước mắt ? Huống chi Nguyễn Du đã sống những năm đói nghèo lán lộn ở trong quần chúng. Trên nhiều phương diện, quần chúng bao giờ cũng duy vật, có thể họ mới giải quyết được khó khăn của mình. Nguyễn Du đã hấp lấy cái hơi duy vật ấy vào trong tác phẩm. Cô Kiều của Anh, vì thế, định mệnh

không dè bẹp nổi. Sau mười lăm năm hoặc rơi vào nhà thổ biến người ra ma, hoặc rơi vào nhà chùa biến người ra Bụt, cô vẫn là người, và lẩn mò về được đến nhà. Đạm Tiên "ghi" tên cô vào sổ đoạn trường, lại rút tên cô ra khỏi sổ. Kiều trở về cái sống, chấp chững như người đi thủy lâu ngày nay lên bộ, còn chệnh choáng những cơn sóng siêu hình, lòng chưa thật tin vào đất bằng thời nổi sóng, nhưng ai bảo là cô về để tiếp tục đi tu, làm một việc duy tâm ? Đi tu gì lại "Động phòng điu dật chén mời", "Khi xem hoa nở khi chờ trăng lên" cùng chàng Kim Trọng ? Ta đừng nhẹ dạ quá tin ở ông Nguyễn Du hóm hỉnh nói rằng cô về chỉ là để làm bạn suông qua ngày với mõ, với chuông. Ta hãy tin thêm vào cuộc sống đã lói cô ra khỏi nhà chùa, ra khỏi siêu hình, để đưa cô về xã hội có một chàng Kim. Nhưng dù là cuộc sống, có cả chàng Kim, thì ta cũng phải từ từ mới được.

Kiều trở về, đó lại là sự nhân đạo của tác giả ! Khá nhiều người muốn khi Kiều nhảy xuống sông Tiền Đường thì quyển sách cũng nên kết thúc, lấy cớ là Từ Hải chết rồi, thì Kiều sống chỉ là sống nhục mà thôi. Từ Hải là giấc mơ công lý của tác giả và độc giả ! Những trang về Từ Hải đã nâng *Truyện Kiều* từ một bản tình ca lên một khúc anh hùng ca. Nhưng hạnh phúc con người thật phức tạp : ngoài cái giấc mơ công lý giải quyết ngoài xã hội, nó còn làm bằng giấc mơ tình ái, giải quyết dưới một nhành hoa. Nếu Kiều không gặp lại chàng Kim, sẽ có hàng triệu độc giả chúng ta thất vọng. Cho dù Kiều không chết, mà trọn đời sinh con đẻ cháu, nối dõi tông đường cùng Từ Hải, thì hỏi, ngoài Từ Hải ra, có ai bằng lòng kết thúc quyển truyện như thế hay không ? Đấy cũng lại là chỗ thương người của tác giả.

Thực ra, Kiều trở về là thể theo một nguyện vọng to lớn hơn, và có một ý nghĩa nhân bản to lớn. *Nguyện vọng* : trong một thời chiến tranh, ly loạn, tử biệt sinh ly là cái đau khổ nhất, thì đoàn viên là giấc mộng của mọi người. "Còn duyên may lại còn người -

Còn vâng trăng bạc, còn lời nguyên xưa". Còn cuộc sống, còn vốn người là còn tất cả. *Ý nghĩa* : Đây là con người đau khổ bị áp bức mà xã hội bất công hay định mệnh siêu hình cũng không giết nổi, đã ngóc đầu ra khỏi sông Tiền Đường. Kiều chết đi, ta chỉ thương Kiều. Nhưng đâu sao, Kiều vẫn là kẻ bị gạt ra khỏi bàn vui của cuộc sống. Hình như một người đã bị bao nhiêu ô nhục như thế thì không còn có cách gì cho họ trong sạch nữa, ngoài việc mời họ vào cái chết uống nước sông nó đắm người và rửa sạch người. Nguyễn Du không thể. Nguyễn Du đã "Thân tàn nạn đục khơi trong". Cô Kiều "gây ba, bốn phần", nhưng Kiều đã trở về. Giữa gia đình, trong xã hội, Kiều lại có thể đứng trước mọi người.

Nghệ thuật có vì Kiều sống lại mà kém đi không ? Có nhiều bạn bảo là đoạn về sau này Nguyễn Du đã viết kém đi. Tôi thấy trái lại, thấy hay là đằng khác. Nhưng cho dù nghệ thuật có kém đi thì đã can gì ? Nghệ thuật có thể chết chìm ở sông Tiền Đường, nhưng sự sống vẫn phải tiếp tục. Sự sống bao giờ cũng cao hơn nghệ thuật, sự sống tự nó là một nghệ thuật rất cao. Cảm ơn Nguyễn Du đã đẩy lui cái chết, dành phần hy vọng cho cái sống, cho hạnh phúc, cho con người.

Vì những cái hy vọng ấy, quần chúng đã đến với Kiều, chứ không phải chỉ vì đau khổ trong ấy. Họ yêu *Truyện Kiều* đến nỗi dùng nó để bói, cho nó một giá trị siêu hình. Nhưng họ cũng tin Nguyễn Du đến nỗi bắt cái siêu hình ấy trả lời giúp họ những vấn đề xã hội. Bói là gì ? Chẳng qua là đi tìm hy vọng mà thôi. Chả ai thèm đến với một ông thầy bói mà chỉ đoán ra toàn tai họa. Người ta đặt câu hỏi cho Nguyễn Du vì Anh là một tác giả biết trả lời. Anh là kẻ biết giải quyết giúp người ta. Người ta hỏi Anh, chỉ vì Anh có đủ khả năng để đem đến lạc quan, hy vọng. Ngày nay ta không mê mà bói Kiều, ta tình để đọc Kiều, nhưng ai không thấy đời cô Kiều, mặc dầu đau khổ nhiều, hy vọng vẫn đầy rẫy. Đời Kiều rủi nhiều mà may không ít. Bán mình, cô gặp sự tử tâm của

Chung Ông. Vào nhà thổ, gặp sự giúp đỡ của Mã Kiều. Bị dày dụa ở gia đình Hoạn Thư, gặp lòng thương của mẹ quản gia. Hai lần gặp sự cứu vớt của Thúc Sinh, Từ Hải. Tột cùng hạnh phúc là đến lúc chết, còn được Giác Duyên cứu sống, Kim Trọng đón về... Ta thấy gì ? Cái gặp may ở đây, cái hy vọng ở đây, chính là gặp người, gặp những người thương Kiều, gặp tình nhân đạo. Cái hy vọng ở đây, có được chính là cái nhân đạo chủ nghĩa của Nguyễn Du, một người miệng nói trời, nhưng luôn luôn tin ở tình người : "Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều"...

(In trong tập *Phê bình văn học*, Sđd)

TỐ HỮU LÀ MỘT NHÀ THƠ CÓ LÝ TƯỞNG

Tôi nghĩ : người ta thích một thi sĩ nào đầu tiên là vì cái lý tưởng, cái khuynh hướng của anh ấy. Người đọc, nhất là thanh niên vào đời, đứng trước cái ngã năm ngã bảy của cuộc sống thường rất phân vân. Lúc này họ rất cần người bày cho họ sống sao ra sống. Họ tìm đến những người cộng sản, những người yêu nước. Họ tìm đến các thi nhân. Họ tìm đến Tố Hữu. Giữa bao ngọn cờ sai lạc dưới thời Pháp thuộc, anh là lá cờ Đảng nêu lên thành thơ cái lý tưởng, cái triết học, cái lối sống duy nhất đúng lúc bấy giờ :

*Bâng khuâng đứng giữa hai dòng nước
Chọn một dòng hay để nước trôi.*

Hoặc :

*Đã vay dòng máu thơm thiên cổ
Phải trả tu cho mạch giống nòi...*

Khoan nói cái hay của những câu thơ rất hay ấy vội. Cái hấp dẫn ở đây trước tiên là lý tưởng. Lý tưởng cộng sản. Nó dạy cho ta lòng yêu thương và căm thù giai cấp :

Hãy đứng dậy ! Nào ta liên hiệp lại !

Hỡi tù nhân khốn nạn của bản cùng

Ngày mai đây tất cả sẽ là chung.

Nó làm cho ta trở thành người con chia ngọt sẻ bùi với nhân dân :

Tôi đã là con của vạn nhà

Là em của vạn kiếp phôi pha

Là anh của vạn đầu em nhỏ...

Và Tổ quốc ! Lý tưởng ấy khiến cho nhà thơ như luôn luôn nghe được bên tai tiếng gọi của Tổ quốc, tự mình biến thành tiếng gọi ấy để thức tỉnh lòng người.

Lòng yêu Đảng đối với chiến sĩ cộng sản lúc bấy giờ là lòng yêu những người lao khổ : em bé mồ côi, em Phước đi ở, chị vú em, những người thợ "Hai bàn tay, ấy đó cả gia tài", những nông dân "Tháng ngày chát cổ com khoai sắn". Nhưng lòng yêu Đảng lúc ấy cũng là lòng yêu cả dân tộc, giống nòi :

Hỡi những con khôn của giống nòi

Những chàng trai quý, gái yêu ơi !

Cảm động biết bao, luôn ba lần trong một bài thơ, Tổ quốc được gọi bằng tiếng Mẹ thiêng liêng nhất :

Đã từng thấy Mẹ lặn trong máu...

Mẹ đã vì con khổ vạn đời...

Vú Mẹ giờ đây cạn sữa rồi...

Người chiến sĩ cộng sản là người yêu nước như ai, và hơn ai hết. Nhà thơ tốt là người đến được chỗ độc giả đang đứng. Nhưng tốt hơn nữa, là họ còn biết từ chỗ đứng ấy dùng lý tưởng mình như

một lá cờ, gọi độc giả đi lên. Lý tưởng cộng sản dạy cho ta yêu gai cấp, yêu nhân dân, yêu Tổ quốc. Nhưng lý tưởng cộng sản còn dạy thêm : Phải biết hy sinh cho cái mình yêu :

*Sống đã vì cách mạng, anh em tu
Chết cũng vì cách mạng, chẳng phiến hà
Vui vẻ chết như cày xong thửa ruộng...*

Hay như nói tiếng nói ngày nay, đặt cái riêng dưới cái chung, đặt cá nhân mình trong và dưới tập thể :

*Một người – đâu phải nhân gian ?
Sống chẳng, một đốm lửa tàn mà thôi...*

Lý tưởng ấy dạy một tư thế làm người :

Khóc là nhục. Rên, hèn. Van, yếu đuối...

Cái thái độ đứng trước kẻ thù, trước gian nguy :

Đầu sắp rơi mà môi vẫn cười tươi.

Cái thái độ đối với anh em, đồng chí :

Tôi buộc lòng tôi với mọi người...

Lý tưởng ấy nói ra thì rất rộng, rất cao :

Xây thế giới cao quá trời xanh thẳm.

Không có gì hạn định trước được :

*Đường xa vô hạn, đích vô cùng
Chân trời lui mãi lan lan rộng
Hy vọng tràn lên đồng mênh mông.*

Lý tưởng ấy trước hết là làm ngay cuộc Cách mạng tháng Tám lúc bấy giờ – hái cho được một trong những chùm táo treo nghìn đời nay trước mắt nhân dân ta :

Quyết hy sinh, phá tan hết gông xiềng

Cho Tổ quốc muôn muôn năm độc lập.

Bài thơ sau khác bài thơ trước, tập thơ này khác tập thơ kia, nhưng muôn nghìn nhịp đập cũng chỉ là của một con tim – tất cả sáng tác hai mươi sáu năm qua của Tố Hữu chỉ là sự phát triển, nhân lên của một lý tưởng ấy, xoay quanh một cái lõi ấy. Tả tình hay tả cảnh, kể chuyện mình hay kể chuyện người, viết về các vấn đề lớn hay về một sự việc nhỏ, đối với anh là để nói cho được cái lý tưởng cộng sản ấy thôi.

Nhờ thế, những câu thơ anh liền một bài, những bài thơ anh liền một tập, những quyển sách anh liền một đời. Giữa bài thơ anh ít có chữ "nhưng" cắt làm hai đoạn. Trong đời thơ anh, anh không phải hối tiếc vì giai đoạn nọ hay giai đoạn kia.

Câu sau này của Biêlinxki có thể áp dụng vào anh : "Trong thơ tư tưởng là nhiệt tình của tác phẩm. Nhiệt tình là gì ? Nhiệt tình là lòng sôi nổi tràn trề và sự trung thành đối với tư tưởng nhất định...".

Chúng ta yêu thơ Tố Hữu vì đấy là những bài thơ xúc động ta mãnh liệt. Nhưng những bài thơ ấy làm ta xúc động vì nó đã được đốt lên bởi lý tưởng cách mạng mà tác giả đã biết trung thành.

*

* *

Lý tưởng là một quá trình. Với những người suốt một đời phấn đấu cho Đảng, nó càng là quá trình hơn đối với ai hết. Vì không một lúc nào họ chịu dừng lại, đứng yên ở một bước nào, mà mỗi phút này đều muốn vượt phút vừa qua, luôn luôn họ cố nâng mình lên cho kịp với đòi hỏi ngày càng cao của lý tưởng.

Đọc thơ Tố Hữu ta thấy rõ ràng, mỗi bước tiến lên của Đảng, Tố Hữu lại tiến theo. Lý tưởng Đảng ở trong anh, ngày mỗi có một

nội dung phong phú và sâu xa hơn trước. Bao nhiêu người vì yêu Cách mạng mà đến với thơ Tố Hữu thời *Từ ấy*, bao nhiêu người vì yêu thơ thời *Từ ấy* mà đến với Cách mạng. Mặc dù thế có phải ở một số bài đầu của thời kỳ ấy, còn rõ dấu vết "anh hùng" hay uỷ mỵ của một cậu học sinh tiểu tư sản mới vào Đảng và vào cuộc đời ?

Ở *Từ ấy*, ta đã thấy tình yêu vô hạn của Tố Hữu với quần chúng. Nhưng quần chúng ở đây mới chỉ là những người lao khổ đòi giải phóng. Phải qua một cuộc kháng chiến, những năm xây dựng chủ nghĩa xã hội thì trong lý tưởng chúng ta cũng như của thi sĩ, hai chữ quần chúng mới có cái nội dung cụ thể này : đây là công nông, đây là quân đội, đã dùng bàn tay mình giải phóng đất nước, lại dùng bàn tay mình xây dựng xã hội chủ nghĩa" trời mới, đất mới" cho chúng ta. Đối với Tổ quốc cũng vậy. Từ những bài thơ điều luyện này, bao giờ cũng là một tình yêu Tổ quốc nồng cháy trong thơ Tố Hữu. Nhưng có phải trong lý tưởng anh, Tổ quốc bây giờ cũng có những nội dung sung mãn hơn ?

Tổ quốc bây giờ là chế độ ! Là những "áo nâu non", là những mái "trường tươi roi rói", là "một vùng trời đất trong tay", nói tóm lại là xã hội chủ nghĩa, là Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Cái tên Việt Nam Dân chủ Cộng hoà bao lần thành ra một câu thơ vang dội trong thơ Tố Hữu.

Tổ quốc bây giờ cũng lại là miền Nam. Miền Nam năm nào là tiếng khóc, tiếng thét, nhưng bây giờ là tiếng mõ, tiếng súng nào động trong thơ anh.

Càng về sau, hai chữ Tổ quốc trong thơ Tố Hữu càng nặng thêm bao tình nghĩa khác. Đó là những năm đầu của Đảng sơ sinh, đó là Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Phạm Hồng Thái, là "tiếng của cha ông thuở trước", là cái Việt Nam bốn nghìn năm cũ đọng lại trong cái mười tuổi (nay là mười tám tuổi) của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Hãy biết quý nhà thơ cộng sản đã viết nên câu :

Bốn nghìn năm ta lại là ta...

rung động trong lòng ta một tình yêu dân tộc rất là sâu thẳm.

Hãy biết quý nhà thơ cộng sản đã làm cho ta yêu nước rất là cụ thể : yêu đất nước, yêu từng lá cây ngọn cỏ như thịt xương của Tổ quốc, những bóng cò, những sông lạch, những sóng biển, những bóng dừa..., tất cả những cái gì đã làm nên Việt Nam ta.

Tôi xin nhường lời cho các nhà phân tích. Nhưng có một điều chúng ta cần thấy rõ là nhờ gắn chặt cùng với Đảng, nhà thơ đã ngày mỗi trưởng thành. Lý tưởng trong anh ngày mỗi có nội dung phong phú hơn, mà cũng có tầm bao quát hơn :

Trông lại nghìn xưa, trong tới mai sau

Trông Bắc trông Nam, trông cả địa cầu...

Con người lý tưởng trong thơ Tố Hữu, thời *Từ ấy* đã biết nhìn xa, nhưng quả thực chưa có được một cái nhìn như thế.

Tố Hữu biết đến với ta trong những lúc phân vân giữa hai tư tưởng, hai con đường, và cần có một cách giải quyết. Kháng chiến. Phá hoại các thành phố. Ngày mai rồi sẽ ra sao ? Tố Hữu nói, "lý tưởng" nói :

Ngày mai về lại thủ đô...

Ngày mai sống lại từng mô đất này...

Ngày mai...

Câu thơ như thêm sức sống cho lòng người. Hoà bình. Rồi cuộc đời kháng chiến để về Hà Nội "phồn hoa". Ta sẽ sống sao đây ?

Nhà cao chẳng khuất non xanh

Phố đông càng giục chân nhanh bước đường

Ngày mai về lại thôn hương...

Bài thơ như dự đoán trước được những biến chuyển tư tưởng phức tạp của những năm về sau và đã bày cho ta cả cách giải quyết.

Tố Hữu có lúc diễn đạt tư tưởng, lý tưởng mình trong những lời vỗ về, khuyên nhủ như thế. Có khi anh lại đưa ra những trường hợp, những bức tranh *Trăng trời, Con cá, chột nưa*, ở đây lý tưởng đã chiến đấu và chiến thắng. Có khi anh lại dựng nên hình tượng những nhân vật lý tưởng : *Những người không chết, Mẹ Tom*. Tôi rất thích anh bạn nào đó đã gọi Lượm là một anh hùng. Vàng, Lượm là một người lý tưởng.

Nhưng rất nhiều lúc khác, Tố Hữu diễn đạt một cách kín đáo lý tưởng của mình "Hương bay xa - Thơm ngát - Đường ta - Nhớ nghe hoa - Người quét rác - Đêm qua" là một cách gửi gắm, một lời dặn thầm như vậy. *Em ơi... Ba Lan..., Tiếng ru, Cánh chim không mỏi* nằm trong cách nói ấy. Nhiều sự kiện, tình hình trong nước và trên thế giới đã làm cho những tiếng nói thầm ấy trở nên vang dội :

Mùa cam đương ngọt địa cầu của ta

Gió sương đương hẹn mùa hoa,...

Câu thơ củng cố rất nhiều lòng tin cho lòng người.

Lý tưởng ấy đôi khi Tố Hữu đã nói ra một cách vội vã, tuy có rõ ràng dễ hiểu cho trí, nhưng lại ít xúc cảm thuyết phục cho lòng :

Ta thành hai đồng chí

Ta thành hai chiến sĩ

Ta thành hai anh hùng

Ta thành hai chiến lữ.

Nhưng thường thì con người lý tưởng trong anh biết tin nhiệm nhà thơ ở trong anh, hiểu rằng những gì mình muốn nói, nhà thơ ấy sẽ nói cho, vì đấy là một nhà thơ sống chết vì lý tưởng. Nhà thơ biết lấy một cành táo, một giọt sương để nói rõ ý mình.

Tố Hữu không diễn đạt lý tưởng mình bằng con đường luận lý như một nhà triết học. Anh nói với người ta mà người ta nghe lọt, bởi anh đã nói như tự mình dặn dò khuyên nhủ lấy mình. Bằng giọng nhà thơ. Như giọng người yêu : "Nhớ em nghe - Tiếng chổi tre - Chổi quét"... , "Nhớ nghe em những đôi giày nhỏ...".

Em đó chính là tác giả đầy thôi. Những con người tốt là những con người đầu tiên biết quý cái cuộc đời mình, muốn mỗi phút của nó đều là ánh sáng. Trên mỗi bước đi của cuộc đời, khi dặn dò khuyên nhủ người khác, họ đều dặn dò, khuyên nhủ lấy mình. Tố Hữu là một con người như thế. Cái lý tưởng mà anh chiến đấu để thực hiện, đầu tiên anh cố gắng để thực hiện trên bản thân mình. Bởi thế, nó càng có sức hấp dẫn với chúng ta. Chúng ta yêu thơ anh vì đó là những bằng chứng sống về cuộc đời của một con người có lý tưởng chói ngời.

(Trích *Thơ Tố Hữu*, "Lời nói đầu" *Tuyển thơ Tố Hữu*,
trong sách *Suy nghĩ và hình luận*, Sđd)

HÀN MẶC TỬ, ANH LÀ AI ?

Bấy giờ Hàn Mặc Tử, nằm trên một điểm cao Gành Ráng, đối diện với bể Đông, bể chổi loà như thơ anh và đông bão tựa đời Anh. Nằm với trăng sao như anh từng mơ ước :

Với sao sương anh nằm chết như trăng.

Dưới kia là thành phố Quy Nhơn (những thành phố miền Trung thường có các nhà thơ ở trong và biển mé ngoài). Thành phố của mẹ già nuôi anh "Cơm lấm luy vừa trải qua dưới thế", của chị Lê "Chị cũng trắng mà em cũng trắng", của em Hành đem cơm cho anh trong suốt bốn năm trời anh phong hủi, và trước khi vào

Quy Hoà để qua đời trong đó, nghe đâu, Tử đã sụp lạy cảm ơn em. Quy Nhơn thành phố của bạn bè, của bóng dáng tên tuổi những người yêu, cũng là nơi Tử phải trốn chui trốn nhủi để khỏi bị bắt đưa vào trại cùi trong núi. Nhưng Quy Nhơn đối với Nghĩa Bình, đối với cả nước là nơi anh viết những trang thơ ngời chói, máu và nước mắt đời anh đã khúc xạ, đã biến hoá, đã hoá kiếp, thăng hoa, kết tụ thành trăng sao :

*Chỉ có trăng sao là bất diệt
Cái gì khác nữa thấy đi qua.*

Thôi, cả cuộc đời bi thảm của Tử kia, dù bi thảm đến đâu thì cũng đã qua rồi. Cái còn lại là những bài thơ đã từ thời anh đi thẳng vào "thời đại lớn" (chữ của Bắctin^(*)) rồi hôm nay từ "thời đại lớn" về với thời chúng ta.

*Một mai kia ở bên khe nước ngọc
Vội sao sương anh nằm chết như trăng
Không tìm thấy nàng tiên mô đến khóc
Đến hôn anh và rửa vết thương tâm.*

Bậy nào, sao lại không ? Hôm nay có hàng vạn rồi hàng chục vạn tâm lòng đến cùng với Tử đấy.

Tôi không trở lại đời riêng của Tử, ai đã yêu anh ngần ngày, ai đã yêu anh dài hạn, và ai anh chỉ yêu cái bóng, ai anh yêu cái tên vì chưa thấy mặt bao giờ. Tôi nghĩ bây giờ sống dậy, gặp tất cả những người đẹp ấy, chắc có lẽ anh đều biết ơn, người này cho anh ân nghĩa, người kia cho anh vết thương, và chính vì từ vết thương mà con trai đầy bể làm ra viên ngọc.

[...] Trở lại vấn đề con người một tý. Vì nói gì thì nói, ở đâu, thơ văn nào cũng là chuyện về nó đấy thôi. Một quyển sách nổi

(*) Bakhtin.

tiếng trên thế giới là "Người, kẻ chưa ai biết ấy". Cố nhiên là biết, nhưng mới ở vòng ngoài. Nhìn ngoài nó liền một cục. Nhưng mà nó có một đầu. Khoa học bảo nó là hai ghép lại. Anna de Noailles thì bảo nó là vô số. Innombrable nữa kia. Cố nhiên là ở nội tâm. Nơi Cao Bá Nhạ tìm thấy "Trong một mình bày tám biệt ly". Nghĩa là vẫn không phải là một. Ở người, dưới nó, còn nó, bên cạnh nó lại nó, đằng sau nó còn có nó (mà nó ngỡ yêu tình).

*Bóng ai theo dõi bóng mình
Bóng nàng yêu tình
Nụ cười như tiếng vỡ pha lê.*

Hãy đi sâu vào thơ Tử, vào một tế bào của thơ anh một chút. Gần năm mươi năm nay ta đã động gì đến anh đâu. Không khéo, thì đây là dịp đầu tiên mất. Về vấn đề mình và ai, một mình hay hai mình đó, có lúc Tử viết :

*Ai đi lẳng lặng trên làn nước
Vội lại ai ngồi khít cạnh tôi
Mà sao ngậm cứng thơ đầy miệng
Không nói không rằng nín cả hơi.*

"L'homme c'est inconnu", người, cái kẻ bí mật ta chưa biết hết ấy rồi đây Hàn Mặc Tử đã kể cho Quách Tấn, và họ Quách đã viết lên trên báo đây là một hiện tượng rất thật. Một đêm khuya vắng một mình Tử còn ngồi ngắm trăng trên bể. Bỗng anh thấy một ai đó ngồi khít rịt bên anh. Rồi từ người đó lại hiện ra người nữa. Rồi biến đi. Rồi thấy mặt bể đông lại như tuyết. Trên bể có một người vạm vỡ mặc áo lông gánh hai thùng thiếc chạy băng băng. Từ hai thùng tung toé ra những máu là máu. Tử hoảng sợ chạy về nhà.

Rainer Maria Rilke, thi hào Tiệp của cả thế giới thế kỷ này, khi viết *Bi ca ở Duyno* (Élégie de Duino) đã chú thích : "Đọc bởi

một kẻ vô hình". Hoàng Trung Thông năm ngoái bảo tôi "Mình uống rượu nhiều nên bị huyền tượng, mình nghe ai nói trong quạt máy" (Xin nói là anh vẫn viết hay như thường). "Bệnh tâm thần", ta vội kết luận. Và đưa nó cho các nhà y học, phân tâm học. Hãy dừng lại đã. Tôi nhớ đến một ví dụ mà các nhà hiện tượng luận đồ đệ Huytxen hay nhắc. Có một bệnh nhân nghe tiếng nói kiểu ấy. Bác sĩ không tin. Người bệnh cầu "Tin hay không mặc ông, nhưng rõ ràng tôi nghe thấy". Các vở kịch viết về Gian Đa của Pháp đầu có loại việc nữ anh hùng "nghe" như trên. Mặc kệ y học, về thơ ta hãy thử đếm xỉa đến hiện tượng ấy. Nó là gì. Vì Tử đau yếu chằng ! Không, theo tôi chính là anh rất khoẻ, cái hồn thơ anh rất khoẻ. Chả là cô đơn, chả là hư vô, chả là cái chết chập chờn ở trong phòng bệnh, và ở giữa đêm trắng này muốn thủ tiêu anh mà không được. Anh là Một. Nó muốn zêrô hoá anh, hư vô hoá anh cho không còn dấu vết. Nhưng anh đâu chịu thua. Anh hoá hai hoá ba mình ngồi cạnh mình, hơn thế mình lại vạm vỡ ra, nở nang lên, gánh chạy, gánh cái máu đời mình, chạy trên cái bể thảm kịch của đời mình. Cũng là một cách đối chọi ! Hơn gấp trăm lần cái phương pháp ngấm bóng mình dưới giếng của Nácxit đến héo mòn, huỷ diệt đi không còn tồn tại ở kiếp người.

Nếu ta hiểu cho sự đối phó ấy của Tử thì hồn của anh chả có gì hồn ma bóng quỷ hay là cái linh hồn của Chúa thổi vào, trong đất sét là ta... "Ta khắc hồn ra ngoài cửa miệng...". Hồn đó là sản phẩm anh tạo ra. Tạo ra, lại còn dắt nó đi chơi nữa : "Dẫn hồn đi rông rã một đêm nay". Anh có bạn. Hàn Mặc Tử không còn thụ động là sản phẩm trong bàn tay Thượng đế, tự anh, anh chủ động đóng vai Thượng đế, hơi phạm thượng đấy, nhưng vui chứ, đỡ cô đơn chứ, "Khắc hồn ra cho hồn cao vang lên muôn trượng".

Và bỗng dung từ thơ tôi nhớ đến khoa học, đến nhà khoa học vĩ đại của nhân loại Anhxtanh. Ông nói : Cái điều đẹp nhất mà ta

có thể cảm giác được chính là cái khía huyền bí của cuộc đời. Đó là tình cảm sâu xa ở trong nội của nghệ thuật và khoa học thật sự".

Nhà khoa học thật sự thì tương đối yêu sự diệu huyền và nuôi đứa trẻ ấy trong nội, thế sao ta, nhà văn nghệ còn bấp bênh lại muốn tuyệt đối chỉ yêu cái một là một, hai là hai rõ ràng, chớ không thể một vẫn là hai được ?

Đi công tác ở nước phương Tây, tôi thường gặp anh chị em Việt kiều xa nước lâu ngày, gặp anh chị em di tản nữa. Các anh chị hỏi "Cách mạng đối với Hàn Mặc Tử ra sao?". Ra sao ư? Cách mạng đã đón đi hài vua Duy Tân về nước vừa rồi, cách mạng cũng đón thơ của Tử như vậy? Cách đây từ những ba mươi năm, tại Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ hai năm 1957, lúc đất nước mới chỉ có tự do một nửa, thù trong giặc ngoài làm cho Tổ quốc ta ở trong thế ngặt nghèo, thế mà nói về vấn đề tiếp thu di sản, đồng chí Trường Chinh đã nói :

"Cần nhận ra rằng văn nghệ Cách mạng của chúng ta là kẻ kế thừa tất cả những giá trị văn nghệ do các thời đại trước tạo ra. Chúng ta có nhiệm vụ giữ gìn và phát triển tất cả di sản của dân tộc và cũng chỉ có chúng ta mới làm nổi công việc đó".

Hai lần đồng chí dùng đến chữ *tất cả*. 57 – 87. Ba mươi năm, chiến tranh cũng chiến tranh rồi, hoà bình cũng hoà bình rồi, nếu không tiếp thu Tử bây giờ còn đợi đến lúc nào. Giao cho con cháu tiếp thu thì cháu con sẽ lên án chúng ta thôi, sao cái gì cũng dồn cho chúng nó. Chúng nó còn bao nhiêu việc. Hướng nữa tiếp thu Tử là lợi cho ta chứ lợi gì cho Tử đã chết cách đây nửa thế kỷ.

Anh Trường Chinh dặn tiếp : "Việc ướn nắn lại những thái độ hẹp hòi máy móc đối với những giá trị văn nghệ cũ không những có tác dụng sửa chữa những thái độ bất công đối với nhiều tác phẩm

mà còn có tác dụng mở rộng con đường cho sáng tác văn nghệ hiện thời".

Thực là chí tình đạt lý. Và tôi tin là việc tiếp thu Tử, như anh Trường Chinh nói đó, với văn nghệ hiện thời, sẽ có tác dụng mở rộng con đường, hồi những người mỗi bước đi cứ sợ nhầm đường.

Sự thừa kế các tác phẩm như của Tử sẽ làm cho tim ta nhân tính hơn, óc ta co dãn đàn hồi hơn, và cái nhìn ta không đơn giản mà trở nên đa dạng và phong phú.

Ô kìa, bây giờ, đối diện với bể đông, trên điểm cao Gành Ráng, mộ Tử bỗng dung ngồi chơi, vua nhà Nguyễn gần đó đang lui tàn. Nguyễn Trọng Trí là Tử đầu có thừa nhận thứ vua ấy. Dù cơ cực đến mấy, Tử vẫn tin ở cái ngôi sáng tạo của mình. Anh mới là vua chứ, và anh bay tìm gặp :

- *Tu đi tìm mộng tâm xuân,*
- Gặp vua nhà Nguyễn bay trên mây.*
- Rượu nâng uống vào thì say...*
- *Rực rỡ như một vì vua...*
- *Đẩy mình lóm đóm những hào quang...*

Nghĩa là anh không chấp nhận sự huỷ diệt, sự cát bụi, tạo bụi hoá anh như lời nguyện rửa : "Từ cát bụi, mi trở về cát bụi ?". Nghĩa là anh tin ở sức sáng tạo "Bàn tay thi sĩ kẻ lên trăng" của anh. Đồng thời tin chúng ta sẽ đánh giá đúng tài năng "siêu" ấy.

(In trong *Tuyển tập Chế Lan Viên*, tập II, Sdd)

TỪ GÁC KHUÊ VĂN ĐẾN QUÁN TRUNG TÂN

(Tựa cho một quyển sách)

(Trích)

Những năm gần đây, các sáng tác của cha ông đã được in ra tuần tự. Nhưng một tập sưu tầm các suy nghĩ của cha ông về văn học, nghệ thuật, về văn hoá – văn hiến nói chung, chả lẽ đây là một trong những quyển đầu tiên ? Cầm tập sách trên tay xiết bao xúc động. Nhưng mừng đó rồi lại thoáng băng khuâng ngay đó. Ít ỏi thế này sao ? Và nhớ ngay một câu của Hoàng Đức Lương (thế kỷ XV) khi ông đề tựa *Trích điểm thi tập* :

"... Một đôi khi có nhật được dăm chữ nửa câu ở nơi chỗ "giấy rách, vách nát" thì thường vỗ sách mà thở than, có ý thăm dò lỗi cho các bậc học thức tài danh đương thời..."

Chúng ta đổ lỗi cho ai bây giờ ? Cho cha ông không lý luận được nhiều ? Cho con cháu qua các đời không bảo quản, gìn giữ ? Riêng các bạn "làm" tập sách này, tôi biết các bạn bỏ ra cũng ngót mười năm. Lại phải đọc tiếp Hoàng Đức Lương, ông viết :

"Trải qua bao triều đại rờng rã, thì dẫu những đồ vật bằng vàng, bằng đá, được quý giùm thần giúp chằng nữa, cũng đến phải tan tác đắm chìm, hướng chi là tập sách còn sót, tờ giấy mỏng manh ở tận đáy rương, đáy hòm, sau cơn binh hoả mà còn có thể giữ nguyên được..."

Chúng ta đã hiểu rồi : *binh hoả !*

Binh hoả ! Đấy không phải là tiếng kêu của ông tiến sĩ họ Hoàng đời Hồng Đức mà là lời thở than của sĩ phu tất cả các đời.

Chu Xa viết : "Văn chương các triều xét thấy đã đầy đủ. Tác phẩm của nhà truyền lại rất nhiều. Tiếc rằng nhiều phen binh lửa...".

Phan Huy Ích viết : "Nho sĩ đời nào cũng có, văn chương này nở như rừng. Nếu chẳng phải trải qua cướp bóc, đốt nhà mà hoá tro tàn, thì hẳn là trâu kéo đến toát mồ hôi, chứa đầy đến tận xà nhà...".

Phan Phu Tiên ghi : "Các bậc vua chúa, các quan công khanh và sĩ đại phu, chẳng ai là không để tâm trí vào các việc học thuật, sớm tối diễn tả hết nỗi u hoài và đều có tập thơ lưu hành ở đời, nhưng do binh lửa, mất cả, tiếc thay !".

Lý Tử Tấn than thở : Nước Việt ta, từ khi lập quốc đến nay, có nhiều nhà thơ nổi tiếng với đời. Sau vì binh lửa, số còn lại chỉ được một vài, trong hàng trăm ngàn bài mà thôi...

Hoàng Đức Lương khi sưu tầm làm nên *Trích diễm thi tập* "bôn ba sưu tập, hỏi han khắp nơi", "lo lắng trách nhiệm nặng mà sức mình quá mỏng", cũng phải kêu lên : "Những gì thu thập được cũng chỉ là một, hai trong trăm, ngàn phần...".

Tôi cầm tập sách trên tay, cái còn sót lại qua bao đời, càng thêm trân trọng. Nặng trong này bao mồ hôi, nước mắt, xương máu nữa của người xưa. Binh lửa ! Hai chữ ấy, nghe ngỡ như nhảm tai, bây giờ mới hiểu hết ý nghĩa khốc liệt của nó ! Những sách vở, kho tàng của ta bị thiêu huỷ gần đây làm cho ta nhìn lại những ngọn lửa huỷ diệt khác đã ngút cháy đằng sau ta qua bao thế kỷ !

Thực ra, một ngọn lửa nấu cơm cũng có thể thiêu cháy được kho tàng, gây nên nhiều tai hoạ. Đây không phải chỉ là ngọn lửa vô tình của các cuộc giao tranh mà là ngọn lửa của bọn xâm lược.

Ngô Sĩ Liên viết :

*Binh tung sang, cãm lữ giặc Minh, giáo gươm đầy đất
Lửa đốt sạch, thương ôi vạn nước, sách vở đi đời*

*Muốn tìm sự tích sau cơn khói lạnh tro tàn
Thật rất khổ tâm về nỗi nét sai, chữ sót...*

Ngô Sĩ Liên chỉ mới nói cái "đốt sách". Nhưng Lê Quý Đôn thì đã tố cáo việc "cướp sách" : "Tướng nhà Minh là Trương Phụ lấy hết sách vở cổ kim của ta gửi theo đường sông về Kim Lăng"... Kim Lăng là đâu ? Kim Lăng hay Thạch Đầu, hay Kiến Nghiệp, hay Nam Kinh chính là một trong những thủ đô của người Hán. Thế thì trước khi Trương Phụ đời Minh chở sách về đây, đời Tam quốc, tên thái thú Giao Châu là Tôn Tu từng bắt hơn nghìn thợ giỏi nước ta đưa về Kim Lăng. Những người đi buôn kỹ thuật ngày nay thì từ hàng chục thế kỷ trước, đã biết cướp bấp thịch và "chất xám" làm vốn và kiếm lãi. Có lẽ phải đọc lại cái "sắc chỉ mười điều" của Thành Tổ nhà Minh gửi cho viên tướng viễn chinh là Chu Năng tiến quân vào xâm lược nước ta, thì mới hiểu hết cái ý đồ huỷ diệt văn hoá đó của bọn phong kiến phương Bắc. Sắc chỉ ngày 21 tháng 8 năm 1406 viết :

"... Một khi binh lửa vào nước Nam, trừ các sách vở và bản in của đạo Phật, đạo Lão thì không thiêu huỷ, ngoài ra, hết thảy mọi sách vở văn tự, cho đến những loại ca lý dân gian, hay sách dạy trẻ nhỏ, loại sách có câu *thương đại nhân, khưu út kỷ*... một mảnh, một chữ, đều phải đốt hết. Khắp trong nước, phàm những bia do Trung Quốc⁽¹⁾ dựng từ xưa đến nay thì đều gìn giữ cẩn thận, còn các bia do An Nam dựng thì phá huỷ tất cả, một chữ chớ để còn".

Thực là "rạch ròi" ! Thực là "triệt để" ! Hình như họ chuẩn bị cho con cháu họ ngày sau có khai quật vào các địa tầng thì chỉ còn tìm thấy bia Hán, mộ Hán và xương người Hán ở xứ này !

(1) Ở đoạn này có lẽ nên dùng Trung Hoa thì đúng hơn. (BT)

Chính đọc xong đoạn văn trên mà tôi càng quý các bài hát nhiều khi vô nghĩa trong dân gian. Càng yêu hàng bia ngõ như vô tình ở trong Văn Miếu. Một lời ca, một tám bia ở xứ này cũng phải chịu mấy tang thương ! Kẻ thù từ xa dòm dò toàn bộ núi sông lãnh thổ của ta, cho đến một câu ca, một chữ trên bia bằng hạt đỗ cũng không lọt khỏi mắt chúng. Chưa đầy một năm sau, ngày 16 tháng 5 năm 1407, từ Yên Kinh, tên vua Minh lại giục : "Nhiều lần đã bảo các ngươi rằng, phàm An Nam có tất thảy các sách vở văn tự gì, kể cả các câu ca lý dân gian, các cuốn sách dạy trẻ, và tất cả các bia mà xứ ấy dựng lên, thì một mảnh, một chữ, hễ trông thấy là phá huỷ lập tức, chớ để sót lại. Nay nghe nói những sách vở do quân lính bắt được, không ra lệnh đốt ngay, lại để xem xét rồi mới đốt. Quân lính phân đông không biết chữ, nếu đâu đâu cũng đều làm vậy thì khi đài tái sẽ bị mất nhiều".

Đài tái là đài tái về Kim Lăng đấy !

Ngày 21 tháng 6 năm 1407, nghĩa là chỉ hơn một tháng sau thôi, Minh Thành Tổ đã lại có sắc chỉ mới :

"... Nay An Nam đã bình định xong, trừ các loại chỉ dụ ra, còn thì các đạo sắc viết tay và các ký sự thư thiệp đã từng phát đi từ trước, cùng với sổ ghi chép mà Thành quốc công đã lĩnh hoặc các thứ trừ nghị mọi việc, đều phải đem toàn sổ kiểm tra, đối chiếu niêm phong cẩn mật, gửi trả lại, không cho lưu lại một chữ. Nếu có một chữ bỏ lại, rơi vào tay bọn kia thì rất bất tiện...".

Điều đáng chú ý là từ các quan thái thú, thứ sử bao giờ họ cũng diễn đạt những mưu đồ xâm lược của mình dưới dạng văn chương. Đây là lời văn của hạng ăn thịt người sang trọng ấy – tên vua Tống gửi cho ta thứ văn chương sắc mùi Nghiêu – Thuấn này :

... "Trung Quốc đối với các nước man di cũng như thân thể đối với tay chân. Giao Châu của người ở cuối chân trời, ngoài chín cõi,

nếu so với thân người thì chỉ như một ngón tay... Dù chỉ một ngón tay đau, thánh nhân lẽ nào không chữa ?...

Đất nước người nóng bức, sương khói mù tịt thì ta tung mây vua Nghiêu để tưới mưa ngọt, nước người khí độc dưới biển bốc lên, lửa đốt nắng thiêu, thì ta gậy đàn vua Thuấn để quạt gió hoà... Người hãy tới mà chịu làm tôi, đừng để vạ xảy đến...".

Đấy, nền văn hoá, văn hiến của cha ông ta dựng nên là dựng dưới những khói đốt sách, lửa đốt nhà, mây vua Nghiêu và đàn vua Thuấn như vậy đó ! Cầm lấy dù một chữ của cha ông, ta không thể vô tình.

Minh Thành Tổ nói gì nhỉ ? "Dù một mảnh, một chữ, hễ trông thấy là phá huỷ lập tức. Chớ để sót lại. Chớ để lọt ra". Cuộc đấu tranh để xây nền văn hoá Việt Nam là trên từng chữ thật ! Nhà văn Đặng Thai Mai đã kể lại một chuyện như sau : Trên triền núi của dãy Hoàng Sơn chạy ngang ra biển có một ngọn núi cao, cha ông ta gọi là *Thiên Cầm Sơn*. Núi Đàn Trời. Tục truyền hằng năm vua Hùng họp quần thần ở đấy để nghe nhã nhạc nhà Trời. Thế kỷ XV, khi Trương Phụ nhà Minh bắt cha con Hồ Hán Thương ở đây, y liền đổi chữ *cầm* là *đàn* ra chữ *cầm* là *bất giữ*. Thiên Cầm Sơn : núi *Đàn Trời* trở thành núi *Trời đất*. Ở đó, quân của thiên tử, con Trời, bất kể dám chống lại thiên triều.

Trong cuộc chiến đấu bảo vệ nền văn học, văn hoá, văn hiến Việt Nam, mỗi chữ cũng cần được bảo vệ như mỗi tấc đất ở biên thùy.

*

* *

[...] Nhiều bạn trẻ ngày nay cầm sách cổ thấy ngán, nào là chữ Hán – Việt, nào là điển tích, có chịu khó đọc chú thích thì cũng phải mất hàng giờ để biết về một cái nhân vật không đâu, một thời gian không đâu. Tốt hơn là xếp sách lại và bảo : "Những cái này

không thời sự". Những lúc ấy, tôi chỉ muốn nhắc lại chuyện Kítxinhgiơ trèo lên Vạn Lý Trường Thành. Hay chuyện mới nhất là chuyện Phó Tổng thống Mỹ Oantơ Monden. Đến Trung Quốc thiếu gì nơi thăm, thiếu gì nơi hiện đại để thăm, thế nhưng Phó Tổng thống Mỹ đã đi thăm mộ Tần Thủy Hoàng, tên vua nổi tiếng về xâm lược và đốt sách. Vì Vạn Lý Trường Thành và mộ Tần Thủy Hoàng hiện nay đều là vấn đề thời sự. Đế quốc Mỹ đang cần có những Vạn Lý Trường Thành mới và vì thế họ bắt tay với các vua Tần mới. Cả hai vị khách ấy đều đọc thơ Đường. Kítxinhgiơ nâng chén tri kỷ cùng Chu Ân Lai và ngâm : "Tửu phùng tri kỷ thiên bôi thiếu" (Gặp tri kỷ tri âm thì nghìn chén có chi nhiều). Còn Monden thì đến Trường Đại học Bắc Kinh và tán tụng thơ Vương Chi Hoán : "Cách đây hơn một nghìn năm, một nhà thơ của các bạn đã có câu : "Trèo thêm một nấc thang, ta mở rộng tầm mắt thêm ba trăm dặm !". Chúng ta hiện cùng đua nhau treo nấc thang đó. Mỗi ngày chúng ta trèo lên một bậc thang mới...".

Văn hoá hồn nhiên. Những chén rượu tri kỷ và mái lâu trong thơ rất hồn nhiên. Nhưng người sử dụng văn hoá đâu có hồn nhiên. Vương Chi Hoán viết :

Dục cùng thiên lý mục,

Cánh thương nhất tầng lâu.

Nào đâu có biết Monden sẽ sử dụng theo lối Mỹ hiện đại con mắt nghìn dặm và cái lâu đài nhiều tầng đó. Người đi vay văn hoá Tàu để dùng tạm là Phó Tổng thống Mỹ còn không hồn nhiên, sao lại bảo những thái thú, thứ sử Tàu, các nhà xã hội học Tàu rắp tâm cho ta mượn văn hoá Tàu một cách dài lâu, vĩnh cửu nữa, lại hồn nhiên được ?

Trước khi cho ta vay cái nghĩa – cái nghĩa Tàu – họ đã cho ta vay cái chữ – cái chữ Hán – các điển tích, các danh từ của họ. Có lần tôi đã sốt ruột cùng cha ông :

Chỉ có Tâm Dương, chỉ có Cô Tô, chỉ nghe Xích Bích
Ngòi bút xưa không hề biết Hòn Gay
Máu thịt cha ông theo gió tử trắng buồn mà mất tích...

Không ! Máu thịt cha ông không mất tích. Cha ông chỉ để một phần nhỏ ở văn chương thơ phú. Phần cơ bản, phần ưu tú nhất của máu thịt ấy là gửi Bạch Đằng, Chương Dương, Hàm Tử, Đống Đa. Và đó là cái phần không chút tử buồn. Đó cũng là văn hoá. Cái gốc của văn hoá nữa, vì nó là sự sống. Sự sống không phải của một ngọn tháp, một bia đá, một bài nhạc, một *Truyện Kiều*, một bài văn mà của cả hàng chục triệu người. Ở Việt Nam, khi nghĩ đến văn hoá, không thể tuyệt - đối - hoá vấn đề, mà phải đặt nó nếu không sau vấn đề sự sống còn của Tổ quốc, của nhân dân, thì cũng ràng buộc, cùng *đồng thời* với các vấn đề gốc rễ ấy.

Còn chữ nghĩa ư ? Quý đấy, nhưng chưa có thì sẽ có sau. Không có thì ta vay mượn. Biết đâu ta đã có rồi mà bị mất cũng nên ? Trên thế giới, không phải ngày xưa mà đến ngày nay, vay mượn các hình thức, các phương tiện diễn đạt cũng là chuyện thường. Phải chăng các tác phẩm triết học, khoa học viết đầu tiên bằng tiếng Pháp phải là đến năm 1673. Trước khi Đêcắc dùng tiếng Pháp "nôm na mách quẻ" để viết *Discours de la methode* thì các nhà "nghiêm chỉnh" có viết gì đều phải viết bằng "chữ Hán", à quên, bằng chữ Latinh, tương đương với một thứ chữ Hán ở châu Âu thời ấy. Phải chăng nhiều đảng châu Phi chống thực dân Pháp ngày nay đều hiệu triệu nhân dân họ bằng các bài *Hịch tướng sĩ* viết bằng tiếng Pháp ? Và nếu ngày mai thắng trận, viết *Bình Tây đại cáo* chắc họ cũng phải viết bằng tiếng Pháp thôi mà ! Một nhà văn châu Phi nói với tôi : "Sao anh nghĩ rằng trong tiếng Pháp chúng tôi đang sử dụng không có máu nhiều thế hệ của chúng tôi trong ấy ? Chẳng lẽ chỉ có bọn tư sản, bọn thực dân Pháp mới có quyền sử dụng động từ *avoir* và động từ *être* thôi à ?".

Mỗi dân tộc có một vấn đề riêng và những cách giải quyết riêng của họ. Dân tộc ấy, ở mỗi thế kỷ, mỗi thời gian khác nhau trong lịch sử, lại có những cách xử lý riêng sao cho phù hợp với sự sinh tồn mình. Rồi một ngày kia ta sẽ nghiêm túc hơn để hiểu vì sao cha ông đã dùng chữ Hán ? Cái ấy đã có lợi gì hay hại gì cho văn hoá Việt Nam ? Đâu là sự *bị động* của dân tộc trước ý đồ xâm lược về văn hoá của kẻ thù ; và đâu là sự *chủ động* ? Đọc sử, tôi thường chú ý việc chúng ta, mỗi lần đại thắng bọn xâm lược phương Bắc thì ta lại phải triều cống chúng. Cái gì mà không trả giá nữa là cái thắng lợi ! Có khi là giá vàng – có lần ta đã phải cống cả người vàng ! Đánh thắng một kẻ thù quá cỡ, càng phải trả cái giá ấy. Làm sao trên mặt trận văn hoá lại không phải trả giá nhỉ ? Cho dù dùng chữ Hán là một cái giá phải trả thì trả cái giá về hình thức ấy, chẳng qua là để mua lấy cái thắng lợi về nội dung mà thôi, *Bình Ngô đại cáo* là như vậy, *Hịch tướng sĩ* là như vậy. Bằng hình thức ngôn ngữ mượn của nhân dân Trung Quốc, ta đã nói lên ý chí của dân tộc ta đánh thắng bọn xâm lược phương Bắc.

Có thể nói nếu có hàng ngàn năm xâm nhập của văn hoá Tàu thì đây cũng là hàng ngàn năm văn hoá Việt đánh trả. Nếu *chi tiết* có sự vay mượn không tránh khỏi, thì *toàn bộ*, thì tổng thể là độc lập tự chủ của ta. Nếu *phương tiện* có khi còn dễ gây lẫn lộn, thì *mục đích*, cứu cánh để không đồng hoá, để khẳng định bản sắc riêng của mình là hết sức minh bạch rõ ràng. Cha ông, dù bằng bất cứ phương tiện gì, hình thức nào luôn luôn vạch rõ cái ranh giới giữa hai nền văn hoá, Hoàng Đức Lương viết :

"Một nước văn hiến, xây dựng đã mấy trăm năm, lẽ đâu không có quyển sách nào để có thể làm gốc rễ, mà phải tìm xa xôi để học thơ văn đời nhà Đường, như thế chẳng đáng thương sao ?".

Hồ Quý Ly còn quyết liệt hơn nữa. Năm 1402, ghi vào tờ số của Nguyễn Cảnh Chân – một trí thức thời ấy – thường nhắc chuyện Hán, Đường... Hồ Quý Ly đã viết :

"Biết chữ được bao lâu mà cũng hay nói việc nhà Hán, nhà Đường, ấy cho nên gọi là người cầm hay nói, chỉ để mua cười thôi".

Dùng tướng Hồ Quý Ly là người không biết chữ nên bực mình mà gắt với người có học. Ở đây chỉ xin nhắc, Hồ Quý Ly là người từng được vua Trần phong là *văn võ toàn tài*. Ông đã dịch nhiều sách Tàu ra quốc âm, soạn nhiều sách về văn học, triết học. Ông có một cái nhìn độc đáo về văn hoá Tàu, dám cho Hàn Dũ nổi tiếng của Tàu là một "đạo nho" (nhà nho ăn trộm), cho các vị lừng danh khác như Trình Hiệu, Chu Hy, đều là những "kẻ tuy học rộng nhưng tài kém, không chú ý đến thực tế, chuyên đánh cắp văn chương của người xưa".

Cha ông không hề bao giờ khúm núm trước nền văn hoá đến từ xứ "thánh hiền". Nguyễn Trãi đã nghiêm khắc cấm bắt chước nhiều thói tục để gây "loạn" của cái nước tự xưng là "trị" ấy :

"Không được bắt chước tiếng nước ngoài để loạn tiếng nói nước nhà. Người Ngô bị chìm đắm đã lâu trong phong tục người Nguyên bện tóc, răng trắng, áo ngắn, cổ tay dài, mũ, xiêm rục rờ như từng lớp lá. Người Minh tuy khôi phục lối ăn mặc cũ của thời Hán, thời Đường, nhưng phong tục vẫn chưa biến đổi... Các tục ấy đều không nên theo để loạn phong tục ta".

Cha ông cũng đã so sánh ta và đối phương để thấy rõ hơn chỗ ưu việt của mình. Đào Cừ, năm 1449, khi phê bình tập *Quyển uyển của ca* của ta, đã viết : "Kìa những bài *Bạch lâm, Chu tước*, những thơ vịnh *Thiên mã, Linh chi* ở đời Hán, Đường chỉ khoe cái đẹp hào huyền bên ngoài, chẳng bỏ ích gì cho việc giúp đời, so với *Quyển uyển của ca*, thật cách xa một trời một vực".

Lê Quý Đôn đối chiếu những bài thơ của các vua Lê với vua Đường, vua Tống : "Âm thanh hùng hồn, tráng kiện, vận điệu thanh nhã, ôn hoà. Khi đề vịnh cảnh vật hoặc yến ẩm cùng bề tôi thì những bài *Thượng hoa* của họ Tống, *Hạch trạch* của vua Đường cũng còn thua kém một bậc".

Và đâu phải tự hào về tác phẩm của vua chúa, mà là của cả một nền văn hoá nước nhà. Chu Xa viết : "Văn hoá khắp nơi thịnh hành, nhân dân khắp nơi ca tụng, làng mạc đều có nhà giảng dạy, sĩ phu đều trở nên đức tài. Tiếng hát trên đường sá, tiếng học trong xóm làng đồng thời vang dội, khiến cho kẻ giữ việc biên chép càng gắng sức sưu tầm...".

Bên cạnh vua chúa, sĩ phu, thì những người dân thường cũng đã đóng góp vào nền văn hoá dân tộc. Phan Phu Tiên viết về công việc sưu tầm của mình : "Không quản nông cạn, lấy điều nghe được từ trước, thấy được ngày nay, kể cả những bài hay có quan hệ đến nước nhà của nước Nam, Bắc cho đến những câu nơi hẻo lánh của thường dân, ghi lại được một số đặt tên là *Việt âm thi tập*". [...]

*

* *

Những năm còn ở Hà Nội, hay bây giờ mỗi khi có dịp trở lại thủ đô, tôi thường đến thăm Văn Miếu. Và ở đây, tôi thường dùng chân ngược nhìn lên gác Khuê Văn. Cũng không phải vì chữ Văn mà sinh ra lòng yêu ấy. Có lúc tôi đến đây vì tấm lòng nhớ nhung một cái gì trong quá khứ, ở xa văn chương, văn học. Tấm hoành có chữ của Nguyễn Nghiễm, thân phụ Nguyễn Du, những rùa đá rêu phong đỡ các bia tiến sĩ, những mặt hồ yên tĩnh, bóng cây râm mát ngả xuống những sân gạch và những con đường người xưa đã đi... giúp tôi trở về trong chốc lát, yêu và sống cái cuộc sống người xưa đã sống.

Cũng có lúc tôi đến Văn Miếu vì những lý do ngược lại. Vì những vấn đề thời sự. Giữa cái mùi thuốc súng khét lẹt, đến Văn Miếu này, thực yên tĩnh mà hít mùi hoa dại. Việt Nam là thế này ư ? Ung dung, trước mọi kẻ thù. Càng có nhiều tiếng chửi rủa cộc cằn, xấu xa đây kia trên thế giới, tôi càng thấy hết cái yên tĩnh của tâm hồn Việt Nam mỗi lúc đi giữa những đường nét, khối hình, của kiến trúc nơi này. Thấy vô vàn những thứ rần rì quý quái, ba đầu sáu tay, lộn cổ ngoẹo đầu của các thứ nghệ thuật loè người, văn hoá chộ người, kiến trúc trần áp thẩm mỹ, và tâm vóc người đầu đầu, tôi càng yêu cái đôn hậu của khu vườn Văn Miếu vừa tâm với những nét thẳng, hình vuông giản dị, với những vòng tròn hình trăng trên gác Khuê Văn.

Mỗi lần đến đây, tôi đều nghĩ : Người xưa nghĩ gì ? Bàn bạc những gì trên gác đó ? Cân bằng với thiên nhiên ở đây, kiến trúc ở đây, hẳn những suy nghĩ và luận bàn ở đây phải có tầm tương xứng thế nào ? Nhìn cái vòng tròn hình mặt trăng ở gác Khuê Văn, tôi nghĩ đến những lúc vắng trăng của thiên nhiên lọt vào vành trăng kiến trúc ; những lúc không trăng và lời bình về chơi trăng phóng khoáng của Ngô Thì Sĩ thuở nào : "Hôm nay tôi làm thơ, uống rượu, có thể thưởng trăng được chăng, vì hôm nay đã là ngày 28 tháng 8 (không trăng) ?". Rồi cũng chính cái giọng đáp không câu thúc của Ngô Thì Sĩ : "Gặp đêm thu không trăng ta vút gậy khêu trăng cất giấy mà chơi... Trời chiều tà, trở lại được buổi trưa, sao trung thu không thể trở lại được ?"...

Trên gác Khuê Văn này, hẳn là có bàn nhiều về văn học ? Văn nên bàn về nội dung, hay bàn ở lá cành ? Ngô như nghe thấy giọng nói của Nguyễn Văn Siêu. Xưa nay, tôi thường chú ý đến Cao Bá Quát mà thôi. Nào biết đâu cái lớn, cái đẹp của "thân Siêu" có thua gì "thánh Quát" ! Nguyễn Văn Siêu nói :

"Loại văn chương tốt bậc của thiên hạ, đúng là không ở trong cái giới hạn đóng mở kết cấu, nhưng mà không đóng mở kết cấu thì cũng không thành văn chương. Thăm dò cái gốc của nó, lại phải tưới tắm cái ngọn của nó, mở rộng cái nguồn của nó, lại phải buông lơi cái dòng của nó, kẻ học giả không ngại gì mà không tiến tới về các mặt này...".

Phảng phất như những propô (propos), những ý kiến của một Alanh nào đó ở Việt Nam, từ thế kỷ trước.

Cũng từ gác Khuê Văn, có thể có những học giả khác tiến tới các mặt xa hơn nữa, ở ngoài văn chương, ngôn ngữ. Ở chỗ hưởng thụ chơi bởi chẳng hạn :

*Cũng phải xơi, ngơi, cũng phải chơi
Làm người nào phải Phật lo đời...*

Ở đây, có thể nghe nhiều tiếng nói khác nhau, ở cực này, ở cực kia, của trí thức, sĩ phu một thời. Hay chính từ một người nào mà họ lật đi lật lại một vấn đề. Ngô Thì Sĩ chơi trăng lại là Ngô Thì Sĩ lo âu về một nền quốc học : "Văn thể ngày một thấp kém, nhân tài ngày một mỗi mòn. Nếu không một phần chấn chỉnh, thay đổi hẳn nếp cũ, thân e rằng trong vài chục năm nữa, sẽ rơi vào con đường ty tiện, không còn văn chương nữa...".

Chính Nguyễn Văn Siêu đã từng bàn về ngọn và gốc của văn chương khuyên ta đi tưới tắm cái ngọn, thì Nguyễn Văn Siêu lại bày cho ta cái gốc ở chỗ nào :

"Học vấn mà đi tìm ở văn chương thì không thể...

– Thế thì văn chương không đáng thờ sao ?

Xin thưa rằng : Có loại đáng thờ. Có loại không đáng thờ. Loại không đáng thờ là loại chỉ chuyên chú ở văn chương. Loại đáng thờ là loại chuyên chú ở con người...".

Từ *văn học*, người xưa đã bàn qua *nhân học*. Ở gác Khuê Văn này, các vị trạng nguyên, các ông tiến sĩ có lẽ đã sang sảng ngâm lên, đọc lên kinh sử, thi thư của các ông thánh hiền đời Đường, đời Hán xưa xưa. Nhưng chính có thể ở đây Nguyễn Hành, một trong năm người tài giỏi thời bấy giờ (An Nam ngũ tuyệt), Nguyễn Hành, "nhà thơ tư tưởng", muốn thơ mình không phải chỉ là chim hoàng oanh nhớn nhỡ, mà là chim đỗ quyên kêu ra tiếng máu. Nguyễn Hành đã dũng dạc nói rằng : "Tôi thường đọc sách của người xưa, tìm hiểu việc làm của người xưa, nói không hết lòng hâm mộ. Nhưng mơ tưởng về người xưa, sao bằng mắt thấy tai nghe về đời này ; cầu ở nước ngoài, sao bằng tìm ở nước nhà...".

Và đây là chuyện "đời này", chuyện "ở nước nhà". Tại ngay Văn Miếu. Có lẽ đúng ngay tại gác Khuê Văn, Phạm Đình Hồ (1768 - 1839) ghi chép : "Năm Giáp Thìn, Ất Tỵ đời Cảnh Hưng (1740 - 1786), ngày 1, tháng 15, bình văn ở Văn Miếu. Có một người đàn bà muốn vào xem bị đuổi, lạy từ cửa : "Chẳng hay khi xưa thánh nhân lập giáo thế nào, mà nay các quan hễ hạ ngòi bút phán đoán một lời là không kêu vào đâu được !". Người đàn bà khóc mà đi...".

Nhân dân khóc mà đi, lạy cả nón mà đi, một thứ văn chương từ chương xa dân, hại dân, một thứ văn chương bắt nguồn từ đâu đâu ấy. Từ đâu nữa ? Từ bên Tàu, từ Khổng – Mạnh, từ cái tổng kho của chế độ, tư tưởng, triết học phong kiến gộc, gốc bên Tàu ấy, chứ từ đâu ! Khi nói về tội ác của bọn xâm lược phương Bắc, người ta chỉ nghĩ đến gươm dao chúng giết hàng triệu người, lửa binh chúng đốt hàng núi sách, mà quên mất cái hệ tư tưởng phong kiến của chúng. Hệ tư tưởng ấy đã làm hao mòn, tiêu huỷ bao nhiêu tinh hoa của dân tộc chúng ta. Chính cùng một cái hệ tư tưởng phong kiến ấy mà bên Tàu thì nó đẻ ra những Vương An Thạch

"thanh miêu, trợ dịch", "khiến trăm họ mệt nhọc lắm than", bên ta thì nó để ra những ngòi bút "hạ xuống phán đoán một lời là không kêu vào đâu được".

Ngọn bút son sống thóc ở tay

Kinh luân găm một túi đầy

Đã đem Quán, Nhạc, lại ngày Y, Chu

như Nguyễn Du đã từng tố cáo...

Cái từ chương, văn hoá phong kiến độc hại mà cha ông muốn giã ra đó, khi nó hiện ra dưới dạng "kinh luân", "nam mô bồ đào găm", kể trên, cũng có khi dưới dạng "tuyết nguyệt phong hoa, mưa chiều ráng sớm" cả hai đều đến từ bên Tàu.

Vũ Khâm Lân viết : "Năm sáu mươi năm gần đây, kể trên thì dạy nó, kể dưới thì học nó, đua nhau theo dõi cái ngọn của từ chương, tia tách, chạm trở, hết mực xa hoa, cỏ biếc, trăng non thực là tinh xảo. Nhưng tìm xem có điều gì quan hệ tới quốc kế dân sinh thì tuyết nhiên vắng bóng. Lê thời thì ưa chuộng lả lướt, dần dần đi tới mất nước, mà kẻ sĩ trọng nghĩa tử tiết cũng chẳng thấy nhiều...".

Ôi, thương thay những thế kỷ vắng anh hùng !

Vũ Khâm Lân than thở văn chương đâu phải vì văn chương, mà chính vì ông sợ, trên đất nước luôn luôn cần anh hùng, luôn luôn bị đe dọa bởi đất nước bị đồng hoá này, và với một thứ văn chương nào đó thì một ngày kia sẽ có cơ nguy cái cao cả vắng bóng, những thanh gươm cứu đời vắng bóng, người anh hùng vắng bóng.

Cũng chính trong tinh thần ấy mà Ngô Thì Sĩ, sau khi báo động "thần e rằng chỉ trong vài chục năm nữa, sẽ rơi vào con

đường ty tiện không còn văn chương nữa" để đề xuất : "Kẻ đi học phải bỏ lối tâm chương trích cú mà theo đuổi học rộng biết nhiều. Bỏ kiểu văn thập thời yếu đuối mà rèn luyện phong cách hùng hồn mạnh mẽ...".

Phong cách những *Bình Ngô đại cáo*, phong cách những hồi trống nửa đêm truyền hịch.

Bỗng nhiên ta thấy dựng dậy cả cái dáng vóc hiên ngang của Cao Bá Quát. Cái vóc dáng của bản thân ông và của sự sống đã cho ông. Chuyện từ chương, văn chương đối với những người như ông thực là trò con trẻ. Ông nói về một người bạn nào đó, hay mượn cơ để nói về mình :

*Ông là người vết chân đã in khắp trên non sông muôn dặm
Cha chủ ! Làm trai như thế mới thực là khoái !
Đáng phàn nàn cho ta chỉ đóng cửa gọt giũa câu văn
Có khác chi con sâu đo muốn đo cả trời đất...
Từ khi vượt qua bể Ba Sơn
Mới cảm thấy vũ trụ là bao la
Chuyện văn chương trước đây thực là trò con trẻ !*

Lê Quý Đôn từng ca tụng sách *Ô châu cận lục* của ta. Sách ấy ghi gì ? Chuyện đời Hán, đời Đường, nước Tần, nước Sở, thấy Khổng, thấy Mạnh chăng ? Dương Văn An, thế kỷ XVI đã viết trong lời tựa sách :

"... Nhưng một câu ca hát của con trẻ, một lời khen chê của xóm làng, thánh nhân còn chép lấy, huống hồ tập sách này ghi chép đủ núi sông khúc chiết, hình thế hiểm trở, từng sản vật có lợi cho nước nhà, chiếc cầu nhà trạm có quan hệ đến chính sự, thành nào có thể chống đỡ trong ngoài, đên nào có thể ngăn trở tai họa...

đều ghi chép cả. Đến một người đàn bà có đức sang cũng chép, đến các thói dâm tục ghi chép, làm thế để nói lên lòng yêu ghét. Một kẻ sĩ có khí tiết cũng chép, đến kẻ loạn thần tặc tử cũng chép, làm thế để có ý khuyên răn...”.

Đây là người thật việc thật, đây là hiện thực của đất nước, của cuộc sống Việt Nam. [...]

Ngày 20 - 12 - 1979

(In trong *Tuyển tập Chế Lan Viên*, tập II, Sdd)

BƯỚC ĐẦU CỦA TÔI

Anh đã học viết văn như thế nào ?

Tôi sẽ trả lời gầy gọn câu ấy, nếu như một tỉnh nào khác hỏi tôi. Nhưng đây lại là của Nghĩa Bình. Tôi bối rối quá ! Quê mẹ, quê gốc tôi ở Quảng Trị. Nhưng chính là Bình Định này mà tôi đã viết bài văn đầu tiên, ra tập thơ đầu tiên. Chao ôi ! Nhớ biết bao người, bao cảnh, bao sự việc đã giúp mình nên người, nên văn ở đây ! Khéo mà tôi lại làm hồi ký mất, rồi lấm bầm đây cà ra đây muống kẻ lể linh tinh lấm thứ, quên mất cả những kinh nghiệm viết văn mà các bạn chờ.

Khó cho tôi còn ở một điểm khác : chuyện lâu quá rồi, nửa thế kỷ rồi, nhớ làm sao hết ? Tập thơ đầu tay *Điếu tàn* của tôi ra đời năm 1937, khi tôi còn là học trò thầy Ấm (cụ thân sinh ra nhà văn Phan Tứ – Lê Khâm), thầy Hảo, thầy Chí, thầy Vỹ,... năm thứ ba trường trung học Quy Nhơn. Nhưng 1936, 1935 trước đó, tôi đã có thơ đăng ở báo *Tiếng trẻ*, truyện ngắn ở báo *Khuyến học* và truyện vui nghìn chữ *Xe và xe* ở báo *Phong hoá* ngoài Hà Nội. Như thế thì

1933 - 1934 tất tôi đã quanh quất mon men đầu đấy ở bên rào, bên rìa phạm vi vườn văn học ấy. Cái gì đã đưa tôi đến địa hạt đó ? Bài văn nào đã thức tỉnh cho tôi biết cái hay của văn, rồi sau đó bắt chước làm theo như quan điểm của Arixtốt ? Ông nói : "Hai nguồn gốc của thơ thì một là bắt chước". Vậy thì tôi đã bắt chước bài văn hay nào ?

Răng sạch không bao giờ sâu

Răng sâu trông thực là xấu

Đánh răng thì phải đánh

Cả trên lẫn dưới

Cả trong lẫn ngoài.

Chả lẽ là bài văn ấy, mà giờ tôi viết dưới dạng thơ cho các bạn may ra có thể xúc động như tôi. Ngoài sáu mươi tuổi, ngoài cổ lại sau, nhớ lại cảm giác thơ đầu tiên, mối tình đầu của mình với thơ là ở phút nào, thì vẫn nhớ cái khoản sâu răng ấy. Khi đó tôi khoảng lên bảy, tám tuổi, đang học ở Điện Bàn (Quảng Nam). Thầy giáo bệnh, nghỉ. Em vợ thầy dạy thay một buổi. Chả biết làm gì, anh ấy lấy quyển giáo khoa Vệ sinh ra đọc chính tả cho chúng tôi viết. Em vợ của thầy là điều mới lạ rồi. Tiếng Huế với chúng tôi ở một huyện Quảng cũng lạ. Và cách đọc chọi chữ *sạch* (trắc) với chữ *sâu* (bằng), chọi chữ *sâu* (bằng) với chữ *xấu* (trắc)... cách anh ấy cắt đoạn *cả trên lẫn dưới* sao cho nhịp nhàng với *cả trong lẫn ngoài*... càng lạ hơn. Tổng cộng những cái lạ ấy gây cho tôi một sự phấn chấn lạ thường, thơ là gắn liền với lạ mà : Giờ đây nhớ lại vẫn còn nghe vang vang cái giọng Huế đọc bài *Răng sâu* ấy. Nhớ cả dáng anh ấy đi lại nhẹ nhàng giữa lớp học im phăng phắc. Tiếng gió ngoài sân và ánh nắng trên cửa kính nhà trường. Arixtốt nói đúng. Trong hai nguyên nhân làm thơ, theo ông, một là sự bắt chước, còn hai thì là cái này đây : lòng yêu thích nhịp điệu, yêu thích hài hoà.

Theo tôi nghĩ là những cái ngoài văn, xa văn, không phải văn có khi mở đầu cho việc yêu văn. Ở đây là một âm điệu. Biết đâu các em khác lại là một sắc núi, một mùi hương, một kỷ niệm nào đó rất vui hay đau xót. Miễn là nó đánh trúng vào tâm hồn nhạy cảm của em, mở cho em thấy một cái gì mới lạ. Và bồi dưỡng viết văn là như vậy, là bồi dưỡng từ xa và phải làm từ rất sớm, từ chỗ chưa phải làm văn mà mới chỉ là tâm trí, tấm lòng.

*

* *

Hình như tất cả các em đều trải qua một phút được chấn động, được thức tỉnh như vậy, chứ không phải chỉ có những người làm thơ. Có điều em này được đánh thức liền dậy ; em kia ngủ tiếp ; em kia nửa thức nửa dậy, không làm thơ nhưng làm thứ khác, v.v. Bồi dưỡng cho các em tức là sau khi các em được chấn động bởi tiếng vang ban đầu, ta phải tiếp tục nuôi cho các em sự rung động thường xuyên. Nuôi bằng gì ? Bằng những bài văn, cố nhiên, nhưng phải là văn hay kia, chứ không phải loại "răng sạch, răng sâu" đâu nhé ! Vì chỉ có văn hay mới đẻ ra văn hay được.

1935, Yến Lan học trên tôi hai lớp, bày cho tôi một bài của Tản Đà, nay còn lưỡng lự trong óc tôi :

Gió mùa thu. Lá vàng rụng bay. Các cậu đi học.

Áo rách thì mẹ vá. Không có áo lành thì mẹ may...

Công mẹ không đến nổi như mùa thu lá vàng rụng bay.

v.v.

Nhờ những bài thơ hay của Lạcôngơ đời Lilo viết về chiến trường, tôi viết bài *Chiến tượng*. Nhờ *Văn chiêu hồn* của Nguyễn Du, nhờ *Ác hoa* của Bôđơle, tôi viết về cái chết trong *Điều tàn vốn đã gặp nó ở bãi tha ma và ở sọ dừa trong phòng thí nghiệm nhà trường*.

Nhưng chuyện lấy văn nuôi văn, ta bàn đến sau. Một nhà thơ nước ngoài viết : "Cái chỉ là thơ thôi, giết chết thơ". Một mình thơ làm sao đẻ ra thơ được ? Nó phải kết hợp với gì chứ ? Với mảnh đất này. Các nhà báo, nhà nghiên cứu có nhiều kinh nghiệm, khi tìm hiểu một tác giả, thường cứ day đi day lại câu hỏi : "Ngày nhỏ anh sống ở đâu ?". Cho tôi biết ơn cái tháp Chàm và thành Bình Định cũ, biết ơn cái huyện lỵ An Nhơn hẻo lánh và những chuyến tàu đêm Bình Định – Diêu Trì ; biết ơn biển Quy Nhơn vỗ sóng ru tôi và ơn những rừng dừa từng rợp bóng lên tôi.

Cành dừa cao say sưa ôm bóng ngủ

chính là dừa ấy chứ còn đâu ? Tôi không theo thuyết ba chữ M – *moment* (thời gian), *mode* (phong trào), *milieu* (địa điểm) – thế kỷ thứ XIX của Pháp, nhưng tôi phải biết ơn là đã được sống ở Nghĩa Bình thời gian ấy, qua những địa danh kia. Sau này thơ tôi có day dứt về sử :

Đất nước làm thơ mà thiếu người viết sử

chính là tôi đã lớn lên trên đất sử từng lấy lòng Chàng Lía, Mai Xuân Thuồng, Quang Trung,... Trong *Điều tàn* có nói đến nỗi đau mất nước vì 1937, cùng với Nguyễn Viết Lãm, Phú Sơn, chúng tôi đã là bạn thân, là em của những người cộng sản, đặc biệt là anh Nguyễn Minh Vỹ lúc ấy là linh hồn của nhóm.

Chả lẽ lại nói là những kiểu kiến trúc đặc biệt của nhà lá mái, cửa bàn khoa Bình Định, hay cái vòng quay kiên trì triển miên của các xe nước ngoài Quảng Ngãi đã cho tôi sự chịu khó trong thơ ? Nhưng quả là những đêm hát bội ở An Vinh, các cuộc đổ giàn ở An Thái làm cho tôi yêu chất hùng tráng, sau này ta gọi là sử thi hay gì nhỉ ? Rồi đây các bạn cũng nên tổ chức lại trò đổ giàn, đó chả là Ôlempic (Olympic) của ta đấy sao ? Một cái giàn cao hàng chục mét, có con heo quay trên ấy, và dưới đất là hàng chục đoàn

võ sĩ từ Quy Nhơn, Đạp Đá lên, Bình Khê xuống, Hoài Ân, Hoài Nhơn vào, cùng với các võ sĩ An Thái, An Vinh tại chỗ đang chờ đợi. Khi con heo ném xuống là một cuộc "tỷ thí lôi đài" dữ dội để giành cho được con heo kia, dấu hiệu đoàn nào sẽ vô địch năm này. Chất hùng ca trong thơ làm sao không dính líu, cái dây đồng trong thơ, làm sao không dính líu với các cuộc đổ giàn thượng võ này ? Blácher nói khá đúng là "văn hoá đi bằng lối thẳng, còn nghệ thuật đi các lối ngoằn ngoèo". Trong *Điều tàn* có yếu tố thần bí vì tuổi trẻ tôi tìm trong tiếng tụng kinh trước bàn thờ Phật của cha tôi, và trường tôi nằm trong tầm ngân vang của chuông nhà thờ đạo Kim Châu gần đây.

Những yếu tố thần bí gặp trong đêm tuổi thơ Bình Định, khi tôi lớn lên gặp Đảng, nó không *biến* mất đi mà lại *hoá* ra thứ khác giữa ánh sáng ban ngày. Đây là các câu thơ đánh Mỹ :

... *Kinh Địa tạng xé theo súng 12 ly 7*

... *Những năm chiến tranh mặt Chúa cũng sầu thương*

... *Mặt Phật không cười cùng hoa sen nữa...*

Giữa quá khứ và hiện tại vừa có dứt, vừa có nối. Nên nối cái gì, để dứt cái gì là nhiệm vụ người viết phải lo. Nhưng quả là để tạo nên một người viết văn, cần nhiều yếu tố, nhiều chất, nhiều cảnh, nhiều tính cụ thể của cuộc đời cụ thể này, chứ chỉ văn đâu có đủ, dù cho đấy là văn hay đến tuyệt vời.

Cần, đúng rồi, nhưng sao lại phải *nhiều* ? Có nhiều mới đa dạng, phong phú. Có nhiều mới không đơn giản và đơn điệu. Có nhiều mới *tổng hợp* được chứ ít thì *tổng hợp* nổi gì ?

Marinettin nói : "Thơ là say và tổng hợp !". Arixtốt nói : "Thơ tổng hợp hơn sử, vì sử đi vào cụ thể". Do đó, thầy giáo vừa phải tạo cho các em sống được nhiều, biết được nhiều điều cụ thể, vừa phải giúp cho các em biết tổng hợp, liên hệ, khái quát, biến hoá

các cái cụ thể ấy. Vừa phát triển các giác quan, vừa tập luyện sự thao tác của tư duy.

Cao Bá Quát viết :

Mặt trời đẻ trứng gà trên vách.

Nguyễn Du viết :

Vàng trăng ai xẻ làm đôi.

Tương An viết :

Bốn dây úa máu tỳ bà.

Hàn Mặc Tử viết :

Tiếng gà gáy rụng trăng đầu hạ...

tức là không phải chỉ cảm xúc mà còn làm hoá chất giữa các cảm xúc.

Ở trên, tôi có nói tôi là học trò của thầy Hảo, thầy Ấm, thầy Vỹ, thầy Chí. Chỉ có mình thầy Hảo dạy văn. Tôi yêu văn chính nhờ không phải chỉ sự uyên bác của thầy mà cả ánh mắt ngăm cổ vũ của thầy. Nhưng không có toán của thầy Ấm, khoa học của thầy Chí, sử địa của thầy Vỹ thì làm sao tôi biết cộng sự vật này cùng sự vật kia, nghĩ rằng sự vật này có thể biến thành sự vật kia, thậm chí con tằm, là con bướm đấy thôi, sự vật này chính là sự vật kia đấy. Có được óc phân tích là nhờ các thầy, mà có được óc tổng hợp Marinettin, Arix tốt ca tụng trên kia cũng là nhờ ở các thầy, đúng hơn, nhờ ở vốn văn hoá mà các thầy truyền đạt cho tôi.

Một thuyết lớn ảnh hưởng tất cả đến nền thơ châu Âu hiện nay là thuyết Correspondances (tương giao), thuyết này có cách đây hơn 200 năm trước. Ở tiểu học Bình Định, tôi đã gặp các mùi hương, các màu sắc, các âm thanh. Nhưng về đến Quy Nhơn, khi anh Nguyễn Minh Vỹ giảng cho tôi Bôđôle thì tôi mới biết thuyết ấy, biết rằng :

Les parfums, les couleurs et les sons se répondent.

(Mùi hương, màu sắc và âm thanh tương giao cùng nhau)

Ừ, cơn rét có thể ngọt lắm chứ, màu đỏ có thể kêu vang, và tôi nghe thấy lạnh khi chiều xuống, khi gió thu về... Các cảm giác tương giao, tương hỗ.

Và giữa lúc ấy thì các thầy khoa học dạy cho tôi về chuyển hoá bảo toàn năng lượng, cơ năng biến thành nhiệt năng, nhiệt năng thành điện năng và điện năng thành ánh sáng... Những điều khô khan ấy giúp cho tôi sau này hiểu được câu của nhà triết học Nga "đá và lá cùng một chất" : yêu câu thơ Pháp "Đá và hoa là hai chặng của một tư duy" và đặt tên tập thơ của mình là *Hoa trên đá* vừa rồi, biết đâu không nằm trong mạch ấy ? Rút ra kinh nghiệm gì, hỏi các nhà thơ và các nhà giáo, các nhà giáo có thể già và các nhà thơ thường rất trẻ ? Cái kinh nghiệm này đây, là làm thơ chỉ biết có thơ thôi, không được. Làm thơ với trái tim, với chất sống, không đủ. Phải có văn hoá nữa. Quang năng không làm hại gì đến các trang thơ, và dù trang thơ viết về bóng đêm cũng nên viết nó dưới nguồn điện sáng.

16 - 8 - 1985

(In trong *Chế Lan Viên giữa chúng ta*,

NXB Giáo dục, 1999)

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
– Lời giới thiệu (Phan Trọng Thường)	5
– Chế Lan Viên (1920 – 1989)	7
– Chế Lan Viên – nhà thơ của những đỉnh cao sáng tạo (Vũ Tuấn Anh)	9

A - THƠ

ĐIỀU TÀN

– Cái sợ người	29
– Những sợi tơ lòng	30
– Ngủ trong sao	31
– Ta	33
– Trên đường về	34
– Chiến tượng	35
– Tạo lập	37
– Những nắm mồ	38
– Bóng tối	39
– Đêm tàn	41
– Hồn trời	41
– Xuân về	42
– Vo lụa	44
– Thu	45
– Tiết trinh	46
– Trăng diên	46
– Đợi người Chiêm nữ	48
– Xuân	49
– Cõi ta	49
– Mơ trăng	50

CÁC BÀI THƠ SAU ĐIỀU TÀN

– Chiều	51
– Thu	52
– Chiều tin tưởng	53
– Trưa đơn giản	54

GỬI CÁC ANH

– Gửi mẹ trong vùng giặc chiếm	55
– Bữa cơm thường ở trong bản nhỏ	57
– Chào mừng (Trích)	58

ANH SÁNG VÀ PHÙ SA

– Nhớ Bế Văn Đàn	60
– Thư mùa nước lũ	60
– Nhớ Việt Bắc	61
– Mẹ	61
– Toán	61
– Hai câu hỏi	62
– Đi thực tế	62
– Xóm cũ	62
– Trăng	63
– Trưa	63
– Tiếng hát con tàu	63
– Chim lượn trăm vòng	66
– Đọc <i>Kiều</i>	69
– Khi đã có hương rổi	71
– Nghĩ về thơ	72
– Vàng của lòng tin	72
– Nay đã phù sa	73
– Giữa Tết trồng cây	74
– Đi ra ngoại ô (Trích)	77
– Tình ca ban mai	80

- Ý nghĩ mùa xuân	81
- Nhật ký một người chữa bệnh	82
- Ngoảnh lại mùa đông	87
- Kết nạp Đảng trên quê mẹ	89
- Ngoảnh lại mười lăm năm	92
- Người đi tìm hình của nước	98
- Cảnh phong lan bể	101

HOA NGÀY THƯỜNG - CHIM BÁO BÁO

- Nhớ	106
- Chim vít vít	106
- Con cò	108
- Đi trong hương chùa Hương	110
- Người thay đổi đời tôi - Người thay đổi thơ tôi	112
- Ở đâu ? Ở đâu ? Ở đất anh hùng	115
- Cái hăm chông giản dị	117
- Nhớ em nơi huyện nhỏ	120
- Sao chiến thắng	121
- Bé Thẩm đàn	124
- Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng ?	126
- Hoa những ngày thường	129
- Gửi <i>Kiều</i> cho em năm đánh Mỹ	131
- Con mắt Bạch Đằng - con mắt Đống Đa	133
- Nghĩ về thơ (Trích)	135

ĐỐI THOẠI MỚI

- Chơi chữ về ngô Tạm Thương (tức Tạm Sương)	137
- Hoàng thảo hoa vàng	138
- Lòng anh làm bến thu	138
- Rét đầu mùa nhớ người đi phía bể	138
- Chim biếc Vĩnh Linh	139
- Hoa gạo sơn	139

– Hoa thảng ba	139
– Hoa lau trắng	140
– Lau mùa thu	140
– Búp lộc vừng	140
– Thời gian và nỗ lực	141
– Nội dung và hình thức	141
– Tuỳ bút một mùa xuân đánh giặc (Trích)	141
– Từ đất đến bình	145
– Nghĩ về nghề, nghĩ về thơ, nghĩ... (Trích)	147
– Số tay thơ (Trích)	150

NHỮNG BÀI THƠ ĐÁNH GIẶC

– Thời sự hè 72, bình luận (Trích)	154
------------------------------------	-----

HOA TRƯỚC LĂNG NGƯỜI

– Hoa mọc trong vườn của Bác	159
– Ta nhận vào ta phẩm chất của Người	159

HÁI THEO MÙA

– Hoa súng hồng	162
– Quê và hương sơ tán	163
– Hoa gạo sơn	163
– Canh cá tràu	163
– Tập qua hàng	164
– Chân trời	164
– Trang giấy	164
– Ra hoa và đậu củ	165
– Vòng cườm trên cổ chim cu	165
– Tương quan	166
– Ngày vĩ đại (Trích)	167

HOA TRÊN ĐÁ

- Đẻ từ	172
- Còn Sơn	174
- Lau biên giới	175
- Hoa trắng đỏ	175
- Hiện đại	175
- Bể	176
- Sen Huế	176
- Tứ tuyết	176
- Màu	177
- Người thợ chạm	177
- Mùa đậu quả	177
- Nghe hết câu chèo	178
- Hoa súng tím	178
- Chùa nghèo	179
- Ví với dòng sông	182
- Dã tràng có ích	182
- Vàm Cỏ Tây	182
- Thơ bình phương - Đời lập phương (I) (Trích)	183

TA GỬI CHO MÌNH

- Giặt mình	189
- Gió đầu mùa	189
- Mùa ve	189
- Thơ bình phương - Đời lập phương (II) (Trích)	191

DI CẢO THƠ (I)

- Hồi ký bên trang viết	195
- Lệ hồi âm	197
- Viên Tĩnh Viên	197
- Thời gian nước xiết	198
- Nhà không trần	199

- Xâu kim	200
- Mất giá	201
- Bình đưng lệ	202
- Tháp Bayon bốn mặt	203
- Rối cạn và rối nước	203
- Sương trên cành	204
- Hoa giấy	204
- Kỷ niệm Nguyễn Du	205
- Nghề của chúng ta	205
- Bộ ba	206
- Cờ lau Đình Bộ Lĩnh	207
- Lộn trái	208
- Thơ cầm tay	210
- Đà đao	210
- Đối thủ của voi	211
- Đo	211
- Hoa chạc chiu	212
- Hương tình nhỏ	212
- Thơ về thơ (II)	213
- Nhớ ơn	218
- Chim đảo	218
- Việc gì ? Việc gì ?	218
- Tu hú có cần đâu ?	219
- Tiếng ve	220
- Gởi	221
- Đối đời	221
- Đông Kysốt	222
- Tiếng vang	223
- Nợ	224
- Giọng trầm	225
- Hai chiều	225
- Hỏi ? Đáp !	225
- Vua	226

- Gió lật lá sen hồ	227
- Thời thượng	228
- Lò thiêu	229
- Về Tả Thanh Oai	230
- Từ thế chi ca (1)	232
- Ai ? Tôi !	233
- Tìm đường	234

DI CẢO THƠ (II)

- Lại lá bàng	235
- Đàn bầu	236
- Chiều châu Âu	236
- Nửa chùng cầu	237
- Nhớ tuổi thơ	237
- Cảnh diên viên	238
- Lá bàng rơi	238
- Cầu nguyện	239
- Bom và trăng	239
- Đẻ tài	240
- Chung số phận	240
- Như cốm mùa thu	241
- Tháp cao tầng	241
- Khi cây chết	242
- Sùi tăm	242
- Tìm trầm	243
- Lệ ngọc	244
- Hoa súng	244
- Lau	245
- <i>Kiểu</i>	245
- Hối lá	246
- Lông nga máu	247
- Chữa lạnh	248
- Môđéc	248

- Phê bình	248
- Để lại	249
- Cuối	250
- Cũ, mới	250
- Đoạn cuối thế kỷ	251
- Một thời	251
- Mùa thu quân	252
- Không bao giờ	253
- Cây bàng	253
- Một người thường	254
- Nơi kia	255
- Con nhặng xanh	256
- Chuẩn bị đi	257
- Quả bàng vàng	260
- Rồi ta sẽ lạ nhau	260
- Cho và trả	261
- Dừng ngân càn	261
- Dừng tuyệt vọng	261

DI CẢO THƠ (III)

- Tôi viết cho người...	262
- Hội An	263
- Bị lừa	265
- Ngày trống không	265
- Từ thế chi ca (II)	266
- Châm ngôn	267
- Về quê cũ	268
- Đánh bài	269
- Một lần	269
- Đạo diễn	270
- Sau anh	270
- Định nghĩa dân tộc	271
- Hái trên trời	273

- Nhạc (II)	274
- Số phận	275
- Hoa trắng	275
- Bàng năm khác	275
- Tro và lửa	276
- Những câu thơ	276
- Họ	276
- Thúc	277
- Có kịp không ?	278
- Ra - vào	279
- Đứng đi chân đất	280
- Xoi lỗ	281
- Vẫn	281
- ... Và chữ	281

B - VĂN XUÔI - TIỂU LUẬN

- Đêm giao thừa	282
- Vàng sao đêm tin tưởng	289
- Cảnh xưa trong đời mới (Trích)	296
- Từ thung lũng đau thương ra cánh đồng vui	307
- Nền văn hoá từ cuộc sống	317
- Sen của loài người	322
- Làm cho tiếng nói trong sáng, giàu và phát triển	330
- Nguyễn Du hay lòng một người anh	339
- Tố Hữu là một nhà thơ có lý tưởng	344
- Hàn Mặc Tử, anh là ai ?	351
- Từ gác Khuê Văn đến quán Trung Tân	357
- Bước đầu của tôi	372

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập NGUYỄN QUÝ THAO

Biên tập và sửa bản in :

KHÚC HOA PHƯỢNG

Trình bày bìa :

VĂN SÁNG

Chế bản :

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ VÀ PHÁT HÀNH SÁCH GIÁO DỤC

CHẾ LAN VIÊN - TÁC PHẨM CHỌN LỌC

Mã số: 8V724H9 - CPH

In 3.000 bản (QĐ 27), khổ 14,3 x 20,3cm, tại Cty Cổ phần

In Gia Định, số 9D Nơ Trang Long, Q.BT, TP.HCM.

Số xuất bản: 90-2009/CXB/98-82/GD.

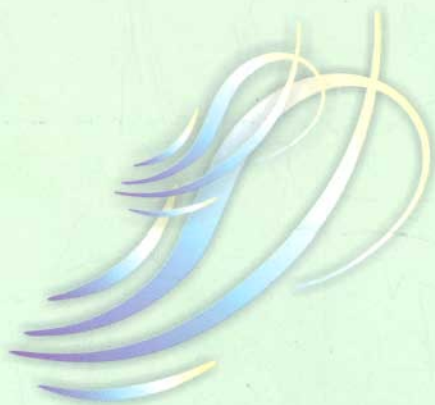
In xong và nộp lưu chiểu tháng 7 năm 2009.



VƯƠNG MIỆN KIM CƯƠNG
CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ

CHẾ LAN VIÊN

TÁC PHẨM CHỌN LỌC



8 934980 974315



Giá: 40.000đ